VÕ THẾ HÒA

TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
PL 2566 - DL 2022

VÕ THẾ HÒA

TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

VÕ THẾ HÒA

TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma Sambuddhassa

(Thành kính đảnh Lễ Đức Thế Tôn, bậc A-La-Hán, đấng Chánh Biến Tri)

Tứ Thánh Đế Là Tối Thượng

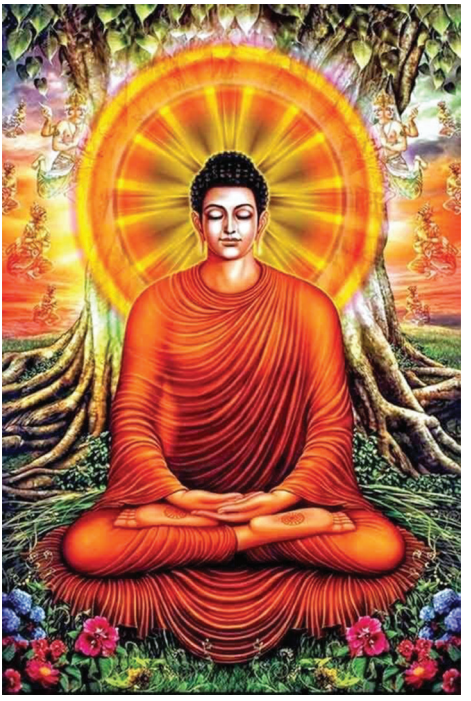

Võ Thế Hòa biên soạn

Kinh Lá rừng Simsapa

1.I. Simsapà (S.v,437)

1) Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại rừng Simsapà.

2) Rồi Thế Tôn lấy tay nhặt lên một ít lá Simsapà, rồi bảo các Tỷ-kheo:

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá Simsapà mà Ta nắm lấy trong tay, hay lá trong rừng Simsapà?

- Thật là quá ít, bạch Thế Tôn, một ít lá Simsapà mà Thế Tôn nắm lấy trong tay, và thật là quá nhiều lá trong rừng Simsapà.

3) - Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thắng trí mà không nói cho các Ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra!

4) Nhưng tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại không nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta không nói lên những điều ấy.

5) Và này các Tỳ-kheo, điều gì mà Ta nói? "Đây là Khổ", này các Tỳ-kheo, là điều Ta nói. "Đây là Khổ tập", là điều Ta nói. "Đây là Khổ diệt", là điều Ta nói. "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", là điều Ta nói.

6) Nhưng tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy liên hệ đến

mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.

7) Do vậy, này các Tỳ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

(Trích từ Kinh Tương Ưng 5 - Đại Phẩm - Tương Ưng Sự Thật)

LỜI GIỚI THIỆU

Tôi xin hân hạnh và trân trọng giới thiệu tác phẩm Tứ Thánh Đế Là Tối Thượng của tác giả Võ Thế Hòa đến chư Tăng, Ni và các Phật tử xa gần.

Đây là công trình nghiên cứu và ứng dụng giáo pháp Tứ Thánh Đế trong đời sống hằng ngày của tác giả. Tác phẩm góp phần làm phong phú kho tàng Phật học Việt Nam.

Tôi đã khai thác tài liệu bậc I, tài liệu cổ xưa, tài liệu gốc và giới thiệu đến độc giả. Tôi rất hoan hỷ với những trích dẫn những lời dạy nguyên thủy của Đức Phật trong kinh tạng Pāḷi về Tứ Thánh Đế, đây là giáo lý cốt lõi của Phật giáo.

Người tu hành phải chứng ngộ Tứ Thánh Đế mới thành tựu Đạo Quả giải thoát Niết Bàn. Người muốn thành tựu Đạo Quả giải thoát Niết Bàn phải tu tập Tứ Thánh Đế hằng ngày như bài Kinh Niệm Xứ trong Kinh Trung Bộ đã dạy:

"Iti dukkhaṃ pajānāti, Iti dukkha samudayaṃ pajānāti, Iti dukkha nirodhaṃ pajānāti. Iti dukkha nirodhagāmininī patipadāṃ pajānāti".

(Vị ấy biết đây là khổ, vị ấy biết đây là nguyên nhân của khổ, vị ấy biết đây là sự diệt khổ, vị ấy biết đây là con đường đưa đến sự diệt khổ.)

Xin tán thán công đức tu tập và nghiên cứu Kinh Tạng Nikāya của tác giả, cũng như phổ biến những lời dạy trí tuệ của Đức Phật đến với mọi người và các học viên, các cộng sự để xuất bản tác phẩm này.

Xin cầu nguyện phước lành đến tác giả, gia đình cùng các học viên Phật tử.

Đồi Lá Giang 17-2-2021
Hòa Thượng Thích Bửu Chánh
Trụ Trì Thiền Viện Phước Sơn

DẪN NHẬP

Nhắn nhủ đến những ai được tặng cho cuốn sách **"Tứ Thánh Đế là tối thượng"**.

Sách này viết chỉ toàn là những ký tự a, b, c, d, v.v... Từ những văn tự này để chứng nghiệm được sự thật rất khó. Tôi xin chia sẻ những kinh nghiệm đã học được từ các triết gia như Trang Tử, Krishnamurti, Khổng Tử, Lão Tử.

Trang Tử có viết:

"Có nơm là vì cá,
Đặng cá hãy quên nơm"

"Có dò, là vì thỏ
Đặng thỏ hãy quên dò"

"Có lời, là vì ý,
Đặng ý, hãy quên lời"

"Ta tìm đâu đặng người biết
Quên lời, hầu cùng nhau đàm luận!"

(*Trang Tử Nam Hoa kinh* dịch bởi Nguyễn Duy Cần)

Tôi hiểu và đã áp dụng những câu văn trên từ 1975 cho đến nay. Khi học gì cần đạt ý quên lời vô cùng khó nên kiên nhẫn và cần suy tư lâu ngày mới hiểu được, không có việc ngủ một đêm sáng ra giác ngộ.

Triết gia Krishnamurti cho rằng Open mind (tâm rộng mở) sẽ đón nhận những luồng gió mới. Tôi đã áp dụng open mind xuyên suốt từ 1973 đến nay. Tôi có thể đọc kinh sách Bắc Tông, Nam Tông, Lão Trang, Khổng, Kinh dịch, Tử vi, Cao Đài, Hòa Hảo v.v... mà không dính mắc vào một truyền thống nào cả. Trải qua suốt bốn mươi bảy năm đi tìm hiểu và cuối cùng tôi thấy chân lý trong năm bộ Kinh Nikaya chính do đức Phật Gotama đã thuyết.

Năm 1976, nhờ đọc cuốn Khổng học của Khổng Tử, tôi được biết rằng người thông minh học một lần thì bằng người dốt học mười lần. Tôi luôn thấy mình dốt và cố gắng học nhiều hơn nữa để bằng người thông minh và tôi đã áp dụng điều này từ năm 1976 cho đến nay.

Trong Đạo Đức kinh, Lão Tử có viết "Trí giả bất ngôn, ngôn giả bất tri". Có nghĩa là biết thì không nói và nói thì không biết.

Người học Phật biết rõ Tứ Thánh Đế không cần diễn dịch nhiều ngôn từ, nếu còn dùng ngôn từ diễn đạt bốn chân lý vì chưa thấy sự thật.

Từ năm 2009 đến năm 2021 tôi đã nghe và đọc năm bộ kinh Nikaya. Trong suốt mười một năm qua, bản thân tôi đã có nhiều trí tuệ được phát sanh nhờ học và hành trì năm bộ kinh này.

Tôi khi xưa đã đọc câu chuyện *Người mù sờ voi* trong cuốn *Cổ học tinh hoa* vào những ngày đầu đến Sài Gòn. Khi đọc kinh Tiểu bộ một, tôi đã thấy câu chuyện *Người mù sờ voi*. Điều này chứng tỏ ông bà tổ tiên xưa đã được tiếp cận kinh Phật từ rất lâu. Nếu ai muốn phát triển trí tuệ nên dành nhiều thời gian đọc năm bộ Kinh Nikaya vì túi khôn của loài người nằm ở năm bộ Kinh Nikaya mà ít ai biết. Tôi đã trải qua mười

một năm học không biết mệt, không biết chán trong thời gian dài, do vậy mà đã được nhiều lợi lạc, trí tuệ phát sanh từ việc học và hành trì kinh.

Phần I phân tích chuyên sâu Tứ Thanh Đế của cuốn sách này nói về khổ và nguyên nhân khổ. Trong phần này hành giả cần chứng nghiệm duyên Thức, duyên Lục Nhập, duyên Xúc, duyên Thọ, duyên Ái và duyên Vô minh. Nếu không chứng nghiệm được dù có đọc vạn cuốn kinh cũng chỉ là huyền thoại thôi.

Chúc mừng những học viên lớp chứng ngộ Tứ Thánh Đế đã gieo được những hạt giống Tứ Thánh Đế, Lý Duyên khởi, Bát Thánh đạo. Những hạt giống này sẽ phát triển và trổ quả dị thục trong tương lai. Nếu tương lai có những học viên mới muốn theo học lớp chứng ngộ Tứ Thánh Đế cũng sẽ được gieo vào tâm quý vị những hạt giống giải thoát và chấm dứt khổ đau trong đời này hoặc đời sau. Ngoài hạt giống Tứ Thánh Đế ra, sẽ không có những hạt giống nào khác giúp quý vị thoát khỏi sanh tử, luân hồi.

Tôi không hy vọng quý vị hiểu được hết những gì tôi muốn trình bày trong sách. Tuy nhiên, những hạt giống Tứ Thánh Đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo sẽ gieo trong tâm quý vị và phát triển trong vị lai.

Quý vị nào có thắc mắc về những nội dung cuốn sách này hay những lời kinh trích dẫn có thể email hay vào google meet cho tôi để làm sáng tỏ. Chúc quý vị thành công khi đọc tập sách này.

Tác giả

LỜI MỞ ĐẦU

Trong quá trình nghiên cứu năm bộ Kinh Nikaya: Kinh Tiểu Bộ, Kinh Trung Bộ, Kinh Trường Bộ, Kinh Tương Ưng Bộ, Kinh Tăng Chi Bộ. Tôi đã khám phá ra rằng Kinh Trung Bộ và Kinh Tương Ưng Bộ đã cho biết những cốt lõi của Đạo Phật. Đặc biệt là Kinh Chuyển Pháp Luân và Định Lý Duyên khởi trong Kinh Tương Ưng Bộ. Người học Phật cần nghe và suy tư nhiều lần về Kinh Tương Ưng Bộ và Kinh Trung Bộ. Tuy nhiên trong Đạo Phật có quá nhiều kinh sách do hậu thế sáng tác, người học Phật rất khó biết tu những phương pháp nào để thoát khỏi tam giới. Như vậy tam giới là gì?

Thế giới mà chúng ta đang sống cứ quanh quẩn ba cõi sau đây:

1. Cõi dục giới

Chư Thiên sống trong sáu cõi trời dục giới do làm những nghiệp thiện trong khi sống ở cõi người. Như vậy để được sinh vào sáu cõi trời dục giới này, người học Phật cần phải tu để thành tựu năm giới hoặc bát quan trai giới, hoặc thập thiện. Do lúc sống ở nhân gian đã tạo các thiện pháp như vậy nên sẽ được sanh vào các cõi trời thuộc cõi dục để hưởng thiên lạc lâu dài và khi thân hoại mạng chung sẽ rớt xuống ba đường ác: Địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh.

Loài người đang sống trên trái đất do quá khứ đã thực hành năm nghiệp thiện: Không sát sanh, không nói láo, không trộm

cắp, không tà dâm, không uống rượu bia và không sử dụng chất say. Loài người có cả hạnh phúc và đau khổ.

Loài ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục do thực hành nghiệp ác như sát sanh, nói láo, trộm cắp, tà dâm, uống rượu bia, tham, sân, si. Loài địa ngục, loài ngạ quỷ toàn là đau khổ, loài bàng sanh có một ít hạnh phúc, còn đa số là khổ đau.

2. Cõi sắc giới

Có 15 tầng trời thuộc về cõi sắc giới và chúng sanh sống ở cõi này toàn là hỷ lạc.

Chúng Phạm Thiên do tu Thiền định tức là tu ly dục hoàn toàn sẽ sanh vào cõi sắc giới. Cõi này toàn là hỷ lạc không có khổ nhưng hưởng hết phước sẽ rớt xuống cõi dục đau khổ tiếp, còn những đệ tử Như Lai chứng bậc Thánh Bất Lai sau khi hưởng hết tuổi thọ cõi trời sắc giới này sẽ nhập Niết Bàn.

3. Cõi vô sắc giới

Có 4 cõi trời do tu thiền án xứ sẽ được sanh vào. Cõi này chỉ có lạc mà không có khổ nhưng sau khi hưởng hết tuổi thọ sẽ luân hồi lại vào hai cõi kia.

Dục giới, sắc giới, vô sắc giới do nghiệp tái sanh vào. Chúng ta biết điều này nhờ Đức Phật có Thiên Nhãn Minh đã nói ra nên chúng ta biết. Như vậy tu pháp gì để thoát ra khỏi tam giới?

Duy nhất Đức Phật biết tu pháp gì ra khỏi tam giới. Đa số những người học Phật đã đi vào khu rừng kinh điển Phật giáo để tìm một pháp môn nào đó mà tu mong thoát khỏi tam giới. Có những người học Phật khi vào rừng, mỗi người nhặt lấy nhiều nhánh lá về tu và nghĩ rằng chúng là chánh pháp nên tu theo mà không có kết quả.

Có một bài kinh xác quyết rằng chỉ có những chiếc lá nắm trong bàn tay của đức Phật có thể giúp chúng sanh thoát khỏi tam giới còn vô số những chiếc lá khác trong rừng không đưa đến Niết Bàn. Tôi xin trích dẫn bài kinh này trong Kinh Tương Ưng 5 - Phẩm IV. Phẩm Rừng Simsapà viết như sau:

"1.I. Simsapà (S.v,437)

1) Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại rừng Simsapà.

2) Rồi Thế Tôn lấy tay nhặt lên một ít lá Simsapà, rồi bảo các Tỷ-kheo:

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá Simsapà mà Ta nắm lấy trong tay, hay lá trong rừng Simsapà?

- Thật là quá ít, bạch Thế Tôn, một ít lá Simsapà mà Thế Tôn nắm lấy trong tay, và thật là quá nhiều lá trong rừng Simsapà.

3) Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thắng trí mà không nói cho các Ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra!

4) Nhưng tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại không nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta không nói lên những điều ấy.

5) Và này các Tỳ-kheo, điều gì mà Ta nói? "Đây là Khổ", này các Tỳ-kheo, là điều Ta nói. "Đây là Khổ tập", là điều Ta nói. "Đây là Khổ diệt", là điều Ta nói. "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", là điều Ta nói.

6) Nhưng tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.

7) Do vậy, này các Tỳ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt"

Có những người học Phật đã hiểu sai bài kinh này và cho rằng Trí tuệ Đức Phật nhiều như lá rừng nhưng chưa nói ra vì căn cơ còn thấp nên chỉ dạy nắm lá trong tay trước còn những chiếc lá trong rừng sẽ thuyết giảng thuyết về sau. Đây là lý do về sau hậu thế sáng tác những kinh sách không do Đức Phật thuyết nên không còn có nhiều vị chứng Thánh là vậy.

Mặc dù những gì Đức Phật đã dạy rất đơn giản lúc ban đầu nhưng những người học Phật về sau đã giải thích và thêm vào những lời dạy lúc ban đầu nên dẫn đến sai lệch nhiều. Nhất là người học Phật sống thế kỷ 21 đã hiểu sai và không thực hành được. Tôi dựa vào Định Lý Duyên khởi có thể chứng minh điều vừa nói ở trên.

Lục nhập (sáu nội xứ nhập sáu ngoại xứ) ➢ Sáu thức hiện tại ➢ Xúc ➢ Thọ ➢ Ái ➢ Thủ (dục thủ, kiến thủ, ngã luận thủ, giới cấm thủ).

Điểm đứng hay tọa độ của con người bắt đầu từ khi lọt khỏi bụng mẹ mà ít ai biết. Chính là điểm khởi đầu mà con người thâu vào các cảnh đưa vào tâm qua sáu giác quan để hình thành sáu cái biết. Nếu không nhận ra sự hiểu biết của con người do đâu mà có thì không thể nào biết được sự chấp thủ đã hình thành từ khi chúng ta trưởng thành.

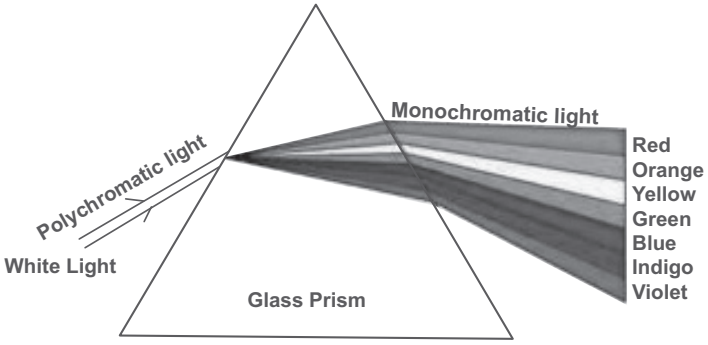

Có thể ví dụ bốn thủ như cái lăng kính (hình dưới), khi chúng ta trở thành người lớn khôn mà học Kinh Nikaya giống như tia sáng trắng qua lăng kính biến thành bảy màu, không còn nguyên ánh sáng trắng ban đầu. Do vậy ngày nay có Kinh Nikaya dịch Việt mà không có mấy người học Phật thấu hiểu rốt ráo là do sự chấp thủ đã hình thành từ lúc mới sanh cho đến khi trưởng thành.

Hình lăng kính minh họa như là bốn thủ và những gì chúng ta học những lời Kinh Nikaya như là tia sáng trắng khi qua lăng kính (bốn thủ) sai với lời đức Phật dạy rất nhiều.

Như trong bài kinh Chuyển Pháp Luân có một đoạn kinh rất đơn giản mà người học Phật về sau hiểu sai và không tu tập vì sự chấp thủ qua nhiều thế hệ vì do lăng kính chấp thủ.

"Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn."

Đoạn kinh trên ví như ánh sáng trắng tức là nguyên thủy nhưng qua lăng kinh chấp thủ của người học Phật biến thành xanh, vàng, đỏ, tím v.v... Người học Phật suy diễn ánh sáng trắng thành vàng hay đỏ v.v... nên sai và không thoát khổ được.

Đức Phật đã khám phá ra Thánh đạo Tám ngành giúp chúng sanh hết khổ và người học Phật cần phải tu tập sẽ đưa đến Niết Bàn. Do suy diễn qua lăng kính chấp thủ đã sáng chế ra pháp môn này, pháp môn kia ví như màu vàng, màu đỏ, màu xanh v.v... mà bỏ quên không tu Bát Thánh đạo.

Chúng ta đã sanh ra vào thế kỷ này do phước báu về giải thoát quá nhỏ nhưng phước báu vật chất quá lớn. Vì lý do này nếu có ai đi rao giảng Tứ Thánh Đế là Tối Thượng cũng không có được hưởng ứng nhiều. Tất cả do nghiệp đời trước có tà kiến quá nhiều so với chánh kiến. Dù biết vậy, tôi cũng cố gắng viết ra những gì quan trọng nhất trong năm bộ kinh Nikaya cho những ai hữu duyên còn không có duyên vì nghiệp quá khứ của họ tạo thành, chẳng phải do ai cả.

Lần tái bản này, tôi sẽ bổ túc thêm Quả Khổ/Lạc hiện tại sanh ra nghiệp mới để giúp người học Phật cần tìm hiểu cho rốt ráo về quả khổ/lạc hiện tại để không sanh khởi nghiệp mới thì tương lai không có quả khổ/lạc nữa. Tôi cũng giải thích rõ về Đạo đế nhằm giúp người học Phật biết cách tu tập và không còn nghi ngờ về đạo đế nữa.

NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC HỌC PHẬT PHÁP

Đa số kinh Phật bằng tiếng Việt ngày nay dịch từ tiếng Hán hoặc có một số kinh sách dịch từ tiếng Anh. Tuy nhiên số lượng kinh sách nhiều không quan trọng, mà quan trọng hơn kinh sách đó có thực sự do Đức Phật thuyết hay do người đời sau sáng tác.

Sau khi đã nghiên cứu nhiều kinh sách Đại thừa và năm bộ Kinh Nikaya. Tôi nhận thấy Đức Phật dạy rất đơn giản do khó thực hành nên người học Phật đời sau đã sáng tạo ra nhiều lý luận và nhiều cách tu tập khác nhau dẫn đến việc hành giả khó chứng ngộ Niết Bàn và phải luân hồi trong tam giới. Có nhiều lý do khiến người học Phật không hiểu lời Đức Phật dạy như:

Việc phân biệt kinh nào là do Đức Phật thuyết là vấn đề rất khó cho những người học Phật Pháp ngày nay. Có một số người không chứng nghiệm nhưng vẫn đi rao giảng những điều Đức Phật không dạy, họ sẽ phạm tội phá hòa hợp Tăng. Vì vậy, những ai đi giảng Phật Pháp cần cẩn trọng tìm hiểu kỹ và chứng nghiệm những lời Đức Phật dạy trước khi đi giảng.

Kinh Nikaya ngày xưa chỉ truyền tụng bằng âm thanh trong một thời gian khá lâu trước khi được viết trên Lá Bối. Những danh từ Phật Pháp thường khó hiểu, vì vậy những người học Phật Pháp về sau dùng cái tưởng của họ để diễn dịch nên những danh từ chế định sai rất nhiều.

Do việc dịch kinh Phật từ tiếng Hán và tiếng Paḷi sang tiếng Việt thời xưa còn nhiều hạn chế, nên khi dịch ra tiếng Việt có một số đoạn kinh rất khó hiểu và sai lệch làm cho sự hiểu kinh Phật càng khó khăn hơn. Bên cạnh đó một số dịch giả sử dụng những danh từ tiếng Việt để dịch kinh từ tiếng Hán hay tiếng Pali mà không dựa trên quy chuẩn nào nên người học cũng tùy theo những danh từ đó mà hiểu theo cách nào cũng đúng.

Một số người giảng những danh từ chế định về 12 Nhân duyên, về Bát Thánh đạo tự suy diễn về những từ này mà không tìm hiểu kỹ kinh điển nên đã giảng sai lời Đức Phật dạy khiến người học Phật không chứng nghiệm được.

Rất nhiều người học kinh Phật mà không chứng nghiệm những điều Đức Phật đã dạy trong kinh, họ chỉ thuần túy tin vào những từ ngữ đó và không cần kiểm chứng chúng biểu thị cái gì và có thật trong cuộc sống hiện tại hay không?

Ngôn ngữ là những âm thanh. Đây là một phương tiện truyền đạt giữa con người với con người để hiểu nhau do loài người quy ước đặt ra. Người xưa đã chuyển ký hiệu âm thanh thành ký tự viết trên Lá Bối vào khoảng 500 năm sau khi Đức Phật diệt độ và viết trên giấy ngày nay. Đây cũng là một dạng truyền thông giữa con người với con người qua ký tự để hiểu nhau. Vì vậy, người học cần phải đạt ý quên lời hoặc phải chứng nghiệm những lời đó chứ không nên ôm văn tự tụng đọc suốt ngày, điều này chẳng đem lại ích lợi gì. Người học kinh cần phải biết ngôn từ trong kinh dùng để biểu thị một vấn đề có thật, vì vậy họ phải biết quên lời để thấy cái thật đó.

Ví dụ, từ Khổ biểu thị sự thật về khổ, người học cần chứng nghiệm cái khổ chứ không nên tụng đọc ra rả về chữ Khổ mà

không hiểu về khổ, điều này sẽ không đem lại ích lợi gì cho người học.

Phật tử Việt Nam được biết đến năm bộ Kinh Nikaya do hòa thượng Thích Minh Châu dịch được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành năm 1991. Để học, hiểu và chứng nghiệm kinh cần một thời gian rất dài. Nếu người học dành thời gian ít thì sẽ khó mà thấu hiểu và chứng nghiệm được. Rất nhiều người học Phật Pháp không nhận ra duyên Lục nhập rất quan trọng nên không nhận biết sự nguy hiểm khi mắt nhập kinh sách, tai nhập những bài giảng trên YouTube, Facebook v.v... vì những gì nhập vào sẽ sanh ra khổ về sau theo tiến trình 12 Nhân duyên. Vì vậy, người học phải cần kiểm chứng những thông tin thâu qua mắt, qua tai có đúng hay không, nếu không kiểm chứng thì hậu quả không lường trước được.

Người học Kinh Nikaya không dễ dàng để hiểu, vì vậy cần phải tìm các danh từ có định nghĩa rõ ràng để học thuộc và tìm các bài kinh có ví dụ thì có thể hiểu và cuối cùng cần chứng nghiệm những từ ngữ mà đã có định nghĩa chứ không phải ngồi tưởng về những từ ngữ trong kinh. Hơn nữa, đọc một bài kinh cần đạt ý quên lời chứ không nên bám vào những lời mà không đạt ý chính của kinh sẽ không có kết quả.

Có nhiều lý do cản trở người học Phật ngày nay không chứng được bậc Thánh mặc dù kinh sách khá nhiều và có nhiều bài giảng của nhiều vị giảng sư nổi tiếng khắp nơi. Trải qua hơn 13 năm nghiên cứu và suy tư về năm bộ Kinh Nikaya, tôi đã nhận ra rằng bài kinh Tứ Thánh Đế là con đường duy nhất để chứng được Lậu Tận Minh. Do bài kinh này được Đức Phật thuyết cho những vị có căn cơ cao sau khi các vị đã trải qua việc bố thí, trì giới, các cõi trời, thiền định rồi mới được nghe

Ngài thuyết Tứ Thánh Đế sau cùng. Bài kinh này rất quan trọng, tuy nhiên có một số người học Phật pháp không rốt ráo đã vô tình hạ thấp Tứ Thánh Đế xuống chỉ dành cho những vị nào có trình độ thấp học trước, chờ đến thời kỳ cuối Đức Phật thuyết giảng những Pháp cao siêu hơn. Theo tôi, đó là những suy nghĩ rất sai lầm.

MỘT SỐ BÀI KINH LIÊN HỆ TỨ THÁNH ĐẾ

Người học Phật pháp hãy đọc và suy tư bài Kinh Chuyển Pháp Luân mà Đức Phật đã thuyết. Nếu như một ông vua khi ra lệnh thì sẽ có tầm ảnh hưởng trong cả nước, còn một ông tỉnh trưởng ra lệnh thì uy quyền chỉ có tầm ảnh hưởng trong tỉnh đó thôi. Kinh Chuyển Pháp Luân có uy lực vô cùng lớn và có khả năng giúp chúng sanh thoát khỏi tam giới.

Trong Kinh Tương Ưng 5 - Tương Ưng Sự Thật - II. Phẩm Chuyển Pháp Luân viết:

11. I. Như Lai Thuyết

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Bàranasi, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

2) Tại đấy, Thế Tôn bảo chúng năm Tỳ-kheo:

- Có hai cực đoan này, này các Tỳ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai?

3) Một là đắm say trong các dục (kàmesu), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỳ-kheo, là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác,

tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỳ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung đạo, này các Tỳ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

5) Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỳ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

6) Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỳ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

7) Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

8) Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

9) Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh,

quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

10) Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

11) Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

12) Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

13) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các Tỳ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác.

14) Và cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri

kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạn thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

15) Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỳ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, Tôn giả Kondanna khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cấu uế như sau: "Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt".

16) Và khi Pháp luân này được Thế Tôn chuyển vận như vậy, chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời".

17) Sau khi được nghe tiếng chư Thiên ở cõi đất, Tứ đại Thiên vương thiên lên tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời".

18) Sau khi được nghe tiếng của chư Thiên ở Tứ đại Thiên vương thiên, thời chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba... chư Thiên Yàmà... chư Thiên Tusità... chư Hóa lạc thiên... chư Tha hóa tự tại thiên... chư Thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở đời".

19) Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư Thiên.

20) Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây: "Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna (Kiều-trần-như)! Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna!"

Như vậy Tôn giả Kondanna được tên là Annàta Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như).

Bài Kinh Chuyển Pháp Luân giúp cho người học Phật pháp có thể tránh xa được hai cực đoan là dục lạc và tự làm mình khổ. Đồng thời chỉ ra Thánh đạo Tám ngành là con đường Trung đạo sẽ dẫn hành giả đến sự chấm dứt khổ. Trong bài kinh này Khổ đế là quả khổ đã trình bày khá chi tiết còn Khổ Tập đế là nguyên nhân khổ đã trình bày tổng quát, còn phần biệt thuyết là Lý Duyên khởi được đề cập trong bài kinh khác. Khổ Diệt đế là Niết Bàn đã trình bày tổng quát còn phần biệt thuyết là Lý Duyên diệt được nói trong bài kinh khác. Khổ Diệt Đạo đế là Bát Chánh được trình bày một cách tổng quát còn phần biệt thuyết hành giả cần liên hệ đến những bài kinh khác để biết rõ ràng.

Khổ Thánh đế cần phải liễu tri. Khổ Tập Thánh đế cần phải đoạn tận. Khổ Diệt Thánh đế cần phải chứng ngộ. Thánh đế về con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập. Bốn câu này rất quan trọng được giải thích rõ ràng trong tập sách này.

Bài Kinh Vô Thượng Pháp luân đã vang lên đến chư Thiên cõi dục, chư Thiên cõi sắc và đã làm rung chuyển mười ngàn thế giới và có một vị đã chứng bậc Thánh dự lưu.

Đức Phật đã tuyên thuyết bài Kinh Chuyển Pháp Luân một cách tổng quát và không có chi tiết về Khổ Tập, về Khổ Diệt và về Khổ Diệt Đạo. Vì vậy trong năm bộ Kinh Nikaya sẽ có những bài kinh khác làm sáng tỏ Tứ Thánh Đế mà Khổ Tập là Lý duyên khởi, khổ Diệt là Lý duyên diệt và khổ diệt Đạo là bát Chánh Đạo. Đức Phật còn nói rất rõ ràng về con đường Trung đạo Thánh đạo tám ngành đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn. Nhưng tại sao ngày nay, nhiều người học Phật không tin tưởng tuyệt đối vào Thánh Đạo tám ngành này để tu tập, có lẽ do chưa đủ duyên gặp được chánh pháp.

Sau đây là một bài kinh được trích để thấy Đức Phật đã nói rõ Khổ Tập là Lý Duyên khởi và Khổ Diệt là Lý Duyên Diệt.

Trong Kinh Tăng Chi Ba Pháp - VII. Phẩm Lớn - 61 Sở y xứ, viết:

9.- Bốn thánh đế này, này các Tỳ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến? Do chấp thủ sáu giới, này các Tỳ-kheo, nên có nhập thai. Do có nhập thai, nên có danh sắc. Do duyên danh sắc, nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ, nên có xúc. Do duyên xúc, nên có thọ. Với người có cảm thọ, này các Tỳ-kheo, Ta nêu rõ: "Đây là khổ", Ta nêu rõ: "Đây là khổ tập"; Ta nêu rõ: "Đây là khổ diệt", Ta nêu rõ: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt".

10.- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế?

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi, khổ, ưu, não là khổ. Điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế.

11.- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não. Như vầy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.

12.- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt?

Do vô minh diệt không có tàn dư, nên các hành diệt. Do hành diệt, nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt toàn bộ của khổ uẩn này. Này các Tỳ-kheo, Đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.

13.- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt?

Đây là Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt.

Bốn Thánh đế này, này các Tỳ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không có uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên này được nói đến.

Đoạn kinh này cũng cho biết rằng sự hình thành bào thai con người từ sự chấp thủ sáu giới chính là Hỏa giới, Thủy giới,

Thổ giới, Phong giới, Không giới, Thức giới. Như vậy, chữ Thức giới chính là Thức trong 12 Nhân duyên.

Như vậy có thể nói rằng người học Phật nếu không giác ngộ thì sẽ không thông hiểu được Bốn Thánh đế.

Trong Kinh Trường Bộ số 16. Đại Bát Niết Bàn, viết:

1. Rồi Thế Tôn gọi tôn giả Ananda: "Này Ananda, chúng ta hãy đi đến Kotigàma".

- "Xin vâng, bạch Thế Tôn". Tôn giả Ananda đáp ứng Thế Tôn. Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo đi đến Kotigàma. Tại đây, Thế Tôn ở tại Kotigàma.

2. Thế Tôn nói với các vị Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Bốn Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi. Bốn Thánh đế ấy là gì?

Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Tập Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm, Ta và các Ngươi.

Này các Tỳ-kheo, chính vì không giác ngộ, không thông hiểu Khổ Diệt Đạo Thánh đế mà chúng ta phải lưu chuyển luân hồi lâu năm.

Ta và các Ngươi. Này các Tỳ-kheo khi Khổ Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ Tập Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ Diệt Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu; khi Khổ Diệt Đạo Thánh đế này được giác ngộ, được thông hiểu, thời hữu ái được diệt trừ, sự dắt dẫn đến một đời sống được đoạn tuyệt, nay không còn hậu hữu nữa.

3. Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ lại nói thêm:

- Chính vì không thấy như thật Bốn Thánh đế nên có sự luân chuyển lâu ngày trong nhiều đời. Khi những sự thực này được nhận thức, nguyên nhân của một đời sống khác được trừ diệt, khi khổ căn được đoạn trừ, sẽ không còn một đời sống khác nữa.

Đoạn kinh trên đã khẳng định rằng nếu không giác ngộ, không thông hiểu Tứ Thánh Đế thì con người còn trôi lăn trong luân hồi và không đến được với Niết Bàn. Bậc Đạo sư đã nói như vậy mà chúng sanh không nghe lời dạy của Ngài thì còn đau khổ triền miên.

Có một bài kinh mà Đức Phật đã thuyết dạy cho người xuất gia cần ghi nhớ Tứ Thánh Đế suốt đời, bài kinh đã nói lên sự quan trọng của Tứ Thánh Đế như thế nào?

Trong Kinh Tăng Chi Ba Pháp - II. Phẩm Người Đóng Xe - 12. Ba Chỗ, viết:

"Này các Tỳ-kheo, có ba pháp này, một Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ. Thế nào là ba?

Tại chỗ nào, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa; xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; đây là pháp thứ nhất, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, tại chỗ nào, Tỳ-kheo như thật biết rõ: "Đây là khổ", như thật rõ biết: "Đây là khổ tập", như thật rõ biết: "Đây là khổ diệt", như thật rõ biết: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt"; đây là pháp thứ hai, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, tại chỗ nào, một Tỳ-kheo, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát; đây là pháp thứ ba, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cần phải trọn đời ghi nhớ."

Tại sao người xuất gia cần phải trọn đời ghi nhớ Tứ Thánh Đế? Việc ghi nhớ Tứ Thánh Đế sẽ giúp những người tu hành chấm dứt sanh tử. Nếu ghi nhớ những gì khác Tứ Thánh Đế thì không hết khổ đau.

Có một con đường xưa cũ mà những bậc Chánh Đẳng Giác quá khứ, hiện tại, tương lai đều phải đi qua.

Trong Kinh Tương Ưng 2 - Tương Ưng Nhân Duyên (c) - VII. Đại Phẩm Thứ Bảy - V. Thành Ấp (Tạp 12.5, Đại 2,80b) (Tăng 384, Đại 2) (S.ii,104), viết:

1) ...Tại Sàvatthi.

2) - Thuở xưa, này các Tỳ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến xuất ly khỏi già và chết".

3) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, già chết hiện hữu? Do cái gì, già chết sanh khởi?"

4) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh có mặt nên già chết hiện hữu. Do duyên sanh, nên già chết sanh khởi".

5) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, hữu hiện hữu? Thủ hiện hữu? Ái hiện hữu? Thọ hiện hữu? Xúc hiện hữu? Sáu xứ hiện hữu? Danh sắc hiện hữu? Do duyên cái gì, danh sắc sanh khởi?"

6) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức có mặt nên danh sắc hiện hữu. Do duyên thức nên danh sắc sanh khởi".

7) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì có mặt, thức hiện hữu. Do duyên cái gì, thức sanh khởi?"

8) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do danh sắc có mặt nên thức hiện hữu. Do duyên danh sắc nên thức sanh khởi".

9) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Thức này trở lui, không đi xa hơn danh sắc. Xa đến như vậy, chúng ta bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, bị tái sanh, nghĩa là do duyên danh sắc, thức sanh khởi. Do duyên thức, danh sắc sanh khởi. Do duyên danh sắc, sáu xứ sanh khởi. Do duyên sáu xứ, xúc sanh khởi..". Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

10) "Tập khởi, tập khởi". Này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, nhãn khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

11) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, già chết không hiện hữu? Do cái gì diệt, già chết diệt?"

12) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do sanh không có mặt, nên già chết không hiện hữu. Do sanh diệt, nên già chết diệt".

13) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, sanh không hiện hữu? Hữu không hiện hữu? Thủ không hiện hữu? Ái không hiện hữu? Thọ không hiện hữu? Xúc không hiện hữu? Sáu xứ không hiện hữu? Danh sắc không hiện hữu? Do cái gì diệt, danh sắc diệt?"

14) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do thức không có mặt, danh sắc không hiện hữu. Do thức diệt nên danh sắc diệt".

15) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Do cái gì không có mặt, thức không hiện hữu? Do cái gì diệt, nên thức diệt?"

16) Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi Ta như lý tư duy, nhờ trí tuệ, phát sinh minh kiến như sau: "Do danh sắc không có mặt, thức không hiện hữu. Do danh sắc diệt nên thức diệt".

17) Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: "Ta đã chứng đắc con đường này đưa đến giác ngộ, tức là do danh sắc diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt… (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt".

18) "Đoạn diệt, đoạn diệt". Này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

19) Ví như, này các Tỳ-kheo, một người khi đi qua một khu rừng, một chặng núi, thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Người ấy đi theo con

đường ấy, trong khi đi theo con đường ấy, người ấy thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở, với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao với thành lũy đẹp đẽ.

20) Rồi này các Tỳ-kheo, người ấy báo cáo với vua hay vị đại thần: "Chư tôn hãy biết, trong khi đi ngang một khu rừng, một chặng núi, tôi thấy được một con đường cũ, một đạo lộ cũ do những người xưa đã từng đi qua. Tôi đã đi theo con đường ấy và thấy được một cổ thành, một cố đô do người xưa ở, với đầy đủ vườn tược, đầy đủ rừng cây, đầy đủ hồ ao, với thành lũy đẹp đẽ. Thưa các Tôn giả, hãy xây dựng lại ngôi thành ấy".

21) Rồi này các Tỳ-kheo, vị vua hay vị đại thần cho xây dựng lại ngôi thành ấy. Và ngôi thành ấy, sau một thời gian lớn lên và trở thành một thành phố phồn vinh, thịnh vượng, đông đúc, tràn đầy người ở.

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Ta đã thấy một con đường cũ, một đạo lộ cũ do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua.

22) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là con đường cũ, đạo lộ cũ ấy do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua? Đây chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Con đường ấy, này các Tỳ-kheo, là con đường cũ, đạo lộ cũ do các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ già chết; Ta thấy rõ già chết tập khởi; Ta thấy rõ già chết đoạn diệt; Ta thấy rõ con đường đưa đến già chết đoạn diệt.

23-31) Ta đã đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy; Ta thấy rõ sanh... Ta thấy rõ hữu... Ta thấy rõ thủ... Ta thấy rõ ái... Ta thấy rõ thọ... Ta thấy rõ xúc... Ta thấy rõ sáu xứ... Ta thấy rõ danh sắc... Ta thấy rõ thức…

32) Ta đi theo con đường ấy. Đi theo con đường ấy, Ta thấy rõ các hành; Ta thấy rõ các hành tập khởi; Ta thấy rõ các hành đoạn diệt, Ta thấy rõ con đường đưa đến các hành đoạn diệt.

33) Cái được Ta biết rõ, Ta đã tuyên bố cho các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ được biết. Này các Tỳ-kheo, tức là Phạm hạnh này, phồn vinh, thịnh vượng, quảng đại, chúng đa, người nhiều và được chư Thiên, loài Người khéo léo trình bày.

Bài kinh Con đường xưa cũ đã chỉ ra cho người tu như lý tư duy từ duyên Già chết, duyên Sanh, duyên Hữu... duyên Hành, Duyên Vô minh. Đây chính là Lý duyên khởi đi từ Vô minh cho đến duyên Sanh, duyên Già chết.

Người tu theo con đường xưa cũ, áp dụng Tứ đế vào 11 Duyên trong 12 Duyên để thấy rõ, biết rõ duyên này là gì, duyên kia là gì, vì sao nó sanh, vì sao nó diệt? Và làm sao thực hiện để diệt nó v.v... Đồng thời, người tu theo con đường xưa cũ là tu tập hay thực hành bát Thánh đạo sẽ hết khổ.

Có một đoạn kinh khác trình bày sự khác nhau giữa Như Lai và đệ tử Như Lai, viết như sau: *"Này Bà-la-môn, Thế Tôn là bậc làm khơi dậy con đường trước đây chưa được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói; là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và các đệ tử Ngài là những vị sống hành đạo và tùy hành đạo và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau".*

Qua bài kinh này, con đường xưa cũ đã được phơi bày. Những ai hữu duyên với con đường xưa cũ mà cứ thế bước đi thì sẽ hết khổ vì bài kinh con đường xưa cũ đã chỉ ra cách áp dụng Tứ Thánh Đế vào 11 Nhân trong 12 Nhân duyên để biết

cách diệt từng duyên. Vì vậy, mỗi duyên trong 12 duyên mà không biết Tứ đế thì không thể nào hiểu được khổ Tập thì làm sao diệt khổ được.

Có một bài kinh nữa xác quyết rằng chỉ có Tứ Thánh Đế là điều ta nói sẽ đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết Bàn, đó là bài Kinh Rừng Simsapà trích trong Kinh Tương Ưng 5 - Đại phẩm.

Trong Kinh Tương Ưng 5 - Chương XII Tương Ưng Sự Thật (a) - IV. Phẩm Rừng Simsapà - 31.I. Simsapà, viết:

1) Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambi, tại rừng Simsapà.

2) Rồi Thế Tôn lấy tay nhặt lên một ít lá Simsapà, rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá Simsapà mà Ta nắm lấy trong tay, hay lá trong rừng Simsapà?

- Thật là quá ít, bạch Thế Tôn, một ít lá Simsapà mà Thế Tôn nắm lấy trong tay, và thật là quá nhiều lá trong rừng Simsapà.

3) Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các Ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra!

4) Nhưng tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại không nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta không nói lên những điều ấy.

5) Và này các Tỳ-kheo, điều gì mà Ta nói? "Đây là Khổ", này các Tỳ-kheo, là điều Ta nói. "Đây là Khổ tập", là điều Ta

nói. "Đây là Khổ diệt", là điều Ta nói. "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", là điều Ta nói.

6) Nhưng tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.

7) Do vậy, này các Tỳ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

Qua bài kinh này đã cho chúng ta thấy trí tuệ của Đức Phật bao la nhiều như lá trong rừng. Tuy nhiên, những trí tuệ như lá trong rừng không đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn. Nhưng trí tuệ như nắm lá trong tay Đức Phật sẽ giúp chúng sanh thoát khổ, chấm dứt khổ. Đức Phật nói "này các Tỳ-kheo, điều gì mà Ta nói? "Đây là Khổ", này các Tỳ-kheo, là điều Ta nói. "Đây là Khổ tập", là điều Ta nói. "Đây là Khổ diệt", là điều Ta nói. "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt", là điều Ta nói". Xem hình minh họa về năm lá trong tay Đức Phật là quan trọng nhất những lá trong rừng không dẫn đến chấm dứt khổ trang cuối.

Ngày đầu tiên Đức Phật thuyết Kinh Chuyển Pháp Luân đã nói Bát Thánh đạo sẽ dẫn đến Niết Bàn và cho đến ngày cuối cùng trước giờ Ngài nhập Niết Bàn vẫn nhắc đến Bát Thánh đạo nếu tu tập sẽ đạt được bốn Thánh quả. Điều này được Đức Phật nói trong Kinh Trường Bộ số 16 như sau:

23. Lúc bấy giờ, du sĩ ngoại đạo Subhadda ở tại Kusinàrà. Du sĩ ngoại đạo Subhadda được nghe: "Tối nay canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ".

Và du sĩ ngoại đạo Subhadda suy nghĩ: "Ta nghe các du sĩ ngoại đạo niên cao lạp lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: "Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu. Và đêm nay, vào canh cuối cùng Sa-môn Gotama sẽ diệt độ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm ta. Ta tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp và giải được nghi vấn cho ta".

24. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đi đến Upavattana, khu rừng Sàla của dân Mallà, đến tại chỗ tôn giả Ananda và thưa với tôn giả:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cao lạp lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: "Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể thuyết pháp giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Khi được nói vậy, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

Lần thứ hai, du sĩ ngoại đạo Subhadda... Lần thứ ba, du sĩ ngoại đạo Subhadda nói với tôn giả Ananda:

- Hiền giả Ananda, tôi nghe các du sĩ ngoại đạo, niên cao lạp lớn, sư trưởng và đệ tử nói rằng: "Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri xuất hiện ra đời thật là hy hữu, và đêm nay, vào canh cuối cùng, Sa-môn Gotama sẽ diệt độ". Nay có nghi vấn này khởi lên trong tâm tôi. Tôi tin Sa-môn Gotama có thể

thuyết pháp giải được nghi vấn cho tôi. Hiền giả Ananda, hãy cho phép tôi được yết kiến Sa-môn Gotama.

Lần thứ ba, tôn giả Ananda nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Thôi đi Hiền giả Subhadda, chớ có phiền nhiễu Như Lai. Thế Tôn đang mệt.

25. Thế Tôn nghe được câu chuyện của tôn giả Ananda với du sĩ ngoại đạo Subhadda, Ngài liền nói với tôn giả Ananda:

- Thôi Ananda, chớ có ngăn trở Subhadda, Ananda, hãy để cho Subhadda được phép yết kiến Như Lai. Những gì Subhadda hỏi Ta là hỏi để hiểu biết chớ không phải để phiền nhiễu Ta. Và những gì Ta trả lời các câu hỏi, Subhadda sẽ hiểu ý nghĩa một cách mau lẹ.

Tôn giả Ananda liền nói với du sĩ ngoại đạo Subhadda:

- Này Hiền giả Subhadda, hãy vào. Thế Tôn đã cho phép Hiền giả.

26. Rồi du sĩ ngoại đạo Subhadda đến chỗ Thế Tôn, nói lên những lời chúc tụng hỏi thăm xã giao, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Subhadda bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Gotama, có những Sa-môn, Bà-la-môn là những vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, như các ngài Pàrana Kassapa, Makkhali Gosàla, AjitaKesakambalì, PakadhaKaccàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nàthaputta, tất cả những vị này có phải là giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ?

- Thôi Subhadda, hãy để vấn đề này yên một bên: "Tất cả những vị này có phải là đã giác ngộ như các vị đã tự cho như vậy, hay tất cả chưa giác ngộ, hay một số đã giác ngộ và một số chưa giác ngộ". Này Subhadda, Ta sẽ thuyết pháp cho Ngươi. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn!

Du sĩ ngoại đạo Subhadda vâng lời Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

27. - Này Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đây không có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda trong pháp luật nào có Bát Thánh đạo, thời ở đây có đệ nhất Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đấy cũng có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda, chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những vị Tỳ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán.

Này Subhadda, năm hai mươi chín,

Ta xuất gia hướng tìm chân thiện đạo.

Trải năm mươi năm với thêm một năm

Từ khi xuất gia, này Subhadda,

Ta là du sĩ tu Trí, tu Đức.

Ngoài lãnh vực này, không có Sa-môn đệ nhất cũng không có Sa-môn đệ nhị, cũng không có Sa-môn đệ tam, cũng không có

Sa-môn đệ tứ. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những Tỳ-kheo sống chơn chánh, thì đời này không vắng những vị A-la-hán.

Như vậy, chúng ta thấy ngày đầu tiên khi thuyết Kinh Chuyển Pháp Luân Đức Phật đã giới thiệu Thánh đạo Tám ngành sẽ dẫn đến Niết Bàn và cho đến những thời khắc sau cùng trước khi Nhập Niết Bàn ngài vẫn lặp lại Thánh đạo Tám ngành sẽ dẫn đến tứ Thánh quả. Những lời dạy của Đức Phật luôn nhất quán và xuyên suốt từ những ngày đầu cho đến ngày cuối Ngài vẫn luôn nói đến sự quan trọng của Bát Thánh đạo.

Đức Phật đã xác quyết chỉ có thực hành bát Thánh đạo mới đạt bốn bậc Thánh. Có một đoạn trong bài kinh Trung Bộ số 107 viết như sau:

"Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường."

Một đoạn kinh khác trong Kinh Trung Bộ số 22 cũng viết như sau: *"Chư Tỳ-kheo, xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ."*

Những bài kinh đã nêu trên khuyên Phật tử chú tâm học Tứ Thánh Đế mà khổ Tập là Lý Duyên Khởi và Khổ Diệt là Lý Duyên Diệt và Đạo đế là bảy con đường nhưng Thánh đạo Tám ngành và Tứ Niệm Xứ được nhắc nhiều nhất so với năm con đường kia. Chúng ta nên cố gắng rõ biết Tứ Thánh Đế để có quả Thánh Dự Lưu trước.

Ngày nay có một số vị tự xưng là đệ tử Như Lai nhưng không rao giảng Tứ Thánh Đế mà chỉ đi rao giảng những điều Như Lai không thuyết. Việc này sẽ khiến các vị đó bị đọa địa ngục một kiếp, vì vậy quý vị hãy suy nghĩ về bài Kinh Phá hòa hợp Tăng, cho thật kỹ trước khi giảng.

PHÁ HÒA HỢP TĂNG

Trong Kinh Tăng Chi Mười Pháp - IV. Phẩm Upàli Và Ananda - (V) (35) Phá Hòa Hợp Tăng, viết:

1. - Phá hòa hợp tăng, phá hòa hợp tăng, bạch Thế Tôn được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là phá hòa hợp Tăng?

2. - Ở đây, này Upàli, các Tỳ-kheo thuyết phi pháp là pháp; thuyết pháp là phi pháp; thuyết phi luật là luật; thuyết luật là phi luật; thuyết điều Như Lai không nói, không thuyết, là điều Như Lai nói, Như Lai thuyết; thuyết điều Như Lai có nói, có thuyết, là điều Như Lai không nói, không thuyết; thuyết điều Như Lai thường không sở hành là điều Như Lai thường sở hành; thuyết điều Như Lai thường sở hành là điều Như Lai không thường sở hành; thuyết điều Như Lai không chế đặt là điều Như Lai chế đặt; thuyết điều Như Lai có chế đặt là điều Như Lai không có chế đặt.

Chính do mười sự này, họ phá hoại, họ chia rẽ, họ hành bất động yết-ma, họ tuyên đọc giới bổn Pàtimokkha khác biệt. Cho đến như vậy, này Upàli, là chúng Tăng bị phá hoại.

Đoạn kinh trên cho biết rằng cẩn trọng cái gì Như Lai không nói, không thuyết mà cho rằng Như Lai có nói có thuyết là tội phá hòa hợp tăng. Sau đây xin trích dẫn tội phá hoà hợp tăng như thế nào?

QUẢ CỦA PHÁ HÒA HỢP TĂNG

Trong Kinh Tăng Chi Mười Pháp - IV. Phẩm Upàli Và Ananda - (V) (38) Phá Hòa Hợp Tăng, viết:

(VIII) (38) Quả Của Phá Hòa Hợp Tăng

1. - Phá hoại Tăng hòa hợp, đem lại kết quả gì?

2. - Này Ananda, đem lại tội ác kéo dài đến một kiếp.

3. - Bạch Thế Tôn, tội ác gì kéo dài một kiếp?

4. - Này Ananda, bị nấu trong địa ngục một kiếp.

Kẻ phá hòa hợp Tăng
Bị rơi vào đọa xứ,
Bị rơi vào địa ngục
Kéo dài đến một kiếp;
Ưa thích sự bất hòa,
An trú trên phi pháp,
An ổn các khổ ách,
Lại xa lìa, từ bỏ;
Ai phá sự hòa hợp,
Của Tăng chúng Tỳ-kheo,
Trong một kiếp, người ấy,
Bị địa ngục nung nấu.

Như vậy với những lời Đức Phật dạy, chúng ta hãy cẩn trọng tìm hiểu cho kỹ rồi mới đi rao giảng, nếu không chúng ta rơi vào tội phá hợp Tăng bị đọa địa ngục một kiếp.

Bài kinh Chuyển Pháp Luân nói tổng thuyết về Tứ Thánh Đế chỉ dành cho những ai có căn cơ cao mới thấu hiểu được. Ngày nay chúng ta sống trong thời đại văn minh và phát triển nên có nhiều vấn đề tác động đến dục nhiều, bụi nhiều làm sao hiểu được Tứ Thánh Đế nên về sau loài người đã diễn dịch sai Tứ Thánh Đế và đã phát sanh nhiều pháp môn khác nhau sẽ bị rơi vào tội phá hòa tăng mà không hề hay biết cứ tưởng rằng mình đang rao giảng chánh pháp.

Không lẽ Đức Phật ra đời chỉ giảng cho những người có căn cơ cao như năm anh em Kiều Trần Như hay dành cho 1250 vị Thánh A La Hán sao? Đức Phật có một cách giảng khác dành cho những ai còn nhiễm nhiều bụi đời.

Thật sự có bài Kinh Trung Bộ số 91 cho biết Đức Phật dạy tuần tự cho những ai còn nhiều bụi đời như sau:

Trong Kinh Trung Bộ số 91. Kinh Brahmàyu, viết:

Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ như sau: "Nay Sa-môn Gotama đã cho phép ta. Vậy ta nên hỏi Sa-môn Gotama về mục đích hiện tại hay tương lai". Rồi Bà-la-môn Brahmayu suy nghĩ: "Ta đã thiện xảo về mục đích hiện tại và các người khác hỏi ta về mục đích hiện tại. Vậy ta hãy hỏi Sa-môn Gotama về mục đích tương lai". Rồi Bà-la-môn Brahmayu dùng bài kệ thưa Thế Tôn:

Thế nào (là) Bà-la-môn?
Thế nào thông Vệ-đà?
Thế nào là ba minh?
Thế nào gọi cát tường?

Thế nào là ứng cúng?
Thế nào bậc Viên mãn?
Thế nào bậc Mâu-ni?
Thế nào gọi Phật-đà?

Rồi Thế Tôn dùng bài kệ trả lời Bà-la-môn Brahmayu:

Ai biết được đời trước,
Thấy thiện thú, ác thú,
Đoạn tận được tái sanh,
Thắng trí được viên thành,
Vị ấy gọi Mâu-ni.
Ai biết tâm thanh tịnh,
Giải thoát khỏi tham dục,
Sanh tử đều đoạn tận,
Phạm hạnh được viên thành,
Thông đạt nhứt thiết pháp,
Vị ấy xưng Phật-đà.

Khi được nghe vậy, Bà-la-môn Brahmayu từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, cúi đầu xuống dưới chân Thế Tôn, dùng miệng hôn xung quanh chân Thế Tôn, lấy tay rờ xung quanh và tự xưng danh:

- Thưa Tôn giả Gotama, con là Bà-la-môn Brahmayu.

Và hội chúng ấy tâm tư trở thành kinh dị, vi diệu: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay, đại uy lực, đại thần lực của vị Sa-môn đã khiến cho Bà-la-môn Brahmayu này, với danh tiếng, danh vọng như vậy, lại hạ mình tối đa như vậy". Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Brahmayu:

- Thôi vừa rồi, Bà-la-môn, hãy đứng dậy. Ông hãy ngồi trên ghế của Ông vì tâm của Ông đã hoan hỷ đối với Ta.

Rồi Bà-la-môn Brahmayu, sau khi đứng dậy, liền ngồi trên ghế của mình. Rồi Thế Tôn thứ lớp thuyết pháp cho Bà-la-môn Brahmayu, thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi Trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Brahmayu đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Cũng như tấm vải thuần bạch, được gột rửa các vết đen, sẽ rất dễ thấm màu nhuộm, cũng vậy, chính tại chỗ ngồi này, pháp nhãn xa trần ly cấu khởi lên trong tâm Bà-la-môn Brahmayu: "Phàm pháp gì được tập khởi lên đều bị tiêu diệt". Bà-la-môn Brahmayu thấy pháp, chứng pháp, ngộ pháp, thể nhập vào pháp, nghi ngờ tiêu trừ, do dự diệt tận, chứng được tự tin, không y cứ nơi người khác đối với đạo pháp của đức Bổn sư.

Ý chính đoạn kinh là thuyết về bố thí, thuyết về trì giới, thuyết về các cõi Trời, trình bày sự nguy hiểm, sự hạ liệt, sự nhiễm ô của dục lạc và sự lợi ích của xuất ly. Khi Thế Tôn biết tâm của Bà-la-môn Brahmayu đã sẵn sàng, đã nhu thuận, không còn chướng ngại, được phấn khởi, được tín thành, liền thuyết pháp mà chư Phật đã đề cao, tức là Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Bài Kinh Lõi Cây cho biết muốn chứng ngộ Niết Bàn, người học Phật Pháp cần biết rõ ràng những bước đi cần thiết trước khi đi tìm Lõi Cây tức là Niết Bàn.

Như vậy, Tứ Thánh Đế được thuyết sau cùng sau khi hành giả đã viên mãn bố thí, viên mãn giới, biết và tin các cõi trời dục giới do bố thí và giữ giới mà có, biết vị ngọt, nguy hiểm, biết xuất ly của dục lạc, sau cùng thuyết Tứ Thánh Đế để chứng lậu tận minh, không sanh lại tam giới nữa.

Phần I

BỐ THÍ, TRÌ GIỚI, CÁC CÕI TRỜI DỤC GIỚI

Ba đời chư Phật đều bắt đầu dạy căn bản về bố thí, trì giới và các cõi trời cho loài người chứ không dạy Tứ Thánh Đế là căn bản như nhiều người học Phật Pháp thường đi rao giảng trên mạng và trên sách vở. Tại sao những người Phật tử phải thực hành những điều trên?

Bố thí sẽ giúp cho chúng sinh có quả báo về vật chất sung túc nên giúp cuộc sống con người có nhiều an lạc. Nếu chúng sinh vô minh sanh ra tâm keo kiệt khi sanh ra đời này nghèo túng, sống thiếu thốn và phát sanh ra những bất thiện.

Chư Phật dạy về trì giới để giúp chúng sinh không rơi vào đọa xứ như địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh. Ba đọa xứ này rất đau khổ, do vậy người Phật tử phải trì năm giới tối thiểu sẽ sanh lại làm người hoặc sanh vào sáu cõi trời dục giới hưởng thiên lạc. Đức Phật dạy Phật tử phải có niềm tin Phật bất động, niềm tin Pháp bất động, niềm tin Tăng bất động. Đây là điều kiện cần có để giúp Phật tử thành tựu giới, nếu không tin thì không thực hành giới được.

Chư Phật có Thiên nhãn Minh thấy chúng sanh thành tựu bố thí, thành tựu giới sẽ sanh vào sáu cõi trời dục giới hưởng thiên lạc nên thuyết về các cõi trời.

Theo Lý Duyên Khởi, do duyên Vô minh sanh ra Hành gồm có ý hành, khẩu hành, thân hành sẽ sanh vào tam giới: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Tất cả chúng sanh cứ quanh quẩn ba cõi này. Cõi dục gồm những hạnh phúc và những đau khổ, còn cõi sắc và cõi vô sắc chỉ là những cảm thọ lạc hỉ, không có cảm thọ khổ. Để không còn sanh lại thế gian, người học Phật cần giác ngộ Tứ Thánh Đế nhưng biết bốn chân lý này vô cùng khó khăn. Chúng sanh ra đời gặp được một Đức Phật toàn giác xuất hiện trên thế gian này rất hy hữu, nếu không gặp Ngài thì chúng ta vô minh và cứ tiếp tục hành động để luân hồi mãi mãi. Ngày nay Đức Phật đã diệt độ, chỉ còn năm bộ Kinh Nikaya đã dạy Tứ Thánh Đế rất đầy đủ, nếu người học Phật chịu khó tìm hiểu và chứng nghiệm có thể ra khỏi tam giới.

Người học Phật mà căn cơ Sơ thiện nên cố gắng tu tập bố thí, tu tập giới. Cuối cùng sẽ sanh vào Thiên giới hưởng Thiên lạc rất lâu dài với tuổi thọ từ 9 triệu năm cho đến cõi trời Tha hóa tự tại có tuổi thọ 9126 triệu năm. Trong khi tuổi thọ loài người 100 năm thì quá nhỏ so với tuổi thọ chư thiên nên hãy cố gắng tu tập bố thí và giới. Phật tử dù chưa là bậc Thánh hãy thực hành bố thí và trì giới hằng ngày rất tốt cho đời sau.

Chương 1
BỐ THÍ

Tại sao cần phải bố thí?

Đây là bước đầu giảm bớt khổ, đang đi trên con đường dẫn đến hạnh phúc, nếu không biết bố thí sẽ khổ rất nhiều. Ví dụ một người biết trồng lúa sẽ sanh ra nhiều lúa sau một thời gian đã gieo. Tương tự khi bố thí sẽ sanh ra nhiều của cải, vật chất. Hành động bố thí thuộc về ý hành thiện.

Bố thí là cho một người khác một cái gì đó như tiền bạc, thức ăn uống, sàng tọa, thuốc men, nếu cho cha mẹ hay các vị tu hành thường gọi là "Cúng dường" để tỏ sự cung kính. Có hai loại bố thí: bố thí vật chất và bố thí Pháp nhưng bố thí Pháp là cao thượng nhất vì Pháp giúp chúng sanh biết thế nào là thiện, biết thế nào là ác để tránh ác làm lành, sẽ được quả lành trong đời này và đời sau. Khi bố thí vật chất có thể giúp chúng sanh được ấm no nhất thời nhưng vì không biết Pháp nên làm những điều ác mà không làm điều thiện vì vậy tiếp tục khổ nữa trong hiện tại và trong tương lai.

Sau đây là bài kinh cho biết vì sao giàu có hay nghèo khổ, vì sao chết yểu hay sống lâu v.v... Trong Kinh Trung Bộ số 135 viết:

Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc).

Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu?

Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi thấy có người đoản thọ, có người trường thọ; chúng tôi thấy có người nhiều bệnh, có người ít bệnh; chúng tôi thấy có người xấu sắc, có người đẹp sắc; chúng tôi thấy có người quyền thế nhỏ, có người quyền thế lớn; chúng tôi thấy có người tài sản nhỏ, có người tài sản lớn; chúng tôi thấy có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý; chúng tôi thấy có người trí tuệ yếu kém, có người có đầy đủ trí tuệ.

Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu?

- Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc. Do nghiệp ấy... đọa xứ... tài sản nhỏ. Con đường đưa đến nhiều tài sản nhỏ... ngọa cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

Bố thí là hạt giống sẽ có những quả tốt đẹp thuộc về vật chất như nhà cửa, xe hơi, có nhiều tài sản khác v.v... vì do bố thí hay cúng dường mà trổ ra chứ không phải ngẫu nhiên mà có nhưng đa số loài người không có thiên nhãn minh nên nói do mình tài giỏi hay may mắn.

Bố thí không phải là chuyện dễ, cần phải tập lâu ngày sẽ thành thói quen (nghiệp) và sẽ bố thí một cách dễ dàng.

1. Căn bản bố thí

Bố thí thuộc ý hành nên có tám cách bố thí chỉ có cách thứ bảy và thứ tám là tốt nhất còn bố thí do tâm tham, tâm sân, tâm si thường không tốt lắm.

Trong Kinh Tăng Chi Tám Pháp - (33) Căn Bản Bố Thí, viết:

1.- Này các Tỳ-kheo, có tám căn bản để bố thí. Thế nào là tám?

2. Vì lòng dục nên bố thí; vì sân hận nên bố thí; vì ngu si nên bố thí; vì sợ hãi nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Trước tổ tiên đã bố thí, trước đã làm. Ta không xứng đáng là người để truyền thống này bị bỏ phế" nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Sau khi cho bố thí này, khi thân hoại mạng chung, sẽ được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này" nên bố thí; vì nghĩ rằng: "Khi ta bố thí này, tâm được tịnh tín, do hân hoan, hỷ được sanh" nên bố thí; để trang nghiêm tâm, trang bị tâm, nên bố thí.

Này các Tỳ-kheo, có tám căn bản để bố thí này.

2. Người được nhận cúng dường như thửa ruộng

Có bài kinh sau đây cho biết Người Tu được ví như đám ruộng tốt hay xấu, nếu ruộng xấu thì trồng lúa trổ ra quả nhỏ,

nếu ruộng tốt khi trồng sẽ có quả lớn. Tương tự Người Tu thực hành Bát Chánh đạo là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định. Đây là người được ví như là thửa ruộng tốt nên khi cúng dường sẽ có quả rất lớn. Vì người thực hành Bát Thánh đạo sẽ chứng một trong tám bậc Thánh nên người học Phật cần đọc thêm bài kinh Phân biệt cúng dường sẽ cho biết tám bậc Thánh.

Trong Kinh Tăng Chi Tám Pháp - (34) Thửa Ruộng, viết:

1.- Này các Tỳ-kheo, hột giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần được xem là không quả lớn, không vị ngọt lớn, không phải địa điểm tăng thịnh. Thế nào là thành tựu tám chi phần?

2. Này các Tỳ-kheo, ở đây thửa ruộng lồi lên lõm xuống, đầy đá và sạn, đất mặn, không có bề sâu, không có chỗ nước chảy ra, không có chỗ nước chảy vào, không có nước chảy, không có bờ đê. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hột giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu được tám chi phần được xem là không quả lớn, không vị ngọt lớn, không phải địa điểm tăng thịnh. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần, không có quả lớn, không lợi ích lớn, không có rung cảm lớn. Thế nào là thành tựu tám chi phần?

3. Ở đây, này các Tỳ-kheo, các Sa-môn, các Bà-la-môn có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Như vậy, này các Tỳ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần, không có quả lớn, không lợi ích lớn, không có rung cảm lớn.

4. Này các Tỳ-kheo, hột giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần được xem là có quả lớn, có vị ngọt lớn, là địa điểm tăng thịnh. Thế nào là thành tựu tám chi phần?

5. Này các Tỳ-kheo, ở đây thửa ruộng không lồi lên lõm xuống, không có đầy đá và sạn, không có đất mặn, có bề sâu, có chỗ nước chảy ra, có chỗ nước chảy vào, có nước chảy, có bờ đê. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hột giống được gieo vào thửa ruộng thành tựu tám chi phần được xem là có quả lớn, có vị ngọt lớn, là địa điểm tăng thịnh. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần, có quả lớn, lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có rung cảm lớn. Thế nào là thành tựu tám chi phần?

6. Ở đây, này các Tỳ-kheo, các Sa-môn, các Bà-la-môn có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Như vậy, này các Tỳ-kheo, bố thí giữa những Sa-môn, Bà-la-môn thành tựu tám chi phần, có quả lớn, lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có rung cảm lớn.

Khi ruộng được đầy đủ
Hột giống gieo đầy đủ
Khi mưa xuống đầy đủ
Lúa gặt được đầy đủ
Tai họa không có mặt
Tăng trưởng được đầy đủ
Rộng lớn được đầy đủ
Kết quả được đầy đủ
Cũng vậy, sự bố thí
Giữa những người đủ giới

Và vật liệu bố thí
Cũng được sắm đầy đủ
Đưa đến sự đầy đủ
Vì sở hành đầy đủ
Vậy ai muốn đầy đủ
Phải tự mình đầy đủ
Phục vụ người đủ tuệ
Như vậy thành công đủ
Đầy đủ trí và đức
Với tâm được đầy đủ
Làm nghiệp được đầy đủ
Lợi ích được đầy đủ
Như thật biết cuộc đời
Đạt được kiến đầy đủ
Đường đầy đủ đi đến
Tiến đến ý đầy đủ
Vứt bỏ mọi cấu uế
Đạt Niết-bàn cụ túc
Giải thoát mọi khổ đau
Tức đầy đủ vẹn toàn.

Theo bài kinh trên cho biết những hành động cho vật chất đến người khác được ví như là hạt giống và thửa ruộng được ví như là người nhận vật đã cho. Như vậy bố thí có quả lớn hay quả nhỏ tùy vào người nhận có tu tập nhiều hay không.

Trong Kinh Trung Bộ số 142 có viết 14 loại cúng dường như sau:

Này Ananda, có mười bốn loại cúng dường phân loại theo hạng người. Bố thí các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, là cúng dường thứ nhất, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị Độc Giác Phật, là cúng dường thứ hai, phân loại theo hạng người. Bố thí các bậc A-la-hán, đệ tử Như Lai, là cúng dường thứ ba, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị trên con đường chứng quả A-la-hán là cúng dường thứ tư, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị chứng quả Bất lai, là cúng dường thứ năm, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị trên con đường chứng quả Bất lai là cúng dường thứ sáu, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ bảy, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị trên con đường chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ tám, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ chín, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị trên con đường chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ mười, phân loại theo hạng người. Bố thí những vị ngoại học (bahiraka) đã ly tham trong các dục vọng là cúng dường thứ mười một, phân loại theo hạng người. Bố thí những phàm phu gìn giữ giới luật là cúng dường thứ mười hai, phân loại theo hạng người. Bố thí những phàm phu theo ác giới là cúng dường thứ mười ba, phân loại theo hạng người. Bố thí các loại bàng sanh là cúng dường thứ mười bốn, phân loại theo hạng người.

Tại đây, này Ananda, sau khi bố thí cho các loại bàng sanh, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm phần công đức. Sau khi bố thí cho những phàm phu theo ác giới, cúng dường này có hy vọng đem lại ngàn phần công đức. Sau khi bố thí cho các phàm phu gìn giữ giới luật, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn lần công đức. Sau khi bố thí cho các người ngoại học đã ly tham trong các dục vọng, cúng dường này có hy vọng

đem lại trăm ngàn ức lần công đức. Sau khi bố thí cho các vị trên con đường chứng quả Dự lưu, cúng dường này có hy vọng đem lại vô số vô lượng công đức. Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Dự lưu? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả A-la-hán? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả A-la-hán, đệ tử Như Lai? Còn nói gì đến những vị Độc Giác Phật? Còn nói gì đến các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác?

Cúng dường cho Đức Phật, Độc Giác Phật, Thanh văn giác cho đến bậc Thánh dự lưu hay trên con đường chứng Thánh dự lưu, phước trổ vô số cho đến cho bàng sanh cũng có 100 công đức. Như vậy phước nhiều hay hay ít lệ thuộc vào công đức tu hành chứng các bậc Thánh hay không.

Thời Đức Phật còn tại thế và trong 500 năm đầu của Chánh pháp, chúng sanh thời đó có cơ hội gặp các bậc Thánh để cúng dường nên có phước báu vô số. Còn ngày nay chỉ còn gặp được những bậc tu hành có thành tựu giới, nếu cúng dường sẽ có 100 ngàn công đức.

Có người bố thí hay người nhận thanh tịnh hay không? Có bốn sự thanh tịnh của các loại cúng dường như sau:

Này Ananda, có bốn sự thanh tịnh của các loại cúng dường. Thế nào là bốn? Này Ananda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận. Này Ananda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho. Này Ananda, có loại cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận. Này

Ananda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Và này Ananda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận? Ở đây, này Ananda, người cho giữ giới, theo thiện pháp, còn những người nhận theo ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này Ananda, là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận.

Và này Ananda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho? Ở đây, này Ananda, người cho theo ác giới, theo ác pháp, còn những người nhận giữ giới, theo thiện pháp. Như vậy, này Ananda, là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho.

Và này Ananda, thế nào là loại cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận? Ở đây, này Ananda, người cho theo ác giới, theo ác pháp, và người nhận cũng theo ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này Ananda, là sự cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Và này Ananda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận? Ở đây, này Ananda, người cho giữ giới, theo thiện pháp; và người nhận cũng giữ giới, theo thiện pháp. Như vậy, này Ananda, là sự cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Này Ananda, như vậy là bốn sự thanh tịnh của các loại cúng dường.

Bố thí là bước đầu tiên sẽ giúp con người bớt khổ về thân. Quy luật nhân quả vận hành trên con người chỉ có Đức Phật

biết và nói lại cho chúng ta. Vì vậy khi một người Quy y Phật là phải tin tuyệt đối về Tam Minh của Đức Phật. Nếu chúng ta nghèo do không bố thí. Nếu chúng ta giàu phải biết rằng do kiếp trước hay kiếp này có bố thí.

3. Bố thí Pháp

Có những bài kinh Tăng chi 4 pháp được trích ra đây sẽ giúp cho những ai mà muốn giúp người khác giống như mình gọi là lợi mình và lợi người nên suy tư những lời dạy trong bài kinh sau đây:

Nhiếp phục Tham, Sân, Si

Trong Kinh Tăng Chi Bốn Pháp - Phẩm Asura (A-tu-la) - (96) Lợi Mình (1), viết:

1. - Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người; hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình; hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người; hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

2. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người hướng đến nhiếp phục tham cho mình, không khích lệ người khác nhiếp phục tham, hướng đến nhiếp phục sân cho mình... nhiếp phục si cho mình, không khích lệ người khác nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người.

3. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người không hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, khích lệ nhiếp phục tham cho người, không hướng đến nhiếp phục sân cho tự mình... không hướng đến nhiếp phục si cho tự mình, khích lệ nhiếp phục si cho người. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình.

4. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người không hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục tham, không nhiếp phục sân cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục sân... không nhiếp phục si cho tự mình, không khích lệ người khác nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình, không hướng đến lợi người.

5. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người hướng đến nhiếp phục tham cho tự mình, và khích lệ người khác nhiếp phục tham, hướng đến nhiếp phục sân cho tự mình... hướng đến nhiếp phục si cho tự mình và khích lệ người khác nhiếp phục si. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi ích cho mình và cho người.

Này các Tỳ-kheo, bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

Lợi ích cho mình

Trong Kinh Tăng Chi Bốn Pháp - Phẩm Asura (A-tu-la) - (97) Lợi Mình (2), viết:

1. (Như kinh (96), đoạn đầu)

2. - Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người, mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, thọ trì các pháp đã được nghe, suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì, sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp; nhưng không phải là người thiện ngôn, khéo nói, dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác, rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch; không phải là người thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình, không có lợi người.

3. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không có lợi mình?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người không mau mắn nhận xét trong các thiện pháp, không thọ trì các pháp đã được nghe, không suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì, không có sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp tùy pháp; là người thiện ngôn, khéo nói, dùng những lời tao nhã, phát âm chính xác rõ ràng, khiến cho nghĩa lý được minh bạch; là người thuyết giảng, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không có lợi mình.

4. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người, không hướng đến lợi mình và lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người không có mau mắn nhận xét trong các thiện pháp... không có sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp không phải là người thiện

ngôn, khéo nói... làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy này các Tỳ-kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình và lợi người.

5. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người mau mắn nhận xét trong các thiện pháp... sau khi hiểu nghĩa, hiểu pháp, thực hành pháp, tùy pháp. Là người thiện ngôn, khéo nói... làm cho hoan hỷ các vị đồng Phạm hạnh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người có mặt, hiện hữu ở đời.

Lợi cho mình - Những Học Pháp

Trong Kinh Tăng Chi Bốn Pháp - Phẩm Asura (A-tu-la) - (99) Những Học Pháp, viết:

1. - Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Hướng đến lợi mình, không lợi người; hướng đến lợi người, không lợi mình; không hướng đến lợi mình, lợi người; hướng đến lợi mình, lợi người.

2. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người tự mình từ bỏ sát sanh, không khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho, không khích lệ người khác từ bỏ lấy của không cho; tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục, không khích lệ người khác từ bỏ tà hạnh trong các dục;... tự mình

từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu; nhưng không khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình, không lợi người.

3. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người tự mình không từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình không từ bỏ lấy của không cho;... tự mình không bỏ tà hạnh trong các dục;... tự mình không từ bỏ nói láo... tự mình không từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu; khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi người, không lợi mình.

4. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người không hướng đến lợi mình, lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người tự mình không từ bỏ sát sanh, không khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình không từ bỏ lấy của không cho;... tự mình không từ bỏ tà hạnh trong các dục;... tự mình không từ bỏ nói láo... tự mình không từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu; không khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người không hướng đến lợi mình, lợi người.

5. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hạng người hướng đến lợi mình, lợi người?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người tự mình từ bỏ sát sanh, khích lệ người khác từ bỏ sát sanh; tự mình từ bỏ lấy của không cho... tự mình từ bỏ tà hạnh trong các dục... tự mình từ bỏ nói láo... tự mình từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu,

khích lệ người khác từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Như vậy, này các Tỳ-kheo, là hạng người hướng đến lợi mình và lợi người.

Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

Những bài kinh đã nêu trên vừa đủ có thể giúp những người học Phật biết bố thí sẽ đem lại lợi ích cho mình và cho người.

Bố thí vật chất chỉ giúp con người ấm no nhất thời còn bố thí Pháp sẽ giúp con người có hạnh phúc lâu dài hoặc có thể chấm dứt khổ đau vĩnh viễn. Ví dụ giúp cho một người một bữa ăn thì chỉ no ngày hôm đó, nhưng ngày mai có thể đói tiếp, nếu giúp họ học một nghề thì tự họ có thể nuôi thân suốt đời. Tương tự như vậy một người không biết giữ năm giới hay tám giới sẽ tạo vô số ác nghiệp sẽ sanh ra quả khổ dài lâu nhưng nhờ bậc thiện trí thức dạy cho mình học năm giới hay học tám giới và biết bố thí vật chất sẽ sanh ra quả tốt đến với mình. Khi giúp một người biết giữ giới, biết hành thiện là bố thí Pháp, còn khi giúp một người có thức ăn, thức uống hay có quần áo hay có thuốc men hay có tiền bạc gọi là bố thí vật chất.

Những người sống tại gia có thể vừa bố thí vật chất và bố thí pháp. Những người xuất gia không có tiền nên chỉ bố thí pháp là chính. Tuy nhiên trong kinh có một vị xuất gia rồi nhưng hay tin cha mẹ mình già yếu, nghèo khổ. Ngài đi khất thực rồi chia phần ăn cho cha mẹ mình. Đây là một thầy tu có hiếu. Những người xuất gia lo tu thoát khỏi tam giới là quan trọng, như vậy họ sẽ là ruộng phước vô thượng ở đời cho những ai cúng dường.

4. Kết luận chương 1

Bố thí vật chất sẽ giúp cho bớt khổ trong vòng luân hồi, nhưng quả trổ lớn hay nhỏ tùy thuộc vào thửa ruộng tốt như những thầy tu theo Bát Thánh đạo hoặc thửa ruộng xấu như những thầy tu không thực hành Bát Thánh đạo quả tốt trổ rất nhỏ. Quả trổ tốt mà hưởng trọn vẹn hay không phụ thuộc vào tâm khi bố thí.

Theo bài Kinh Căn bản bố thí cho biết cách bố thí thứ bảy và cách thứ tám là tốt nhất vì khi trổ quả sanh ra ít đau khổ còn sáu cách bố thí kia khi trổ ra quả có nhiều phiền não. Bố thí pháp thì cao thượng hơn vì giúp chúng sanh thoát khỏi ba đường ác: Bàng sanh, địa ngục, ngạ quỷ nên được chư Phật giảng dạy để giúp chúng sanh biết và thực hành sẽ có hạnh phúc ở các cõi trời dục giới mặc dù con đường luân hồi còn dài nhưng ít ra cũng một khoảng thời gian hưởng lạc cõi người và cõi trời. Bài Kinh Trung Bộ số 142 - khuyến khích Phật tử nên giúp đỡ những người thân của mình nên thành tựu năm giới, tin Tam Bảo bất động và không nghi ngờ về Tứ Thánh Đế.

Chương 2
TRÌ GIỚI

Tại sao phải trì giới?

Trì giới sẽ giảm khổ nhiều hơn nữa so với bố thí tài vật vì nhờ có giới không rơi vào ba đường ác và được sanh làm người hay chư thiên hưởng lạc không còn đau khổ nhiều. Nếu giới không thành tựu thì không thể nào chấm dứt khổ trong tương lai. Giới được ví như là hàng rào để bảo vệ Phật tử không rơi vào những đường ác.

Người học Phật giữ năm giới, tám giới, mười giới hay hằng trăm giới đều thâu tóm trong ba giới: ý hành, khẩu hành, thân hành. Vì vậy Phật tử tìm hiểu ba hành này cho kỹ trong cuốn sách "Tứ Thánh Đế là tối thượng". Trong kinh có một vị Tỳ-kheo học trên hai trăm giới không thuộc và muốn hoàn tục nhưng tiếng đồn đến bậc Đạo sư. Đức Phật nói cho ông ta học ba giới và đã hỏi vị Tỳ kheo có thuộc được không? Vị Tỳ kheo trả lời thuộc. Vậy ba giới ấy là gì? Chính là ý hành giới, khẩu hành giới, thân hành giới. Sau đó không bao lâu thì vị này chứng Thánh A-la-hán (kinh Tiểu bộ).

1. Năm giới

Người cư sĩ cần thực hành hằng ngày năm giới này sẽ sinh làm người hoặc chư thiên. Nếu không thực hành giới sẽ rơi vào ba đường ác: Ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục.

Trong Kinh Tương Ưng 5 - Chương XI Tương Ưng Dự Lưu (b) - IV. Phẩm Phước Đức Sung Mãn - 37. VII. Mahànàma (S.v,395), viết:

1) Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, trong khu vườn cây bàng.

2) Rồi họ Thích Mahànàma đi đến Thế Tôn, sau khi đến... ngồi xuống một bên, họ Thích Mahànàma bạch Thế Tôn:

3) - Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ?

- Ai quy y Phật, này Mahànàma, quy y Pháp, quy y chúng Tăng. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ.

4) - Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ giới?

- Này Mahànàma, người cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ giới.

5) - Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ tín?

- Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có lòng tin, tin tưởng ở sự giác ngộ của Như Lai: "Đây là bậc Ứng Cúng... Phật, Thế Tôn". Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ tín.

6) - Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn là người cư sĩ đầy đủ lòng bố thí?

- Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ trú ở gia đình, tâm thoát khỏi cấu uế của xan tham, bố thí dễ dàng, bàn tay rộng

mở, thích thú từ bỏ, đáp ứng điều yêu cầu, thích thú chia sẻ vật bố thí. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ bố thí.

7) - Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ?

- Ở đây, này Mahànàma, người cư sĩ có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt (các pháp), trí tuệ các bậc Thánh thể nhập (các pháp), đưa đến chơn chánh đoạn tận khổ đau. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là người cư sĩ đầy đủ trí tuệ.

Người cư sĩ có trí tuệ sanh diệt tức là trí tuệ về Tứ Thánh Đế. Như vậy bài kinh này cho biết học và thực hành bài kinh trên có bậc Thánh dự lưu.

2. Quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng (Thánh dự lưu)

Trong Kinh Tăng Chi Tám Pháp - III. Phẩm Gia Chủ - (V) (25) Thích Tử Mahanama, viết:

1. Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu, ở khu vườn Nigrodha. Rồi Thích tử Mahànàma đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Thích tử Mahànàma bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là người nam cư sĩ?

- Này Mahànàma, khi nào quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng, cho đến như vậy, này Mahànàma, là người nam cư sĩ.

2. - Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người nam cư sĩ giữ giới?

- Này, Mahànàma, khi nào người nam cư sĩ từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ

nói láo, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu, cho đến như vậy, là người nam cư sĩ giữ giới.

3. - Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là người nam cư sĩ thực hành, vì tư lợi chứ không vì lợi tha?

- Này Mahànàma, khi nào nam cư sĩ thành tựu lòng tin cho mình, không có khích lệ người khác thành tựu lòng tin; thành tựu giữ giới cho mình, không có khích lệ người khác thành tựu giữ giới, thành tựu bố thí cho mình, không khích lệ người khác thành tựu bố thí; muốn tự mình đi đến yết kiến các Tỳ-kheo, không có khích lệ người khác đi đến yết kiến các Tỳ-kheo; chỉ tự mình muốn nghe diệu pháp, không khích lệ người khác nghe diệu pháp; tự mình thọ trì những pháp đã được nghe, không khích lệ người khác thọ trì những pháp đã được nghe; tự mình suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì, không khích lệ người khác suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì; sau khi tự mình biết nghĩa, biết pháp, thực hiện tùy pháp, đúng Chánh pháp, không khích lệ người khác thực hiện tùy pháp, đúng Chánh pháp. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là nam cư sĩ thực hành vì tự lợi, không phải vì lợi tha.

4. - Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, là nam cư sĩ thực hành vừa tự lợi, vừa lợi tha?

- Này Mahànàma, khi nào nam cư sĩ tự mình thành tựu lòng tin và khích lệ người khác thành tựu lòng tin; khi nào tự mình giữ giới và khích lệ người khác giữ giới; khi nào tự mình bố thí và khích lệ người khác bố thí; khi nào tự mình muốn đi đến yết kiến các Tỳ-kheo và khích lệ người khác đi đến yết kiến các Tỳ-kheo; khi nào tự mình muốn nghe diệu pháp và khích lệ người khác nghe diệu pháp; khi nào tự mình thọ trì những pháp đã được nghe và khích lệ người khác thọ trì những pháp

đã được nghe; khi nào tự mình suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì và khích lệ người khác suy nghĩ đến ý nghĩa các pháp đã thọ trì; sau khi tự mình biết nghĩa, biết pháp, thực hiện pháp đúng Chánh pháp, khích lệ người khác sau khi biết nghĩa biết pháp, thực hiện pháp đúng Chánh pháp. Cho đến như vậy, này Mahànàma, là nam cư sĩ thực hành vì tự lợi và lợi tha.

Bài kinh trên cho biết tự mình thành tựu giới và niềm tin Tam Bảo rồi nên giúp người khác cũng thành tựu như mình gọi là lợi mình lợi người.

3. Cư sĩ chứng Thánh dự lưu

Trong Kinh Tăng Chi Bốn Pháp - VI. Phẩm Nguồn Sanh Phước - (II) (52) Nguồn Sanh Phước (Với Cư Sĩ) (2), viết:

1. - Này các Tỳ-kheo, có bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện... hạnh phúc, an lạc. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với Phật; bậc Thế Tôn ấy là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn... Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ nhất... hạnh phúc an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, Pháp được Thế Tôn khéo nói, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ hai... hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, Thiện hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Ưng lý hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Chánh hạnh là chúng đệ tử Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được đảnh lễ, đáng được chắp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ ba... hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử thành tựu với những giới được bậc Thánh ái kính, không bị phá hoại, không bị bể vụn, không bị điểm chấm, không bị uế nhiễm, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến Thiền định. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện thứ tư... hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỳ-kheo, bốn nguồn sanh phước, nguồn sanh thiện này, đem lại an lạc, thuộc Thiên giới, là quả lạc dị thục, dẫn đến cõi Trời, đưa đến khả lạc, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

2.

Ai tin tưởng Như Lai,
Bất động, khéo an trú,
Ai tin giới, hiền thiện,
Bậc Thánh khen, mến chuộng.
Ai tịnh tín chúng Tăng,
Với cái nhìn chánh trực,
Người ấy được họ gọi,
Không phải là người nghèo.

Đời sống người như vậy,
Không phải đời trống rỗng,
Do vậy tín và giới,
Tịnh tín và thắng pháp,
Bậc trí chú tâm niệm,
Lời dạy của chư Phật.

Bài kinh trên cho biết người cư sĩ chứng được Thánh Dự lưu là nguồn phước vô lượng.

4. Bát quan trai (tám giới)

Bát quan trai giới cần thực hành ý hành thiện, khẩu hành thiện và thân hành thiện sẽ giúp chúng sanh hưởng lạc ở các cõi trời dục giới.

Trong Kinh Tăng Chi Tám Pháp - V. Phẩm Ngày Trai Giới - (I) (41) Các Trai Giới, viết:

1. Như vầy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvavatthì tại Jetanava, khu vườn ông Anàthapindika, ở đấy Thế Tôn gọi các Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo", - "Bạch Thế Tôn".

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. - Này các Tỳ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn; có biến mãn lớn. Như thế nào, này các Tỳ-kheo, là ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn; có biến mãn lớn?

3. Ở đây, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận sát sanh, từ bỏ

sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành trai giới". Đây là chi phần thứ nhất được thành tựu.

4. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới". Đây là chi phần thứ hai được thành tựu.

5. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận phi Phạm hạnh, hành Phạm hạnh, sống xa lánh, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới". Đây là chi phần thứ ba được thành tựu.

6. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt đời. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới". Đây là chi phần thứ tư được thành tựu.

7. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận đắm say men rượu men, rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng đoạn tận đắm say men rượu men, rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới". Đây là chi phần thứ năm được thành tựu.

8. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng dùng mỗi ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới". Đây là chi phần thứ sáu được thành tựu.

9. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Hôm nay, đêm này và ngày nay, ta cũng từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc diễn kịch, không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới". Đây là chi phần thứ bảy được thành tựu.

10. "Cho đến trọn đời, các vị A-la-hán đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn, từ bỏ không dùng các giường cao, giường lớn. Hôm nay, đêm nay và ngày nay, ta cũng đoạn tận, không dùng các giường cao, giường lớn, từ bỏ không dùng các giường cao, giường lớn. Với chi phần này, Ta theo gương vị A-la-hán, ta sẽ thực hành ngày trai giới". Đây là chi phần thứ tám được thành tựu.

Này các Tỳ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần được thực hành như vậy, thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn, có biến mãn lớn.

Bài kinh trên cho biết rằng nếu thành tựu tám giới thì phước rất lớn.

Trong Kinh Tăng Chi Tám Pháp - IV. Phẩm Bố Thí - (IX) (39) Nguồn Nước Công Đức, viết:

1.- Này các Tỳ-kheo, có tám nguồn nước công đức này, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc làm nhơn sanh Thiên, quả dị thục an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc. Thế nào là tám?

2. Ở đây, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử quy y Phật. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ nhất, là nguồn nước thiện... hạnh phúc, an lạc.

3. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử quy y Pháp. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ hai, là nguồn nước thiện... hạnh phúc, an lạc.

4. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử quy y Tăng. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ ba, là nguồn nước thiện... hạnh phúc, an lạc.

5. Này các Tỳ-kheo, có năm bố thí này, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày, được biết là truyền thống cổ xưa, trước không tạp loạn, hiện tại không tạp loạn, tương lai không tạp loạn, không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Thế nào là năm?

6. Ở đây, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh. Này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát

sanh, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh, không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ nhất, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày... không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ tư, là nguồn nước thiện... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

7. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho... Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ hai, là đại bố thí,... Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ năm, là nguồn nước thiện,... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục... Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ ba, là đại bố thí,... Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ sáu, là nguồn nước thiện... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo... Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ tư, là đại bố thí,... Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ bảy, là nguồn nước thiện... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận đắm say rượu men, rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Này các Tỳ-kheo, vị Thánh Đệ Tử đoạn tận đắm say rượu men, rượu nấu, từ bỏ đắm say rượu men rượu nấu, đem cho không

sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh, không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỳ-kheo, đây là bố thí thứ năm, là đại bố thí, được biết là tối sơ, được biết là lâu ngày,... không bị những Sa-môn, những Bà-la-môn có trí khinh thường. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ tám, là nguồn nước thiện,... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỳ-kheo, có tám nguồn nước công đức này, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc làm nhơn sanh Thiên, quả dị thục an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Bài kinh trên cho biết có những nguồn công đức rất lớn. Vì vậy những người cư sĩ tại gia nên thực hành hằng ngày bài kinh trên.

5. Thập thiện (mười giới)

Muốn thành tựu mười giới cần thực hành ý hành thiện, thực hành khẩu hành thiện, thực hành thân hành thiện sẽ hưởng lạc ở các cõi trời dục giới.

Trong Kinh Trung Bộ số 41 viết:

Này các Gia chủ, có ba loại thân hành đúng pháp, đúng chánh đạo, có bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chánh đạo, có ba loại ý hành đúng pháp, đúng chánh đạo.

Này các Gia chủ, thế nào là ba loại thân hành đúng pháp, đúng thánh đạo? Ở đây, này các Gia chủ, có người từ bỏ sát

sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình; từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy; từ bỏ sống theo tà hạnh đối với các dục, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Như vậy, này các Gia chủ, là ba loại thân hành đúng pháp, đúng chánh đạo.

Và này các Gia chủ, thế nào là bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chánh đạo? Ở đây, này các Gia chủ, có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết", nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết"; nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ

thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy. Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, người ấy nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi. Như vậy, này các Gia chủ, có bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chánh đạo.

Và này các Gia chủ, thế nào là ba loại ý hành đúng pháp, đúng chánh đạo? Ở đây, này các Gia chủ, có người không có tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, không nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!" Lại có người không có tâm sân, không có khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân!" Người ấy có chánh kiến, không có tưởng điên đảo, nghĩ rằng: "Có bố thí, có kết quả của bố thí, có tế lễ, có cúng dường, các hành vi thiện ác có kết quả dị thục, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trong đời, có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau". Như vậy, này các Gia chủ, có ba loại ý hành đúng pháp, đúng chánh đạo. Như vậy, do nhân hành đúng pháp, hành đúng chánh đạo, này các Gia chủ, ở đây, một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, Thiên giới, đời này.

Người cư sĩ đã thực hành những giới đã nêu trên viên mãn sẽ được sanh vào các cõi trời dục giới để hưởng phước lâu dài.

Giới rất quan trọng cho người tại gia và xuất gia nhưng người sống tại gia thường không thành tựu được. Vì không có giới chắc chắn sẽ sanh vào ba đường ác vô cùng đau khổ nhưng vì vô minh nên thường tạo ác nghiệp rất nhiều. Phước cho ai ra đời mà biết năm giới, tám giới, mười giới, tin Tam bảo, biết Tứ Thánh Đế và lo thực hành sẽ giúp chúng sanh sống hạnh phúc và thoát khổ.

6. Kết luận chương 2

Giới là hàng rào giúp chúng sanh không rơi vào ba hố thẳm: ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục vì một khi đã rơi vào đó khổ vô cùng. Con người ngày nay vì ham danh lợi mà tạo các nghiệp ác về sau sẽ đau khổ trong các cõi đó. Có thể tham khảo bài Kinh Trung Bộ số 130 nói về cảnh khổ địa ngục. Ngày nay người học Phật không tin Thiên nhãn minh của Đức Phật do vì tà kiến quá sâu dày.

Quý vị nên thành tựu năm giới, tám giới hay thập thiện giới. Người học Phật tin tuyệt đối về Tam minh của Đức Phật. Nếu không tin thì giới không thể thành tựu và khi chết sẽ sinh vào ba đường ác đạo. Chúng ta cố gắng thành tựu giới hằng ngày khi chết tâm bình thản sẽ sanh vào các cõi trời dục giới hay cõi người.

Chương 3
CÁC CÕI TRỜI DỤC GIỚI

Thế Tôn Gotama với Thiên Nhãn siêu nhân đã thấy các cõi trời và nói lại cho chúng ta biết chứ phàm nhân không thấy được. Những người học Phật đã thành tựu năm giới hoặc tám giới hoặc mười giới sẽ sanh vào một trong sáu cõi trời dục giới để hưởng phước. Người học Phật thành tựu giới ví như công lao học tập vất vả bao nhiêu năm và bây giờ được lãnh cái bằng tốt nghiệp. Nếu những người học Phật không tin có các cõi trời thì việc thành tựu giới không có. Người học Phật biết rằng Đức Phật có ân đức Minh Hạnh Túc tức là Ngài có Tam minh: Túc mạng minh - Ngài có thể nhớ vô số kiếp quá khứ của Ngài. Thiên nhãn minh hay Sanh tử minh - Ngài thấy chúng sanh khi chết sanh vào địa ngục do ác nghiệp. Thấy chúng sanh làm thiện nghiệp sanh vào các cõi trời. Phật tử phải tin tuyệt đối Tam minh của Đức Phật nên cố gắng thành tựu giới.

Nhờ tu Bát Quan Trai mà được tái sanh vào sáu cõi trời dục giới có tuổi thọ rất lâu dài so với tuổi thọ của loài người chỉ có 80 năm quá ngắn. Vì vậy phải thực hành Bát Quan Trai hằng ngày.

Trong Kinh Tăng Chi Tám Pháp - V. Phẩm Ngày Trai Giới - (II) (42) Ngày Trai Giới, viết:

Này các Tỳ-kheo, ngày trai giới thành tựu tám chi phần, được thực hành thời có được quả lớn, có lợi ích lớn, có rực rỡ lớn; có biến mãn lớn. Đến như thế nào là quả lớn? Đến như thế nào là lợi ích lớn? Đến như thế nào là rực rỡ lớn? Đến như thế nào là biến mãn lớn?

4. Ví như, này các Tỳ-kheo, có người áp đặt chủ quyền cai trị trên mười sáu quốc độ lớn này tràn đầy bảy báu, như Anga, Magadha, Kàsìkosala, Vajjì, Cetì, Vamsà, Kurù, Pancàlà, Macchà, Sùrasenà, Asska, Avantì, Gandhàrà, Kambojà. Nhưng chủ quyền ấy không bằng một phần mười sáu của một ngày trai giới thành tựu tám chi phần. Vì cớ sao? Nhỏ nhoi, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên.

1. Cõi trời Tứ Thiên Vương

5. Năm mươi năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên Bốn thiên vương. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Năm trăm năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên Bốn thiên vương. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cọng trú với chư Thiên Bốn thiên vương". Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên".

Quy ra tuổi của loài người là 500 x 50 x 360 = 9.000.000 năm nhân gian.

2. Cõi trời Ba mươi ba

6. Một trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Ba mươi ba. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Một ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Ba mươi ba. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cọng trú với chư Thiên cõi trời Ba mươi ba". Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên".

Quy ra tuổi của loài người là 1000 x 100 x 360 = 36.000.000 năm nhân gian.

3. Cõi trời Dạ ma

7. Hai trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Yàma. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Hai ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Yàma. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cọng trú với chư Thiên cõi trời Yàma". Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên".

Quy ra tuổi của loài người là 2000 x 200 x 360 = 144.000.000 năm nhân gian.

4. Cõi trời Đâu-Suất

Bốn trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Tusità (Đâu-Suất). Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Bốn ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Tusità. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cọng trú với chư Thiên cõi trời Tusità". Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên ".

Quy ra tuổi của loài người là 4000 x 400 x 360 = 576.000.000 năm nhân gian.

5. Cõi trời Hóa lạc

Tám trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Hóa lạc. Tám ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư Thiên cõi trời Hóa lạc. Sự kiện này có xảy ra,... với hạnh phúc chư Thiên.

Quy ra tuổi của loài người là 8000 x 800 x 360 = 2.304.000.000 năm nhân gian.

6. Cõi trời Tha hóa Tự tại

Mười sáu trăm năm của một đời người, này các Tỳ-kheo, bằng một đêm một ngày của chư Thiên cõi trời Tha hóa Tự tại. Ba mươi đêm của đêm ấy làm thành một tháng, mười hai tháng của tháng ấy làm thành một năm. Mười sáu ngàn năm chư Thiên của năm ấy làm thành thọ mạng của chư

Thiên cõi trời Tha hóa Tự tại. Sự kiện này có xảy ra, này các Tỳ-kheo: "Ở đây, có người đàn bà hay đàn ông, sau khi thực hành ngày trai giới thành tựu tám chi phần, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cọng trú với chư Thiên cõi trời Tha hóa Tự tại. Do vậy, Ta nói: "Nhỏ nhoi thay, này các Tỳ-kheo, là quyền của loài người, so sánh với hạnh phúc chư Thiên ".

Quy ra tuổi của loài người là 16000 x 1600 x 360 = 9.216.000.000 năm nhân gian.

Chớ giết hại loại sanh
Chớ lấy của không cho
Chớ nói lời nói láo
Chớ uống thứ rượu say
Từ bỏ phi Phạm hạnh
Từ bỏ không dâm dục
Không ăn vào ban đêm
Tránh không ăn phi thời
Không mang các vòng hoa
Không dùng các hương liệu
Hãy nằm trên tấm thảm
Trải dài đất làm giường
Chính hạnh trai giới này
Được gọi có tám phần
Do đức Phật nói lên
Đưa đến đoạn tận khổ
Mặt trăng và mặt trời
Cả hai thấy lành tốt
Chỗ nào chúng đi tới,

Chúng chói sáng hào quang
Chúng làm mây sáng chói
Giữa hư không chúng đi
Trên trời chúng chói sáng
Sáng rực mọi phương hướng
Trong khoảng không gian ấy
Tài sản được tìm thấy
Trân châu và ngọc báu
Lưu ly đá cầu may
Vàng cục trong lòng đất
Hay loại Kancana
Cùng loại vàng sáng chói
Được gọi Hataka
Tuy vậy chúng giá trị
Chỉ một phần mười sáu
Với hạnh giữ trai giới
Đầy đủ cả tám mặt
Kể cả ánh sáng trăng
Với cả vòm trời sao
Vậy người nữ, người nam
Giữ gìn theo tịnh giới
Hành Bồ-tát trai giới
Đầy đủ cả tám mặt
Làm các thiện công đức
Đem lại nhiều an lạc
Được sanh lên cõi trời
Không bị người cười chê.

7. Kết luận chương 3

Đức Phật với Thiên nhãn siêu nhân thấy sáu cõi trời dục giới có thật. Có cõi trời Tứ Thiên Vương mà có tuổi thọ 9 triệu năm và có cõi trời Tha Hóa Tự Tại có tuổi thọ cao nhất là 9216 triệu năm thì so với 80 - 100 tuổi của loài người quá ít. Như vậy, người học Phật tu tối thiểu là Bát Quan Trai hằng ngày sẽ được sinh vào một trong sáu cõi trời dục giới để hưởng hạnh phúc lâu dài.

Kết luận cho phần I

Phần I chỉ dành cho những người học Phật bắt đầu tìm hiểu Phật Pháp và chưa biết gì nên Đức Phật dạy những bước cơ bản như Bố Thí, Trì giới, Các cõi trời dục giới. Đây là những hạnh phúc sẽ có được nếu biết bố thí và biết trì giới sẽ sanh thiên. Vì Thế Tôn với Thiên Nhãn minh siêu nhân thấy các cõi trời do tu bố thí và trì giới mà sanh lên.

Cõi dục giới có hai hướng để đi: Hướng thiện gồm có ý hành thiện, khẩu hành thiện, thân hành thiện sẽ sanh làm người hay chư thiên. Hướng ác gồm có ý hành ác, khẩu hành ác, thân hành ác sẽ sanh làm bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục.

Nếu Phần I thuộc về căn bản Phật giáo hiện nay thế gian có mấy người thành tựu được năm giới. Cho nên trong Kinh Tương Ưng 5 Phẩm Sanh Thú cho biết rằng: khi con người chết được tái sanh làm người như đất dính trên đầu mười ngón tay còn số người chết tái sanh vào ba đường ác nhiều như đất trên quả địa cầu.

Phần II
VỊ NGỌT, NGUY HIỂM, XUẤT LY DỤC

Vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly dục dành cho hàng xuất gia còn cư sĩ chỉ học Phần II khi đã hoàn tất Phần I - Bố thí, trì giới và sống cách ly với gia đình. Sự ly dục tức là sự từ bỏ những ham muốn về năm cảnh: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Nếu còn sống với gia đình thì không thể ly dục. Còn người xuất gia đã từ bỏ đời sống gia đình nên tu tập Phần II.

Phần II gồm có: Chương 1 nói về vị ngọt, sự nguy hiểm, xuất ly về Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp và vị ngọt về Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Chương 2 nói về các cõi trời sắc giới do sự thành tựu ly dục.

Phần II này rất khó tu tập. Những người học Phật muốn tu tập phần này cần sống xa thành phố và ở những nơi hoang vắng thì chuyện ly dục mới sanh khởi. Ngày xưa đời sống rất đơn giản nên dễ chứng sơ thiền còn ngày nay dục có khắp mọi nơi. Nếu không tránh được dục lạc thì chuyện tu chứng sơ thiền vô cùng khó khăn. Theo tác giả, người cư sĩ không tu phần này được trừ khi sống một mình. Nếu chứng Thánh tối đa là bậc Thánh Nhất lai còn Thánh Bất lai không chứng được, hoặc nếu như lúc gần chết mà buông hết thì may ra chứng bậc Thánh Bất lai.

Chương 1

VỊ NGỌT, SỰ NGUY HIỂM, SỰ XUẤT LY KHỎI CÁC DỤC

Những bài kinh dưới đây sẽ giúp cho những hành giả hiểu rõ vị ngọt, sự nguy hiểm, sự xuất ly của dục. Từ đó tâm của những vị ấy ly tham, tâm giải thoát khởi lên. Để bước vào giai đoạn này, hành giả đã thành tựu bố thí và giới. Sau khi thành tựu sự ly dục sẽ sanh vào các cõi trời sắc giới mà tuổi thọ vô lượng. Do đó phần II rất khó cho những người học Phật còn nhiều sự ham muốn.

Bài kinh 1 - Chánh Giác

Trong Kinh Tương Ưng 4 - Chương I Tương Ưng Sáu Xứ (a) - Phần Một - Năm Mươi Kinh Thứ Nhất - II. Phẩm Song Đôi, viết:

13.I. Chánh Giác (1) (S.iv,6)

1) Sàvatthi…

2) - Thuở trước, này các Tỳ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của mắt? Cái gì là vị ngọt... của tai? Cái gì là vị ngọt... của mũi? Cái gì là vị ngọt... của lưỡi? Cái gì là vị ngọt... của thân? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của ý?"

3-7) Này các Tỳ-kheo, về vấn đề này Ta suy nghĩ như sau: "Do duyên với mắt, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của mắt. Mắt vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của mắt. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với mắt là xuất ly của mắt... của tai... của mũi... của lưỡi... của thân…

8) Do duyên với ý, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của ý. Ý vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của ý. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với ý là xuất ly của ý".

9) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

10) Và cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta đã như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm và xuất ly là xuất ly, thời khi ấy, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, đối với quần chúng gồm có Sa-môn, Bà-la-môn chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

11) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

Bài kinh 2 - Chánh giác

Trong Kinh Tương Ưng 4 - Chương I Tương Ưng Sáu Xứ (a) - Phần Một - Năm Mươi Kinh Thứ Nhất - II. Phẩm Song Đôi - 14.II. Chánh Giác (2) (S.iv,8), viết:

14.II. Chánh Giác (2) (S.iv,8)

1) ...

2) - Thuở trước, này các Tỳ-kheo, khi Ta chưa giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các sắc?... của các tiếng... của các hương... của các vị... của các xúc? Cái gì là vị ngọt, cái gì là nguy hiểm, cái gì là xuất ly của các pháp?"

3) Về vấn đề này, này các Tỳ-kheo, Ta suy nghĩ như sau: "Do duyên các sắc, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của các sắc. Các sắc vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của các sắc. Nhiếp phục dục tham, đoạn trừ dục tham đối với các sắc, đấy là xuất ly của các sắc.

4-7)... các tiếng... các hương... các vị... các xúc…

8) Do duyên các pháp, khởi lên lạc hỷ gì, đấy là vị ngọt của các pháp. Các pháp vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, đấy là nguy hiểm của các pháp. Nhiếp phục dục tham, đoạn tận dục tham đối với các pháp, đấy là xuất ly của các pháp".

9-10) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, đối với sáu ngoại xứ này, Ta không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly, thời cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, đối với các thế giới gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới và đối với quần chúng gồm có Sa-môn,

Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không xác chứng Ta đã chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác... Ta xác chứng Ta đã chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

11) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

15.III. Vị Ngọt (1) (S.iv,8)

1) ...

2) - Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của mắt. Có vị ngọt nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của mắt. Có nguy hiểm nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Nguy hiểm của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỷ- kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của mắt. Có xuất ly nào của mắt, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của mắt như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

3-6) Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của tai... của mũi... của lưỡi... của thân…

7) Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của ý. Có vị ngọt nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của ý. Có nguy hiểm nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Nguy hiểm của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu xuất ly của ý. Có xuất ly nào của ý, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của ý như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

8-9) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, đối với sáu nội xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là sự xuất ly…

10) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

16.IV. Vị Ngọt (2) (S.iv,9)

1) ...

2) - Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các sắc. Có vị ngọt nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các sắc. Có nguy hiểm nào của các sắc, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của các sắc như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

3-6)... các tiếng... các hương... các vị... các xúc…

7) Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu vị ngọt của các pháp. Có vị ngọt nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm. Vị ngọt của các pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ. Này các Tỳ-kheo, Ta đã sống tìm cầu nguy hiểm của các pháp. Có nguy hiểm nào của các pháp, Ta đều thực nghiệm. Xuất ly của pháp như thế nào, Ta đã khéo thấy với trí tuệ.

8-9) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, đối với sáu ngoại xứ này, Ta chưa như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly…

10) Và tri kiến này khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đời này là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

17.V. Nếu Không Có (1) (S.iv,10)

1) ...

2) - Nếu mắt không có vị ngọt, này các Tỳ-kheo, chúng sanh

có thể không tham luyến mắt. Và vì rằng, này các Tỳ-kheo, mắt có vị ngọt nên chúng sanh tham luyến mắt.

3) Nếu mắt không có nguy hiểm, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh có thể không nhàm chán đối với mắt. Và vì rằng mắt có nguy hiểm nên chúng sanh nhàm chán đối với mắt.

4) Nếu mắt không có xuất ly, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh không có thể xuất ly khỏi mắt. Và vì rằng mắt có xuất ly nên chúng sanh có xuất ly khỏi mắt.

5-7) Nếu tai không có vị ngọt…

8-10) Nếu mũi không có vị ngọt…

11-13) Nếu lưỡi không có vị ngọt…

14-16) Nếu thân không có vị ngọt…

17) Nếu ý không có vị ngọt, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh có thể không tham luyến đối với ý. Và vì rằng ý có vị ngọt, này các Tỳ-kheo, nên chúng sanh có tham luyến đối với ý.

18) Nếu ý không có nguy hiểm, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh có thể không nhàm chán đối với ý. Và vì rằng ý có nguy hiểm, này các Tỳ-kheo, nên chúng sanh có nhàm chán đối với ý.

19) Nếu ý không có xuất ly, này các Tỳ-kheo, thời chúng sanh không xuất ly ra khỏi ý. Và vì rằng ý có sự xuất ly, này các Tỳ-kheo, nên chúng sanh xuất ly ra khỏi ý.

20) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, chúng sanh đối với sáu nội xứ này không như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly; cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, các chúng sanh ấy cùng với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, đã không sống với tâm

được ly chấp trước, ly hệ phược, được giải thoát, không bị giới hạn.

21) Và vì rằng, này các Tỳ-kheo, chúng sanh đối với sáu nội xứ này đã như thật liễu tri vị ngọt là vị ngọt, nguy hiểm là nguy hiểm, xuất ly là xuất ly; cho nên, này các Tỳ-kheo, các chúng sanh cùng với các thế giới như Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, đã sống với tâm được ly chấp trước, ly hệ phược, được giải thoát, không bị giới hạn.

Này các Tỳ-kheo, các Du sĩ ngoại đạo nói như vậy cần được trả lời như sau: "Chư Hiền, thế nào là vị ngọt các dục? Thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly? Thế nào là vị ngọt các sắc pháp, thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly? Thế nào là vị ngọt các cảm thọ, thế nào là sự nguy hiểm, thế nào là sự xuất ly?" Này các Tỳ-kheo, khi được hỏi vậy, các Du sĩ ngoại đạo không thể trả lời được và sẽ bị mắc vào các khó khăn khác. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì vấn đề này không thuộc khả năng hiểu biết của họ. Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy một ai trong thế giới này với chư Thiên, Mara, Phạm thiên, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, mà câu trả lời các câu hỏi được chấp nhận, trừ Như Lai, đệ tử Như Lai và những ai được nghe hai vị này.

Bài kinh 3 - Đại kinh Khổ uẩn

Trong Kinh Trung Bộ số 13. Đại kinh Khổ uẩn, viết:

Giải thích vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly dục rất rõ ràng.

(Vị ngọt các dục)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là vị ngọt các dục? Này các Tỳ-kheo, có năm pháp tăng trưởng dục này: Các sắc pháp do

nhãn căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn, các tiếng do nhĩ căn nhận thức... các hương do tỷ căn nhận thức... các vị do thiệt căn nhận thức... các xúc do thân căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, có năm pháp tăng trưởng dục như vậy. Này các Tỳ-kheo, y cứ vào năm pháp tăng trưởng dục này, có lạc hỷ khởi lên, như vậy là vị ngọt các dục.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các dục? Ở đây, này các Tỳ-kheo, có thiện nam tử nuôi sống với nghề nghiệp, như đếm ngón tay, như tính toán, như ước toán, như làm ruộng, như buôn bán, như chăn bò, như bắn cung, như làm công cho vua, như làm một nghề nào khác. Người ấy phải chống đỡ lạnh, phải chống đỡ nóng, phải chịu đựng sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng, mặt trời, các loài bò sát, bị chết đói chết khát. Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, thiết thực hiện tại, thuộc khổ uẩn, lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên, là nguồn gốc của dục, là nguyên nhân của dục.

Này các Tỳ-kheo, nếu thiện nam tử ấy nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, nhưng các tài sản ấy không được đến tay mình, vị ấy than vãn, buồn phiền khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: "Ôi! Sự nỗ lực của ta thật sự là vô ích, sự tinh cần của ta thật sự không kết quả". Này các Tỳ-kheo, như vậy, là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Này các Tỳ-kheo, nếu thiện nam tử ấy nỗ lực như vậy, tinh cần như vậy, tinh tấn như vậy, và các tài sản ấy được đến tay mình, vì phải hộ trì các tài sản ấy, vị ấy cảm thọ sự đau khổ, ưu tư: "Làm sao các vua chúa khỏi cướp đoạt chúng, làm sao trộm cướp khỏi cướp đoạt chúng, làm sao lửa khỏi đốt cháy,

nước khỏi cuốn trôi, hay các kẻ thừa tự không xứng đáng khỏi cướp đoạt chúng?" Dầu vị ấy hộ trì như vậy, giữ gìn như vậy, vua chúa vẫn cướp đoạt các tài sản ấy, trộm cướp vẫn cướp đoạt, lửa vẫn đốt cháy, nước vẫn cuốn trôi hay các kẻ thừa tự không xứng đáng vẫn cướp đoạt chúng. Vị ấy than vãn, buồn phiền, khóc than, đấm ngực, mê man bất tỉnh: "Cái đã thuộc của ta, nay ta không có nữa". Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nguyên nhân, do chính dục làm nhân, vua tranh đoạt với vua, Sát-đế-lị tranh đoạt với Sát-đế-lị, Bà-la-môn tranh đoạt với Bà-la-môn, gia chủ tranh đoạt với gia chủ, mẹ tranh đoạt với con, con tranh đoạt với mẹ, cha tranh đoạt với con, con tranh đoạt với cha, anh em tranh đoạt với anh em, anh tranh đoạt với chị, chị tranh đoạt với anh, bạn bè tranh đoạt với bạn bè. Khi họ đã dấn mình vào tranh chấp, tranh luận, tranh đoạt; họ công phá nhau bằng tay; họ công phá nhau bằng đá; họ công phá nhau bằng gậy; họ công phá nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ dàn trận hai mặt, và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ cầm mâu và thuẫn, họ đeo cung và tên, họ công phá thành quách mới trét vôi hồ và tên được nhắm bắn nhau, đao được quăng ném nhau, kiếm được vung chém nhau. Ở đây, họ bắn đâm nhau bằng tên, họ quăng đâm nhau bằng đao, họ đổ nước phân sôi, họ đè bẹp nhau bằng đá, họ chặt đầu nhau bằng kiếm. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ đột nhập nhà cửa, họ cướp giật đồ đạc, họ hành động như kẻ cướp, họ phục kích các đường lớn, họ đi đến vợ người. Các vua chúa khi bắt được một người như vậy liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi, họ dùng hình phạt vạc dầu, họ dùng hình phạt bối đồi hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò), họ dùng hình phạt la hầu khẩu hình... Hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa)... chúc thủ hình (đốt tay)... khu hành hình (lấy rơm bện lại rồi siết chặt)... bì y hình (lấy vỏ cây làm áo)... linh dương hình (hình phạt con dê núi)... câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt)... tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền)... khối trấp hình... chuyển hình... cao đạp đài... họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu. Ở đây họ đi đến tử vong, đi đến sự đau khổ gần như tử vong. Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm của dục... (như trên)... là nguyên nhân của dục.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, do dục làm nhân... do chính dục làm nhân, họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh

về lời nói, làm các ác hạnh về ý. Do họ sống làm các ác hạnh về thân, làm các ác hạnh về lời nói, làm các ác hạnh về ý, khi thân hoại mạng chung, họ sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các dục, đưa đến đau khổ tương lai, là khổ uẩn, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nhân duyên, do chính dục làm nhân.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là sự xuất ly các dục? Này các Tỳ-kheo, đây là sự điều phục dục tham đối với các dục, sự đoạn trừ dục tham, như vậy là sự xuất ly các dục.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt các dục là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ không như thật tuệ tri các dục của họ, họ cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các dục, sự kiện như vậy không thể xảy ra. Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các dục là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ như thật tuệ tri các dục của họ, họ cũng có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các dục, sự kiện như vậy có xảy ra.

(Vị ngọt các sắc pháp)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là vị ngọt các sắc pháp? Này các Tỳ-kheo, như các thiếu nữ Sát-đế-lị, thiếu nữ Bà-la-môn hay thiếu nữ Gia chủ, tuổi khoảng độ mười lăm hay mười sáu tuổi, không quá lớn, không quá thấp, không quá ốm, không quá mập, không quá đen, không quá trắng, này các Tỳ-kheo, có phải trong thời ấy, họ đạt đến mỹ diệu tối thượng, sắc đẹp tối thượng?

- Bạch Thế Tôn, phải.

- Này các Tỳ-kheo, y cứ sắc đẹp mỹ diệu ấy khởi lên lạc thọ và hỷ thọ, như vậy là vị ngọt các sắc pháp.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các sắc pháp? Này các Tỳ-kheo, ở đây người ta có thể thấy bà chị ấy trong một thời khác, khoảng tám mươi tuổi, chín mươi tuổi hay một trăm tuổi, già yếu, cong như nóc nhà, lưng còm, phải dựa gậy để chống đỡ, vừa đi vừa run rẩy, đau ốm, tuổi trẻ đã tận, râu rụng, tóc bạc, hư rụng, sói đầu, da nhăn, tay chân bị khô đét tái xám. Này các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của người đó nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

- Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa này các Tỳ-kheo, người ta có thể thấy bà chị ấy bị bệnh hoạn đau khổ, trầm bệnh, nằm đắm mình trong phân tiểu của mình, phải có người nâng dậy, phải có người đỡ nằm. Này các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của người đó nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

- Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thi thể bị quăng vào nghĩa địa, một ngày hay hai ngày hay ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Này các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu sắc đẹp xưa kia của cô gái đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

- Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thi thể bị quăng vào nghĩa địa, bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài giả can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Này các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của cô gái nay đã biến mất và sự nguy hiểm đã hiện ra?

- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

- Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thi thể bị quăng trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột bộ xương, không còn thịt, không có máu, còn được gân cột lại, chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia, ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương mông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. Này các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của cô gái nay đã biến mất, và sự nguy hiểm đã hiện ra?

- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

- Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, người ta thấy cô gái ấy, thi thể bị quăng vào nghĩa địa, chỉ có toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đống xương lâu hơn một năm... chỉ còn các xương thối trở thành bột. Này các Tỳ-kheo, các Người nghĩ thế nào? Có phải sự mỹ diệu về sắc đẹp xưa kia của cô gái nay đã biến mất, và sự nguy hiểm hiện ra?

- Bạch Thế Tôn, sự thật là vậy.

- Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự nguy hiểm các sắc pháp.

Này các Tỳ-kheo và thế nào là sự xuất ly các sắc pháp? Này các Tỳ-kheo, đây là sự điều phục dục tham đối với các sắc pháp, sự đoạn trừ dục tham, như vậy là sự xuất ly các sắc pháp.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt các sắc pháp là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ không như thật tuệ tri các sắc pháp của họ, họ cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các sắc pháp, sự kiện như vậy không xảy ra. Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các sắc pháp là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định như thật tuệ tri các sắc pháp của họ, họ cũng có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các sắc pháp, sự kiện như vậy có xảy ra.

(Vị ngọt các cảm thọ)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là vị ngọt các cảm thọ? Ở đây các Tỳ-kheo ly các dục, ly các bất thiện pháp, tự chứng và an trú vào Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Trong khi ấy, nếu vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, trong khi ấy vị ấy cảm giác một cảm thọ vô hại. Này các Tỳ-kheo, tối thượng vô hại ấy, Ta nói là vị ngọt các cảm thọ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú vào Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh,

không tầm không tứ, nội tỉnh nhất tâm... Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba... Tỳ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Trong khi ấy nếu vị ấy không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, trong khi ấy vị ấy cảm giác một cảm thọ vô hại. Này các Tỳ-kheo, tối thượng vô hại ấy, Ta nói là vị ngọt các cảm thọ.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sự nguy hiểm các cảm thọ? Này các Tỳ-kheo, các cảm thọ là vô thường, khổ, biến hoại, như vậy là sự nguy hiểm các cảm thọ.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sự xuất ly các cảm thọ? Này các Tỳ-kheo, sự điều phục dục tham đối với các cảm thọ, sự đoạn trừ dục tham, như vậy gọi là sự xuất ly các cảm thọ.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào không như thật tuệ tri vị ngọt các cảm thọ là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định sẽ không như thật tuệ tri các cảm thọ của họ, họ cũng không có thể đặt người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện như vậy không xảy ra. Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào như thật tuệ tri vị ngọt các cảm thọ là vị ngọt như vậy, sự nguy hiểm là sự nguy hiểm như vậy, sự xuất ly là sự xuất ly như vậy, những vị này nhất định như thật tuệ tri các cảm thọ của họ, họ có thể đặt các người khác trong một địa vị tương tự, nghĩa là như thật tuệ tri các cảm thọ, sự kiện như vậy có xảy ra.

Dựa vào những đoạn kinh trên, người học Phật cần biết vị ngọt, nguy hiểm của sáu ngoại xứ cũng như sáu nội xứ. Sau đó sẽ xuất ly dục được.

Sáu nội xứ và sáu ngoại xứ là những vị ngọt khả hỷ, khả lạc chính là nguyên nhân dẫn đến tham đắm. Nếu không biết sáu nội xứ, sáu ngoại xứ là vô thường, biến hoại dẫn đến đau khổ trong hiện tại và tương lai. Người học Phật cần chứng nghiệm từ duyên Thọ lạc qua Thọ khổ rồi nhàm chán thọ nên ly tham. Khi xuất ly dục được còn gọi là Thiền định, vị nào muốn đi sâu vào thiền định có thể tham khảo chi phần Chánh định trong Bát Thánh đạo.

Chương 2
CÁC CÕI TRỜI SẮC GIỚI

Chương này rất khó vì chỉ dành cho những ai ly dục Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc. Những cư sĩ thời đại này ly dục rất khó nên chương này dành cho những người xuất gia. Những ai có thiền định hay ly dục được sẽ sanh vào một trong 15 cõi trời sắc giới có tuổi thọ vô lượng.

Trong Kinh Tăng Chi Bốn Pháp - XIII. Phẩm Sợ Hãi - (V) 6 (125) Từ (1), viết:

1. - Có bốn hạng người này, này các Tỳ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người với tâm, cùng khởi với từ, biến mãn một phương rồi an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy, ái luyến Thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Phạm chúng Thiên. Một kiếp, này các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở cõi Phạm chúng Thiên. Tại đấy, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết

tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đấy, sau khi an trú cho đến hết vẹn tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỳ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

2. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người với tâm cùng khởi với bi... với tâm cùng khởi với hỷ... với tâm cùng khởi với xả, biến mãn một phương rồi an trú; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư, như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới. Vị ấy an trú biến mãn với tâm cùng khởi với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy, ái luyến Thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quang âm Thiên. Hai kiếp, này các Tỳ-kheo, là thọ mạng của các chư Thiên ở Quang âm Thiên... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Biến tịnh Thiên. Bốn kiếp, này các Tỳ-kheo là thọ mạng của chư Thiên ở cõi Biến Tịnh Thiên... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quảng quả Thiên. Năm kiếp, này các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở cõi Quảng quả Thiên. Tại đấy, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ của chư Thiên ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đấy, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỳ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây

là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

Bài kinh - Hạng Người Sai Khác

Trong Kinh Tăng Chi Bốn Pháp - XIII. Phẩm Sợ Hãi - (III) (123) Hạng Người Sai Khác (1), viết:

1. - Có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

● Tuổi thọ sơ thiền

Cõi Phạm chúng Thiên một kiếp là vô lượng không nói con số.

1- Chư thiên Phạm chúng... 2- với chư thiên Quang thiên... 3- chư thiên Thiểu Quang thiên... 4- chư thiên Vô lượng quang thiên.

Như vậy, Sơ thiền có bốn cõi nhưng dẫn đầu là Phạm chúng Thiên đến Vô lượng quang Thiên, đại diện tuổi thọ Phạm chúng thiên là một kiếp vô lượng.

Ở đây, này các Tỳ-kheo, có hạng người ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy, ái luyến Thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Phạm chúng thiên. Một kiếp, này các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Phạm chúng Thiên. Tại đấy, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau

khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đấy, sau khi an trú cho đến hết trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỳ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

● Tuổi thọ Nhị thiền

Cõi Quang âm Thiên là hai kiếp có tuổi thọ vô lượng.

5- Chư thiên Quang âm thiên... 6- chư thiên Tịnh thiên... 7- chư thiên Thiểu tịnh thiên... 8- chư thiên Vô lượng tịnh thiên...

Như vậy, Nhị thiền có bốn cõi nhưng dẫn đầu là Quang âm Thiên mà có tuổi thọ vô lượng.

2. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quang âm Thiên. Hai kiếp này, này các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Quang âm thiên. Tại đấy, kẻ phàm phu, sau khi an trú... Đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

● Tuổi thọ Tam thiền

Cõi Biến tịnh Thiên là bốn kiếp có tuổi thọ vô lượng.

3. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc

Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba, vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy... được sanh cộng trú với chư Thiên ở Biến tịnh Thiên. Bốn kiếp, này các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Biến tịnh Thiên. Tại đấy, kẻ phàm phu, sau khi an trú... Đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

● Tuổi thọ Tứ thiền

Quảng Quả Thiên là năm kiếp có tuổi thọ vô lượng.

Với chư thiên Quảng quả thiên...

4. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy, ái luyến Thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Quảng quả Thiên. Năm kiếp, này các Tỳ-kheo, là tuổi thọ vô lượng các chư Thiên ở Quảng quả Thiên. Tại đấy, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngạ quỷ. Còn đệ tử Như Lai, tại đấy, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Này các Tỳ-kheo, đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

Này các Tỳ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

Như vậy, chứng sơ thiền sẽ cộng trú với chư thiên Phạm Chúng Thiên có tuổi thọ một kiếp vô lượng (không có con số). Đối với phàm phu hưởng hết tuổi thọ sẽ sanh địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ nhưng đệ tử Như Lai hưởng hết tuổi thọ hiện hữu ấy xong nhập Niết Bàn. Chứng nhị thiền sẽ cộng trú với chư thiên ở cõi Quang âm thiên có tuổi thọ hai kiếp vô lượng. Nếu là phàm phu khi hưởng hết tuổi thọ sanh vào ba đường ác. Nếu là đệ tử Như Lai hưởng hết tuổi thọ sẽ nhập Niết Bàn. Chứng tam thiền sẽ cộng trú chư thiên với Biến tịnh Thiên có tuổi thọ bốn kiếp vô lượng. Đệ tử Như Lai hưởng hết tuổi thọ sẽ nhập Niết Bàn nhưng phàm phu hết tuổi thọ luân hồi ba đường ác. Chứng tứ thiền sẽ cộng trú với chư thiên ở Quảng quả Thiên có tuổi thọ năm kiếp. Đệ tử Như Lai sẽ nhập Niết Bàn khi hết tuổi thọ còn phàm phu sẽ luân hồi khi hết tuổi thọ.

● Cõi Tịnh Cư Thiên dành cho bậc Thánh Bất Lai

Với chư thiên Vô phiền thiên... với chư thiên Vô nhiệt thiên... với chư thiên Thiện hiện thiên... với chư thiên Thiện kiến thiên... với chư thiên Sắc cứu kính thiên…

Tiểu kết

Phần II chỉ dành cho những người xuất gia đã từ bỏ gia đình sống một mình nên có thể từ bỏ sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục. Những người cư sĩ tại gia đã thành tựu được Phần I thì có thể bước vào Phần II. Phần này tu tập không còn sự ham muốn về năm cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc là rất khó. Đây là sự khó khăn cho những người học Phật trong thời đại này. Tuy nhiên, những ai thật sự muốn chấm dứt khổ phải có quyết tâm. Những bài kinh nêu ra ở trên mà Đức Phật đã thuyết cho ai muốn ly dục có thể tìm hiểu và thực hành.

PHÂN TÍCH CHUYÊN SÂU TỨ THÁNH ĐẾ

Phần I

KHỔ THÁNH ĐẾ VÀ KHỔ TẬP THÁNH ĐẾ

Khổ Thánh đế là sự thật Thánh về khổ diễn tả những trạng thái vui buồn, hạnh phúc đau khổ của con người. Đây cũng gọi là quả khổ mà ai cũng gặp hằng ngày và nhận biết. Khổ do duyên xúc sanh và xúc diệt thì khổ sẽ mất.

Khổ Tập Thánh đế là sự thật Thánh đế về nguyên nhân khổ là tham ái. Nếu nói đầy đủ Khổ Tập là 12 Nhân duyên, trong khi Khổ đế ai cũng nhận biết nhưng Khổ Tập đế khó nhận biết, khó thấy vì khổ tập sanh khởi rất nhanh, không có thời gian. Từ lúc có khổ tập đến khi nào sanh ra khổ đế cần có thời gian. Vì lý do này có những người trên thế gian không chấp nhận có nguyên nhân sanh ra quả khổ hay quả hạnh phúc. Như vậy Khổ Tập chính là tướng cướp giấu mặt để gây khổ đau cho chúng sanh. Trước khi thực hành Đạo Đế, hành giả cần phải biết rõ Khổ tập. Nếu không nhận ra Khổ tập thì thực hành Bát Chánh Đạo không thành công.

Trong bài Kinh Chuyển Pháp Luân, Khổ Tập Thánh đế, Khổ Diệt Thánh đế và Bát Thánh Đạo đã trình bày dưới dạng

Tổng thuyết chứ không phải Biệt thuyết. Đây là lý do mà người đời về sau không biết Biệt thuyết Khổ Tập chính là 12 Nhân duyên. Định nghĩa về Khổ Tập và Khổ Diệt được nói rõ trong kinh Tăng Chi Ba Pháp.

Trong Kinh Tăng Chi Ba Pháp - VII. Phẩm Lớn - 61.- Sở y xứ, viết:

Bốn thánh đế này, này các Tỳ-kheo, là pháp Ta thuyết giảng, không bị chỉ trích, không bị uế nhiễm, không có tội lỗi, không bị các Sa-môn, các Bà-la-môn có trí quở trách. Điều đã được nói đến, chính do duyên nào đã được nói đến? Do chấp thủ sáu giới, này các Tỳ-kheo, nên có nhập thai. Do có nhập thai, nên có danh sắc. Do duyên danh sắc, nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ, nên có xúc. Do duyên xúc, nên có thọ. Với người có cảm thọ, này các Tỳ-kheo, Ta nêu rõ: "Đây là khổ", Ta nêu rõ: "Đây là khổ tập; Ta nêu rõ: "Đây là khổ diệt", Ta nêu rõ: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt".

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Khổ Thánh đế? Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu bi, khổ, ưu, não là khổ. Điều mong cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ. Này các Tỳ-kheo, đây là Khổ Thánh đế.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập?

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên sắc, danh sắc duyên sáu xứ, sáu xứ duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não. Như vầy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.

Đoạn kinh trên xác quyết rằng Thánh Đế về Khổ Tập là Lý Duyên Khởi. Tổng thuyết Lý Duyên khởi được trình bày rõ ràng trong Kinh Tiểu Bộ Tập 1.

TỔNG THUYẾT VỀ LÝ DUYÊN KHỞI

Trong Kinh Tiểu Bộ 1 - Kinh Phật Tự Thuyết - Chương Một Phẩm Bồ Đề - (I) (Ud 1), viết:

Như vầy tôi nghe: Một thời Thế Tôn ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Bồ đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn trong bảy ngày ngồi trong một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm canh thứ nhứt, khéo thuận chiều tác ý lý Duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Tức là duyên vô minh, có các hành; duyên các hành, có thức; duyên thức, có danh sắc; duyên danh sắc, có sáu xứ; duyên sáu xứ, có xúc; duyên xúc, có thọ; duyên thọ, có ái; duyên ái, có thủ; duyên thủ, có hữu; duyên hữu, có sanh; duyên sanh, có già, chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là sự tập khởi của khổ uẩn này".

Dẫn xuất hai đoạn Kinh trên cho biết phần tổng thuyết về 12 Nhân Duyên còn phần biệt thuyết Lý Duyên khởi được trình bày trong Kinh Tương Ưng Tập 2.

BIỆT THUYẾT VỀ LÝ DUYÊN KHỞI

Trong Kinh Tương Ưng 2 - Tương Ưng Nhân Duyên (a) - I. Phẩm Phật Đà. - II. Phân Biệt - (Tạp 12.16, Đại 2,85a) (S.ii,2), viết:

1) Trú ở Sàvatthi (Xá-vệ).

2) - Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết và phân tích cho các ông về lý Duyên khởi. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỳ-kheo, thế nào là lý Duyên khởi? Này các Tỳ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên danh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi.

4) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là già, chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị già, yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi, các căn

chín muồi. Đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, sự từ bỏ, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại, thân thể vứt bỏ. Đây gọi là chết. Như vậy, đây là già, đây là chết. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là già, chết.

5) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sanh? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự thành tựu các xứ. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là sanh.

6) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hữu? Này các Tỳ-kheo, có ba hữu này: Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hữu.

7) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thủ? Này các Tỳ-kheo, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Này các Tỳ- kheo, đây gọi là thủ.

8) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là ái? Này các Tỳ-kheo, có sáu ái này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái. Này các Tỳ- kheo, đây gọi là ái.

9) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thọ? Này các Tỳ-kheo, có sáu thọ này: thọ do nhãn xúc sanh; thọ do nhĩ xúc sanh; thọ do tỷ xúc sanh; thọ do thiệt xúc sanh; thọ do thân xúc sanh; thọ do ý xúc sanh. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thọ.

10) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là xúc? Này các Tỳ-kheo, có sáu xúc này: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là xúc.

11) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sáu xứ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là sáu xứ.

12) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Như vậy, đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc.

13) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thức? Này các Tỳ-kheo, có sáu thức thân này: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thức.

14) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hành? Này các Tỳ-kheo, có ba hành này: thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành.

15) Này các Tỳ-kheo, thế nào là vô minh? Này các Tỳ-kheo, không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con đường đưa đến Khổ diệt. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là vô minh.

Chương 1
NGHIỆP CŨ

Chương này giúp người học Phật biết được con người từ đâu có mặt trên thế gian này do Thế Tôn Gotama đã nói cho loài người và loài trời biết. Chánh pháp từ thời của đức Phật Ca Diếp đã diệt cho đến nay mới xuất hiện lại trên gian này. Đức Phật toàn giác Gotama đã khám phá ra Lý duyên khởi, Tứ Thánh Đế và đã dạy lại cho loài người và chư thiên để chấm dứt khổ đau.

Mặc dù Thế Tôn đã nhập Niết Bàn cách đây trên 25 thế kỷ nhưng Phật pháp vẫn còn trong năm bộ Kinh Nikaya do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ tiếng Pali ra tiếng Việt và đã được xuất bản ở Việt Nam. Dù không gặp Đức Phật và Thánh chúng nhưng những lời dạy trong năm bộ Kinh Nikaya sẽ giúp chúng ta có thể hình dung ra những con người sống thời xưa không có vật chất sung túc nhưng đã chứng các bậc Thánh rất nhiều. Ngày nay con người hưởng thụ dục lạc quá nhiều làm sao chứng Thánh được nên kiếp sau sẽ chịu những quả khổ trong ba đường ác.

Tất cả những vị Phật toàn giác quá khứ, hiện tại, tương lai đều có mười ân đức và mười Như Lai lực giống nhau để rống tiếng con sư tử trong các hội chúng và Chuyển Phạm luân (bánh xe). Hy vọng những ai sau khi đọc Lý Duyên khởi, khởi lên niềm tin mười ân đức và mười Như Lai lực là phước đức của quý vị.

Nghiệp cũ có ba duyên như sau:

Vô minh ➢ Hành ➢ Thức

Nghiệp là những hành động đã làm trong kiếp quá khứ mà chúng ta đã không nhớ được và phải đợi đến khi chúng ta chứng được Túc mạng minh. Điều này rất khó cho con người sống thời đại này có được Túc mạng minh. Vì vậy chuyện con người ngày nay biết rằng những cảm thọ khổ, những cảm thọ lạc do nghiệp cũ đời trước là chuyện khó chấp nhận.

★ Sự hy hữu của Đức Phật toàn giác xuất hiện trên thế gian

May mắn cho loài người có một Đức Phật Gotama đã xuất hiện trên thế gian rất hy hữu. Ngài có mười Ân Đức: Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Ý nghĩa mười Ân Đức của Đức Phật có thể hiểu như sau.

1. Bậc Ứng Cúng tức là bậc A-la-hán có nghĩa là bậc đáng cúng dường ở trên thế gian này.

2. Chánh Biến Tri đồng nghĩa Chánh Đẳng Giác nghĩa là? Giác là biết, Đẳng là bằng nhau, Chánh là đúng. Trong Kinh Nikaya, đức Phật chánh đẳng giác về sáu nội xứ, sáu ngoại xứ, năm uẩn, Tứ Thánh Đế.

3. Minh Hạnh Túc là có đầy đủ Tam minh và công hạnh đã thực hành trong quá khứ.

4. Thiện Thệ, tiếng Anh dịch là Holy dịch là Thánh thiện, Tiếng Tàu dịch Việt là bậc đã trải sự tốt đẹp qua ba cõi.

5. Thế Gian Giải có nghĩa là một bậc đã hiểu và giải thích được thế giới.

6. Vô Thượng Sĩ có nghĩa là không có ai hơn hay bằng Đức Phật trong thế giới này và hiện kiếp này.

7. Điều Ngự Trượng Phu nghĩa là Đức Phật có khả năng giáo hóa những người đáng được giáo hóa.

8. Thiên Nhân Sư nghĩa là Đức Phật là thầy của Trời và Người.

9. Phật là bậc giác ngộ.

10. Thế Tôn là bậc đáng Tôn kính trên thế gian.

Trong Kinh Trung Bộ số 12. Đại kinh Sư Tử Hống, viết về Mười Như Lai Lực, như sau:

★ *"Này Sariputta, Như Lai có đầy đủ mười Như Lai lực, chính nhờ thành tựu mười lực này, Như Lai tự nhận cho mình địa vị Ngưu Vương, rống tiếng rống con sư tử trong các Hội chúng và chuyển Phạm luân. Thế nào là mười?".*

★ Như Lai như thật tuệ tri xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Như vậy là Như Lai lực của Như Lai.

Như Lai biết rõ xứ, phi xứ có nghĩa là Như Lai thấy rõ làm việc ác có quả báo ác không có chuyện có quả lành. Tương tự làm việc thiện có quả thiện không có chuyện có quả báo ác. Phân biệt rõ ràng nghiệp thiện sanh ra quả thiện, còn nghiệp ác sanh ra quả ác tức là xứ và phi xứ rõ ràng chứ không có lộn xộn nghiệp thiện sanh ra quả ác hoặc nghiệp ác sanh ra quả thiện.

★ Như Lai như thật tuệ tri quả báo tùy thuộc sở do, tùy theo sở nhân của các hành nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại. Như Lai biết rõ những quả báo do nghiệp quá khứ, hay nghiệp hiện tại hay nghiệp tương lai.

★ Như Lai như thật tuệ tri con đường đưa đến tất cả cảnh giới. Như Lai biết rõ con đường nào dẫn đến các cõi trời dục giới và sắc giới.

★ Như Lai như thật tuệ tri thế giới với mọi cảnh giới, nhiều chủng loại, nhiều sai biệt. Như Lai biết rõ thế giới với mọi cảnh giới sai biệt, nhiều chủng loại sai biệt.

★ Như Lai như thật tuệ tri chí hướng sai biệt của các loại hữu tình. Như Lai biết rõ chí hướng khác nhau của các loài hữu tình.

★ Như Lai như thật tuệ tri những căn thượng hạ của các loài hữu tình, loài Người. Như Lai biết rõ như thật những căn cơ cao hay thấp của các loại hữu tình (chư thiên và người).

★ Như Lai như thật tuệ tri sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi của các Thiền, chứng về Thiền, về giải thoát, về định. Như Lai biết rõ sự tạp nhiễm, sự thanh tịnh, sự xuất khởi các thiền, chứng về Thiền, về giải thoát, về định.

★ Như Lai nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời. Đây chính là Túc mạng minh của Như Lai có khả năng nhớ được vô số kiếp trước.

★ Như Lai với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Như Lai tuệ tri rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu. Đây chính là Thiên Nhãn Minh hay Sanh Tử Minh của Như Lai thấy được chúng sanh chết đi về đâu.

★ Như Lai nhờ đoạn trừ các lậu hoặc tự mình chứng tri, chứng ngộ, thành tựu và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như Lai đã chứng ngộ được Lậu tận minh, không còn sanh lại thế gian.

Đức Thế Tôn đã tuyên bố rằng Ngài đã có mười Như Lai lực, có ai đã nói sai về Ngài mà không từ bỏ lời nói ấy sẽ rơi vào địa ngục.

Ngày hôm nay đã có duyên gặp Lý duyên khởi này do nhiều đời quá khứ cũng đã có tu tập. Người học Phật nên tìm hiểu nghiệp quá khứ cho rốt ráo. Dựa theo Lý duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh". Người học Phật cần quan sát và chiêm nghiệm chân lý trên có đúng trong cuộc sống hằng ngày hay không?

Hãy chiêm nghiệm Lý duyên khởi này nhiều tháng, nhiều năm sẽ thấy đúng như vậy và giúp phá tan bớt màn vô minh. Trong kinh có đoạn viết: "Ai thấy được lý duyên khởi, người ấy thấy được pháp; ai thấy được pháp, người ấy thấy được lý duyên khởi". Người học Phật, nếu không thấy Lý duyên khởi thì xem như không thấy được Pháp (Niết Bàn).

1. Vô minh

Vô lượng kiếp quá khứ luân hồi không biết điểm khởi đầu, do vô minh đã tạo ra nghiệp nên sanh ra đời này. Vô minh có thức ăn nên vô minh sẽ còn dài dài và chúng ta sẽ luân hồi không biết đến khi nào sẽ dừng lại.

Rất nhiều sách viết về Phật giáo không trích dẫn kinh về định nghĩa từ "Vô minh" nên dẫn giải sai với lời Đức Phật dạy. Đây là một vấn đề gây khó khăn cho việc học Phật. Người học

Phật nên y cứ vào lời Đức Phật dạy và tìm hiểu mà không nên suy diễn về từ Vô minh.

Vô minh là mắc xích đầu tiên trong Lý duyên khởi, nếu hiểu sai từ Vô minh sẽ dẫn đến hiểu sai toàn bộ Lý Duyên Khởi. Người học Phật nên suy tư cho sâu về định nghĩa danh từ Vô minh để phá vỡ màn Vô minh. Theo Kinh Tăng Chi Mười Pháp có định nghĩa về thức ăn Vô minh.

Thức ăn Vô minh

Trong Kinh Tăng Chi Mười Pháp - VII. Phẩm Song Đôi - (I) (61) Vô Minh, viết:

Như vậy, này các Tỳ-kheo, không giao thiệp với bậc Chân nhân được viên mãn, thời làm viên mãn không có nghe diệu pháp; không có nghe diệu pháp được viên mãn, thời làm viên mãn không có lòng tin; không có lòng tin được viên mãn, thời làm viên mãn phi như lý tác ý; phi như lý tác ý được viên mãn, thời làm viên mãn không chánh niệm tỉnh giác; không chánh niệm tỉnh giác được viên mãn, thời làm viên mãn các căn không chế ngự; các căn không chế ngự được viên mãn, thời làm viên mãn ba ác hành; ba ác hành được viên mãn, thời làm viên mãn năm triền cái, năm triền cái được viên mãn, thời làm viên mãn vô minh.

Như vậy, đây là thức ăn cho vô minh này, và như vậy là sự viên mãn. Sự sắp lại theo thứ tự như sau.

- Không giao thiệp bậc chân nhân được viên mãn.

Vô minh cứ dày đặc nếu mỗi lần sinh ra đời không gặp bậc Chân nhân như Thế tôn Gotama hay những đệ tử của Ngài, không thể nghe được diệu pháp thì Vô minh cứ chồng chất lên.

Khi chúng ta sinh ra đời đã không còn gặp Đức Phật nữa nhưng diệu pháp Ngài còn trong năm bộ Kinh Nikaya lưu truyền đến bây giờ. Như vậy chúng ta cố gắng tìm hiểu diệu pháp rốt ráo, thì vô minh sẽ biến mất.

- Thời làm viên mãn không nghe diệu pháp .

Diệu pháp là năm bộ Kinh Nikaya hoặc nói gọn là Tứ Thánh Đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh Đạo. Vì không gặp bậc Chân nhân nên không nghe diệu pháp. Đa số loài người sinh ra trong thời kỳ này khó mà nghe diệu pháp được vì vật chất.

- Không có lòng tin được viên mãn.

Lòng tin tức là tin mười ân đức của Đức Phật như sau: "A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn". Không nghe Diệu pháp nên không có lòng tin mười Ân Đức.

- Thời làm viên mãn Phi như lý tác ý.

Này các Tỳ-kheo, do không như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng.

Không có lòng tin nên dẫn đến phi như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Phi như lý tác ý là không tác ý đến Tứ Thánh Đế.

- Thời làm viên mãn không chánh niệm tỉnh giác.

Chánh niệm là ghi nhớ, tỉnh giác là biết rõ, không chánh niệm tỉnh giác là không ghi nhớ và không biết rõ những gì đang diễn tiến. Do đó không có tác ý đến Tứ Thánh Đế dẫn đến không chánh niệm tỉnh giác.

- Thời làm viên mãn các căn không chế ngự.

Các căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý không chế ngự. Do không chánh niệm tỉnh giác dẫn đến sáu giác quan phóng dật, không chế ngự được.

- Làm viên mãn ba ác hành.

Ba ác hành là ý hành, khẩu hành, thân hành. Do không chế ngự sáu căn dẫn đến ba ác hành viên mãn

- Năm triền cái viên mãn

Năm triền cái là tham, sân, hôn trầm thùy miên, hoài nghi, trạo hối. Do ba ác hành viên mãn dẫn đến năm triền cái viên mãn.

- Vô minh viên mãn

Do năm triền cái viên mãn dẫn đến vô minh viên mãn.

Thế nào là Vô minh?

Trong Kinh Tương Ưng 2 - Chương I Tương Ưng Nhân Duyên (a) - I. Phẩm Phật Đà - II. Phân Biệt - (Tạp 12.16, Đại 2,85a) (S.ii,2), viết:

Này các Tỳ-kheo, không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con đường đưa đến Khổ diệt. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là vô minh.

Đây là định nghĩa duy nhất trong Kinh Tương Ưng 2 - Nhân duyên, người học Phật nên suy tư định nghĩa như vậy có hợp lý hay không?

Theo định nghĩa trên khi hội đủ bốn yếu tố trên gọi là Vô minh, bước đầu học Phật gặp được định nghĩa từ Vô minh và hiểu rõ từ này sẽ giúp người học Phật hiểu được vì sao chúng ta hiện hữu trên cõi đời này.

★ Không rõ biết khổ.

Từ khổ rất đơn giản nhưng để biết rõ khổ rất khó, có những cái khổ như bị sanh, bị bệnh, bị già, bị chết, ít người biết nên không ai quan tâm nguyên nhân sanh khổ nên không có nhu cầu tìm hiểu để chấm dứt khổ.

★ Không rõ biết nguyên nhân khổ.

Đa số con người không biết nguyên nhân khổ nên luân hồi mãi mãi, để biết được nguyên nhân sanh khổ là vấn đề nan giải của loài người.

★ Không rõ biết diệt khổ.

Đã không biết khổ và nguyên nhân khổ làm sao biết được diệt khổ nên luôn luôn khởi ra tham, sân, si.

★ Không rõ biết con đường diệt khổ.

Không biết khổ thì làm sao biết nguyên nhân khổ, biết được diệt khổ và biết được con đường diệt khổ. Vì vậy vô minh tạo ra vô số nghiệp để đi luân hồi trong ba cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới.

Kết luận

Duyên Vô minh là điểm bắt đầu gây ra đau khổ. Nếu những ai được sanh ra vào thời gian này còn gặp được năm bộ Kinh Nikaya thì rất có phước vì đức Phật đã định nghĩa Vô minh rất rõ ràng. Tiếc thay rằng con người bị ngũ dục chi phối quá nhiều nên có nhiều người không chịu tìm hiểu Vô minh là gì để thoát khổ.

2. Duyên Hành

Thế nào là hành?

Định nghĩa 1: *Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành.*

Định nghĩa 2: *Này các Tỳ-kheo, có ba hành này: thân hành, khẩu hành, ý hành. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành.*

Định nghĩa 3: *Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.*

Hành hay Nghiệp là sáu tư dẫn đến ý hành, khẩu hành, thân hành.

Đơn giản lại định nghĩa Hành là ý hành, khẩu hành, thân hành.

Định nghĩa ý hành thiện ác, khẩu hành thiện ác và thân hành thiện ác đều trích từ Kinh Trung Bộ số 41.

Ý hành

Trong Kinh Tương Ưng 2 - Tương Ưng Nhân Duyên (b) - VI. Phẩm Cây - I. Tư Lường (Tạp 12.10, Đại 2,82c) (S.ii,80), viết:

Dự tính làm phước hành, thức (của người ấy) đi đến phước. Nếu người ấy dự tính làm phi phước hành, thức (của người ấy) đi đến phi phước. Nếu người ấy dự tính làm bất động hành, thức (của người ấy) đi đến bất động.

Ý là gốc nên chọn ý mà không chọn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân nên chỉ nói ý hành là đủ. Ý hành gồm có: ý hành thiện, ý hành ác, ý hành bất động.

a) Ý hành thiện

- Không tham: *Không có tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, không nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình.*
- Không sân: *Lại có người không có tâm sân, không có khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân!*
- Chánh kiến: *Có chánh kiến, không có tưởng điên đảo, nghĩ rằng: "Có bố thí, có kết quả của bố thí, có tế lễ, có cúng dường, các hành vi thiện ác có kết quả dị thục, có đời này, có đời sau, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, trong đời, có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chánh hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau."*

b) Ý hành ác

- Tham: *Tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng: "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình!*
- Sân: *Lại có người có tâm sân, khởi lên hại ý, hại niệm như sau: "Mong rằng những loài hữu tình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt, hay bị tàn hại, hay mong chúng không còn tồn tại.*
- Tà kiến: *Không có bố thí, không có kết quả của bố thí, không có tế lễ, không có cúng dường, các hành vi thiện ác, không có kết quả dị thục, không có đời này, không có đời sau, không có mẹ, không có cha, không có các*

loại hóa sanh, trong đời không có các Sa-môn, Bà-la-môn chân chính hành trì, chân chánh thành tựu, sau khi tự tri, tự chứng lại tuyên bố cho đời này và cho đời sau.

Một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

c) Ý hành bất động

Tâm bất động trước năm cảnh sắc, thanh, hương, vị, xúc do chứng đắc các tầng thiền sắc giới và bốn tầng thiền vô sắc giới, tâm các vị không còn tham sân si nhưng chưa hết vô minh.

Khẩu hành

Có ý hành rồi dẫn đến khẩu hành nhưng có khẩu hành thiện và khẩu hành ác.

a) Khẩu hành thiện

- Không nói láo

Từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết", nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết"; nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; nếu thấy, người ấy nói: "Tôi thấy". Như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì.

- Không nói hai lưỡi

Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở

chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

- Không nói lời độc ác

Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy.

- Không nói lời phù phiếm

Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, người ấy nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi. Như vậy, này các Gia chủ, có bốn loại khẩu hành đúng pháp, đúng chánh đạo.

b) Khẩu hành ác

- Nói láo

Này các Gia chủ, có người vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết"; dầu cho người ấy không biết, người ấy nói: "Tôi biết"; dầu cho người ấy biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy nói: "Tôi thấy";

hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy". Như vậy, lời nói của người ấy trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì.

- Nói hai lưỡi

Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia, nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy ly gián những kẻ hòa hợp hay xúi giục những kẻ ly gián, ưa thích phá hoại, vui thích phá hoại, thích thú phá hoại, nói những lời đưa đến phá hoại.

- Nói lời độc ác

Và người ấy là người nói lời thô ác. Bất cứ lời gì thô ác, tàn ác, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phẫn nộ, không đưa đến Thiền định, người ấy nói những lời như vậy.

- Nói lời phù phiếm

Nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời, nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích.

Thân hành

Có thân hành sẽ dẫn đến thân hành thiện và thân hành ác.

a) Thân hành thiện

- Không sát sanh

Có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

- Từ bỏ lấy của không cho

Từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy.

- Từ bỏ tà hạnh

Từ bỏ sống theo tà hạnh đối với các dục, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.

b) Thân hành ác

- Sát sanh

Ở đây, này các Gia chủ, có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.

- Trộm cắp

Người này lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy.

- Tà hạnh

Người ấy sống tà hạnh đối với các dục lạc, giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã

có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.

Những định nghĩa về ý hành thiện, ý hành ác, khẩu hành thiện, khẩu hành ác, thân hành thiện, thân hành ác vừa nêu trên được trích dẫn từ kinh Trung Bộ số 41 (Kinh Sàleyyaka).

Kết luận về Duyên Hành

Duyên Hành là những hành động đã từng tạo ra trong quá khứ gồm có ba phần: ý hành, khẩu hành, thân hành. Cõi dục là cõi âm dương có hai hướng: Có ý hành thiện sanh vào cõi người và cõi trời như chúng ta hôm nay được làm người do ý hành thiện và có ý hành ác sanh vào ba đường ác: địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ. Có ý hành bất động sanh vào Cõi sắc giới tức là cõi nhất nguyên (không có thiện, ác) và cõi vô sắc (không có hình tướng). Nếu trong kiếp sống này mà chúng ta Vô minh tiếp tục tạo ra ý hành thiện, ý hành ác, ý hành bất động vẫn luân hồi. Chúng ta biết duyên Vô minh, duyên Hành... do Đức Phật đã nói. Tuy nhiên, chúng ta có thể kiểm chứng tâm chúng ta hằng ngày có khởi ra ba hành liên tục hay không? Nếu khởi ra ý hành thiện có đem đến an lạc không? Nếu khởi ra khẩu hành thiện có đem đến an lạc không? Nếu khởi ra thân hành thiện có đem đến an lạc không? Tương tự tâm chúng ta khởi ra ý hành ác, khẩu hành ác, thân hành ác có đem đến đau khổ hay không?

3. Thức quá khứ

Trong kinh Tương Ưng 2 - Tương Ưng Nhân Duyên (a) - I. Phẩm Phật Đà. - II. Phân Biệt - (Tạp 12.16, Đại 2,85a) (S.ii,2), viết:

Thế nào là Thức? Này các Tỳ-kheo, có sáu thức thân này: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thức.

Ý thức do duyên ý với pháp sanh khởi ý thức vì vậy cần ý căn (vật chất) để tồn tại. Khi sáu giác quan (vật chất) quá khứ đã tan rã. Thức cần có vật chất tức thì để hiện hữu (không có chuyện 49 ngày đi tái sanh). Nếu không có ý căn thì thức sẽ biến mất, do đó khi chết thức tái sanh cần có vật chất để tạo thành danh sắc.

Trong kinh Trung Bộ số 38. Đại kinh Đoạn tận ái, viết:

- Nhãn thức

Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức.

- Nhĩ thức

Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức.

- Tỷ thức

Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên và tỷ thức.

- Thiệt thức

Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức.

- Thân thức

Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức.

- Ý thức

Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

Có nhiều người trong đạo Phật cho rằng Thức trong 12 Nhân duyên là thức của kiếp sống hiện tại do họ dịch từ nước ngoài và tin một cách mù quáng mà không suy tư và kiểm chứng. Do không chịu học hết năm bộ Kinh Nikaya nên sanh khởi sự sai lầm nghiêm trọng mà đã ảnh hưởng đến Phật tử vì tin tưởng như vậy. Tác giả có dẫn chứng bài kinh Đoạn Tận ái Trung Bộ số 38, Kinh Tăng Chi Ba Pháp và Kinh Tương Ưng ba về năm uẩn.

Trong 12 Nhân duyên có hai hành: Hành là nghiệp quá khứ, Ái là hành hiện tại. Có hai thức quá khứ và thức hiện tại. Có hai Vô minh thuộc về quá khứ và hiện tại. Có hai sanh: Danh sắc hay sáu nội xứ là sanh hiện tại và Sanh trong 12 Nhân duyên thuộc về tương lai sau khi chết. Vì không tìm hiểu kỹ bài Kinh số 38 có định nghĩa về danh sắc tức là bào thai có sự sống. Nếu quá khứ không có thức thì sao sanh ra kiếp sống này? Do có thức cũ khi thân tứ đại mất thì thức cũ cần có tứ đại thô sơ (tinh trùng và trứng) để tái tạo bào thai nếu thức cũ không có tứ đại thì không sanh ra lại đồng nghĩa là sanh đã tận. Thức cần có vật chất (sáu nội xứ) để tâm biểu lộ ra. Khi có sáu nội xứ mới bắt đầu nhập sáu cảnh mới sanh ra sáu thức mới. Khi có sáu nội xứ mới thì ý thức cũ từ từ lắng xuống và ý thức mới tăng trưởng nên không thể sanh năm thức cũ lại.

4. Kết luận về chương 1

Lý do Thức sắp xếp sau cùng trong ba duyên: Vô minh, Hành, Thức là do khi chết cái biết cần có vật chất để tái tạo lại Danh Sắc.

Chương này trình bày những gì thuộc quá khứ mà con người không có khả năng biết được nên nghi ngờ không có những kiếp sống trước và đã tạo những hành động ác để trổ ra những quả khổ trong kiếp sống hiện tại. Làm thế nào biết được chúng ta đã từng sống nhiều đời đã qua? Đây là vấn đề nan giải cho loài người và con người ngày nay cũng đã không tìm ra câu trả lời chính xác được. Vì không có một ai trong thế giới ngày nay đã chứng được Tứ thiền để có thể thấy được vô số kiếp quá khứ của mình trừ Đức Phật và những đệ tử của Ngài.

Chứng tứ thiền cần phải ly dục về sắc, về thanh, về hương, về vị, về xúc thì mới vào sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền được, nhưng con người hôm nay lấy dục làm nền móng để hưởng thụ dục lạc thì làm sao biết được những đời sống quá khứ của mình.

Trong thời Đức Phật đã có nhiều cư sĩ không có khả năng Túc mạng Minh nhưng vẫn chứng bậc Thánh Dự lưu là vì họ tin tuyệt đối vào Phật, Pháp, Tăng mà tin Phật là tin mười Ân Đức đã có giải thích trong phụ lục. Nếu những người học Phật mà không tin tuyệt đối về mười Ân Đức của Đức Phật sẽ không đồng thanh tương ứng với đạo Phật thì không có gì có thể giúp được.

Theo định Lý Duyên khởi cho biết rằng bất cứ cái gì xảy ra đều có nguyên nhân ví như một con người sanh ra đời có nguyên nhân chứ không có vấn đề ngẫu nhiên hay do ai tạo ra. Tương tự những hạnh phúc hay đau khổ đang cảm nhận đều có nguyên nhân. Người học Phật có thể kiểm chứng định lý Duyên khởi có đúng hay không chứ không tin mù quáng.

Nghiệp quá khứ là những gì đã tạo ra rồi khi có đủ duyên thì trổ ra quả, người học Phật không suy nghĩ nhiều về nghiệp

quá khứ. Nếu quá khứ không tạo nghiệp chắc chắn không có gì xảy ra. Nếu vô minh đã tạo nghiệp rồi nên chấp nhận cả những quả tốt đẹp và những quả xấu mà không tham đắm quả tốt và không sân hận quả xấu. Biết như vậy có sự thản nhiên và có sự giải thoát những vui buồn trong cuộc sống hiện tại.

Chương 2
QUẢ KHỔ LẠC HIỆN TẠI

Quả khổ lạc hiện tại có các duyên sau:

Danh Sắc ➤ Lục nhập ➤ Xúc ➤ Thọ

Tại sao quả khổ hiện tại có bốn duyên xin trích dẫn một đoạn như sau:

"Chính do duyên nào đã được nói đến? Do chấp thủ sáu giới, này các Tỳ-kheo, nên có nhập thai. Do có nhập thai, nên có danh sắc. Do duyên danh sắc, nên có sáu xứ. Do duyên sáu xứ, nên có xúc. Do duyên xúc, nên có thọ. Với người có cảm thọ, này các Tỳ-kheo, Ta nêu rõ: "Đây là khổ", (Kinh tăng chi 3 pháp).

Như vậy cảm thọ khổ là quả do duyên Xúc sanh nhưng duyên Xúc do duyên Lục nhập sanh, nhưng duyên Lục nhập do duyên Danh sắc sanh. Những duyên Danh sắc, Lục nhập, Xúc là những nhân liên tục từ lúc bỏ thân xác kiếp trước để có Danh sắc rất vi tế hiện tại và phát triển thành Lục nhập (một đứa trẻ sơ sinh). Từ lúc sanh ra đã tự động thâu vào sáu ngoại xứ để hình thành sáu cái biết hiện tại và tự động sinh ra sáu Xúc rồi sanh ra sáu Thọ.

Từ khi xuất hiện Danh sắc phát triển một thời gian mới thành hình sáu Xứ phát sanh cái khổ nhưng khổ uẩn sẽ tăng lên khi tuổi đời tăng lên. Như vậy trước khi có quả khổ hiện tại

cần trải qua nhiều giai đoạn từ duyên Danh sắc, Lục nhập, Xúc chứ không có việc cảm thọ khổ đột ngột xảy ra liền.

Trước khi xuất hiện khổ phải theo tiến trình như sau:

Danh Sắc ➢ Lục nhập ➢ Xúc ➢ Thọ (khổ)

1. Khổ Thánh đế cần phải liễu tri

Trong Tứ Thánh Đế, Khổ Thánh đế đã được trình bày đầu tiên phải có lý do là quả khổ đang tồn tại liên tục trong cuộc đời nhưng nếu không nhận ra sự khổ thì chuyện chấm dứt khổ không xảy ra. Đức Phật đã dạy có tám quả khổ mà con người ai cũng thường gặp như sau: sanh là khổ, bệnh là khổ, già là khổ, chết là khổ, thương nhau mà chia lìa là khổ, gặp nhau mà không ưa là khổ, muốn không được là khổ, tóm lại có năm thủ uẩn là khổ.

Người học Phật cần hiểu rõ tám cái khổ này để chấm dứt ví như một người đang có bệnh mà không nhận biết mình bị bệnh thì làm sao có nhu cầu đi chữa bệnh.

Làm thân người có thể biết những đau khổ và những hạnh phúc. Những cảm thọ lạc của chúng sanh sống trên sáu cõi trời dục giới không có đau khổ rất khó nhận biết cái khổ. Còn chúng sanh sống trong cõi như địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ toàn là đau khổ. Ngay cả những người sướng quá hay khổ quá cũng không thấy sự vô thường nên việc khởi lên muốn chấm dứt khổ rất khó.

Những vị Bồ tát kiếp cuối muốn trở thành một vị Phật toàn giác phải tái sanh vào loài người mới thấy bốn cái khổ căn bản như sanh, già, bệnh, chết mới xuất gia và trở thành Phật toàn giác được.

Làm được thân người rất may mắn có thể chấm dứt khổ nhưng chúng sanh không có hữu duyên gặp Chánh pháp nên phóng dật vào những lạc thú trần gian đến khi mất thân người sinh vào ba đường ác địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ rồi chuyện trở lại làm thân người khó vô cùng. Như những bài kinh sau đây:

Chuyện mất thân người rồi để có được thân người cực kỳ khó khăn

Trong Kinh Trung Bộ số 129. Kinh Hiền Ngu, viết:

"Ví như, này các Tỳ-kheo, một người quăng một khúc cây có một cái lỗ trên biển, một ngọn gió từ phương Đông thổi nó trôi qua phía tây; một ngọn gió từ phương Tây thổi nó trôi qua phía đông; một ngọn gió từ phương Bắc thổi nó trôi qua phía nam; một ngọn gió từ phương Nam thổi nó trôi qua phía bắc. Rồi có một con rùa mù, cứ một trăm năm mới trồi đầu lên một lần. Này các Tỳ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Con rùa mù ấy có thể đút cổ nó vào trong lỗ cây này được không?

- Nếu có được chăng nữa, bạch Thế Tôn, thời chỉ được một lần, sau một thời gian rất lâu dài.

- Còn mau hơn, này các Tỳ-kheo, con rùa mù ấy có thể chui cổ vào khúc cây có lỗ hổng kia; nhưng này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng còn khó hơn được làm người trở lại, một khi người ngu bị rơi vào đọa xứ. Vì sao vậy? Vì ở đấy, này các Tỳ-kheo, không có pháp hành, an tịnh hành, thiện hành, phước hành. Này các Tỳ-kheo, ở đây chỉ có ăn lẫn nhau và ăn thịt kẻ yếu.".

Chuyện đau khổ khi sanh vào địa ngục

Trong Kinh Trung Bộ số 129. Kinh Hiền Ngu, viết:

"Này các Tỳ-kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn về người ấy, phải nói rằng người ấy hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý. Cũng như muốn nói một cách đúng đắn về Địa ngục, phải nói rằng Địa ngục, hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý. Về vấn đề này, này các Tỳ-kheo, cho đến một ví dụ cũng không dễ gì, vì rất nhiều là sự đau khổ của Địa ngục.

Khi được nói vậy, một Tỳ-kheo khác bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho con một ví dụ được không?

Thế Tôn đáp:

- Có thể được, này Tỳ-kheo. Ví như, này Tỳ-kheo, có người bắt được một tên trộm cắp, dẫn đến trước mặt vua và thưa: "Tâu Đại vương, đây là một tên trộm cướp phạm tội cho Ngài! Hãy hình phạt nó như Đại vương muốn". Và vị vua ấy nói như sau về tên trộm cướp ấy: "Này các Ông, hãy đi và vào buổi sáng hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo". Và vào buổi sáng, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo. Rồi đến trưa, vua nói như sau: "Này các Ông, người ấy ra sao?"

- "Tâu Đại vương, nó vẫn còn sống". Rồi vua lại nói như sau về tên trộm cướp ấy: "Này các Ông, hãy đi và vào buổi trưa, hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo". Và vào buổi trưa, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo. Rồi đến chiều, vua nói như sau: "Này các Ông, người ấy ra sao?"

- "Tâu Đại vương, nó vẫn còn sống". Rồi vua lại nói như sau về người kia: "Này các Ông, hãy đi và vào buổi chiều, hãy đâm người này với một trăm ngọn giáo". Và vào buổi chiều, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo.

Này các Tỳ-kheo, Ông nghĩ thế nào? Người ấy bị đâm ba trăm ngọn giáo, do nhân duyên ấy, có cảm thọ khổ ưu không?

- Bạch Thế Tôn, chỉ bị ngọn giáo đâm một lần, người kia do nhân duyên ấy cũng cảm thấy khổ ưu, còn nói gì đến ba trăm ngọn giáo!

Rồi Thế Tôn lượm lên một hòn đá nhỏ, lớn bằng bàn tay và nói với các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Cái gì lớn hơn, hòn đá này, to bằng bàn tay do ta lượm lên, hay núi Tuyết Sơn (Himalaya), vua các loại núi?

- Thật là quá nhỏ, bạch Thế Tôn, hòn đá này lớn bằng bàn tay do Thế Tôn lượm lên. So sánh với Tuyết Sơn vua các loại núi, nó không đáng kể gì, nó không bằng một phần ngàn vạn lần (của núi Tuyết), không thể so sánh được!

- Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, người ấy bị đâm bởi ba trăm ngọn giáo, do nhân duyên ấy cảm thọ khổ ưu. Khổ ưu ấy so sánh với khổ ưu ở Địa ngục không đáng kể gì, không bằng một phần ngàn vạn lần, không thể so sánh được. Này các Tỳ-kheo, các người giữ địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc (pancavidhabandhanam). Họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các

cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới chạy lui trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục đẩy người ấy lên kéo người ấy xuống trên một sườn núi đầy than hừng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỳ-kheo, các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, ở đây bị nấu với vạc nước sôi sùng sục; khi thì nổi lên trên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỳ-kheo, những người giữ Địa ngục quăng người ấy vào Đại địa ngục. Này các Tỳ-kheo, Đại địa ngục ấy, có bốn góc, bốn cửa, chia thành phần bằng nhau; xung quanh có tường sắt; mái sắt lợp lên trên. Nền Địa ngục bằng sắt nung đỏ, cháy đỏ rực; đứng thẳng, luôn có mặt, rộng một trăm do tuần.

Này các Tỳ-kheo, với rất nhiều pháp môn, Ta nói về Địa ngục, nhưng thật khó nói cho được đầy đủ, này các Tỳ-kheo, vì đau khổ ở Địa ngục quá nhiều."

Trong vòng luân hồi, nước mắt chảy cho những gì yêu thương mà phải chia ly và khóc khi gặp những người mà không ưa nhiều hơn nước bốn biển đại dương. Như vậy đau khổ nhiều vô số.

Chuyện đau khổ vô cùng trong vòng luân hồi

Trong Kinh Tương Ưng 2 - Chương IV Tương Ưng Vô Thỉ - I. Phẩm Thứ Nhất - III. Nước Mắt (Tạp, Đại 2, 240c) (S.ii,179) (Biệt Tạp 16.2 Đại 2, 486a) (Tăng 51,I, Đại 2, 814a), viết:

1) ... Trú ở Sàvatthi.

2) - Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỳ-kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với sự lưu chuyển luân hồi của các chúng sanh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn? Dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này hay là nước trong bốn biển lớn?

4) - Bạch Thế Tôn, theo như lời Thế Tôn thuyết pháp, chúng con hiểu rằng, cái này, bạch Thế Tôn, là nhiều hơn, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do chúng con than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bốn biển lớn.

5) - Lành thay, lành thay, này các Tỳ-kheo! Lành thay, này các Tỳ-kheo, các Ông đã hiểu như vậy Pháp do Ta dạy!

6) Cái này là nhiều hơn, này các Tỳ-kheo, tức là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải lưu chuyển luân hồi trong thời gian dài này chớ không phải nước trong bốn biển lớn.

7) Trong một thời gian dài, này các Tỳ-kheo, các Ông chịu đựng mẹ chết.

8)... các Ông chịu đựng con chết...

9)... các Ông chịu đựng con gái chết…

10)... các Ông chịu đựng tai họa về bà con…

11)... các Ông chịu đựng tai họa về tiền của…

12) Trong một thời gian dài, này các Tỳ-kheo, các Ông chịu đựng tai họa của bệnh tật. Cái này là nhiều hơn, là dòng nước mắt tuôn chảy do các Ông than van, khóc lóc, phải hội ngộ với những gì mình không ưa, phải biệt ly với những gì mình thích, khi các Ông phải chịu đựng tai họa của bệnh tật chớ không phải nước trong bốn biển.

13) Vì sao? Vô thỉ là luân hồi này, này các Tỳ-kheo... bị tham ái trói buộc.

14) Cho đến như vậy, này các Tỳ-kheo, là vừa đủ để các Ông nhàm chán, là vừa đủ để các Ông từ bỏ, là vừa đủ để các Ông giải thoát đối với tất cả các hành.

Những bài kinh vừa trích dẫn ở trên giúp người học Phật thấy khổ và sợ khổ mà lo tu càng sớm càng tốt. Đừng bao giờ

đợi đến già mới tu đã quá muộn. Vì vậy nay được làm thân người, hãy cố gắng biết rốt ráo về khổ và lo chấm dứt khổ.

2. Danh sắc

Thế nào Danh sắc?

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là danh sắc? Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý; đây gọi là danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Như vậy, đây là danh, đây là sắc. Đây gọi là danh sắc.

Bài kinh 1 - Nhập thai

Trong Kinh Trung Bộ số 38. Đại Kinh Đoạn tận ái, viết:

Này các Tỳ-kheo, có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình: ở đây, cha mẹ có giao hợp và người mẹ không trong thời có thể thụ thai, và hương ấm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Ở đây, cha và mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, nhưng hương ấm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Và này các Tỳ-kheo, khi nào cha mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương ấm có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy, thì bào thai mới thành hình.

Bài kinh 2 - Bồ Tát nhập thai

Bài Kinh Trung Bộ số 123. Kinh Hy hữu vị tằng hữu pháp viết về Bồ Tát nhập thai.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát nhập vào mẫu thai, này Ananda, khi ấy một hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên

và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến các thế giới ở giữa các thế giới, tối tăm, u ám không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, với đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói: "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Vì rằng, bạch Thế Tôn, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tằng hữu của Thế Tôn".

Hương ấm chính là thức trong 12 Nhân duyên. Bào thai chính là vật chất thô sơ. Bồ tát nhập thai chính là thức cũ của Bồ tát vào thai. Kết hợp lại thành Danh sắc.

Một sự sống của loài hữu tình phải có Danh thuộc về tâm và Sắc là đất, nước, gió, lửa. Vì vậy ở giai đoạn đầu hình thành có hai giác quan là thân căn và ý căn rõ nét nhất còn mũi, miệng, tai xuất hiện vào tuần thứ 6. Tuần thứ 19 xuất hiện đầy đủ sáu giác quan. Tuy có sáu nội xứ mới trong bụng mẹ nhưng rất đơn giản nên phát sanh sáu cái biết mới rất ít.

Danh

Danh gồm có: Thọ, tưởng, tư, xúc, tác ý.

Sau 19 tuần thì đứa bé trong bụng mẹ nặng 240gr có đầy đủ sáu giác quan nên phát sanh ra đầy đủ sáu thọ.

Tưởng là sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

Tư là sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư còn gọi là hành.

Xúc là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc.

Tác ý là hướng dẫn tâm vào một đối tượng nào đó.

Sắc (vật chất)

Sắc do bốn đại chủng tạo ra; đây gọi là sắc. Bốn đại chủng là đất, nước, gió, lửa. Tiến trình Sắc phát triển cho đến khi đầy đủ sáu giác quan.

Thụ thai

Người phụ nữ vừa rụng trứng. Trứng được thụ tinh trong vòng 12-24 giờ sau khi tinh trùng gặp được trứng. Nếu mọi việc suôn sẻ, sự kiện sinh học đơn giản này bắt đầu một loạt các quá trình càng lúc càng phức tạp hơn tạo nên một con người mới. Suốt nhiều ngày tiếp theo, trứng đã được thụ tinh sẽ tiếp tục phân chia thành nhiều tế bào trong lúc nó đi chuyển xuống ống dẫn trứng, đi vào tử cung và bắt đầu xâm nhập vào lớp niêm mạc tử cung.

Tuần thứ 6

Mũi, miệng và tai của bé bắt đầu định hình, ruột và não cũng bắt đầu phát triển. Bé có kích thước 4 - 7mm (bằng hạt đậu xanh).

Tuần thứ 19

Các giác quan của bé - mũi, mắt, thân, lưỡi và tai - đang phát triển và bé có thể nghe được giọng nói của mẹ. Mẹ có thể nói chuyện, hát hoặc đọc to cho bé nghe nếu mẹ thích.

Em bé của mẹ có trọng lượng khoảng 240 gram.

Tuần thứ 40

Trọng lượng trung bình của trẻ sơ sinh từ 38-40 tuần của người Nam Á khoảng 3.2 kg - 3.3kg. Nguồn từ: https://www.vinmec.com/vi/tin-tuc/thong-tin-suc-khoe/san-phu-khoa-va-ho-tro-sinh-san/qua-trinh-thai-nhi-hinh-thanh-va-phat-trien-theo-tung-tuan/

Theo khoa học đứa bé sẽ có đầy đủ sáu giác quan sau 19 tuần tức là 4 tháng rưỡi. Như vậy Đức Phật với Thiên nhãn minh vào thời đó đã biết trong bụng mẹ khoảng 19 tuần có đầy đủ sáu giác quan.

Kết luận về Danh sắc

Theo Kinh Nikaya dịch Việt, Danh sắc chính là một bào thai có sự sống đã vừa chớm hình thành trong bụng người mẹ. Sự sống con người đã bắt đầu rất vi tế mà mắt thường của chúng ta không thể thấy và ngay cả khoa học dùng ultrasound (siêu âm) mới thấy được và đến tuần thứ 19 thì có đầy đủ sáu giác quan nhưng khi ra khỏi bụng mẹ gọi là sáu nội xứ hay lục nhập.

Không có gì ngạc nhiên, Đức Phật đã nói thức quá khứ sanh ra Danh sắc (sáu giác quan còn nhỏ) và khi có Danh sắc hiện tại sanh ra sáu thức hiện tại. Tuy nhiên sáu giác quan trong bụng mẹ chỉ nhập các cảnh còn thô sơ nên sanh ra sáu cái biết đơn giản nhưng khi ra khỏi bụng mẹ bắt đầu khôn lớn do nhập nhiều sanh ra phiền não nhiều.

3. Lục nhập

- *Thế nào là sáu xứ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là sáu xứ. (Kinh Tương Ưng 2)*

- *Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói: "Tỳ-kheo thiện xảo về xứ?"*

Này Ananda, có sáu nội xứ, ngoại xứ này: mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu nội ngoại xứ này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỳ-kheo thiện xảo về xứ". (Kinh Trung Bộ 115).

- Sáu ngôi làng trống không và sáu tên cướp phá làng.

Trong Kinh Tương Ưng 4 - Chương I Tương Ưng Sáu Xứ (g) - IV. Phẩm Rắn Độc - 197. I. Rắn Độc (S.iv,172), viết:

14) Ngôi làng trống không, này các Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Này các Tỳ-kheo, nếu một người hiền, kinh nghiệm, có trí, tìm hiểu nó với con mắt; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không... Nếu tìm hiểu nó với ý; vị ấy thấy nó là trống không, là rỗng không, là tuyệt không.

15) Bọn cướp phá làng, này các Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ. Này các Tỳ-kheo, mắt bị tàn hại trong các sắc khả ái và không khả ái. Này các Tỳ-kheo, tai bị tàn hại trong các tiếng khả ái và không khả ái. Này các Tỳ-kheo, mũi bị tàn hại trong các hương khả ái và không khả ái. Này các Tỳ-kheo, lưỡi bị tàn hại trong các vị khả ái và không khả ái. Này các Tỳ-kheo, thân bị tàn hại trong các xúc khả ái và không khả ái. Này các Tỳ-kheo, ý bị tàn hại trong các pháp khả ái và không khả ái.

Sáu nội xứ đã thành hình trong bụng mẹ nhưng mắt thường chúng ta không thấy. Với Thiên nhãn minh Đức Phật đã thấy bào thai hình thành sáu giác quan đầy đủ trong bụng mẹ vào tuần thứ 19 từ khi thụ thai. Sau đó đứa bé lọt ra khỏi bụng mẹ,

sáu giác quan bắt đầu nhập sáu ngoại xứ đầy đủ. Sự hiểu biết bắt đầu phát triển theo thời gian cho đến 20 tuổi gọi là tuổi trưởng thành.

Lục nhập là nơi bắt đầu thâu những cảnh bên ngoài đưa vào tâm của chúng ta để tích lũy hiểu biết cuộc sống. Ít người nhận thấy rằng sáu giác quan rất quan trọng. Vì những cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh hương, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp nhập vào tâm sẽ tạo thành sáu cái biết. Chính sáu cái biết này mà Đức Phật đã dạy trong kinh Tăng chi ba pháp là những hạt giống và sẽ trổ thành những quả tốt hay quả xấu. Tác giả có kinh nghiệm khi nhập vào những hạt giống xấu đã trổ thành quả xấu thật đúng chính xác. Tuy nhiên để thoát khỏi tam giới hay chấm dứt luân hồi thì duyên Sắc và duyên Thanh cực kỳ quan trọng.

Đoạn kinh trên đã nêu ra những cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh hương, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp là sáu tên phá làng là vậy. Nếu những ai sanh ra đời, nếu nhập được Tứ Thánh Đế mà Tập đế là 12 Nhân duyên và Đạo đế là Bát Thánh đạo thì người học Phật có cơ hội thoát khỏi sanh tử.

Sáu nội xứ chính (sáu ngôi làng trống không) sẽ bị sáu tên phá làng (chính là sáu ngoại xứ) xâm hại. Vì vậy khi mắt thu vào cảnh sắc như kinh sách, tai thâu vào những âm thanh như những vị giảng pháp phải cẩn thận. Nếu không, chính những kinh sách, những âm thanh đã thâu vào tâm sẽ trở thành những những tên cướp phá làng tức là hại tâm chúng ta. Dĩ nhiên chúng ta vẫn thâu vào tâm những gì cần thiết.

Mắt và Sắc

Trong Kinh Trung Bộ số 38. Đại Kinh Đoạn tận ái: *"Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Này các Tỳ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi."*

Mắt là bộ phận hay công cụ, như một kính hội tụ có hai nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1 là để thâu vào những gì mà mắt thấy để sanh ra nhãn thức như đoạn kinh trên và nhiệm vụ 2 là để tâm biểu lộ ra như lửa củi.

Sắc là đối tượng của mắt, những cái gì mắt thấy được gọi là sắc. Thông thường sắc là hình dáng, hình tướng của con người, sự vật, cảnh thiên nhiên, thực vật. Sắc là sự vật có thật liên hệ đến vật chất.

Nếu sắc là kinh sách không phải là vật thật nên cẩn thận khi nhập vào mắt vì nó sẽ sanh ra phiền não vì nó chỉ là những ký tự không phải sự vật thật. Khi đọc kinh sách cần chứng nghiệm danh từ đó có biểu thị sự thật hay không? Những vị nào thường đọc sách sẽ sanh ra cái tưởng tượng rất nhiều nên nghĩ mình biết nhiều nhưng thật ra những cái tưởng đó không đúng với thực tại. Những tai hại do đọc kinh sách rất nhiều còn cái lợi có nhưng rất ít. Hãy đọc kinh sách ít nhưng cần chứng nghiệm chứ không phải ngồi tưởng hay tin vào kinh sách sẽ hại cho bản thân.

Tai và Thanh

"Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Duyên vỏ gỗ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vỏ bào."

Tai là bộ phận hay công cụ, phương tiện có hai nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1 là để thâu vào những gì mà tai nghe được và nhiệm vụ 2 là để tâm biểu lộ ra cái biết của tai gọi là nhĩ thức.

Thanh là đối tượng của tai, những gì tai nghe được gọi là thanh. Thông thường thanh là tiếng nói hay âm thanh từ con người hay từ dụng cụ như kèn, trống, đàn v.v... Thanh là có thật liên hệ đến vật chất.

Mũi và Hương

"Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ."

Mũi là bộ phận hay công cụ, phương tiện có hai nhiệm vụ: Nhiệm vụ 1 là để thâu vào những gì mà mũi ngửi được và nhiệm vụ 2 là để tâm biểu lộ ra cái biết của mũi gọi là tỷ thức.

Hương là đối tượng của mũi. Hương là mùi hay hương bốc ra từ động vật hay thực vật hay các hóa chất sẽ thâu vào tâm qua cửa sổ mũi và lưu trữ trong tâm chỉ là những ảnh thôi. Hương có thật liên hệ vật chất.

Lưỡi và Vị

"Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò."

Lưỡi là bộ phận con người có nhiệm vụ nhập vị đưa vào tâm qua lưỡi, từ đó phát sanh ra cái biết của lưỡi.

Vị là cay, đắng, ngọt, chua, mặn, lạt của động vật hay thực vật toát ra từ vị sẽ đưa vào tâm qua cửa sổ lưỡi và ghi lại chỉ là những ảnh thôi. Vị là có thật liên hệ đến vật chất.

Thân và Xúc

"Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu".

Thân là cơ quan con người có nhiệm vụ thâu vào cảnh xúc đưa vào tâm để sinh ra cái biết của thân.

Xúc là mềm, cứng, nóng, lạnh phát ra từ sự vật hay con người sẽ thâu vào tâm qua cửa sổ thân và chỉ ghi lại những hình ảnh thôi. Xúc là có thật liên hệ đến vật chất.

Ý và Pháp

"Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức. Duyên đống rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đống rác."

Ý là cơ quan của con người có nhiệm vụ nhập pháp vào tâm để sanh ra ý thức.

Pháp là ảnh của sắc, là ảnh của thanh, là ảnh của hương, là ảnh của vị, là ảnh của xúc mà đã thâu vào tâm qua năm cửa sổ kia. Như vậy pháp là năm ảnh đã được thâu vào tâm qua năm giác quan.

Tà kiến và Chánh kiến

Thông thường muốn biết người nào có Chánh kiến hay Tà kiến cần phải biết có nguyên nhân gần và nguyên nhân xa. Theo Lý duyên khởi cho biết Chánh kiến hay Tà kiến sanh ra từ chỗ nào, hãy quan sát Lý duyên khởi sẽ thấy.

Vô minh ➤ Hành ➤ Thức ➤ Danh Sắc ➤ Lục nhập ➤ Xúc ➤ Thọ ➤ Ái ➤ Thủ

a) Tà kiến

Thủ là nắm giữ, kiến thủ là nắm giữ những quan điểm sai lầm. Kiến thủ cũng là Tà kiến. Nguyên nhân gần nhất của thủ là duyên Ái. Nguyên nhân xa hơn nữa là duyên Lục nhập. Nguyên nhân xa nhất là duyên Hành. Như vậy nếu quá khứ mà Tà kiến sẽ dẫn đến duyên lục nhập như mắt nhập kinh sách Tà kiến hoặc tai nhập những lời giảng Tà kiến dẫn đến sắc ái và thanh ái cuối cùng thành kiến thủ (Tà kiến).

Cách bỏ Tà kiến duy nhất là quan sát Lý duyên khởi biết rằng từ duyên lục nhập sanh khởi ra thức, từ thức duyên khởi ra xúc, từ xúc duyên khởi ra thọ, từ thọ duyên khởi ra ái, từ ái duyên khởi ra kiến thủ. Nếu ai thấy được như vậy tà kiến sẽ biến mất.

Hiện nay có những người nhân danh là đệ tử Phật, nhưng có tà kiến do duyên nhập kinh mà không phải do một Đức Phật Toàn giác thuyết, rồi đọc kinh đó lâu ngày sinh ra thọ lạc, sinh ra ái, sinh ra kiến thủ. Từ cái tưởng đó và cho rằng kinh đó là chân lý, là đúng vì không biết lý duyên khởi. Hơn nữa không chứng nghiệm những gì Đức Phật đã thuyết mà chỉ tin vào những lời trong kinh một cách mù quáng nên tà kiến sanh khởi. Người học Phật cần phải chứng nghiệm chứ không phải tin suông.

Người học Phật cần phải quan sát duyên lục nhập đặc biệt là mắt và tai lúc ban đầu nhập những dữ kiện, những thông tin từ sắc (kinh, sách, mạng internet...), từ âm thanh (những lời giảng, những máy phát ra tiếng v.v...). Những thông tin đó biến thành cái biết rồi chuyển đổi qua Xúc rồi chuyển qua cảm thọ lạc rồi chuyển qua Sắc Ái, Thanh Ái (ưa thích) rồi chấp thủ mà không hay biết rằng mình đã có tà kiến.

b) Chánh kiến

Nếu sanh ra trong đời này mà nhập được Tứ Thánh Đế là có chánh kiến, nếu không có chánh kiến là vô minh thì luân hồi dài dài trong tam giới. Chúng ta may mắn có năm bộ Kinh Nikaya, theo thời gian sẽ có nhiều người học được Tứ Thánh Đế sẽ có chánh kiến sanh khởi. Ngày đêm suy tư và chứng nghiệm về Tứ Thánh Đế sẽ chứng được bậc Thánh dự lưu quả.

Kết luận về duyên Lục nhập

Lục nhập còn gọi sáu nội xứ vừa lọt lòng mẹ nặng vài ký chưa biết gì nhiều và cùng lúc cũng có sáu ngoại xứ đồng hành. Vì vậy sáu nội xứ không thể tự đứng một mình luôn luôn đi chung với sáu ngoại xứ. Từ duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ tạo thành sáu cái biết còn gọi là sáu hạt giống. Điều này ít ai biết nên vô tình nhập sáu ngoại xứ nhiều quá nên có kết quả xấu nhiều về sau. Tất cả con người đã sanh trong kiếp này, từ bé cho đến lớn, do vô tình hay cố ý đã nhập vào nhiều hiểu biết nên dính chặt và phải đi luân hồi lâu dài.

Người học Phật nên quan sát do duyên Lục nhập sẽ sanh ra bốn thủ. Nếu thấy được, biết được thì sự chấp thủ từ từ biến mất. Nếu không thấy, không biết tiến trình này thì sự chấp thủ sẽ không biến mất được. Duyên lục nhập là nơi sẽ tháo ra hay cột chặt vào sáu cảnh bên ngoài vì vậy chúng ta cần chiêm nghiệm nhiều từ duyên Lục nhập cho đến Thủ.

Thông thường khi ai sanh ra đời cũng có sáu nội xứ tự động sẽ nhập sáu cảnh vào tâm. Đây là bước đầu con người học hỏi sáu cảnh bên ngoài để sanh ra sáu cái biết. Từ cái biết này sẽ phát triển thành duyên xúc, thành duyên thọ, thành duyên ái, thành duyên thủ. Một khi thành Dục thủ, Kiến thủ, Ngã luận thủ, Giới cấm thủ thì khó mà thay đổi được.

Làm thế nào để biết duyên Thủ thành hình? Người học Phật cần quan sát những đứa trẻ sanh ra đời có sự hiểu biết rất ít nhưng những sự hiểu biết của chúng sẽ tăng lên cho đến lúc trưởng thành. Như vậy những hạt giống hiểu biết ban đầu và chín muồi gọi là Thanh niên có thể đi làm và lập gia đình.

Tương lai chúng ta lệ thuộc những hạt giống thiện hay những hạt giống ác, hay những kinh văn không giải thoát, hay giải thoát sẽ trổ thành những quả chín để thọ hưởng những cảm thọ lạc hay những cảm thọ khổ.

Những hành giả hôm nay không nhận ra tà kiến hay chánh kiến do ban đầu đã nhập văn tự kinh có giải thoát hay không? Nếu không nhận ra Lục nhập sanh ra chánh kiến hay tà kiến. Chuyện học Phật pháp xem như chấm dứt.

Duyên lục nhập này rất quan trọng nếu những hành giả không nhận biết thì rất khó tu tập và khó bỏ được dục thủ, kiến thủ, ngã luận thủ, giới cấm thủ. Đặc biệt duyên thọ sanh khởi mà không biết vì sao có thọ lạc hay thọ khổ. Thông thường những ai không học lý 12 Nhân duyên rất khó phá tan sự chấp thủ. Nguyên nhân xa sanh thủ chính là duyên lục nhập như giáo dục một đứa trẻ thành người tốt hay xấu tùy vào lúc còn trẻ đến khi trưởng thành nhập những cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh hương, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp vào tâm qua cửa sổ mắt, qua cửa sổ tai, qua cửa sổ mũi, qua cửa sổ lưỡi, qua cửa sổ thân, qua cửa số ý. Những cảnh bên ngoài sẽ tàn phá sáu cái làng trống nên nhập nhiều hại nhiều hơn là lợi. Hành giả Phật giáo nên biết như vậy chỉ nhập cái gì cần thiết như bài kinh lá rừng Simsapa nói Tứ Thánh Đế cần phải biết để chấm dứt khổ. Nếu không biết nhập vào sáu làng trống với những chiếc lá trong rừng mà không phải những chiếc lá trong nắm tay sẽ không giúp cho sự giải thoát chỉ kéo dài sự luân hồi.

4. Thức hiện tại

Trong 12 Nhân duyên có hai thức: Một là thức cũ do duyên sáu nội xứ với sáu ngoại xứ thuộc về quá khứ. Hai là thức mới do duyên sáu nội xứ với sáu ngoại xứ thuộc về hiện tại. Sáu thức cũ đã được bàn thảo trong Chương 1: Nghiệp cũ và Chương 2: Quả khổ hiện tại bàn về sáu thức mới.

Trong Kinh Trung Bộ số 38. Đại Kinh Đoạn tận ái, viết:

Này các Tỳ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi Duyên vỏ gỗ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vỏ bào. Duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ. Duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò. Duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu. Duyên đống rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đống rác. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, do duyên, thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên và tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

Nhãn thức

Nhãn thức là gì? Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức.

Duyên với cảnh sắc lần thứ nhất, cảnh sắc được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan mắt và duyên với cảnh sắc lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của mắt gọi là nhãn thức. Duyên mắt và sắc sanh

cái biết của mắt là vậy. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hoặc như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi mắt thấy sắc. Nhãn thức khác với sắc tưởng, người học Phật cần cố gắng phân biệt nhãn thức và sắc tưởng vì là hai uẩn (Tưởng, Thức) này trong năm uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức). Nếu không phân biệt được thì học Phật khó vô cùng.

Ví dụ về nhãn thức.

Này các Tỳ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi;

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Củi dụ cho mắt, lửa tượng trưng cho Thức, lửa củi là nhãn thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có củi thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có mắt thì cái biết biểu lộ ra qua mắt nên có tên là nhãn thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời là do duyên với củi thì lửa sanh khi hết củi thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu thì không áp dụng. Tương tự duyên mắt với sắc sanh khởi nhãn thức khi mắt không có thì nhãn thức diệt. Nhãn thức sẽ không có nếu không có mắt hoặc không có sắc. Như vậy nhãn thức chỉ sanh khởi khi hội đủ mắt và sắc.

Nhĩ thức

Nhĩ thức là gì? Do duyên tai và các thanh, thức sinh, và thức ấy có tên là nhĩ thức.

Duyên với cảnh thanh lần thứ nhất, cảnh thanh được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan tai và duyên với cảnh thanh lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của tai gọi là nhĩ thức. Duyên tai và các thanh sanh cái biết của tai. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là

hay như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi tai nghe âm thanh. Nhĩ thức khác với thanh tưởng, người học Phật cần cố gắng phân biệt nhĩ thức và thanh tưởng.

Ví dụ về nhĩ thức. *Này các Tỳ-kheo, duyên vỏ gỗ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vỏ bào.*

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Vỏ gỗ bào dụ cho tai, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa vỏ bào là nhĩ thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có vỏ bào thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có tai thì cái biết biểu lộ ra qua tai nên có tên là nhĩ thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với vỏ gỗ bào thì lửa sanh khi hết vỏ bào thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên tai với các thanh sanh khởi nhĩ thức khi tai không có thì nhĩ thức diệt. Nhĩ thức sẽ không có nếu không có tai hoặc không có âm thanh. Như vậy nhĩ thức chỉ sanh khởi khi hội đủ tai và thanh.

Tỷ thức

Tỷ thức là gì? Do duyên Mũi và Hương, thức sinh, và thức ấy có tên là tỷ thức.

Mũi duyên với cảnh hương lần thứ nhất, cảnh hương được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan mũi và duyên với cảnh hương lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của mũi gọi là tỷ thức. Duyên mũi và hương sanh cái biết của mũi. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hay như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi mũi ngửi hương. Tỷ thức khác với hương tưởng, ai học Phật cần cố gắng phân biệt tỷ thức và hương tưởng.

Ví dụ về tỷ thức.

Này các Tỳ-kheo, duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu.

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Trấu dụ cho mũi, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa trấu là tỷ thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có trấu thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có mũi thì cái biết biểu lộ ra qua mũi nên có tên là tỷ thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với trấu thì lửa sanh khi hết trấu thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên mũi với hương sanh khởi tỷ thức khi mũi không có thì tỷ thức diệt. Tỷ Thức sẽ không có nếu không có mũi hoặc không có hương. Như vậy tỷ thức chỉ sanh khởi khi hội đủ mũi và hương.

Thiệt thức

Thiệt thức là gì? Do duyên Lưỡi và Vị, thức sinh, và thức ấy có tên là thiệt thức.

Duyên với cảnh Vị lần thứ nhất, cảnh vị được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan lưỡi và duyên với cảnh vị lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh với hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của lưỡi gọi là thiệt thức. Duyên lưỡi và vị sanh cái biết của lưỡi. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hay như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi lưỡi nếm vị. Thiệt thức khác với vị tưởng, người học Phật cần cố gắng phân biệt thiệt thức và vị tưởng.

Ví dụ về thiệt thức. *Này các Tỳ-kheo, duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ.*

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Cỏ dụ cho lưỡi, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa cỏ là thiệt thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có cỏ thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có lưỡi thì cái biết biểu lộ ra qua lưỡi nên có tên là thiệt thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với cỏ thì lửa sanh khi hết cỏ thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên lưỡi với vị sanh khởi thiệt thức, khi lưỡi không có thì thiệt thức diệt.

Thiệt Thức sẽ không có nếu không có lưỡi hoặc không có vị. Như vậy thiệt thức chỉ sanh khởi khi hội đủ lưỡi và vị.

Thân thức

Thân thức là gì? Do duyên thân và xúc, thức sinh, và thức ấy có tên là thân thức.

Duyên với cảnh xúc lần thứ nhất, cảnh xúc được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan thân và duyên với cảnh xúc lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của thân gọi là thân thức. Duyên thân và cảnh xúc sanh cái biết của thân. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là hay như đang là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi thân duyên với xúc. Thân thức khác với xúc tưởng, người học Phật cần cố gắng phân biệt thân thức và xúc tưởng.

Ví dụ về thân thức. *Này các Tỳ-kheo, duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò.*

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Phân bò dụ cho thân, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa phân bò là thân thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có phân bò thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi

có thân thì cái biết biểu lộ ra qua thân nên có tên là thân thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với phân bò thì lửa sanh khi hết phân bò thì lửa tắt còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên thân với cảnh xúc sanh khởi thân thức khi thân không có thì thân thức diệt. Thân Thức sẽ không có nếu không có thân hoặc không có xúc. Như vậy thân thức chỉ sanh khởi khi hội đủ thân và xúc.

Ý thức

Ý thức là gì? Do duyên ý và pháp, thức sinh, và thức ấy có tên là ý thức.

Duyên với pháp lần thứ nhất, cảnh pháp được lưu lại ảnh trong tâm qua cơ quan ý và duyên với cảnh pháp lần thứ hai cũng có một ảnh mới. Tâm so sánh hai ảnh giống nhau khởi ra cái biết của ý gọi là ý thức. Duyên ý và pháp sanh cái biết của ý. Cái biết này gọi là cái biết đúng như là mà không dùng hiểu biết cũ suy diễn khi ý duyên với pháp. Ý thức khác với pháp tưởng, người học Phật cần cố gắng phân biệt ý thức và pháp tưởng.

Ví dụ về ý thức. *Này các Tỳ-kheo, duyên đống rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đống rác.*

Đức Phật dạy ví dụ trên nên hiểu như sau: Đống rác dụ cho Ý, còn Lửa tượng trưng cho Thức, lửa đống rác là Ý thức. Như vậy lửa ở đâu không biết nhưng có đống rác thì lửa phát sanh. Tương tự như vậy cái tâm ở đâu không biết nhưng khi có ý thì cái biết biểu lộ ra qua ý nên có tên là ý thức. Người học Phật thường thắc mắc lửa tắt đi về đâu hoặc tâm ở đâu. Câu trả lời do duyên với đống rác thì lửa sanh, khi hết đống rác thì lửa tắt

còn câu hỏi lửa đi về đâu không áp dụng. Tương tự duyên ý với pháp sanh khởi ý thức khi ý không có thì ý thức diệt.

Ý Thức sẽ không có nếu không có ý hoặc không có pháp. Như vậy ý thức chỉ sanh khởi khi hội đủ ý và pháp.

Kết luận về duyên Thức

Thức phát sinh do duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ. Duyên này rất quan trọng. Nếu những người học Phật không rõ biết duyên Thức thì xem như không hiểu toàn bộ Giáo Pháp mà Đức Phật đã dạy. Tự tâm không tồn tại được mà tâm cần duyên cả hai (nội xứ và ngoại xứ) thì Thức mới hình thành nhưng nhiều người lầm tưởng Thức tự đứng độc lập. Thức là những hạt giống gồm có hạt giống thiện và hạt giống ác. Vì vậy khi sáu nội xứ nhập sáu ngoại xứ phát sanh ra sáu cái biết tức thì biến thành những hạt giống phát triển thành những quả chín muồi. Đây là những thành quả hiểu biết của con người về những gì đã nhập tạo thành trí tuệ về nhiều lãnh vực khác nhau liên hệ về thiện và ác. Có trí tuệ sáng chế vũ khí, hiểu biết về binh pháp như Tôn Tử Binh Pháp thuộc về ác. Có trí tuệ do nhập vào và phát triển thành trí tuệ chín muồi liên hệ đến thiện như trí tuệ về biết cách xây cầu, xây nhà v.v... thuộc về thiện. Tuy nhiên những trí tuệ như thế không giúp con người thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết mà cứ luân hồi lâu dài. Có một trí tuệ siêu việt giúp con người hết khổ đau nữa mà cần nhập vào mắt để phát triển viên mãn chính là Tứ Thánh Đế, Lý Duyên khởi và Bát Thánh đạo. Nhưng có rất nhiều người trong Phật giáo không quan tâm đến trí tuệ siêu việt này để thoát khỏi tam giới mà chạy theo những sự hiểu biết bao la như lá trong rừng và cho rằng chúng sẽ giúp con người thoát khỏi khổ đau. Đây là những sai lầm lớn nhất của những người học Phật có niềm

tin vào một trí tuệ khác sẽ chấm dứt khổ đau như vậy hoàn toàn không có.

Bây giờ chúng sanh vô minh vẫn tin vào những gì do con người sáng tạo và tưởng tượng có hàng ngàn cách tu khác nhau có thể chấm dứt khổ. Đức Phật đã tuyên bố như sau:

"Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được? Như Lai chỉ là người chỉ đường."

Thức là hạt giống, nghiệp là thửa ruộng, ái là sự nhuận ướt

Trong kinh Tăng Chi Ba Pháp - VIII. Phẩm Ananda - 76. Hiện Hữu, viết:

1. Rồi Tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Hữu, hữu, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, được xem là có hữu?

- Này Ananda, nếu không có hành động (nghiệp) và sự chín muồi của dục giới thời dục hữu có thể trình bày được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, này Ananda, nghiệp là thửa ruộng, thức là hột giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an lập trong giới thấp kém. Như

vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ananda, hữu có mặt.

2.- Và này Ananda, nếu không có hành động và sự chín muồi của sắc giới, thời sắc hữu có thể trình bày được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, này Ananda, nghiệp là thửa ruộng, thức là hột giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an lập trong giới bậc trung. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ananda, hữu có mặt.

3.- Và này Ananda, nếu không có hành động và sự chín muồi của vô sắc giới, thời vô sắc hữu có thể trình bày được không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Như vậy, này Ananda, nghiệp là thửa ruộng, thức là hột giống, ái là sự nhuận ướt. Chúng sanh bị vô minh che lấp, bị ái trói buộc, nên thức được an lập trong giới bậc thù thắng. Như vậy, trong tương lai có sự tái sanh sanh khởi. Như vậy, này Ananda, hữu có mặt.

Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khi được thâu vào tâm qua sáu nội xứ biến thành sáu thức là sáu hạt giống. Những thông tin bất thiện hoặc thiện được vào tâm sẽ biến thành những hạt giống thiện hoặc hạt giống bất thiện. Vì vậy lúc còn trẻ mà thâu vào những hạt giống bất thiện thì về sau sẽ trổ ra những quả bất thiện. Nếu lúc trẻ mà thâu vào những hạt giống thiện thì đời này hay đời sau sẽ có những quả thiện.

Nếu sắc là ký tự, là văn tự như những kinh sách được viết lại bằng những mẫu tự A, B, C, v.v... có thể chia làm hai loại: Văn tự kinh giải thoát và văn tự kinh không giải thoát.

a) Văn tự kinh không giải thoát

Những lời trong kinh thường phải biểu thị những sự vật hay những trạng thái có thật. Tác giả đã đọc nhiều thể loại kinh sách thuộc về tôn giáo hay thuộc về thế gian mà chúng thuộc loại hạt giống không đưa đến giải thoát và cũng có loại hạt giống đưa đến giải thoát. Tự mỗi hành giả xem xét mình sau khi nhập những hạt giống kinh đó mà không diệt được tham, sân, si là biết rằng hành giả đã nhập toàn những hạt giống xấu nên từ bỏ những kinh sách đó.

b) Văn tự kinh đưa đến giải thoát

Những lời trong kinh phải biểu thị những gì có thật trên đời này và mọi người có thể kiểm chứng được. Ví dụ Đức Phật nói Khổ, nói khổ Tập, nói khổ Diệt, nói khổ diệt Đạo. Có nghĩa là những văn tự này đang biểu thị bốn sự thật mà mọi người có thể chứng nghiệm được. Nhưng rất tiếc chúng sanh thời nay vô minh nhiều nên chỉ có một số theo Chánh kiến. Đa số không tin Tứ Thánh Đế là tối thượng nên chạy theo những gì mà Đức Phật không thuyết. Vì do nghiệp cũ của họ nên sanh ra quả tà kiến hiện tại. Họ chỉ học tà kiến vì phù hợp với họ.

Những văn tự kinh nhập vào tâm qua mắt hay qua tai phải là Tứ Thánh Đế mà khổ Tập là 12 Nhân duyên và khổ Diệt Đạo đế là Bát Thánh đạo. Đây là những hạt giống sẽ chín muồi và giúp chúng sanh thoát khỏi khổ đau.

Đáng tiếc cho những người học Phật vô tình hay cố ý nhập kinh văn vào tâm qua mắt hay qua tai là những hạt giống đi luân hồi. Tự mỗi người cố gắng suy tư Thức là hạt giống, Nghiệp là thửa ruộng, Ái là nhuận ướt sẽ giúp quý vị hiểu Thức rất quan trọng trong việc tìm hiểu Kinh Nikaya.

c) Suy tư là nghiệp

Khi tâm được nhập vào những hạt giống (thức) nhưng nếu không có thửa ruộng thì hạt giống sẽ không thể chín muồi được tức là không trổ thành quả. Như vậy sau khi đã có thức (hạt giống) cần suy tư thì hạt giống mới chín muồi được. Vì lý do này hằng ngày suy tư nhiều về Tứ Thánh Đế, 12 Nhân duyên và Bát Thánh đạo. Thức sẽ chín muồi. Hành giả sẽ hiểu và chứng ngộ Niết Bàn.

d) Ái là nhuận ướt

Hạt giống cần tưới nước sẽ chín muồi sớm nếu được nhuận ướt hằng ngày. Hành giả cần ưa thích Tứ Thánh Đế. Nếu không hăng hái thì hạt giống sẽ trổ quả chậm.

5. Duyên Xúc

Nghĩa chữ Xúc là sự xúc chạm giữa một vật này và một vật khác. Ví dụ hai bàn tay xúc chạm nhau vậy. Khi tìm hiểu duyên xúc theo sự tưởng tri của những vị giảng sư không nên mà cần chứng nghiệm từ ngữ "Xúc" thì việc học Phật sẽ có kết quả tốt.

Trong Kinh Trung Bộ số 148. Kinh Sáu Sáu, viết:

Thế nào là Xúc?

Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Sự gặp

gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Dựa theo định nghĩa trên có thể hiểu do duyên lục nhập sanh khởi sáu thức, do duyên sáu thức sanh khởi sáu xúc. Đây là cách diễn đạt lại để dễ hiểu hơn. Xúc do sự gặp gỡ ba pháp này nhưng thật sự chỉ còn lại là sự xúc chạm giữa hai vế: Vế thứ nhất là tập hợp những ảnh cũ mà đã được thâu vào tâm từ lúc nhỏ cho đến khi trưởng thành và vế thứ hai là những ảnh mới mà vừa thâu vào tâm qua sáu giác quan. Cần quan sát và chứng nghiệm duyên Xúc.

Có sáu sự xúc chạm giữa sáu ảnh cũ và sáu ảnh mới mà thời gian khác nhau, không cùng một lúc:

Ý xúc đến tức thì vì không có khoảng cách giữa ý và pháp.

Nhãn xúc có khoảng cách giữa mắt và cảnh sắc. Ánh sáng mang cảnh sắc đền mắt nhanh nhất do tốc độ ánh sáng rất lớn nên cảnh sắc được đưa vào tâm quá nhanh mà nhiều người không nhận ra.

Nhĩ xúc có khoảng cách giữa tai và thanh do tốc độ âm thanh khá nhanh nên nhĩ xúc xảy ra khá nhanh.

Thân Xúc cũng nhanh vừa vì khoảng cách giữa thân và cảnh xúc khá gần.

Tỷ xúc cũng nhanh do tốc độ gió cũng nhanh nên thời gian để hương vào tâm không lâu.

Thiệt xúc là chậm nhất do tùy ta đưa vị vào lưỡi bằng đôi đũa khá chậm.

Duyên xúc luôn luôn có vì tâm đã lưu giữ sáu ảnh cũ (tích lũy từ nhỏ đến lớn) sẽ xúc chạm với những cảnh mới của sáu ngoại xứ nhưng sự xúc chạm có thể giảm thiểu tối đa sẽ dẫn đến khổ rất ít và ái cũng giảm theo.

Ví dụ, một người sống vùng quê hay trong rừng có những ngoại xứ rất đơn sơ. Nhưng đi lên thành phố lớn đồng nghĩa là tiếp xúc sáu ngoại xứ mới sẽ sinh ra những cảm thọ vui sướng nên tham ái sanh khởi.

Như vậy sự xúc chạm là giữa những ảnh đã chứa trong tâm và những cảnh mới vừa đưa vào tâm qua sáu giác quan.

Nhãn xúc

Thế nào là nhãn xúc? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên mắt và duyên cảnh sắc: Cảnh sắc được đưa vào tâm qua mắt lần thứ nhất gọi ảnh cảnh sắc một. Tương tự duyên với cảnh sắc lần thứ hai gọi là ảnh cảnh sắc hai. Tâm so sánh ảnh cảnh sắc một và ảnh cảnh sắc hai sanh khởi nhãn thức nhưng ảnh hai trở thành ảnh cảnh sắc cũ. Khi duyên với cảnh sắc lần thứ ba gọi là ảnh cảnh sắc mới. Ảnh cảnh sắc mới này được đưa vào tâm qua mắt với tốc độ ánh sáng.

Vì vậy điều kiện để nhãn xúc sanh khởi cần có hai vế: Về thứ nhất là ảnh cũ và vế thứ hai là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là nhãn xúc. Minh họa nhãn xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau.

Ví dụ: Muốn có tiếng vỗ hai bàn tay cần sự xúc chạm giữa bàn tay trái và bàn tay phải, nếu chỉ có một bàn tay thì không có tiếng phát ra. Tương tự nhãn xúc cũng giống như vậy.

Hành giả quan sát và chứng nghiệm đúng như mô tả hay không? Chứ không phải tin vào sự phân tích của tác giả.

Nhĩ xúc

Thế nào là nhĩ xúc? Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên tai và duyên cảnh thanh: Cảnh thanh được đưa vào tâm qua tai lần thứ nhất gọi ảnh cảnh thanh một. Tương tự duyên với cảnh thanh lần thứ hai gọi là ảnh cảnh thanh hai. Tâm so sánh ảnh cảnh thanh một và ảnh cảnh thanh hai sanh khởi nhĩ thức nhưng ảnh hai trở thành ảnh cảnh thanh cũ. Khi duyên với cảnh thanh lần thứ ba gọi là ảnh cảnh thanh mới. Ảnh cảnh thanh mới này được đưa vào tâm qua tai với tốc độ âm thanh.

Vì vậy điều kiện để nhĩ xúc sanh khởi cần có hai vế: Về thứ nhất là ảnh cũ và vế thứ hai là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là nhĩ xúc. Minh họa nhĩ xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau.

Ví dụ: Muốn có tiếng vỗ hai bàn tay cần sự xúc chạm giữa bàn tay trái và bàn tay phải, nếu chỉ có một bàn tay thì không có tiếng phát ra. Tương tự nhĩ xúc cũng giống như vậy.

Hành giả quan sát và chứng nghiệm đúng như mô tả hay không? Chứ không phải tin vào sự phân tích của tác giả.

Tỷ xúc

Thế nào là Tỷ xúc? Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên mũi và duyên cảnh hương: Cảnh hương được đưa vào tâm qua mũi lần thứ nhất gọi ảnh cảnh hương một.

Tương tự duyên với cảnh hương lần thứ hai gọi là ảnh cảnh hương hai. Tâm so sánh ảnh cảnh hương một và ảnh cảnh hương hai sanh khởi tỷ thức nhưng ảnh hai trở thành ảnh cảnh hương cũ. Khi duyên với cảnh hương lần thứ ba gọi là ảnh cảnh hương mới. Ảnh cảnh hương mới này được đưa vào tâm qua mũi với tốc độ gió.

Vì vậy điều kiện để tỷ xúc sanh khởi cần có hai vế: Về thứ nhất là ảnh cũ và vế thứ hai là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là tỷ xúc. Minh họa tỷ xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau.

Hành giả quan sát và chứng nghiệm đúng như mô tả hay không? Chứ không phải tin vào sự phân tích của tác giả.

Thiệt xúc

Thế nào thiệt xúc? Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên lưỡi và duyên cảnh vị: Cảnh vị được đưa vào tâm qua lưỡi lần thứ nhất gọi ảnh cảnh vị một. Tương tự duyên với cảnh vị lần thứ hai gọi là ảnh cảnh vị hai. Tâm so sánh ảnh cảnh vị một và ảnh cảnh vị hai sanh khởi thiệt thức nhưng ảnh hai trở thành ảnh cảnh vị cũ. Khi duyên với cảnh vị lần thứ ba gọi là ảnh cảnh vị mới. Ảnh cảnh vị mới này được đưa vào tâm qua lưỡi.

Vì vậy điều kiện để thiệt xúc sanh khởi cần có hai vế: Về thứ nhất là ảnh cũ và vế thứ hai là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là thiệt xúc. Minh họa thiệt xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau.

Hành giả quan sát và chứng nghiệm đúng như mô tả hay không? Chứ không phải tin vào sự phân tích của tác giả.

Thân xúc

Thế nào thân xúc? Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên thân và duyên cảnh xúc: Cảnh xúc được đưa vào tâm qua thân lần thứ nhất gọi ảnh cảnh xúc một. Tương tự duyên với cảnh xúc lần thứ hai gọi là ảnh cảnh xúc hai. Tâm so sánh ảnh cảnh xúc một và ảnh cảnh xúc hai sanh khởi thân thức nhưng ảnh hai trở thành ảnh cảnh xúc cũ. Khi duyên với cảnh xúc lần thứ ba gọi là ảnh cảnh xúc mới. Ảnh cảnh xúc mới này được đưa vào tâm qua thân.

Vì vậy điều kiện để thân xúc sanh khởi cần có hai vế: Về thứ nhất là ảnh cũ và vế thứ hai là ảnh mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là thân xúc. Minh họa thân xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau.

Hành giả quan sát và chứng nghiệm đúng như mô tả hay không? Chứ không phải tin vào sự phân tích của tác giả.

Ý xúc

Thế nào là ý xúc? Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên ý và do duyên cảnh pháp: Cảnh pháp được đưa vào tâm qua ý lần thứ nhất gọi ảnh cảnh pháp một. Tương tự duyên với cảnh pháp lần thứ hai gọi là ảnh cảnh pháp hai. Tâm so sánh ảnh cảnh pháp một và ảnh cảnh pháp hai sanh khởi ý thức nhưng ảnh cảnh pháp hai trở thành ảnh cảnh pháp cũ. Khi duyên với cảnh pháp lần thứ ba gọi là ảnh cảnh pháp mới. Ảnh cảnh pháp mới này được đưa vào tâm qua ý tức thì. Người học Phật nên biết không có khoảng cách giữa ý và cảnh pháp. Khi ảnh pháp được đưa đến ý tức thì không có thời gian.

Vì vậy điều kiện để ý xúc sanh khởi cần có hai vế: Về thứ nhất là ảnh cảnh pháp cũ và vế thứ hai là ảnh cảnh pháp mới xúc chạm với nhau như vậy gọi là ý xúc. Minh họa ý xúc giống như hai bàn tay xúc chạm vào nhau. Hành giả cần chứng nghiệm có đúng hay không.

Kết luận về duyên Xúc

Thường trong kinh không có định nghĩa rõ ràng về duyên Xúc. Duy chỉ có bài Kinh Trung Bộ số 148 hoặc Kinh Tương Ưng 4 - Sáu xứ có giải thích duyên nhãn xúc do sự hội tụ ba pháp: Sắc, Mắt, Nhãn thức. Tương tự cho Nhĩ xúc, Thiệt xúc, Tỷ xúc, Thân xúc, Ý xúc. Hậu thế không biết rõ về duyên Xúc rồi tự biên, tự diễn về duyên Xúc nên không đúng như Đức Phật đã dạy. Bản thân tác giả đã đi tìm hiểu về duyên Xúc rất lâu mới hiểu được ý nghĩa duyên Xúc. Hồi mới học suy tư duyên Xúc mất gần mười năm mới vỡ lẽ ra nên nhớ học phải đạt ý quên lời rất khó và cần có thời gian.

Tóm tắt lại duyên Xúc là sự xúc chạm giữa những dữ kiện hoặc những hình ảnh hoặc những hiểu biết đã lưu trữ trong tâm từ khi lọt lòng mẹ đến khi trưởng thành và những thông tin mới hoặc những hình ảnh mới vừa được đưa vào tâm qua sáu nội xứ.

6. Thọ do duyên Xúc sanh

Thông thường một cảm thọ lạc hay một cảm thọ khổ chỉ xảy ra khi tiếp xúc sắc mới, thanh mới, hương mới, vị mới, xúc mới, pháp mới. Nếu không có sáu cảnh mới có nghĩa là những cảnh cũ đang hiện hữu chỉ có cảm thọ không khổ không lạc. Người học Phật cần quan sát khi có duyên xúc mới sẽ phát sanh cảm thọ lạc hay cảm thọ khổ. Sau đó cảm thọ lạc hay cảm

thọ khổ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc. Quan sát và ghi nhớ sẽ xảy ra như thế.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thọ? Này các Tỳ-kheo, có sáu thọ này: thọ do nhãn xúc sanh; thọ do nhĩ xúc sanh; thọ do tỷ xúc sanh; thọ do thiệt xúc sanh; thọ do thân xúc sanh; thọ do ý xúc sanh. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thọ.

Trong Kinh Tăng Chi Mười Pháp - VI. Phẩm Tâm Của Mình - (VIII) (58) Lấy Căn Bản Nơi Thế Tôn, viết:

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. - Này các Tỳ-kheo, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi như sau: "Này chư Hiền, tất cả pháp lấy gì làm căn bản? Tất cả pháp lấy gì làm sanh khởi? Tất cả pháp lấy gì làm tập khởi? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ quy tụ? Tất cả pháp lấy gì làm thượng thủ? Tất cả pháp lấy gì làm tăng thượng? Tất cả pháp lấy gì làm tối thượng? Tất cả pháp lấy gì làm lõi cây? Tất cả pháp lấy gì làm chỗ thể nhập? Tất cả pháp lấy gì làm cứu cánh? "

Được hỏi vậy, này các Tỳ-kheo, các Thầy có thể trả lời như sau: "Tất cả pháp lấy dục làm căn bản. Tất cả pháp lấy tác ý làm sanh khởi. Tất cả pháp lấy xúc làm tập khởi. Tất cả pháp lấy thọ làm chỗ quy tụ. Tất cả pháp lấy định làm thượng thủ. Tất cả pháp lấy niệm làm tăng thượng. Tất cả pháp lấy tuệ làm tối thượng. Tất cả pháp lấy giải thoát làm lõi cây. Tất cả pháp lấy bất tử làm chỗ thể nhập. Tất cả pháp lấy Niết-bản làm cứu cánh."

Đoạn kinh trên trích từ Kinh Tăng Chi Mười Pháp cho biết rằng tất cả các pháp lấy thọ làm chỗ quy tụ. Như vậy duyên thọ là quả khổ hay quả lạc là một trong bốn duyên thuộc quả khổ hiện tại rất quan trọng. Nó là chỗ hội tụ mà chúng sanh nào

cũng ghi nhận và biết được những cảm thọ lạc hay những cảm thọ khổ. Nó cũng là cạm bẫy để chúng sanh bị sập vào để phải luân hồi. Những người học Phật cần chánh niệm duyên thọ để không sập vào cái bẫy này vì đa số những hành giả Phật giáo ít nhận ra duyên thọ là cái bẫy sập.

Theo Lý duyên khởi duyên thọ là duyên thứ bảy trong 12 Nhân duyên.

Lý duyên khởi theo chiều thuận có nghĩa là đi từ duyên Vô minh thuận chiều về duyên Thọ.

Vô minh ⇨ Hành ⇨ Thức ⇨ Danh sắc ⇨ Lục nhập ⇨ Xúc ⇨ Thọ

Lý duyên khởi theo chiều ngược có nghĩa là đi từ duyên Thọ ngược về duyên Vô minh.

Vô minh ⇦ Hành ⇦ Thức ⇦ Danh sắc ⇦ Lục Nhập ⇦ Xúc ⇦ Thọ

Duyên Thọ có nhân gần là duyên xúc, duyên lục nhập, duyên danh sắc và có nhân xa là duyên thức, duyên hành, duyên vô minh. Duyên Thọ gồm có nhãn thọ, nhĩ thọ, tỷ thọ, thiệt thọ, thân thọ, ý thọ. Mỗi thọ có ba thọ: thọ lạc, thọ không khổ không lạc, thọ khổ. Như vậy có 18 thọ nhưng có 18 thọ liên hệ tại gia và có 18 thọ liên hệ xuất ly, có tổng cộng 36 thọ nhưng quá khứ 36 thọ, hiện tại 36 thọ, tương lai 36 thọ, tổng cộng 108 thọ. Những ai học Phật cần tìm hiểu rốt ráo về duyên Thọ để không sụp hầm. (Tham khảo kinh số 137, Phân biệt sáu xứ, Kinh Trung Bộ).

Nhãn thọ do nhãn xúc sanh

Có ba cảm thọ nhưng khi có nhãn xúc sẽ chỉ có lạc thọ hoặc khổ thọ. Còn thọ không khổ không lạc là chuyển tiếp, là trung gian khi sáu cảnh vô thường thì chuyển sang thọ trung gian tức là thọ không khổ không lạc.

Này các Tỳ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Đây, này các Tỳ-kheo, là ba thọ.

★ Lạc thọ

Nhãn xúc sanh ra lạc thọ có nghĩa là gì?

Nhãn xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh sắc và ảnh mới cảnh sắc vừa đưa vào tâm qua mắt. Lạc thọ do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ > 0. Ảnh mới lạ khác nhiều ảnh cũ nên sanh ra cảm thọ lạc. Có sự khác nhau giữa ảnh cũ và ảnh mới sanh ra khả ái, khả lạc gọi là thọ lạc. Thọ lạc là bẫy sập đưa chúng sanh luân hồi dài lâu.

Ví dụ, một người đã có một chiếc xe cũ rồi muốn mua một chiếc xe mới, khi thấy một chiếc xe khả ái khả lạc rồi mua về.

★ Khổ thọ

Nhãn xúc sanh ra khổ thọ có nghĩa là gì?

Nhãn xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh sắc và ảnh mới cảnh sắc vừa đưa vào tâm qua mắt. Khổ thọ do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới, ảnh mới - ảnh cũ < 0. Ảnh mới thường là thua sút ảnh cũ như hình ảnh già nua hoặc ảnh mới thay đổi đột ngột, mất sanh ra cảm thọ khổ. Thọ khổ là bẫy đưa chúng sanh luân hồi dài lâu.

Ví dụ. Một người có vợ hay có chồng khi một trong hai người mất thì sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới rất lớn sẽ phát sanh ra một cảm thọ khổ vô cùng.

★ Không khổ không lạc thọ

Nhãn xúc sanh ra cảm thọ không khổ không lạc có nghĩa là gì?

Nhãn xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh sắc và ảnh mới cảnh sắc vừa đưa vào tâm qua mắt. Cảm thọ không khổ không lạc do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới, ảnh mới - ảnh cũ = 0. Không có sự khác nhau giữa ảnh mới và ảnh cũ nên sanh ra cảm thọ không khổ không lạc.

Nếu duyên xúc sanh khởi cảm thọ lạc trước, khi xúc thay đổi thì cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt.

Nếu duyên xúc sanh ra là cảm thọ khổ vì xúc biến đổi thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ.

Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ. Cảm thọ không khổ không lạc là cảm thọ trung gian giữa cảm thọ lạc và cảm thọ khổ nên những hành giả không nhận ra tưởng mình có tâm xả. Cảm thọ này cũng là bẫy sập dẫn đến luân hồi dài lâu.

Ví dụ. Một người đi du lịch một nơi nào đó xúc cảnh mới lạ nên sanh ra cảm thọ lạc nhưng nếu người đó ở đó một thời gian ngắn sẽ không còn sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới gọi là cân bằng gọi là cảm thọ không khổ không lạc.

Tóm lại, nhãn thọ do nhãn xúc sanh khởi có ba cảm thọ: lạc, khổ, không khổ không lạc nhưng không cùng một lúc có cả ba cảm thọ mà có lạc chuyển qua không khổ không lạc rồi chuyển đổi qua khổ. Nếu hành giả nào giác ngộ sự biến đổi các cảm thọ, hành giả có trí tuệ không còn kiết sử vào bất cứ cái gì. Hành giả cần chứng nghiệm có đúng hay không.

Nhĩ thọ do nhĩ xúc sanh

Có duyên xúc xảy ra chỉ có một là lạc thọ hoặc hai là khổ thọ, chứ không phải một lúc có ba cảm thọ. Thọ không khổ không lạc chỉ là thọ chuyển tiếp từ thọ lạc hoặc từ thọ khổ chuyển qua vì sự vật vô thường nên có thọ không khổ không lạc là trung gian cho hai cảm thọ kia.

Tương tự như nhãn thọ ở trên, cũng theo tiến trình có ba cảm thọ: cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không khổ không lạc.

Nhĩ thọ sanh khởi tức thì khi có duyên nhĩ xúc sanh khởi. Tại một thời điểm nhĩ thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt.

Nếu duyên xúc sanh ra cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như

vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ. Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ. Nhĩ thọ là bẫy sập đưa chúng sanh vào luân hồi dài dài.

Tỷ thọ do tỷ xúc sanh

Tương tự như Nhãn thọ, Nhĩ thọ.

Tương tự như nhãn thọ ở trên, cũng theo tiến trình ba cảm thọ: thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

Tỷ thọ sanh khởi tức thì khi có duyên tỷ xúc sanh khởi. Tại một thời điểm tỷ thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt.

Nếu duyên xúc sanh ra là cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ.

Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ thôi. Tỷ thọ là bẫy sập đưa chúng sinh vào luân hồi dài lâu. Hành giả cần chứng nghiệm có đúng hay không.

Thiệt thọ do thiệt xúc sanh

Tương tự như Nhãn thọ, Nhĩ thọ.

Tương tự như nhãn thọ ở trên, cũng theo tiến trình ba cảm thọ: thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

Thiệt thọ sanh khởi tức thì khi có duyên thiệt xúc sanh khởi. Tại một thời điểm thiệt thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt.

Nếu duyên xúc sanh ra cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Thiệt thọ là bẫy sập đưa chúng sanh luân hồi dài lâu.

Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ. Người tu cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ. Hành giả cần chứng nghiệm có đúng hay không?

Thân thọ do thân xúc sanh

Tương tự như Nhãn thọ, Nhĩ thọ.

Tương tự như nhãn thọ ở trên, cũng theo tiến trình ba cảm thọ: thọ lạc, thọ khổ, thọ không khổ không lạc.

Thân thọ sanh khởi tức thì khi có duyên thân xúc sanh khởi. Tại một thời điểm thân thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt.

Nếu duyên xúc sanh ra là cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ.

Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ. Thân thọ là bẫy sập đưa chúng sanh luân hồi dài lâu. Hành giả cần chứng nghiệm ba cảm thọ.

Ý thọ do ý xúc sanh

Tương tự như Nhãn thọ, Nhĩ thọ.

- Lạc thọ

Ý xúc sanh ra lạc thọ có nghĩa là gì?

Ý xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cảnh pháp cũ và ảnh mới cảnh pháp vừa đưa vào tâm qua ý. Lạc thọ do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ > 0. Ảnh mới lạ khác nhiều ảnh cũ nên sanh ra cảm thọ lạc.

Ví dụ. Trước đây đã lưu một hình ảnh một chiếc xe cũ qua ý và ngày hôm nay đi vào tiệm xe thấy một chiếc xe mới vừa đưa vào tâm qua ý xong đi về nhà ngồi có ý xúc pháp sanh ra vui do sự chênh lệch giữa ảnh cũ cảnh pháp và ảnh mới của cảnh pháp.

- Khổ thọ

Ý xúc sanh ra khổ thọ có nghĩa là gì?

Ý xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh pháp và ảnh mới cảnh pháp vừa đưa vào tâm qua ý.

Khổ thọ do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới, ảnh mới - ảnh cũ < 0. Ảnh mới thường là thua sút ảnh cũ như hình ảnh già nua hoặc ảnh mới thay đổi đột ngột mất sanh ra cảm thọ khổ.

Ví dụ ngày xưa có người yêu đã lưu trữ ảnh cũ cảnh pháp, sau một thời gian gặp lại hình ảnh người yêu cũ đưa vào tâm qua ý, có sự khác nhau giữa hình ảnh cũ và hình ảnh mới phát sinh ra một cảm thọ buồn. Những hành giả nên quan sát để kiểm chứng.

- Không khổ không lạc thọ

Ý xúc sanh ra cảm thọ không khổ không lạc có nghĩa là gì?

Ý xúc là sự xúc chạm giữa ảnh cũ cảnh pháp và ảnh mới cảnh pháp vừa đưa vào tâm qua ý. Cảm thọ không khổ không lạc do sự chênh lệch giữa ảnh cũ và ảnh mới, ảnh mới - ảnh cũ = 0. Không có sự khác nhau giữa ảnh mới và ảnh cũ nên sanh ra cảm thọ không khổ không lạc.

Ví dụ. Bỏ quê đi xa rồi một thời gian rồi về quê lại nhìn cảnh vật thay đổi đưa qua ý, ảnh cảnh pháp mới, phát sanh cảm thọ vui, rồi hằng ngày đưa cảnh pháp qua ý, không còn có sự khác nhau giữa ảnh cũ cảnh pháp và ảnh mới cảnh pháp phát ra cảm thọ không vui không buồn.

Ý thọ sanh khởi tức thì khi có duyên ý xúc sanh khởi. Tại một thời điểm ý thọ nếu là cảm thọ lạc, do sự biến đổi duyên xúc, từ cảm thọ lạc sẽ chuyển sang cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ lạc diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc

chuyển đổi qua cảm thọ khổ thì thọ không khổ không lạc diệt. Nếu duyên xúc sanh ra là cảm thọ khổ vì sự biến đổi duyên xúc thì cảm thọ khổ chuyển đổi qua cảm thọ không khổ không lạc thì cảm thọ khổ diệt. Từ cảm thọ không khổ không lạc biến đổi qua cảm thọ lạc thì cảm thọ không khổ không lạc diệt. Như vậy khi có duyên xúc sanh khởi thì chỉ có cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không khổ không lạc chứ không phải cùng một lúc có cả ba cảm thọ. Hành giả cần phải quan sát và trải nghiệm hằng ngày, mỗi một thời điểm chỉ có một cảm thọ thôi. Ý thọ là bẫy sập dẫn chúng sanh luân hồi dài lâu. Hành giả cần chứng nghiệm ba cảm thọ.

Kết luận về duyên Thọ

Từ duyên **Danh sắc ⇦ Lục Nhập ⇦ Xúc ⇦ Thọ**

Theo lý duyên khởi "Do cái này sanh, cái kia sanh".

Thọ là quả hiện tại, dựa vào lý duyên khởi như sau:

Xúc sanh ra thọ, Lục nhập sanh ra Xúc, Danh sắc sanh ra Lục nhập.

Như vậy bốn duyên quả hiện tại là Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ.

Danh sắc là bắt đầu có mặt trong cuộc sống, chỉ tâm và vật rất vi tế mắt thường không thấy. Từ sự vi tế của Danh sắc từ từ biến đổi vi tế thành to lớn và lọt ra một đứa bé có sáu giác quan có trọng lượng khoảng từ 3kg đến 4kg, gọi là sáu nội xứ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Từ sáu nội xứ này, đứa bé tự động thâu vào sáu ảnh của ngoại xứ (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) qua sáu nội xứ và lưu giữ trong tâm rồi duyên lại với sáu ngoại xứ sanh ra sáu thức hay sáu cái biết. Từ sáu thức này hay sáu ảnh cũ đã lưu giữ trong tâm xúc chạm với sáu ảnh mới của sáu

ngoại xứ vừa đưa vào tâm qua sáu cửa sổ sanh khởi sáu xúc. Từ duyên xúc sanh khởi sáu thọ tức thì. Tiến trình từ danh sắc đến thọ là tự động. Danh sắc là bào thai rất vi tế chưa có hiểu biết nhiều, không có gì phải quan sát.

Từ khi có sáu nội xứ (lục nhập) bắt đầu thâu vào các ảnh của sáu ngoại xứ rất quan trọng. Vì các ảnh đó được lưu giữ trong tâm. Chúng (các ảnh) là những dữ liệu cho chúng ta tạo nghiệp mới trong kiếp sống này. Như vậy mắt nhập ảnh cảnh sắc và lưu giữ trong tâm qua cửa sổ mắt. Thông tin cảnh sắc có trong tâm rồi sẽ sanh ra khổ lạc về sau. Do đó thông tin cảnh sắc rất nguy hiểm, không nên thâu vào thông tin cảnh sắc nhiều, chỉ cho vào thông tin cảnh sắc để duy trì sự sống chúng ta và để chấm dứt khổ hay chấm dứt sự luân hồi. Thông thường thông tin về cảnh sắc là những Kinh do các nhà hiền triết viết để lại hay kinh truyền tụng rồi về sau viết xuống thành kinh nên cẩn thận nếu không thì tâm chúng ta chỉ lưu giữ kinh toàn là văn tự không kiểm chứng được rất nguy hiểm. Còn sách do người thế gian viết và lưu truyền lại không nên đọc vì chúng không đưa đến chấm dứt khổ.

Thông tin về năm bộ Kinh Nikaya có thể thâu vào tâm qua cửa sổ mắt. Nhưng ảnh văn tự kinh lưu giữ trong tâm chỉ là văn tự thôi chưa phải là sự thật. Đa số chúng ta đọc và suy diễn văn tự không chứng nghiệm gì cả thì rất nguy hiểm. Học kinh nên học ít, học từ từ và cần chứng nghiệm những gì trong kinh diễn đạt chứ không phải ngồi lý luận theo tưởng tri của mình. Tai nhập ảnh cảnh thanh và lưu giữ trong tâm qua cửa sổ tai. Thông tin cảnh thanh cũng sẽ sanh ra phiền não về sau. Thông tin này rất nguy hiểm. Thời Đức Phật thông tin về cảnh thanh từ Đức Phật, các thầy tu nhớ và chứng nghiệm dễ dàng. Ngày nay thông tin về cảnh thanh do

phàm phu nói không đúng chân lý nếu chúng ta nhập vào mà không tiêu hóa sẽ có phiền não nhiều nên tránh nhập thông tin từ phàm phu. Về học hỏi Phật pháp cần đưa vào tâm qua cửa sổ mắt hay cửa số tai là quan trọng nhất còn những cửa số khác như lưỡi, thân, mũi chủ về dục là chính. Nếu mắt hay tai nhập những thông tin về Tứ Thánh Đế, 12 Nhân Duyên, Bát Thánh Đạo đưa vào tâm và không nhập những thông tin khác. Đó là phước của quý vị trong quá khứ có chánh kiến. Nếu mắt hay tai nhập những thông tin khác với Tứ Thánh Đế, 12 Nhân Duyên, Bát Thánh Đạo. Đó là quý vị thiếu phước vì kiếp quá khứ đã có tà kiến.

Nói chung chúng ta có sáu cửa sổ nhập những thông tin của sắc, của thanh, của hương, của vị, của xúc, của pháp rất thận trọng. Sáu thọ cũng là sáu cái bẫy sập sẽ dẫn chúng ta luân hồi mãi mãi và đau khổ triền miên.

Trong 12 Nhân duyên là một vòng khép kín nên những hành giả nào muốn thoát khỏi vòng kim cô này rất khó. Đa số những người học Phật không chịu học đầy đủ năm bộ Kinh Nikaya rất khó mà khám phá khe hở nào trong 12 nhân để thoát ra. Tôi có duyên học hỏi nên biết được duyên Thọ là khe hở giúp hành giả thoát được vòng kim cô.

Duyên Thọ có ba cảm thọ: Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ không lạc không khổ. Khe hở từ lạc qua khổ hoặc từ lạc qua không lạc không khổ, hoặc từ khổ qua lạc. Chính khe hở này giúp hành giả nào giác ngộ rằng khi nào có lạc sẽ có khổ hoặc có khổ sẽ có lạc. Tâm giác ngộ không dính mắc vào cảm thọ thì Ái diệt. Nếu không dính mắc vào cảm thọ lạc hoặc cảm thọ khổ hoặc cảm thọ không lạc không khổ gọi là diệt. Tuy nhiên cần tìm hiểu thêm duyên Xúc. Thêm duyên Thức hiện tại, thêm duyên Lục nhập nữa.

Để nhận biết duyên Thọ cần quan sát từ duyên Lục nhập sanh ra thức rồi quan sát duyên Thức sanh ra, xong sẽ thấy duyên Thọ từ duyên Xúc sanh ra.

Sau đây có một bài kinh trong kinh Tương Ưng 1 nói về chư thiên. Tôi suy tư mãi và có lúc hiểu sai. Bây giờ có duyên tìm hiểu về duyên thọ xin giải thích cho những ai muốn hiểu Phật pháp.

Vượt khỏi bộc lưu

Trong Kinh Tương Ưng 1 - Chương I Tương Ưng Chư Thiên - I. Phẩm Cây Lau - I: Bộc Lưu (S.I,1), viết:

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi (Xá-vệ), Jetavana (Thắng Lâm), tại vườn ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc).

Rồi một vị Thiên, khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên ấy bạch Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả, làm sao Ngài vượt khỏi bộc lưu?

- Này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.

- Thưa Tôn giả, làm sao không đứng lại, không bước tới, Ngài vượt khỏi bộc lưu?

- Này Hiền giả, khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống. Này Hiền giả, khi Ta bước tới, thời Ta trôi giạt; do vậy, này Hiền giả, không đứng lại, không bước tới, Ta vượt khỏi bộc lưu.

(Vị Thiên):

Từ lâu, tôi mới thấy
Bà-la-môn tịch tịnh.
Không đứng, không bước tới,
Vượt chấp trước ở đời.

Vị Thiên ấy nói như vậy và bậc Đạo Sư chấp nhận. Vị Thiên ấy biết được: "Thế Tôn đã chấp nhận ta". Vị ấy đảnh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, rồi biến mất tại chỗ.

"Khi Ta đứng lại, thời Ta chìm xuống."

Từ duyên Thọ không khổ không lạc mà không biết rồi dính vào cảm thọ này tức là có tâm Si sẽ luân hồi mà không thoát khỏi bộc lưu.

"Khi Ta bước tới, thời Ta trôi dạt;"

Từ duyên Thọ khổ hoặc Thọ lạc mà chạy theo tức là trôi giạt tức là tâm phóng dật vào trần cảnh thuộc về tâm tham và tâm sân thì phải luân hồi nhưng không phóng dật thì không dính mắc sẽ thoát khỏi bộc lưu.

7. Hành, Tưởng, Dục do duyên Xúc sanh

Dục do duyên Xúc sanh

Sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục, xúc dục.

Dục là sự ham muốn khởi ra do sự nhận thức các sắc khả ái, khả lạc theo định nghĩa trong kinh.

Trong Kinh Tăng Chi Sáu Pháp - VI. Đại Phẩm - (IX) (63) Một Pháp Môn Quyết Trạch, viết:

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả ý, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do

mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, dầu chúng không phải dục, chúng được gọi là dục trưởng dưỡng trong giới luật của bậc Thánh.

Này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục duyên khởi? Xúc, này các Tỳ-kheo, là các dục duyên khởi.

Dục chia ra làm hai hướng: Một là suy tư về dục sẽ dẫn đến đau khổ gọi là tà tư duy. Hai là suy tư ly dục đúng sẽ dẫn đến hạnh phúc gọi là chánh tư duy.

Hằng ngày nếu có sự ham muốn khởi lên nên suy tư ly dục tức thì, không có ham muốn nữa.

Hành do duyên Xúc sanh

Trong kinh Tương Ưng 3 - Chương I Tương Ưng Uẩn (c) - I. Phẩm Tham Luyến - IV. Thủ Chuyển (Tập 2, Đại 2,9b) (S.iii,58), viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành.

Trong Kinh Tăng Chi Sáu Pháp - VI. Đại Phẩm - (IX) (63) Một Pháp Môn Quyết Trạch, viết:

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.

Dựa vào hai định nghĩa trên kết luận rằng nghiệp là hành, trước khi dẫn đến ý hành, thân hành, khẩu hành suy tư có trước.

Như vậy sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư là nghiệp còn gọi là hành. Thỉnh thoảng nói gọn lại là ý hành,

khẩu hành, thân hành mà ý hành là tham, sân, si cũng còn gọi là tham ái, sân ái, si ái.

Tưởng do duyên Xúc sanh

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tưởng? Này các Tỳ-kheo, có sáu tưởng thân này: sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là tưởng. Do xúc tập khởi nên tưởng tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên tưởng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến tưởng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các tưởng dị thục? Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng các tưởng là kết quả của thói quen, khi nào người ta biết sự vật như thế nào, như thế nào, người ta nói sự vật ấy như sau, như sau: "Như vậy tôi tưởng". Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các tưởng dị thục.

Này các Tỳ-kheo, có sáu tưởng này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tưởng sanh khởi? Này các Tỳ-kheo, xúc là các tưởng sanh khởi.

- Sắc tưởng do nhãn xúc sanh

Khi mắt thấy sắc, dùng sự hiểu biết của mình có trước kia nghĩ tưởng sắc theo kinh nghiệm của mình đã có trước đây.

Ví dụ:

Ngày hôm nay đi ra đường thấy một đám mây đen tưởng rằng sẽ có mưa. Do lần trước đã thấy một đám mây đen kéo đến sau đó có mưa. Lần này tưởng có thể sai vì lần này mây đen không mưa.

- Thanh tưởng do nhĩ xúc sanh

Khi tai nghe thanh dùng sự kinh nghiệm, dùng sự hiểu biết của mình tưởng âm thanh theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ:

Nghe tiếng người bạn yếu ớt tưởng người bạn bệnh ho lao. Vì lần trước đã có kinh nghiệm như vậy nhưng lần này tưởng có thể dẫn đến sai.

- Hương tưởng do tỷ xúc sanh

Khi mũi ngửi hương, sử dụng những kinh nghiệm hay những sự hiểu biết của mình tưởng hương theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ:

Đi ra đường hôm nay mũi ngửi được mùi thơm tưởng mình hôm nay gặp may mắn vì lúc trước đó đã xảy ra như vậy. Nhưng hôm nay cái tưởng có thể sai, có ngửi mùi thơm nhưng không có may mắn.

- Vị tưởng do thiệt xúc sanh

Khi lưỡi nếm vị sử dụng những kinh nghiệm của mình tưởng vị theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ: Khi ăn canh chua hôm nay vị không ngon, tưởng rằng canh chua do người mới nấu chứ không phải người cũ nấu vì lúc trước đã ăn ngon. Tưởng có thể sai có thể cùng một người nấu.

- Xúc tưởng do thân xúc sanh

Khi thân xúc với cảnh xúc, sử dụng kinh nghiệm của mình tưởng cảnh xúc theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ:

Khi thân (tay) xúc chạm với với tay người bạn nóng quá, tưởng bạn mình bệnh. Vì lúc trước đã có kinh nghiệm như vậy. Hôm nay tưởng bạn mình có bệnh có thể sai.

- Pháp tưởng do ý xúc sanh

Khi ý xúc với cảnh pháp, sử dụng kinh nghiệm của mình tưởng cảnh pháp theo kinh nghiệm của mình.

Ví dụ: Đang ngồi một mình có hình ảnh bạn cũ vui vẻ với mình ngày xưa xuất hiện trong tâm, tưởng bạn cũ đang có hạnh phúc. Vì lần trước đã có kinh nghiệm như vậy. Nhưng lần này pháp tưởng có thể sai.

Thọ sai biệt

Thọ sai biệt sẽ cho hỷ lạc liên hệ vật chất làm cho chúng sanh dính mắc và luân hồi. Hỷ lạc không liên hệ đến vật chất. Đây là trạng thái hỷ lạc do chứng sơ thiền sanh khởi. Những ai muốn sanh vào cõi sắc giới cần phải tu tập cho tâm ly dục tức là không còn liên hệ đến sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ sanh khởi? Xúc, này các Tỳ-kheo, là các cảm thọ sanh khởi. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ sai biệt? Này các Tỳ-kheo,

- *có các lạc thọ liên hệ đến vật chất,*
- *có các lạc thọ không liên hệ đến vật chất;*
- *có các khổ thọ liên hệ đến vật chất,*
- *có các khổ thọ không liên hệ đến vật chất;*
- *có các cảm thọ không khổ không lạc liên hệ đến vật chất,*

- *có các cảm thọ không khổ không lạc không liên hệ đến vật chất.*

Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các cảm thọ sai biệt.

★ Các lạc thọ liên hệ đến vật chất.

Vật chất ám chỉ là sắc (hình dáng), thanh, hương, vị, xúc.

Không liên hệ đến vật chất có nghĩa là không phải là sắc, không phải thanh, không phải hương, không phải vị, không phải xúc như hơi thở, màu vàng, màu đỏ, nước, lửa v.v...

★ Có các lạc thọ không liên hệ đến vật chất.

Lạc thọ khởi lên do tập trung vào vàng, đỏ, xanh, trắng, nước, lửa, gió, đất, thức, hư không.

★ Có các khổ thọ liên hệ đến vật chất.

Khổ thọ khởi lên duyên với sắc, thanh, hương, vị, xúc.

★ Có các khổ thọ không liên hệ đến vật chất.

Do tập trung vào vàng, đỏ, xanh, trắng, nước, lửa, gió, đất, thức, hư không.

★ Có các cảm thọ không khổ không lạc liên hệ đến vật chất.

Khởi lên duyên với sắc, thanh, hương, vị, xúc.

★ Có các cảm thọ không khổ không lạc không liên hệ đến vật chất.

Do tập trung vào vàng, đỏ, xanh, trắng, nước, lửa, gió, đất, thức, hư không.

8. Kết luận

Chương 2 bàn về Quả khổ hiện tại thì rất quan trọng vì từ quả khổ này sẽ sinh ra nguyên nhân khổ. Người học Phật cần tìm hiểu rốt ráo về duyên Lục nhập, về duyên Xúc, về duyên Thọ còn duyên Danh sắc rất vi tế trong bụng mẹ không quan trọng bằng ba duyên vừa kể.

Từ khi chúng ta ra khỏi bụng mẹ đã có sáu giác quan và đã tự động thâu sáu ngoại xứ (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp) vào tâm để phát sanh sáu thức. Từ duyên sáu Thức sanh ra duyên sáu Xúc rồi sanh ra duyên Thọ. Như vậy duyên Thọ là chỗ hội tụ để chúng sanh nhận ra có cảm thọ hạnh phúc hay cảm thọ khổ. Từ duyên Thọ sanh ra duyên Ái tức thì không có thời gian. Từ duyên Ái sanh ra duyên Thủ tức thì. Do vậy chúng sanh khó thoát ra cái vòng luân hồi này được.

Sáu giác quan (sáu cửa sổ) là nút mở hay nút đóng sáu cảnh bên ngoài. Hành giả nào không nhận ra điều này mà cứ mở sáu cửa sổ chào đón sáu tên phá làng thì phiền não liên tục. Hành giả nào giác ngộ duyên lục nhập sẽ buông được Thân kiến và biết được duyên Thủ hình thành. Vì duyên sáu nội xứ để nhập sáu ngoại xứ thì đi luân hồi từ đời này qua đời nọ. Chúng sanh nào sanh ra đời nhập được thông tin Tứ Thánh Đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo thì cửa giải thoát được mở ra. Nếu nhập những thông tin khác sẽ dẫn vào con đường luân hồi.

Hơn nữa những gì đã được nhập vào tâm qua sáu giác quan sẽ biến thành Thức mà Đức Phật gọi Thức là hạt giống. Như vậy càng nhập nhiều thông tin trong đó có kinh sách sẽ là những hạt giống trổ ra nhiều quả.

Sáu nội xứ cần phòng hộ tối đa, nếu không thì sẽ sanh ra duyên Thọ khổ. Vì lý do này những hành giả không phòng hộ nên đã nhập quá nhiều thông tin phát sanh vô số phiền não. Tuy nhiên để nuôi cái thân tứ đại này cũng nhập thức ăn, thức uống tối thiểu chứ ăn một ngày ba bữa thì con đường luân hồi dài vô tận. Một thầy tu đúng chánh pháp chỉ cần tối thiểu ba y, bình bát, sàng tọa, thuốc men.

Điểm bắt đầu là duyên Lục nhập tức là nơi nhập thông tin sẽ sanh ra duyên Thọ tức là phiền não. Giác ngộ tiến trình đi từ Danh sắc, Duyên Lục nhập dẫn đến Duyên Thức dẫn đến Duyên Xúc sanh ra Duyên Thọ thì hành giả cần nhận biết vì sao có bốn Thủ thành hình và biết vì sao bốn Thủ sẽ diệt.

Chương 3
NGHIỆP MỚI

Ít ai nhận ra có hai Hành trong 12 Nhân duyên: Một là Hành quá khứ đã tạo ra rồi và đã trổ ra quả khổ hiện tại. Hai là Hành hiện tại chính là Ái, đã và đang tạo ra những hành động thuộc về ý, về khẩu, về thân từ khi bước vào đời sống kiếp hiện tại này sẽ trổ ra quả khổ trong đời này và đời sau. Có những quả khổ trong đời này chỉ là những thiên sứ giúp chúng ta thức tỉnh lo quay về tu giải thoát khổ. Những quả khổ trổ ra khi thân hoại mạng chung sanh vào ba đường ác thì khổ vô cùng, không biết bao giờ trở lại làm người như câu chuyện con rùa mù trong Kinh Trung Bộ số 129.

Ái ➤ Thủ ➤ Hữu

Nghiệp mới gồm có ba duyên Ái, Thủ, Hữu nhưng Ái là điểm khởi đầu rất quan trọng. Do đó cần tìm hiểu duyên ái cho rốt ráo và nhận biết ái là thủ phạm gây đau khổ sau khi thân hoại mạng chung. Một khi biết ái và diệt ái thì thủ diệt dẫn đến sanh diệt nên không có quả khổ trong tương lai. Có bài kinh nói về Ái là khổ tập khởi hay nghiệp mới.

Trong Kinh Tương Ưng 4 - Chương MXX Tương Ưng Sáu Xứ (d) - I. Phẩm An Ổn, Khỏi Các Khổ Ách - 106. III. Khổ (S.iv,86), viết:

2) - Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng về khổ tập khởi và khổ đoạn diệt. Hãy lắng nghe.

3) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ tập khởi?

4-9) Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này họp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Đây là khổ tập khởi. Do duyên tai... Do duyên mũi... Do duyên lưỡi... Do duyên thân... Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này họp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Đây là khổ tập khởi, này các Tỳ-kheo.

10) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?

11) Do duyên mắt và các sắc khởi lên nhãn thức. Do ba pháp này họp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Đây là khổ chấm dứt.

12-13) Do duyên tai... Do duyên mũi…

14-15) Do duyên lưỡi... Do duyên thân…

16) Do duyên ý và các pháp khởi lên ý thức. Do ba pháp này họp lại nên có xúc. Do duyên xúc nên có thọ. Do duyên thọ nên có ái. Do ly tham, đoạn diệt ái ấy một cách hoàn toàn nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, ưu, não diệt. Đây là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Đây là khổ chấm dứt.

Thọ ➢ Ái ➢ Thủ ➢ Hữu

Nghiệp mới đầy đủ là sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái là những sự dính mắc vừa phát sinh và sẽ trổ thành quả khổ tương lai.

Nếu ngày nào cũng có Ái sanh khởi chắc chắn sẽ có quả khổ, người học Phật cần phải biết như thật không nghi ngờ chân lý này. Nếu ngày nào không có ái sanh khởi, sẽ không bao giờ có quả khổ trong tương lai. Đây là chân lý mà tất cả người học Phật phải nhận biết.

1. Khổ Tập Thánh đế cần phải đoạn tận

Đức Phật đã dạy Khổ Tập cần phải đoạn tận trong Kinh Chuyển Pháp Luân phải có lý do tại sao?

Nếu những Nhân sanh khổ mà không diệt thì quả khổ cứ trổ ra hoài nên người học Phật cần phải biết khổ Tập mà tinh tấn tiêu diệt chúng. Chúng sanh vô minh không biết nguyên nhân sanh khổ nên khổ không bao giờ chấm dứt. Đây là chân lý về khổ Tập cần phải đoạn tận, nếu không thì luân hồi, đau khổ vô cùng tận.

Đa số người học Phật không thấy nhân sanh khổ chỉ biết nhân khổ qua kinh sách nhưng không nhận ra chúng nên quả khổ không bao giờ chấm dứt. Như vậy khổ sẽ không hết, nếu thủ phạm chưa bắt được, người học Phật phải tìm ra thủ phạm trước và giết thủ phạm (nhân sanh khổ). May mắn thay cho chúng ta Đức Phật đã tìm ra thủ phạm rồi và chỉ cho chúng ta biết. Chúng ta có công việc là kiểm chứng và tu tập đoạn tận nó thì sẽ hết khổ vĩnh viễn.

Thủ phạm đã gây cho chúng ta vô lượng kiếp cho đến kiếp này chính là Vô minh và Tham ái. Hai duyên này phải đoạn tận hoàn toàn. Ngày nào Vô minh chưa đoạn tận, ngày đó vẫn còn khổ đau.

2. Sáu Ái

Có sáu ngoại xứ là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tâm khởi lên dính mắc vào chúng nên thành sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

Ái là sự dính mắc vào những cảnh chung quanh, có ba trường hợp sau đây:

Có sự dính mắc khởi lên nếu mắt thấy sắc nhận thức khả ý, khả lạc khởi lên thích thú vào sắc gọi là tham sắc ái.

Nếu mắt thấy sắc nhận thức không khả ý, không khả lạc khởi lên không ưa thích cũng gọi là sân sắc ái.

Nếu mắt thấy sắc khả lạc, không khả lạc khởi lên si cũng gọi si sắc ái.

Trong Kinh Trung Bộ số 148. Kinh Sáu Sáu, viết:

Khi được nói đến: "Sáu ái thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Khi được nói đến: "Sáu ái thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Trong Kinh Tương Ưng 4 - Chương II Tương Ưng Thọ - Phần Một - Phẩm Có Kệ - 3. III. Đoạn Tận (S.iv,205), viết:

1) Một thời Thế Tôn sống giữa dân chúng Sakka, tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong vườn Nigrodha.

2) Lúc bấy giờ có một hội đường mới của những người Sakka ở Kapilavatthu được làm không bao lâu, chưa được một Sa-môn, hay Bà-la-môn, hay một người nào đến ở.

3) - Này các Tỳ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

4) Này các Tỳ-kheo, tham tùy miên đối với lạc thọ cần phải đoạn tận. Sân tùy miên đối với khổ thọ cần phải đoạn tận. Vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ cần phải đoạn tận.

5) Này các Tỳ-kheo, khi nào Tỳ-kheo đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, đoạn tận sân tùy miên đối với khổ thọ, đoạn tận vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ; thời này các Tỳ-kheo, sự từ bỏ tham tùy miên của Tỳ-kheo được gọi là chánh kiến, ái được đoạn tận, kiết sử được hủy hoại. Với minh kiến chơn chánh đối với ngã mạn (sammà mànabhisamayà), vị ấy đoạn tận khổ đau.

1) *Nếu cảm giác lạc thọ,*
Không tuệ tri cảm thọ,
Đây gọi tham tùy miên,
Không thấy rõ xuất ly.

2) *Nếu cảm giác khổ thọ,*
Không tuệ tri cảm thọ,
Đây gọi sân tùy miên,
Không thấy rõ xuất ly.

3) *Với bất khổ bất lạc,*
Bậc Đại trí thuyết giảng,

Nếu hoan hỷ thọ ấy,
Không thoát được khổ đau.

4) *Vị Tỳ-kheo nhiệt tình,*
Tỉnh giác, không cuồng trí,
Đối với tất cả thọ,
Bậc Hiền trí liễu tri.

5) *Vị ấy liễu tri thọ,*
Hiện tại không lậu hoặc,
Thân hoại, bậc Pháp trú
Đại trí vượt ước lường.

Tham ái sanh khởi từ thọ lạc, sân ái sanh khởi từ thọ khổ, si ái sanh khởi từ thọ không khổ không lạc. Có một bài kinh trình bày Tham Sân Si tùy miên sanh khởi.

Trong Kinh Trung Bộ số 148. Kinh Sáu sáu, viết:

Này các Tỳ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ, mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh

khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này các Tỳ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Dựa vào những đoạn kinh trích dẫn trên, có thể biểu thị lại bằng một cách khác sau đây.

Duyên Lục nhập ➢ duyên sáu Thức ➢ Duyên sáu Xúc ➢ duyên sáu Thọ ➢ duyên sáu Ái.

Từ duyên thọ sanh ra ái tức thì đối với những ai đã có những cảnh quen thuộc như người cư sĩ sống với vợ chồng, con cháu, tài sản v.v… Những cảnh chưa quen thuộc có sự suy

tư, đắn đo những cảnh vừa khả ý khả lạc thì cần có thời gian để ái sanh khởi.

Hiện nay đời sống tại gia khó thoát được tham ái nên không thể nào tu giải thoát trong thời đại văn minh này. Cách duy nhất là sống một mình thì cơ hội để tu giải thoát dễ dàng hơn.

a) Sắc ái

Sắc ái là tâm dính mắc hay kiết sử với cảnh sắc do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc.

Duyên Mắt với Sắc ➢ duyên Nhãn Thức ➢ duyên Nhãn Xúc ➢ duyên Lạc Thọ

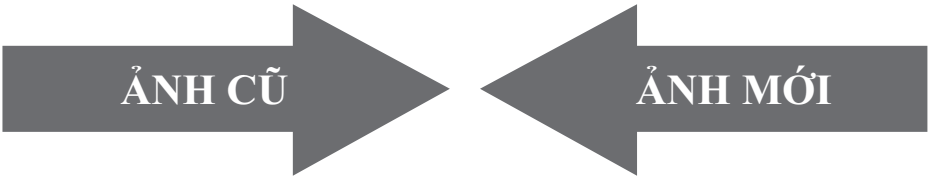

- Duyên Lạc thọ ➢ duyên tham ái là sự dính mắc vào thọ lạc.

Lạc thọ sanh khởi do xúc chạm nhau giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ > 0 nếu chênh lệch lớn thì sẽ có cảm thọ lạc rất mạnh.

Lạc thọ là miếng mồi là vị ngọt để dụ con người vào cái bẫy sập, nếu không giác ngộ duyên thọ lạc sẽ sụp vào bẫy. Bị sụp vào bẫy hay đã cắn lưỡi câu gọi là Sắc Ái. Như vậy thương xót những kẻ bị rơi vào bẫy sập đồng nghĩa sẽ rơi vào ba đường ác: Ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục sẽ chịu thống khổ dài lâu. Phương pháp để không rơi vào bẫy, hãy tu chánh niệm thứ bảy trong Thánh đạo tám ngành sẽ thoát khỏi tham ái.

● Duyên Khổ thọ ➤ duyên Sân ái là sự dính mắc vào thọ khổ.

Khổ thọ sanh khởi do xúc chạm nhau giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ < 0 nếu sự chênh lệch lớn thì sẽ có cảm thọ khổ rất mạnh. Khi có thọ khổ rất khó mà chánh niệm được nên phản ứng đối tượng đó bằng mọi cách muốn tống nó biến mất gọi là sân ái. Như vậy đã bị rơi vào bẫy sập như con thú bị mắc bẫy hoặc con cá mắc lưỡi câu đồng nghĩa sẽ đau khổ dài lâu trong ba đường ác. Để thản nhiên trước cảm thọ nên thực hành chánh niệm thuộc Thánh đạo tám ngành.

● Duyên không khổ không lạc Thọ ➤ duyên Si ái. Như vậy sự dính mắc vào sắc do không khổ không lạc thọ.

Không khổ không thọ do sự xúc chạm giữa ảnh cũ và ảnh mới tức là ảnh mới - ảnh cũ = 0. Trạng thái cảm thọ không khổ không lạc này rất khó nhận ra. Có hai trường hợp xảy ra như sau:

Một là tâm khởi ra đi tìm cảnh mới để tiếp xúc sanh ra cảm thọ lạc và khởi lên dính mắc vào đối tượng mới như một người chồng ở với một người vợ khá lâu sanh ra cảm thọ không khổ không lạc và khi gặp một phụ nữ mới sanh ra cảm thọ lạc thì liền quên người vợ cũ và lấy người vợ mới.

Hai là đối tượng bị mất hay bỏ đi sanh ra cảm thọ khổ. Như vậy từ trạng thái không khổ không lạc sanh ra tâm si và đã có một trong hai hành động vừa nêu ra. Trạng thái không khổ không lạc cũng là miếng mồi cũ đã bị sập bẫy rồi hoặc thay đổi đi tìm miếng mồi mới sụp vào cái bẫy mồi khác.

Có thật sự tâm tham, tâm sân và tâm si sanh cùng một lúc hay không? Mỗi một lúc chỉ có tâm tham, hoặc tâm sân hoặc tâm si chứ không xuất hiện ba tâm cùng một lúc.

b) Thanh ái

Thanh ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh thanh do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc thọ.

● Duyên Tai với Thanh ➢ duyên Nhĩ Thức ➢ Duyên nhĩ Xúc ➢ duyên Lạc Thọ ➢ Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào thanh do lạc thọ. Lạc thọ là miếng mồi đưa loài người vào bẫy sập sẽ đau khổ dài lâu.

● Duyên Khổ thọ ➢ Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào thanh do khổ thọ. Khổ thọ cũng là miếng mồi dụ loài người vào bẫy sập và luân hồi vào ba đường ác.

● Duyên không khổ không lạc Thọ ➢ Si ái. Như vậy sự dính mắc vào thanh do không khổ không lạc thọ. Trạng thái cảm thọ này bị sập bẫy rồi nhưng không hay biết gì và tưởng rằng đã có tâm xả như một số người sống nơi thanh vắng tưởng mình đã giải thoát nhưng thật sự còn ở trong tâm si.

c) Hương ái

Hương ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh hương do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc thọ.

● Duyên Mũi với Hương ➢ duyên Tỷ Thức ➢ Duyên Tỷ Xúc ➢ duyên Lạc Thọ ➢ Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào hương do lạc thọ. Tương tự như tham sắc ái.

● Duyên Khổ thọ ➢ Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào hương do khổ thọ. Tương tự như sân sắc ái.

● Duyên không khổ không lạc Thọ ➢ Si ái. Như vậy sự dính mắc vào hương do không khổ không lạc thọ. Tương tự như si sắc ái.

d) Vị ái

Vị ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh vị do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc thọ.

● Duyên Lưỡi với Vị ➢ duyên Thiệt Thức ➢ Duyên Thiệt Xúc ➢ duyên Lạc Thọ ➢ Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào vị do lạc thọ. Trạng thái cảm thọ này dụ loài người ăn cho ngon, uống cho sướng nhưng không hay biết gì đến khi thân hoại mạng chung sanh vào ba đường ác.

● Duyên Khổ thọ ➢ Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào vị do khổ thọ. Trạng thái cảm thọ này cũng dụ cho người sân hận để rồi khi chết sanh vào ba đường ác.

● Duyên không khổ không lạc Thọ ➢ Si ái. Như vậy sự dính mắc vào vị do không khổ không lạc thọ. Trạng thái cảm thọ này đã bị sập rồi nhưng không hay biết gì vì tâm si đã sanh ra.

đ) Xúc ái

Xúc ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh xúc do có lạc thọ hoặc khổ thọ, không khổ không lạc thọ.

● Duyên Thân với Xúc ➢ duyên Thân Thức ➢ Duyên Thân Xúc ➢ duyên Lạc Thọ ➢ Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào xúc do lạc thọ. Tương tự như tham sắc ái.

● Duyên Khổ thọ ➢ Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào xúc do khổ thọ. Tương tự như sân sắc ái.

● Duyên không khổ không lạc Thọ ➢ Si ái. Như vậy sự dính mắc vào xúc do không khổ không lạc thọ. Tương tự như si sắc ái.

e) Pháp ái

Pháp ái là sự dính mắc hay kiết sử với cảnh pháp do có lạc thọ hoặc khổ thọ hoặc không khổ không lạc thọ.

● Duyên Ý với Pháp ➤ duyên Ý Thức ➤ Duyên Ý Xúc ➤ duyên Hỷ Thọ ➤ Tham Ái. Như vậy sự dính mắc vào Pháp do hỷ thọ. Tương tự như tham sắc ái.

● Duyên ưu thọ ➤ Sân ái. Như vậy sự dính mắc vào pháp do ưu thọ. Tương tự như sân sắc ái.

● Duyên không ưu không hỷ Thọ ➤ Si ái. Như vậy sự dính mắc vào pháp do không ưu không hỷ thọ. Tương tự như si sắc ái.

3. Mười kiết sử

Trong Kinh Tăng Chi Mười Pháp - II. Phẩm Hộ Trì - (III) (13) Các Kiết Sử, viết:

1. Này các Tỳ-kheo, có mười kiết sử này. Thế nào là mười?

2. Năm hạ phần kiết sử, năm thượng phần kiết sử.

Thế nào là năm hạ phần kiết sử?

3. Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân. Đây là năm hạ phần kiết sử.

Thế nào là năm thượng phần kiết sử?

4. Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh. Đây là năm thượng phần kiết sử.

Này các Tỳ-kheo, đây là mười kiết sử.

Kiết sử

Trong Kinh Tương Ưng 4 - Chương VII Tương Ưng Tâm - I. Kiết Sử (S.iv,281), viết:

4) Lúc bấy giờ, cư sĩ Citta đi đến Migapathaka để làm một số công việc phải làm.

5) Cư sĩ Citta được nghe có một số đông Tỳ-kheo trưởng lão, sau buổi ăn đi khất thực trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa những vị này, câu chuyện sau đây được khởi lên: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ?" Một số Tỳ-kheo trưởng lão trả lời: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ". Một số Tỳ-kheo trưởng lão trả lời: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này là đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ".

6) Rồi cư sĩ Citta đi đến các Tỳ-kheo trưởng lão ấy; sau khi đến, đảnh lễ các Tỳ-kheo trưởng lão rồi ngồi xuống một bên.

7) Ngồi một bên, cư sĩ Citta thưa với các Tỳ-kheo trưởng lão:

- Bạch chư Thượng tọa, (chúng con) được nghe có một số đông Tỳ-kheo trưởng lão, sau buổi ăn đi khất thực trở về, ngồi tụ họp tại ngôi nhà tròn, và giữa các vị này, khởi lên câu chuyện sau đây: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa, khác ngôn từ, hay đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ". Một số Tỳ-kheo trưởng lão trả lời: "Này chư Hiền, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; những pháp này đồng nghĩa, chỉ khác ngôn từ".

- Có vậy, này Cư sĩ.

8) - Bạch chư Thượng tọa, kiết sử hay các pháp bị kiết sử; các pháp này là khác nghĩa và cũng khác ngôn từ. Bạch chư Thượng tọa, con sẽ nói lên một ví dụ cho quý vị. Ở đây, một số người có trí, nhờ ví dụ hiểu được ý nghĩa lời nói.

9) Bạch chư Thượng tọa, ví như một con bò đực đen và con bò đực trắng được dính lại với nhau bởi một sợi dây hay một cái ách. Nếu có người nói: "Con bò đực đen là kiết sử cho con bò đực trắng, và con bò đực trắng là kiết sử cho con bò đực đen". Nói như vậy có phải là nói một cách chơn chánh không?

- Thưa không, này Cư sĩ. Này Cư sĩ, con bò đực đen không phải là kiết sử của con bò đực trắng. Và con bò đực trắng cũng không phải là kiết sử của con bò đực đen. Do vì chúng bị dính bởi một sợi dây hay bởi một cái ách, ở đây chính cái ấy là kiết sử.

10) - Cũng vậy, bạch chư Thượng tọa, con mắt không phải là trói buộc của các sắc; các sắc không phải là trói buộc của con mắt. Và ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham gì, dục tham ấy ở đây chính là trói buộc. Cái tai không phải là trói buộc của các tiếng... Mũi không phải là trói buộc của các hương... Lưỡi không phải là trói buộc của các vị... Thân không phải là trói buộc của các xúc... Ý không phải là trói buộc của các pháp. Các pháp cũng không phải là trói buộc của ý. Và ở đây, do duyên cả hai khởi lên dục tham gì, dục tham ấy ở đây chính là trói buộc.

11) - Lợi ích thay cho Ông, này Gia chủ! Khéo lợi ích thay cho Ông, này Cư sĩ! Vì rằng tuệ nhãn của Ông tiếp tục (kamati) lời dạy thâm sâu của Đức Phật.

Dựa vào bài kinh trên, có thể hiểu từ kiết sử. Kiết là cột hay trói buộc vào cái gì đó. Sử là sai khiến hành động. Kết hợp lại danh từ kiết sử là trói buộc vào cái gì đó và sai khiến phải hành động. Có mười sợi dây trói buộc sai khiến chúng ta tạo nghiệp và phải đi luân hồi. (Xem hình minh họa trang 639).

Năm hạ phần kiết sử

Năm hạ phần kiết sử gồm có Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, dục tham, sân là quan trọng vì nó đưa chúng sanh sinh vào cõi dục giới như địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, người, chư thiên. Có nghĩa là có lúc làm chư thiên hưởng phước, có lúc đọa địa ngục rất đau khổ. Hãy tìm hiểu rõ ràng năm hạ phần kiết sử cho rốt ráo.

a) Thân kiến

Trong Kinh Trung Bộ số 44. Tiểu kinh Phương Quảng, viết:

Thưa Ni sư, thế nào là thân kiến?

- Ở đây, Hiền giả Visakha, kẻ vô văn phàm phu không đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, xem sắc là tự ngã hay xem tự ngã là có sắc, hay xem sắc là trong tự ngã hay xem tự ngã là trong sắc; xem thọ là tự ngã, hay xem tự ngã là có thọ, hay xem thọ là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thọ; xem tưởng là tự ngã, hay xem tự ngã là có tưởng, hay xem tưởng là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong tưởng; xem hành là tự ngã, xem tự ngã là có hành, hay xem hành là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong hành; xem thức là tự ngã, hay xem tự ngã là có thức, hay xem thức là trong tự ngã, hay xem tự ngã là trong thức. Như vậy, Hiền giả Visakha, là thân kiến.

Thân kiến là trói buộc năm uẩn vào tự ngã. Khi có sự trói buộc sẽ sai khiến làm cái này hay làm cái nọ.

b) Nghi

Trong Kinh Trung Bộ số 16. Kinh Tâm hoang vu, viết:

Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào chưa diệt trừ năm tâm hoang vu, chưa đoạn tận năm tâm triền phược, vị ấy có thể lớn mạnh, trưởng thành, hưng thịnh trong Pháp và Luật này, sự kiện này không xảy ra.

Thế nào là năm tâm hoang vu chưa được đoạn trừ? Chư Tỳ-kheo, ở đây, Tỳ-kheo nghi ngờ bậc Đạo Sư, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín. Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào nghi ngờ bậc Đạo Sư, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín, thời tâm vị này không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ nhất chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào nghi ngờ Pháp, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín... (như trên)... Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ hai chưa được diệt trừ.

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào nghi ngờ Tăng, do dự, không quyết đoán, không có tịnh tín... (như trên)... Nếu tâm của ai không hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm hoang vu thứ ba chưa được diệt trừ.

Nếu ai có nghi ngờ Phật, nghi ngờ Pháp, nghi ngờ Tăng không nổ lực tinh cần tu tập sẽ trở thành tâm hoang vu.

c) Giới cấm thủ

Trong Kinh Trung Bộ số 16. Kinh Tâm hoang vu, viết:

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh với mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới

này, với hạnh này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác". Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh... (như trên)... như vậy là tâm triền phược thứ năm chưa được đoạn tận.

Tác giả đi tìm từ ngữ giới cấm thủ không gặp nhưng lâu ngày nhận ra giới cấm thủ thuộc về tâm hoang vu. Như vậy giữ giới về khổ hạnh hay Phạm hạnh để được làm chư thiên này hay chư thiên khác gọi là giới cấm thủ hay tâm hoang vu.

d) Tham

Tham còn gọi là dục tham là kiết sử do trói buộc vào sắc, vào thanh, vào hương, vào vị, vào xúc. Tham khảo với chương 3: nghiệp mới.

đ) Sân

Sân cũng là kiết sử do trói buộc vào sắc, vào thanh, vào hương, vào vị, vào xúc. Tham khảo chương 3: nghiệp mới.

Năm thượng phần kiết sử

Sự trói buộc vào phần trên thuộc về sắc giới, vô sắc giới, không quan trọng bằng năm hạ phần kiết sử. Thông thường bậc Thánh Bất lai đã đoạn tận năm hạ phần kiết sử, sanh vào cõi trời sắc giới và hưởng hết tuổi thọ ở đó rồi nhập Niết Bàn.

Sắc ái, vô sắc ái, mạn, trạo cử, vô minh.

a) Ái sắc (giới)

Sự dính mắc hay trói buộc vào bốn tầng thiền thuộc về sắc giới.

b) Ái vô sắc (giới)

Sự dính mắc hay trói buộc vào bốn tầng thiền thuộc cõi vô sắc giới.

c) Mạn

Mạn là so sánh hơn hay bằng hay thua người.

d) Trạo cử

Năm hạ phần kiết sử hết rồi phần trạo cử là chút gợn sóng, tâm có chút bồn chồn hay chút phóng dật.

đ) Vô Minh

Vô minh là không biết Tứ đế ở mức độ rất vi tế.

4. Thủ

Ái ➤ Thủ ➤ Hữu

Thủ là duyên thứ hai trong ba duyên của nghiệp mới, là nắm giữ chặt, không buông bỏ và tự động sanh khởi từ duyên ái. Duyên thủ sẽ không thể tự diệt mất mà lệ thuộc duyên ái khi nào ái diệt thì thủ diệt. Từ duyên sáu ái được sắp xếp sự dính mắc vào sáu ngoại xứ và chuyển qua thủ được phân loại theo sự nắm giữ chỉ còn bốn nhóm là dục thủ, kiến thủ, ngã luận thủ, giới cấm thủ.

a) Dục thủ

Dục thủ là sự giữ chặt về sự ham muốn. Có năm sự ham muốn là sắc dục thủ, thanh dục thủ, hương dục thủ, vị dục thủ, xúc dục thủ.

Sắc dục thủ khi duyên mắt với sắc sanh khởi lên khả ý khả lạc hay không khả ý không khả lạc sanh khởi sự nắm giữ về sắc. Tương tự cho thanh, hương, vị, xúc cũng như vậy.

b) Kiến thủ

Kiến thủ là giữ chặt về những gì được thấy biết qua sáu giác quan. Có tất cả 62 tà kiến được Đức Phật nói trong kinh

Phạm võng Trường Bộ số 2. Tuy nhiên có hai kiến thủ thường nói là thường kiến và đoạn kiến.

Thường kiến là Thường trú luận, chấp bản ngã và thế giới là thường trú với bốn luận chấp, có nghĩa là do tu nhập định thấy có bản ngã và thế giới thường hằng mà người Việt Nam hiểu là linh hồn. Bản dịch của thầy Minh Châu là tự ngã là thường trú và thế giới cũng vậy.

Đoạn kiến là chủ trương Đoạn diệt luận, chấp trước sự đoạn diệt, tiêu mất, hủy hoại của loài hữu tình với bảy luận chấp sau khi chết.

Thường kiến có bốn luận chấp và đoạn kiến có bảy luận chấp, người học Phật muốn đi sâu vào 62 tà kiến cần đọc kinh Phạm võng Trường bộ.

Hơn nữa Kiến thủ có thể là sự nắm giữ chặt những gì mà do mắt hay tai nhập những thông tin bên ngoài đưa vào tâm sanh khởi hỷ rồi ái nó và chấp giữ những sự thấy biết đó và khó buông xả.

c) Ngã luận thủ

Ngã luận thủ là giữ chặt tự ngã (cái tôi) tức là có một tự ngã đang tồn tại.

Có Bà-la-môn chủ trương Hữu tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã có tưởng sau khi chết với mười sáu luận chấp.

Có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Vô tưởng luận sau khi chết, chấp bản ngã không có tưởng sau khi chết với tám luận chấp.

Có những Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết, chấp bản ngã Phi Hữu tưởng Phi Vô tưởng sau khi chết với tám luận chấp.

Những ai muốn đi sâu vào ngã luận thủ có thể tham khảo về bài kinh Phạm võng thuộc Trường bộ.

d) Giới cấm thủ

Giữ chặt những giới cho rằng được sanh làm chư thiên các cõi trời. Có một đoạn kinh sau đây nói về giới cấm thủ.

Trong Kinh Trung Bộ số 16. Kinh Tâm hoang vu, viết:

Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh với mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác".

Tóm lại, duyên thủ do duyên ái sanh khởi, duyên ái do duyên thọ sanh khởi. Nếu muốn duyên thủ diệt chỉ cần diệt duyên thọ là xong.

5. Hữu

Ái ➢ Thủ ➢ Hữu

Hữu là một trong ba duyên nghiệp mới, lệ thuộc vào duyên Ái. Khi duyên ái chuyển biến qua Thủ xong chuyển qua Hữu sẽ trở thành một chúng sanh nào đó. Vì vậy, duyên hữu trên đường chuyển qua giai đoạn qua quả mới mà không còn là nhân nữa.

Hữu là có, tồn tại nhưng hữu ở đây là đang trở thành một chúng sanh nào đó. Có ba sự hiện hữu là Dục Hữu, Sắc Hữu, Vô Sắc Hữu

a) Dục hữu

Dục hữu là do có sự ham muốn đang chuyển biến, đang trở thành chúng sanh cõi dục giới gồm có sáu chúng sanh như là Người, Trời, Atula, Ngạ quỷ, Bàng sanh, Địa ngục.

b) Sắc hữu

Sắc hữu là do có tu tứ thiền thuộc cõi sắc nên đang trở thành Phạm thiên của cõi trời sắc giới.

c) Vô sắc hữu

Vô sắc là do có tu bốn tầng thiền vô sắc nên đang trở thành hiện hữu Phạm thiên cõi trời vô sắc.

6. Phân biệt sự khác nhau giữa ái, nghiệp, khổ, lậu hoặc, thức, tưởng

Khổ, Lậu hoặc

Trong Kinh Trung Bộ số 19. Kinh Song tầm, viết:

"Ta dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Ta thắng tri như thật: "Đây là khổ", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", thắng tri như thật: "Đây là khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân các lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt.

Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên trí hiểu biết: Ta đã giải thoát. Ta đã thắng tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Có Tứ đế Trí về lậu hoặc và khổ sẽ dẫn đến Minh thứ ba là Lậu tận minh.

a) Lậu hoặc

Lậu hoặc là từ Hán Việt dịch từ tiếng Sanskrit có nghĩa là

rỉ ra, ô nhiễm, tiếng Anh là fermented có nghĩa là lên men như rượu nếp, cây khô lên nấm.

Lậu là từ một cái gì rỉ ra một cái gì khác. Có ba lậu hoặc: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

Dục lậu là sự ham muốn rỉ ra sáu loài chúng sanh ở cõi dục.

Hữu lậu là chấp hữu nên rỉ ra chúng sanh ở cõi sắc.

Vô minh lậu do không biết Tứ Thánh Đế rỉ ra chúng sanh thuộc ba cõi.

Trong Kinh Tăng Chi Sáu Pháp - VI. Đại Phẩm - (IX) (63) Một Pháp Môn Quyết Trạch, viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sanh khởi? Vô minh, này các Tỳ-kheo, là các lậu hoặc sanh khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sai biệt? Này các Tỳ-kheo, có các lậu hoặc đưa đến địa ngục, có các lậu hoặc đưa đến bàng sanh, có các lậu hoặc đưa đến ngạ quỷ, có các lậu hoặc đưa đến thế giới loài người, có các lậu hoặc đưa đến thế giới chư Thiên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc sai biệt.

Và này các Tỳ Kheo, thế nào là các lậu hoặc dị thục? Này các Tỳ-kheo, khi nào vì vô minh cái gì sanh khởi, một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc dị thục.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc đoạn diệt? Vô minh đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là các lậu đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Khi nào, này các

Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các lậu hoặc là như vậy, rõ biết các lậu hoặc sanh khởi như vậy, rõ biết các lậu hoặc sai biệt như vậy, rõ biết các lậu hoặc dị thục như vậy, rõ biết các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các lậu hoặc đoạn diệt. (trích từ kinh Tăng chi sáu pháp).

b) Khổ

Thế nào là khổ sanh khởi? Ái, này các Tỳ-kheo, là khổ sanh khởi.

Thế nào là khổ dị thục? Này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, ưu sầu, bi thảm, than van, đập ngực, khóc lóc, đi đến bất tỉnh; do bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, nên đi tìm phía bên ngoài xem có ai biết được một câu, hai câu thần chú để đoạn diệt khổ này.

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng khổ đem lại kết quả mê loạn, đem lại kết quả tìm kiếm. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là khổ dị thục.

Như vậy, khổ là những cảm thọ đau đớn của con người phải chấp nhận.

Lậu hoặc là rỉ ra các loài chúng sanh khác nhau thuộc ba cõi.

Vô minh sanh khởi các loài chúng sanh khác nhau.

Hành (ái) là nghiệp dẫn đến những cảm thọ hạnh phúc hay đau khổ.

Vô minh và hành cần phải chấm dứt.

Thức, Tưởng

Có nhiều người hiểu lầm về thức và tưởng nên phân tích chi tiết sẽ giúp việc học Phật pháp dễ hơn.

a) Thức

Do duyên mà thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

Như vậy, thức là biết do duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ. Có nghĩa phải có ảnh trong tâm và cảnh thật giống nhau như thật với cảnh.

b) Tưởng

Này các Tỳ-kheo, có sáu tưởng này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

Tưởng là sử dụng hiểu biết do kinh nghiệm tích lũy rồi suy diễn sắc hay thanh, v.v... theo kinh nghiệm riêng của từng cá nhân. Có lúc tưởng những sự việc đó xảy ra đúng hay sai.

Sự khác biệt giữa thức và tưởng: thức là sự biết cái đang là, tưởng là sự hiểu biết theo kinh nghiệm chứ không phải cái biết đang xảy ra.

Dục, Nghiệp (hành), Ái

Dục là ham muốn vào cái gì đó, Nghiệp hay hành là suy tư, Ái là dính mắc vào một đối tượng nào đó.

a) Dục

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả ý, khả hỷ, khả ái, liên hệ

đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn.

b) Nghiệp (hành)

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.

Nghiệp là suy tư dẫn đến ý nghiệp, khẩu nghiệp, thân nghiệp. Có sáu tư thân này như sau: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư.

c) Ái

Thế nào là ái? Này các Tỳ-kheo, có sáu ái này: sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

Dựa vào định nghĩa trên cho biết có sự ham muốn nhưng chưa có trong tay nhưng do suy tư dẫn đến dính mắc gọi là ái.

Như vậy sự ham muốn có rồi suy tư để đạt được gọi là ái. Như vậy thứ tự dục, nghiệp, ái.

7. Kết luận

Chương này gồm có ba duyên: Ái, Thủ, Hữu nhưng duyên Ái là quan trọng nhất vì điểm khởi đầu dẫn đến khổ còn duyên Thủ và duyên Hữu là kết quả của duyên Ái. Người học Phật không nhận ra duyên Thọ sanh ra duyên Ái quá nhanh mà không hay biết rằng tham, sân, si đã sanh khởi liên tục. Nên nhớ có ba tâm tham, tâm sân, tâm si nhưng mỗi thời điểm chỉ có một tâm tồn tại chứ không phải một lúc có ba tâm. Để Ái không sanh khởi, cần tu tập chánh niệm thường xuyên khi giác ngộ được tánh sanh diệt các pháp thì Ái sẽ không sanh lại.

Chương này bàn về sự hình thành nghiệp mới chính là sáu ái. Như vậy ái là dẫn đầu, thủ và hữu chỉ là kết quả do ái tạo ra. Nếu muốn không có quả mới, cần phải diệt tên lãnh tụ Ái xong thì đàn em Thủ, Hữu sẽ tự diệt.

Áp dụng tứ đế vào ái như sau: Ái trí, ái tập trí, ái diệt trí, ái diệt đạo trí.

Ái trí gồm có: Sắc Ái, Thanh ái, Hương ái, Vị ái, Xúc ái, Pháp ái. Ái Tập Trí là duyên Thọ. Ái Diệt Trí là diệt duyên Thọ. Ái Diệt Đạo Trí là Bát Thánh đạo.

Như vậy Thọ diệt có nghĩa là thọ lạc chuyển đổi qua thọ khổ. Nếu giác ngộ khi có Thọ lạc mà không dính mắc gọi là diệt chứ thật sự không có gì phải diệt. Khi giác ngộ cái gì lạc cũng mất và cũng chuyển qua thọ khổ thì tâm sẽ hết dính mắc.

Những người sống tại gia không thể nào diệt được duyên ái vì khi duyên thọ lạc hay thọ khổ sanh khởi thì duyên ái cũng sanh tức thì nên ái cứ tăng dần chồng chất. Người cư sĩ thành tựu năm giới hay tám giới hay mười giới là rất may mắn. Nhưng muốn đi xa hơn nữa rất khó. Nhất là muốn chứng Thánh Dự lưu phải quyết tâm sống một mình may ra thành công.

Những người xuất gia không thể nào diệt được duyên ái vì có duyên thọ thì ái sanh khởi rất nhanh. Cách duy nhất từ bỏ duyên ái cần phải quán Lý duyên khởi liên tục một thời gian sẽ giác ngộ được duyên lục nhập, duyên thức, duyên xúc, duyên thọ thì ái sẽ mất vĩnh viễn. Tuy nhiên theo nhận xét của tác giả, những người xuất gia tìm hiểu và chiêm nghiệm 12 Nhân duyên quá ít nên không thể thoát được duyên ái đồng nghĩa tham, sân, si vẫn còn.

Duyên ái sanh khởi vì duyên thọ, nếu không giác ngộ duyên Thọ hiện tại thì xem như đã đầu hàng tham, sân, si.

Chương 4
QUẢ KHỔ TƯƠNG LAI

1. Duyên Sanh

Sanh là một trong 12 Nhân duyên nên hiểu rằng khi thân hoại mạng chung kiếp sống hiện tại và sanh lại trong ba cõi. Theo Kinh Nikaya, chúng sanh khi chết sẽ sanh vào ba đường ác nhiều như đất trên quả địa cầu còn được sanh lại làm người như đất dính trên mười đầu ngón tay. Theo lý 12 Nhân duyên thì việc sanh vào cõi ác rất dễ dàng vì lúc nào tâm cũng đi theo tiến trình Xúc, Thọ, Ái liên tục nên chuyện sanh lại làm người vô cùng khó. Người học Phật nên tin Thiên nhãn minh của Đức Phật vì Ngài đã thấy các cõi ác nói lại cho chúng sanh biết để mà tránh những hố thẳm đó.

Thế nào là sanh?

Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác bị sanh, xuất sanh, giáng sanh, đản sanh, sự xuất hiện các uẩn, sự thành tựu các xứ. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là sanh.

Loài trời

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh giữa chư Thiên. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái

sanh vào địa ngục... phải tái sanh vào loài bàng sanh... phải tái sanh vào cõi ngạ quỷ.

Và này Sariputta, Ta cũng tuệ tri chư Thiên, con đường đưa đến Thiên giới và hành lộ đưa đến Thiên giới. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, thế giới này, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

Có vài câu chuyện trong Kinh Tiểu bộ do tu Thập thiện mà sanh lên các cõi trời.

Trích Kinh Tiểu bộ 2 - Thiên Cung sự.

Chuyện thứ nhất - Lâu Đài Của Nữ Tỳ

Trong khi đức Thế Tôn trú tại Kỳ Viên, một đệ tử tại gia ở Sàvatthi đến tịnh xá về buổi chiều cùng nhiều cư sĩ khác và nghe pháp. Khi hội chúng đã đứng lên, vị ấy đến gần đức Thế Tôn và thưa:

- Bạch Thế Tôn, từ nay về sau con xin cúng dường bốn buổi ngọ trai vĩnh viễn.

Sau đó, đức Thế Tôn thuyết pháp thoại cho vị ấy được lợi lạc nhân dịp này và bảo vị ấy ra về. Vị ấy trình với Tỳ-kheo phụ trách ngọ trai:

- Bạch Tôn giả, con đã chuẩn bị bốn buổi ngọ trai vĩnh viễn cúng dường Tăng chúng. Từ ngày mai, xin chư vị Tôn giả đến nhà con.

Xong vị ấy ra về. Vị ấy giải thích vấn đề này cho người nữ tỳ và bảo:

- Trong vấn đề này, nhà ngươi phải luôn luôn tinh cần.

- Thưa vâng, được lắm. Nàng đáp.

Bản tính nàng đầy thành tín, mong muốn làm công đức, có thiện hạnh, vì thế mỗi ngày nàng dậy rất sớm, chuẩn bị các món ăn thức uống hảo hạng.

Sau khi quét dọn chỗ ngồi thật sạch sẽ, nàng lau chùi cẩn thận với nước hoa, sắp đặt sàng tọa và khi chư Tỳ-kheo đến, nàng mời chư vị ngồi đó, cung kính đảnh lễ, cúng dường chư vị hương liệu, vòng hoa, chiên-đàn, đèn và phục vụ chư vị thật trọng thể.

Bấy giờ, một hôm, khi chư Tỳ-kheo đã thọ thực xong, nàng đến gần đảnh lễ và nói như vầy:

- Bạch chư Tôn giả, xin chư Tôn giả cho biết, làm thế nào được giải thoát hoàn toàn các khổ đau do sanh, lão, bệnh, tử?

Chư Tỳ-kheo ấy bèn cho nàng thọ Tam quy và Ngũ giới, giảng giải bản chất của sắc thân, và gợi cho nàng suy nghĩ về lão tử. Sau đó, chư vị thuyết giảng cho nàng nghe về tính vô thường.

Nàng giữ giới suốt mười sáu năm liền, thỉnh thoảng nàng tác ý suy tư thật chuyên tâm. Một ngày kia, nàng đã được lợi lạc vì nghe pháp, lại nhờ tri kiến của nàng đạt đến thuần thục, nàng phát triển tuệ quán và chứng đắc quả Dự Lưu.

Chẳng bao lâu sau, nàng từ trần và tái sanh làm vị Thiên nữ hầu cận được Sakka Thiên chủ sủng ái. Khi nàng thơ thẩn trong các hoa viên đây đó, được nghe cả sáu mươi ngàn nhạc khí hòa tấu long trọng cử hành đại hội, nàng tận hưởng đại thiên lạc thỏa thích với đám tùy tùng hộ tống quanh nàng.

Tôn giả Mahà-Moggallàna thấy nàng trong cách được tả trên bèn hỏi nàng:

1. Chẳng khác nào Thiên chủ Sakka,

Ở Lâm Viên lạc thú Cit-ta,
Nàng đi thơ thẩn, đoàn tiên nữ
Hầu cận quanh nàng rộn múa ca,
Làm tất cả phương trời rực rỡ
Như vì sao cứu hộ Ta-bà.

2. Vì đâu nàng được sắc như vầy,

Vì cớ gì nàng vinh hiển đây,
Những lạc thú nào nàng mến chuộng
Trong tâm, đều xuất hiện ra ngay?

3. Hỡi nàng Thiên nữ đại oai thần,

Nàng tạo đức gì giữa thế nhân,
Vì cớ gì oai nghi rực rỡ,
Dung quang chiếu sáng khắp mười phương.

4. Nàng Thiên nữ ấy hỷ tâm tràn,

Được Mục-liên Tôn giả hỏi han,
Nàng giải đáp ngay phần hạnh nghiệp,
Và đây là kết quả cho nàng:

5. Khi được làm người giữa chúng sanh,

Con là tỳ nữ một gia đình,
Môn đồ của Trí Nhân Viên Giác,
Đức Phật Cồ-đàm đại hiển vinh.

6. Thành công nhờ nỗ lực tinh cần,

Trong Giáo pháp Ngài bất động nhân,
Mong ước thân này dầu hủy hoại,
Con không hề giảm sút chuyên tâm.

7. Con đường Ngũ giới để tu thân

Thật vững chắc và tạo phước ân,
Được bậc trí hiền này dạy bảo,
Không gai, lưới, bẫy, thẳng như chân.

8. Hãy nhìn kết quả của tinh cần

Thành tựu do tỳ nữ tiểu nhân,
Nay được hầu bên Thiên chủ ấy,
Sak-ka với tối thượng quyền năng.

9. Sáu mươi ngàn nhạc cụ đàn tơ

Thức tỉnh con từ giấc ngủ mơ,
Alamba, Gaggara, Bhìma,
Sàdhuvàdin và Samsaya.

10. Pokkhara và Suphassa,

Vinàmokkhà cùng các nàng kia,
Nandà cũng như Sunandà,
Sonadinnà và Sucimhità.

11. Alambusà, Missakesi,

Cùng nàng tiên ác Pundarìkà,
Eniphassa và Suphassà,
Subhaddà và Muduvàdinì.

12. Các nàng Thiên nữ diễm kiều này

Đánh thức thần tiên lúc ngủ say,
Buổi sáng các nàng thường đến bảo:
- Chúng em múa hát giúp vui đây.

13. Nan-da-na, Hỷ lạc Viên này,

Không phải để dành cho những ai
Chẳng tạo tác nên nhiều phước nghiệp,
Mà dành riêng biệt để cho người
Đã hoàn thành được nhiều công đức,
Là Đại Lâm viên của cõi trời
Tam thập tam thiên đầy lạc thú,
Không gì phiền não, mãi vui tươi.

14. Chẳng đời này hoặc cõi đời sau,

Cực lạc dành cho những kẻ nào
Không tạo tác nên nhiều phước nghiệp,
Song đời này lẫn cõi đời sau,
Để dành cực lạc cho bao kẻ
Làm các thiện hành phước nghiệp cao.

15. Vậy những ai mong chúng bạn hiền,

Phải làm thiện nghiệp thật tinh chuyên,
Vì người tạo được nhiều công đức,
Hưởng lạc thú nhiều ở cõi thiên.

Do khi sống nhân gian, đã tạo các nghiệp thiện sanh vào cung trời hưởng Thiên lạc.

Loài người

Khi nói sanh phải theo định nghĩa trên như vậy trước khi có cảm thọ khổ cần sinh ra đời tức là phải có mắt, tai, lưỡi, mũi, thân, ý và phải có sáu ngoại cảnh như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp duyên khởi sáu thức. Sự gặp gỡ ba pháp sanh ra duyên Xúc sanh khởi những cảm thọ lạc/khổ không phải tự nhiên có cảm thọ.

Đức Phật cũng tuệ tri con đường đưa đến loài người và tuệ tri con người khi chết sanh làm người lại rất khó.

Và này Sariputta, Ta cũng tuệ tri loài Người, con đường đưa đến thế giới loài Người và hành lộ đưa đến thế giới loài Người. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào loài Người, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

Một thời, Thế Tôn trú ở Ràjagaha (Vương Xá) tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

2) Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỳ-kheo:

3) - Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái nào là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy trên đầu móng tay, hay quả đất lớn này?

- Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất. Và ít hơn là một ít đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay, không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay.

4) - Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và

nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh trong địa ngục.

Theo bài kinh trên cho biết con người khi thân hoại mạng chung trở lại làm thân người như đất dính trên đầu móng tay có nghĩa là xác suất làm thân người cực kỳ nhỏ còn xác suất rơi vào ba đường ác như đất quả địa cầu có nghĩa là làm người lại cực kỳ khó. Hôm nay có được thân người không tu tập Bát Thánh đạo rất uổng vì không biết bao giờ làm được thân người lại và gặp lại chánh pháp.

Loài ngạ quỷ

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh vào cõi ngạ quỷ.

Và này Sariputta, Ta tuệ tri ngạ quỷ, con đường đưa đến ngạ quỷ và hành lộ đưa đến ngạ quỷ. Tùy theo hành nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào ngạ quỷ, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

Khi mất thân người rồi, xác suất sanh làm ngạ quỷ rất dễ và sự đau khổ như thế nào, quý vị đọc bài kinh Ngạ quỷ sự kinh Tiểu bộ tập 2 như sau.

Chuyện Con Lợn Rừng (Sukàra)

Bậc Đạo Sư kể chuyện này trong lúc đang trú tại chỗ nuôi sóc ở Veluvana (Trúc Lâm) gần Ràjagaha (Vương Xá).

Tương truyền ngày xưa khi đức Thế Tôn Kassapa (Ca-diếp) thuyết Pháp, một Tỳ-kheo đã điều phục tự thân, nhưng thiếu phòng hộ ngôn ngữ, nên đã mạ ly các Tỳ-kheo khác. Lúc từ

trần, vị ấy tái sanh vào địa ngục. Sau khi đã bị thiêu đốt tại đó cả một kiếp, vị ấy rời cõi ấy và trong kiếp này tái sanh gần thành Ràjagaha, dưới chân núi Gijjhakùta (Linh Thứu), vị ấy luôn bị đói khát giày vò. Thân thể vị ấy có màu vàng ròng, nhưng miệng lại giống mõm lợn rừng.

Vào thời ấy, Tôn giả Nàrada đang trú tại núi Linh Thứu. Vừa cầm y bát, vị ấy khởi hành từ sáng sớm để khất thực. Trong lộ trình đến Ràjagaha, vị ấy thấy ngạ quỷ kia trên đường. Khi hỏi về hạnh nghiệp mà ngạ quỷ kia đã tạo, vị ấy đã ngâm các vần kệ sau:

1. Nhà ngươi vàng rực khắp toàn thân,

Chiếu ánh sáng ra khắp mọi vùng,
Song miệng ngươi như mồm lợn đực,
Nghiệp gì ngươi tạo kiếp xưa chăng?
Ngạ quỷ đáp lời:

2. Xưa con điều phục khéo về thân,

Nhưng khẩu con không được hộ phòng,
Vì thế hình hài con vậy đó,
Nà-ra-da thấy rõ con cùng.
Ngạ quỷ ấy còn nói lời khuyên này với Trưởng lão:

3. Nà-ra-da, vậy hãy xem đây,

Con muốn trình Tôn giả việc này:
Đừng phạm ác tà về khẩu nghiệp,
E ngài sẽ hóa mõm heo vầy!

Thế rồi Tôn giả Nàrada, sau khi đã đi khất thực trong thành Vương Xá và sau buổi ngọ trai, trở về trình sự việc này với bậc Đạo Sư, Ngài dùng đó làm đề tài thuyết pháp.

Loài bàng sanh

Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh trong loài bàng sanh.

Và này Sariputta, Ta tuệ tri bàng sanh, con đường đưa đến bàng sanh và hành lộ đưa đến bàng sanh. Tùy theo hạnh nghiệp, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào bàng sanh, sự việc này Ta cũng tuệ tri.

Đức Phật đã diễn tả cảnh khổ của bàng sanh như dưới đây.

Trong Kinh Trung Bộ số 129. Kinh Hiền Ngu, viết:

Này các Tỳ-kheo, có những loại sanh vật thuộc loài bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ. Chúng ăn những cỏ ướt và khô, với răng nhai nghiền, cỏ ấy. Này các Tỳ-kheo, những sanh vật ấy thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ là gì? Các loại ngựa, trâu, bò, lừa, dê, nai hay các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ. Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, những loại hữu tình ăn cỏ.

Này các Tỳ-kheo, có các sanh vật thuộc loài bàng sanh, có hơi thở và ăn phân. Chúng ngửi được mùi phân từ đường xa, liền chạy tới, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây". Ví như các Bà-la-môn chạy đến, ngửi được mùi lễ tế sanh, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây". Cũng vậy này các Tỳ-kheo, có các loại sanh vật, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, và ăn phân. Chúng ngửi được mùi phân từ đường xa, liền chạy tới, nghĩ rằng: "Chúng ta sẽ ăn ở

đây, chúng ta sẽ ăn ở đây". Và này các Tỳ-kheo, các sanh vật ấy, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở và ăn phân là gì? Các loại gà, heo, chó, chó rừng (giả can), hay tất cả các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn phân. Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loại hữu tình ấy, những loại hữu tình ăn phân.

Này các Tỳ-kheo, có các loại sanh vật thuộc loài bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bóng tối, già trong bóng tối và chết trong bóng tối. Này các Tỳ-kheo, những sanh vật ấy, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bóng tối, già trong bóng tối và chết trong bóng tối là gì? Các loại côn trùng, con sùng, con dòi, con sâu, đom đóm và các loại sanh vật khác thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sống trong bóng tối. Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy tức là các loại hữu tình sinh ra trong bóng tối, già trong bóng tối, chết trong bóng tối.

Này các Tỳ-kheo, có những sanh vật, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sinh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước. Và này các Tỳ-kheo, các sanh vật ấy thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước là gì? Các loại cá, rùa, cá sấu, hay các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước. Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy, do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, tức là các loài hữu tình sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước.

Này các Tỳ-kheo, có các sanh vật thuộc loài bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh. Và này các Tỳ-kheo, các sanh vật ấy, các loại thuộc bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh là gì? Này các Tỳ-kheo, các loài hữu tình nào sanh ra trong cá thúi hay già trong cá thúi, hay chết trong cá thúi, hay trong tử thi thúi, hay trong đồ ăn thúi, hay trong vũng nước, hay sinh ra trong đầm nước (nhớp)... già... hay chết trong đầm nước (nhớp). Này các Tỳ-kheo, người ngu ấy, do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, tức là các loài hữu tình sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh.

Này các Tỳ-kheo, với rất nhiều pháp môn, Ta nói về các loại bàng sanh, nhưng thật khó nói cho được đầy đủ, này các Tỳ-kheo, vì đau khổ ở loài bàng sanh quá nhiều.

Nếu ngay bây giờ không lo tu gấp mà cứ hẹn từ từ sẽ tu. Nếu chết bất ngờ sanh vào bàng sanh có khổ hay không? Vì con người đa số làm ác rất khó làm người. Phước cho ai biết tu thiện nghiệp bây giờ.

Loài địa ngục

Nguyên văn Kinh trích từ Tương Ưng 5 - Phẩm sanh thú.

4) - Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, được tái sanh làm người lại. Và nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người, phải tái sanh trong địa ngục.

Này Sariputta, Ta tuệ tri địa ngục, con đường đưa đến địa ngục và hành lộ đưa đến địa ngục. Tùy theo hạnh nghiệp, sau

khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, sự việc này ta cũng tuệ tri. (Kinh Trung Bộ số 12)

Cơ hội làm người rất khó nếu ai đọc tập sách này. Hãy cố gắng tu gấp gấp nếu không tu rơi vào địa ngục rất khổ. Hãy đọc Kinh Trung Bộ số 130 trong phần Phụ lục của cuốn sách này sẽ thấy khổ ở địa ngục không tả hết được.

2. Duyên Già chết

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là già, chết? Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị già, yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi, các căn chín muồi. Đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, sự từ bỏ, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn hư hoại, thân thể vứt bỏ. Đây gọi là chết. Như vậy, đây là già, đây là chết. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là già, chết.

3. Kết luận

Quả khổ tương lai sau khi chết nhờ Đức Phật có Thiên nhãn minh thấy nói lại cho chúng ta biết mà lo tu giải thoát nếu ai muốn thấy các cảnh khổ địa ngục hay ngạ quỷ hay chư thiên. Hãy tu thiền định sẽ có thiên nhãn minh cũng sẽ thấy như Đức Phật.

Đạo Phật chỉ cho chứng nghiệm chứ không phải tin mù quáng như nhiều người hiểu lầm. Có một số tu sĩ trong Phật giáo tuyên bố không có các cõi trời hoặc địa ngục hay ngạ quỷ. Tội rất lớn vì họ dùng cái tưởng suy diễn trên kinh nghiệm sống của họ nhưng không thật có Thiên nhãn minh. Trong đạo Phật hãy tu cho được Tứ thiền sẽ thấy chứ dùng cái tưởng của

mình nói không đúng lời Phật dạy sẽ có quả báo kiếp sau rất đau khổ.

Người tu phải thận trọng ý nghiệp, khẩu nghiệp, thân nghiệp, nhất là học chánh ngữ khi thấy nói thấy, không thấy nói không thấy, không biết nói không biết, biết nói biết, không nghe nói không nghe, nghe nói nghe, v.v...

Không thấy địa ngục thì nói không thấy địa ngục chứ có suy diễn không có cõi địa ngục, tội rất lớn vì con người chưa có Thiên nhãn minh chứ không phải không có địa ngục.

Ví dụ không thấy trong nước có vi khuẩn rồi tuyên bố không có vi khuẩn là sai, nhưng các nhà khoa học có kính hiển vi nên thấy có vi khuẩn nói lại. Tương tự chúng ta biết đức Phật có Thiên nhãn minh nói lại cho chúng ta biết nên tin. Nếu thật sự muốn thấy cố gắng tu Thiền sẽ có Thiên nhãn minh.

Chương 5
44 CĂN BẢN TRÍ VÀ NĂM UẨN

Tác giả có nhận xét rằng nếu không biết 44 căn bản trí thì khó hiểu và diệt được 12 Nhân duyên. Đức Phật đã xác quyết ở cuối bài kinh "vị ấy được gọi là Thánh đệ tử đạt tri kiến, (dithisampanno) đạt kiến, đã đi đến diệu pháp này, đã thấy diệu pháp này, đã đầy đủ hữu học trí, đã đầy đủ hữu học minh, đã nhập được pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ (nibbedhi kapanno), đã đứng gõ vào cửa bất tử".

Đức Phật đã áp dụng Tứ đế vào 11 duyên trong 12 duyên để biết nó là gì, vì sao các duyên tồn tại, vì sao các duyên diệt và có cách nào để diệt các duyên đó. Nếu không áp dụng Tứ đế thì sẽ không thể nào diệt toàn bộ 12 tên tướng cướp này.

1. Bốn mươi bốn căn bản trí

Trong Kinh Tương Ưng 2 - Tương Ưng Nhân Duyên (b) - IV. Phẩm Kalàra - Vị Sát Đế Lỵ - III. Những Căn Bản Của Trí (Tạp 14.15 Chủng Trí, Đại 2, 99c) (S.ii,56), viết:

1)... Ở Sàvatthi.

2). .. Này các Tỳ-kheo. Ta sẽ thuyết về bốn mươi bốn căn bản của trí cho các Ông. Hãy nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ nói.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

3) Thế Tôn nói như sau:

- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là bốn mươi bốn căn bản của trí?

4) Già chết trí, già chết tập trí, già chết diệt trí, trí về con đường đưa đến già chết diệt.

5) Sanh trí, sanh tập trí, sanh diệt trí, trí về con đường đưa đến sanh diệt.

6) Hữu trí, hữu tập trí, hữu diệt trí, trí về con đường đưa đến hữu diệt.

7) Thủ trí, thủ tập trí, thủ diệt trí, trí về con đường đưa đến thủ diệt.

8) Ái trí, ái tập trí, ái diệt trí, trí về con đường đưa đến ái diệt.

9) Thọ trí, thọ tập trí, thọ diệt trí, trí về con đường đưa đến thọ diệt.

10) Xúc trí…

11) Sáu xứ trí…

12) Danh sắc trí…

13) Thức trí…

14) Hành trí, hành tập trí, hành diệt trí, trí về con đường đưa đến hành diệt.

Này các Tỳ-kheo, đây gọi là bốn mươi bốn căn bản của trí. (Trích từ Kinh Tương Ưng 2 nhân duyên).

15) Này các Tỳ-kheo, thế nào là già chết? Cái gì thuộc về chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng

sanh này hay bộ loại chúng sanh khác, bị già yếu, suy nhược, răng rụng, tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ tàn lụi, các căn chín muồi; đây gọi là già. Cái gì thuộc chúng sanh này hay chúng sanh khác, thuộc bộ loại chúng sanh này hay thuộc bộ loại chúng sanh khác, bị hoại diệt, hủy hoại, tiêu mất, tử vong, các uẩn tàn lụi, thân thể hoại diệt, vất bỏ; đây gọi là chết. Như vậy đây là già, đây là chết. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là già chết.

16) Do sanh tập khởi nên già chết tập khởi. Do sanh diệt nên già chết diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến già chết diệt; tức là chánh tri kiến... chánh định.

17) Này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử biết già chết như vậy, biết già chết tập khởi như vậy, biết già chết diệt như vậy, biết con đường đưa đến già chết diệt như vậy.

18) Đây là pháp trí của vị ấy. Vị ấy với pháp này được thấy, được biết, được quả tức thời, được đạt đến, được thể nhập (pariyogathena) hướng dẫn thái độ (nayam) của mình đối với quá khứ và tương lai.

19) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ đã hiểu rõ già chết, đã hiểu rõ già chết tập khởi, đã hiểu rõ già chết diệt, đã hiểu rõ con đường đưa đến già chết diệt, tất cả những vị ấy đều hiểu biết như vậy, như vậy; như hiện nay Ta vậy.

20) Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai sẽ hiểu rõ (abhijanissanti) già chết, sẽ hiểu rõ già chết tập khởi, sẽ hiểu rõ già chết diệt, sẽ hiểu rõ con đường đưa đến già chết diệt, tất cả những vị ấy sẽ hiểu biết như vậy, như vậy; như hiện nay Ta vậy. Đây tức là tùy trí (anvaye nànam) của vị ấy.

21) Này các Tỳ-kheo, vì rằng vị Thánh đệ tử được thanh tịnh và thuần tịnh hai loại trí, pháp trí và tùy trí; này các Tỳ-kheo,

vị ấy được gọi là Thánh đệ tử đạt tri kiến, (dithisampanno) đạt kiến, đã đi đến diệu pháp này, đã thấy diệu pháp này, đã đầy đủ hữu học trí, đã đầy đủ hữu học minh, đã nhập được pháp lưu, là bậc Thánh minh đạt tuệ (nibbedhi kapanno), đã đứng gõ vào cửa bất tử.

Trong các bài kinh khác, Đức Phật đã áp dụng Tứ đế vào năm Uẩn, Dục, v.v..., Tứ đế đã được áp dụng vào từng duyên trong 12 duyên để biết cách phá vỡ từng duyên một.

Công thức Tứ Đế là: 1- Khổ đế; 2- Khổ tập đế; 3- Khổ diệt đế; 4- Khổ diệt đạo đế.

★ Khổ đế

Là quả khổ, biểu thị cái gì đang hiện hữu, cái gì đang tồn tại, là các hiện tượng đang tồn tại mà sáu giác quan nhận biết được.

★ Khổ Tập đế

Là nguyên nhân sanh khổ hiện tại hay quả khổ trong tương lai. Thấy và biết nguyên nhân sanh ra khổ là việc rất khó. Đa số người học Phật không nhận ra được cái nhân nên đã cầu xin Bồ tát hay Phật cho hết khổ. Tất cả phải nhận ra khổ Tập bước thức hai sau khi đã biết quả khổ.

★ Khổ Diệt đế

Là diệt cái nhân sanh khổ chứ không phải diệt quả khổ. Có nhiều người học Phật hiểu lầm do không nghiên cứu về Lý Duyên diệt và các bài kinh có ví dụ về Niết Bàn. Kinh viết Lý Duyên diệt như sau:

"Một thời Thế Tôn ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc

bấy giờ Thế Tôn trong bảy ngày, ngồi trong một thế ngồi Kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày, ra khỏi định ấy, trong đêm canh cuối cùng, khéo thuận chiều và nghịch chiều tác ý lý duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt". Tức là duyên vô minh có các hành. Duyên các hành có thức... Duyên sanh, có già chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là tập khởi của khổ uẩn này. Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt, nên thức diệt... Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này".

Điểm bắt đầu gọi là cái này chính là nguyên nhân sanh ra khổ. Điểm cuối gọi là cái kia chính là cái quả. Cái này không có thì cái kia không có, nếu nhân không có thì quả không có. Diệt khổ có nghĩa là khi nhân không có thì quả khổ không có.

★ Khổ diệt Đạo đế

Là công cụ, hay phương pháp hay con đường dẫn đến chấm dứt khổ.

Thông thường trong bài kinh này là con đường Bát Chánh đạo. Như vậy phải hiểu tám ngành và mỗi ngành trừ diệt nhân gì. Ví dụ tà ngữ cần có ngành chánh ngữ để tiêu diệt, có nhiều dục lạc tức là tà tư duy phải cần có chánh tư duy. Tương tự cho các ngành khác.

Áp dụng bốn Đế trên vào duyên già chết, sanh, hữu... cho đến duyên hành sẽ giúp người học Phật biết cách diệt từng duyên.

Già chết trí, già chết tập trí, già chết diệt trí, già chết diệt đạo trí.

Già chết trí là cái biết về già chết tức là biết già là gì, biết chết là gì như đã định nghĩa trong 12 Nhân duyên ở phần trên.

Già chết tập trí là biết nhân sanh già chết chính là duyên sanh. Theo Lý duyên khởi, duyên sanh đứng trước duyên già chết là nhân sanh nó.

Già chết diệt trí là biết diệt nhân sanh già chết chính là diệt cái nhân sanh.

Già chết diệt đạo trí là biết con đường bát chánh để diệt duyên sanh chính là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Sanh trí, Sanh tập trí, Sanh diệt trí, Sanh diệt đạo trí.

Sanh trí là cái biết sanh theo định nghĩa ở trên.

Sanh tập trí là cái biết nhân sanh khởi sanh là duyên hữu.

Sanh diệt trí là cái biết diệt sanh chính là diệt nhân hữu.

Sanh diệt trí là diệt cái nhân khởi ra sanh chính diệt hữu.

Sanh diệt đạo trí là cái biết bát thánh đạo để diệt hữu .

Hữu trí, Hữu tập trí, Hữu diệt trí, Hữu diệt đạo trí.

Hữu trí là cái biết hữu là gì như đã định nghĩa phần trên.

Hữu tập trí là cái biết nhân sanh hữu là duyên thủ.

Hữu diệt trí là cái biết diệt nhân sanh hữu chính là diệt duyên thủ.

Hữu diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân thủ là bát chánh đạo.

Thủ trí, Thủ tập trí, Thủ diệt trí, Thủ diệt đạo trí.

Thủ trí là cái biết thủ là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Thủ tập trí là cái biết nhân sanh thủ chính là duyên ái.

Thủ diệt trí là cái biết diệt nhân sanh thủ chính là diệt duyên ái.

Thủ diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân sanh thủ chính là bát chánh đạo.

Ái trí, Ái tập trí, Ái diệt trí, Ái diệt đạo trí.

Ái trí là cái biết ái là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Ái tập trí là cái biết nhân sanh ái chính là duyên thọ.

Ái diệt trí là cái biết diệt nhân ái là diệt duyên thọ.

Ái diệt đạo trí là cái biết con đường bát chánh diệt thọ.

Thọ trí, Thọ tập trí, Thọ diệt trí, Thọ diệt đạo trí.

Thọ trí là cái biết thọ là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Thọ tập trí là cái biết nhân sanh thọ chính là duyên xúc.

Thọ diệt trí là cái biết diệt nhân sanh thọ là diệt duyên xúc.

Thọ diệt đạo trí là cái biết con đường diệt duyên xúc chính là bát chánh đạo.

Xúc trí, Xúc tập trí, Xúc diệt trí, Xúc diệt đạo trí.

Xúc trí là cái biết xúc là gì như đã định nghĩa ở phía trên.

Xúc tập trí là cái biết nhân sanh xúc chính là duyên lục nhập.

Xúc diệt trí là cái biết diệt nhân sanh xúc chính là diệt duyên lục nhập.

Xúc diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân sanh xúc chính là bát chánh đạo.

Lục nhập trí, Lục nhập tập trí, Lục nhập diệt trí, Lục nhập diệt đạo trí.

Lục nhập trí là cái biết lục nhập (sáu nội xứ) là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Lục nhập tập trí là cái biết nhân sanh lục nhập chính là duyên danh sắc.

Lục nhập diệt trí là cái biết diệt nhân sanh lục nhập chính là diệt duyên danh sắc.

Lục nhập diệt đạo trí là cái biết về con đường diệt nhân sanh lục nhập chính là bát chánh đạo.

Danh sắc trí, Danh sắc tập trí, Danh sắc diệt trí, Danh sắc diệt đạo trí.

Danh sắc trí là cái biết danh sắc là gì như đã định nghĩa ở phần trên.

Danh sắc tập trí là cái biết nhân sanh danh sắc chính là duyên thức.

Danh sắc diệt trí là cái biết diệt nhân sanh danh sắc chính là diệt duyên thức.

Danh sắc diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân thức chính là bát chánh đạo.

Thức trí, Thức tập trí, Thức diệt trí, Thức diệt đạo trí.

Thức trí là cái biết thức là gì như định nghĩa ở phần trên.

Thức tập trí là cái biết sanh thức chính là duyên hành.

Thức diệt trí là cái biết diệt nhân sanh thức chính là diệt duyên hành.

Thức diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân hành chính là con đường bát chánh đạo.

Hành trí, Hành tập trí, Hành diệt trí, Hành diệt đạo trí.

Hành trí là cái biết hành là gì? Là ý hành, khẩu hành, thân hành.

Hành tập trí là cái biết sanh ra hành là duyên vô minh.

Hành diệt trí là cái biết diệt nhân sanh hành là diệt vô minh.

Hành diệt đạo trí là cái biết con đường diệt nhân vô minh chính là bát chánh đạo.

2. Tứ Đế về Năm Uẩn

Trong quả Thọ khổ hiện tại có tám quả khổ nhưng có cái khổ thứ tám gọi là năm uẩn. Đức Phật đã áp dụng Tứ đế vào năm uẩn trong kinh Tương Ưng 3.

Trong Kinh Tương Ưng 3 - Chương I Tương Ưng Uẩn (c) - I. Phẩm Tham Luyến - IV. Thủ Chuyển (Tập 2, Đại 2,9b) (S.iii,58), viết:

1-2) Nhân duyên ở Sàvatthi…

3) - Này các Tỳ-kheo, có năm thủ uẩn này. Thế nào là năm? Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

4) Này các Tỳ-kheo, khi nào Ta chưa như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, thì cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta

không xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

5) Nhưng này các Tỳ-kheo, khi nào Ta đã như thật thắng tri năm thủ uẩn này theo bốn chuyển, cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, đối với thế giới chư Thiên, Ma, Phạm thiên, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta xác chứng rằng Ta đã chứng được vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

6) Và thế nào là bốn chuyển? Ta đã thắng tri sắc, Ta đã thắng tri sắc tập khởi, Ta đã thắng tri sắc đoạn diệt, Ta đã thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt. Ta đã thắng tri thọ... tưởng... hành... Ta đã thắng tri thức, Ta đã thắng tri thức tập khởi, Ta đã thắng tri thức đoạn diệt, Ta đã thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt.

7) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sắc? Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo thành. Này các Tỳ-kheo, đấy được gọi là sắc. Do các thức ăn tập khởi nên sắc tập khởi. Do các thức ăn đoạn diệt nên sắc đoạn diệt. Và con đường đưa đến sắc đoạn diệt là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

8) Này các Tỳ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào do thắng tri sắc như vậy; do thắng tri sắc tập khởi như vậy, do thắng tri sắc đoạn diệt như vậy, do thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

9) Và này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri sắc là như vậy... thắng tri con đường đưa đến sắc đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt sắc, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

10) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thọ? Này các Tỳ-kheo, có sáu thọ thân này: thọ do nhãn xúc sanh, thọ do nhĩ xúc sanh, thọ do tỷ xúc sanh, thọ do thiệt xúc sanh, thọ do thân xúc sanh, thọ do ý xúc sanh. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.

11) Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy, thắng tri thọ tập khởi là như vậy, thắng tri thọ đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt thọ. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

12) Và này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thọ là như vậy... thắng tri con đường đưa đến thọ đoạn diệt là như vậy... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ!

13-15) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tưởng? Này các Tỳ-kheo, có sáu tưởng thân này: sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là tưởng. Do xúc tập khởi nên tưởng tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên tưởng đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám

ngành đưa đến tưởng đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định... thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

16) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành. Do xúc tập khởi nên các hành tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên các hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

17) Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt các hành. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

18) Và này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri các hành là như vậy, thắng tri các hành tập khởi là như vậy, thắng tri các hành đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến các hành đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt các hành, họ giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai được khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

19) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là thức? Có sáu thức thân này, này các Tỳ-kheo, (tức là) nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là thức. Do danh sắc tập khởi nên thức tập khởi. Do danh sắc đoạn diệt nên thức đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám

ngành đưa đến thức đoạn diệt, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy... chánh định.

20) Này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, họ hướng về thực hiện yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức. Những thực hiện ấy, họ khéo thực hiện. Những ai khéo thực hiện, những vị ấy có chân đứng trong Pháp và Luật này.

21) Và này các Tỳ-kheo, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức, họ được giải thoát, không có chấp thủ. Họ được khéo giải thoát. Những ai khéo giải thoát, họ được vẹn toàn. Những ai được vẹn toàn, thời không thể nêu rõ sự luân chuyển của họ.

Tóm tắt lại sự áp dụng Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo vào năm uẩn như sau:

Bốn trí về Sắc

★ Sắc trí là sự hiểu biết về sắc, chính là tứ đại: Đất, Nước, Gió, Lửa.

★ Sắc Tập trí là sự hiểu về nguyên nhân sanh Sắc, chính là thức ăn, thức uống.

★ Sắc Diệt là sự hiểu biết về sự đoạn diệt sắc, chính là đoạn tận thức ăn.

★ Sắc đoạn diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến đoạn diệt sắc, chính là sự hiểu biết về con đường

bát Chánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy,... Chánh niệm, Chánh định.

Bốn trí về Thọ

★ Thọ trí là sự hiểu biết, thọ chính là sáu thọ: Nhãn thọ, Nhĩ thọ, Tỷ thọ, Thiệt thọ, Thân thọ, Ý thọ.

★ Thọ Tập trí là sự hiểu biết về nguyên nhân sanh Thọ chính là duyên Xúc.

★ Thọ Diệt trí là sự hiểu biết về diệt Thọ là diệt duyên Xúc.

★ Thọ diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt Thọ là bát Chánh đạo.

Bốn trí về Tưởng

★ Tưởng trí là sự hiểu biết về Tưởng, chính là sáu tưởng: Sắc tưởng, Thanh tưởng, Hương tưởng, Vị tưởng, Xúc tưởng, Pháp tưởng.

★ Tưởng Tập trí là sự hiểu biết về nguyên nhân sanh Tưởng chính là duyên Xúc.

★ Tưởng Diệt trí là sự hiểu biết về diệt Tưởng chính là diệt duyên Xúc.

★ Tưởng diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt tưởng chính là bát Chánh đạo.

Bốn trí về Hành

★ Hành trí là sự hiểu biết hành, chính là Sắc tư, Thanh tư, Hương tư, Vị tư, Xúc tư, Pháp tư.

★ Hành Tập trí là sự hiểu biết về nguyên nhân sanh Hành chính duyên Xúc.

★ Hành Diệt trí là sự hiểu biết về diệt duyên Hành là diệt duyên Xúc.

★ Hành diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt Hành chính là bát Chánh đạo.

Bốn trí về Thức

★ Thức trí là sự hiểu biết về Thức, chính là Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức.

★ Thức Tập trí là sự hiểu biết nguyên nhân sanh Thức chính là duyên Danh sắc.

★ Thức Diệt trí là sự hiểu biết về diệt Thức chính là diệt duyên Danh sắc.

★ Thức diệt Đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt Thức chính là bát Chánh đạo.

Có sự khác nhau về Năm uẩn này là thuộc về quả khổ hiện tại nên Danh sắc hiện tại sanh ra Thức hiện tại. Tương tự, Hành này là nghiệp hiện tại do duyên Xúc sanh.

Hành giả suy tư có hai Hành: Hành hiện tại và Hành quá khứ. Có hai thức: Thức mới và Thức cũ. Có hai sanh: Sanh hiện tại chính là Danh sắc hoặc Lục nhập và duyên Sanh tương lai. Có hai vô minh: Vô minh quá khứ sanh ra Hành và Vô minh hiện tại sanh ra Hành (Ái).

3. Áp dụng Tứ đế và Sai biệt trí, Dị thục trí

Trong kinh Tăng chi sáu pháp, có một bài kinh tên là Một Pháp Môn Quyết Trạch rất hay bàn về áp dụng tứ đế trí và thêm sai biệt trí, dị thục trí vào các đối tượng như: Dục, Thọ, Tưởng, Lậu hoặc, Nghiệp, Khổ. Như vậy có sáu trí áp dụng vào sáu đối tượng tạo thành 36 trí.

Trong Kinh Tăng Chi Sáu Pháp - VI. Đại Phẩm - (IX) (63) Một Pháp Môn Quyết Trạch, viết:

1. - Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết cho các Thầy pháp môn thể nhập, pháp môn pháp. Hãy nghe và tác ý, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

2. - Và này các Tỳ-kheo, thế nào là pháp môn thể nhập (quyết trạch), pháp môn pháp?

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các dục, cần phải biết duyên khởi các dục, cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thục, cần phải biết các dục đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết cảm thọ, cần phải biết các cảm thọ duyên khởi, cần phải biết các cảm thọ sai biệt, cần phải biết các cảm thọ dị thục, cần phải biết các cảm thọ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các tưởng, cần phải biết các tưởng duyên khởi, cần phải biết các tưởng sai biệt, cần phải biết các tưởng dị thục, cần phải biết các tưởng đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các tưởng đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc, cần phải biết các lậu hoặc duyên khởi, cần phải biết các lậu hoặc sai biệt, cần phải biết các lậu hoặc dị thục, cần phải biết các lậu hoặc đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết nghiệp, cần phải biết duyên khởi các nghiệp, cần phải biết các nghiệp sai biệt, cần phải biết các nghiệp dị thục, cần phải biết các nghiệp đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến nghiệp đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết

khổ duyên khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thục, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt.

3. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các dục, cần phải biết các dục duyên khởi, cần phải biết các dục sai biệt, cần phải biết các dục dị thục, cần phải biết các dục đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt, đã được nói như vậy. Và do duyên gì được nói như vậy?

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả ý, khả hỷ, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, dầu chúng không phải dục, chúng được gọi là dục trưởng dưỡng trong giới luật của bậc Thánh.

Các tư duy tham ái,
Là dục của con người,
Các hoa mỹ ở đời,
Chúng không phải là dục,
Các tư duy tham ái
Là dục của con người,
Các hoa mỹ an trú
Như vậy ở trên đời,
Ở đây những bậc Trí,
Nhiếp phục được lòng dục.

4. Này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục duyên khởi? Xúc, này các Tỳ-kheo, là các dục duyên khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục sai biệt? Này các Tỳ-kheo, dục trên các sắc là khác, dục trên các tiếng là khác, dục trên các hương là khác, dục trên các vị là khác, dục trên các xúc là khác. Này các Tỳ-kheo, đây là các dục sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục dị thục? Này các Tỳ-kheo, khi muốn một cái gì, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các dục dị thục.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỳ-kheo là dục đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các dục đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các dục như vậy, rõ biết các dục sanh khởi như vậy, rõ biết các dục sai biệt như vậy, rõ biết các dục dị thục như vậy, rõ biết các dục đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các dục đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các dục đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các dục... cần phải biết con đường đưa đến dục đoạn diệt, Đoạn diệt đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

5. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các cảm thọ... cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Này các Tỳ-kheo, có ba cảm thọ này: lạc thọ, khổ thọ, phi khổ phi lạc thọ.

6. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ sanh khởi? Xúc, này các Tỳ-kheo, là các cảm thọ sanh khởi. Và này các

Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ sai biệt? Này các Tỳ-kheo, có các lạc thọ liên hệ đến vật chất, có các lạc thọ không liên hệ đến vật chất; có các khổ thọ liên hệ đến vật chất, có các khổ thọ không liên hệ đến vật chất; có các cảm thọ không khổ không lạc liên hệ đến vật chất, có các cảm thọ không khổ không lạc không liên hệ đến vật chất. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các cảm thọ sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ dị thục? Này các Tỳ-kheo, khi nào cảm thọ cái gì, sanh khởi một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các cảm thọ dị thục.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các cảm thọ đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là các cảm thọ đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các cảm thọ đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Và khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử đã biết các cảm thọ như vậy, rõ biết các cảm thọ sanh khởi như vậy, rõ biết các cảm thọ sai biệt như vậy, rõ biết các cảm thọ dị thục như vậy, rõ biết các cảm thọ đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các cảm thọ đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các cảm thọ... cần phải biết con đường đưa đến các cảm thọ đoạn diệt, đã nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

7. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các tưởng... cần phải biết con đường đưa đến các tưởng đoạn diệt, đã được nói như vậy. Do duyên gì đã được nói như vậy?

Này các Tỳ-kheo, có sáu tưởng này: Sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng.

8. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tưởng sanh khởi? Này các Tỳ-kheo, xúc là các tưởng sanh khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các tưởng sai biệt? Này các Tỳ-kheo, các tưởng trong các sắc là khác, các tưởng trong các thanh là khác, các tưởng trong các hương là khác, các tưởng trong các vị là khác, các tưởng trong các xúc là khác, các tưởng trong các pháp là khác. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các tưởng sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các tưởng dị thục? Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng các tưởng là kết quả của thói quen, khi nào người ta biết sự vật như thế nào, như thế nào, người ta nói sự vật ấy như sau, như sau: "Như vậy tôi tưởng". Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các tưởng dị thục.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các tưởng đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là tưởng đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến các tưởng đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Khi nào này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các tưởng như vậy, rõ biết các tưởng sanh khởi như vậy, rõ biết các tưởng sai biệt như vậy, rõ biết các tưởng dị thục như vậy, rõ biết các tưởng đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các tưởng đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các tưởng đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các tưởng... cần phải biết con đường đưa đến các tưởng đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

9. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên nào đã được nói như vậy? Này các Tỳ-kheo, có ba lậu hoặc này: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

10. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sanh khởi? Vô minh, này các Tỳ-kheo, là các lậu hoặc sanh khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc sai biệt? Này các Tỳ-kheo, có các lậu hoặc đưa đến địa ngục, có các lậu hoặc đưa đến bàng sanh, có các lậu hoặc đưa đến ngạ quỷ, có các lậu hoặc đưa đến thế giới loài người, có các lậu hoặc đưa đến thế giới chư Thiên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc sai biệt.

Và này các Tỳ Kheo, thế nào là các lậu hoặc dị thục? Này các Tỳ-kheo, khi nào vì vô minh cái gì sanh khởi, một tự ngã khởi lên từ vật ấy, từ vật ấy, để dự phần phước đức, hay để dự phần không phước đức. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các lậu hoặc dị thục.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc đoạn diệt? Vô minh đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là các lậu đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo tám ngành đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt. Tức là chánh tri kiến... chánh định. Khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các lậu hoặc là như vậy, rõ biết các lậu hoặc sanh khởi như vậy, rõ biết các lậu hoặc sai biệt như vậy, rõ biết các lậu hoặc dị thục như vậy, rõ biết các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các lậu hoặc đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các lậu hoặc... cần phải biết con đường đưa đến các lậu hoặc đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

11. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các nghiệp... cần phải biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt được nói như vậy. Do duyên gì được nói như vậy?

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.

12. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các nghiệp sanh khởi? Này các Tỳ-kheo, xúc là các nghiệp sanh khởi.

- Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các nghiệp sai biệt? Này các Tỳ-kheo, có nghiệp đưa đến cảm thọ ở địa ngục, có nghiệp đưa đến cảm thọ loài bàng sanh, có nghiệp đưa đến cảm thọ cõi ngạ quỷ, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới loài Người, có nghiệp đưa đến cảm thọ thế giới chư Thiên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là các nghiệp sai biệt. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các nghiệp dị thục? Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng có ba loại nghiệp dị thục: Ở ngay đời hiện tại, hay ở đời sau, hay ở một đời sau nữa. Này các Tỳ-kheo, đây là các nghiệp dị thục.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là nghiệp đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là nghiệp đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành, con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt. Đó là chánh tri kiến... chánh định. Khi nào, này các Tỳ-kheo, vị Thánh đệ tử rõ biết các nghiệp như vậy, rõ biết các nghiệp sanh khởi như vậy, rõ biết các nghiệp sai biệt như vậy, rõ biết các nghiệp dị thục như vậy, rõ biết các nghiệp đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là các nghiệp đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết các nghiệp... cần phải rõ biết con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này đã được nói như vậy.

13. Này các Tỳ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thục, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến

khổ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên gì đã được nói như vậy?

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu não là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

14. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ sanh khởi? Ái, này các Tỳ-kheo, là khổ sanh khởi.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ sai biệt? Này các Tỳ-kheo có khổ lớn, có khổ nhỏ, có khổ chậm biến, có khổ mau biến. Này các Tỳ-kheo, đây là khổ sai biệt.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ dị thục? Này các Tỳ-kheo, ở đây có hạng người bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, ưu sầu, bi thảm, than van, đập ngực, khóc lóc, đi đến bất tỉnh; do bị khổ chinh phục, tâm bị trói buộc, nên đi tìm phía bên ngoài xem có ai biết được một câu, hai câu thần chú để đoạn diệt khổ này.

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng khổ đem lại kết quả mê loạn, đem lại kết quả tìm kiếm. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là khổ dị thục.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là khổ đoạn diệt?

Ái đoạn diệt, này các Tỳ-kheo, là khổ đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành đưa đến khổ đoạn diệt. Đó là chánh kiến... chánh định. Này các Tỳ-kheo, khi nào Thánh đệ tử rõ biết khổ như vậy, rõ biết khổ sanh khởi như vậy, rõ biết khổ sai biệt như vậy, rõ biết khổ dị thục như vậy, rõ biết khổ đoạn diệt như vậy, rõ biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt như vậy, khi ấy, vị ấy được rõ biết Phạm hạnh thể nhập này như là khổ đoạn diệt.

Này các Tỳ-kheo, cần phải biết khổ, cần phải biết khổ sanh khởi, cần phải biết khổ sai biệt, cần phải biết khổ dị thục, cần phải biết khổ đoạn diệt, cần phải biết con đường đưa đến khổ đoạn diệt, đã được nói như vậy. Chính do duyên này, đã được nói như vậy.

Này các Tỳ-kheo, đây là thể nhập pháp môn, pháp pháp môn.

Dục trí là sự hiểu về dục. Dục Tập trí là sự hiểu biết về nguyên sanh dục là Xúc. Dục diệt trí là sự hiểu biết về Dục là diệt nguyên nhân sanh dục là diệt Xúc. Dục diệt đạo trí là sự hiểu biết về con đường dẫn đến diệt Dục là bát Chánh đạo. Dục sai biệt trí là sự hiểu biết về sự sai biệt về dục. Dục dị thục trí là sự hiểu biết dục dị thục.

Tương tự cho Thọ, cho Tưởng, cho Lậu hoặc, cho Nghiệp, cho Khổ. Những câu trả lời về sáu trí cho sáu đối tượng. Quý vị tự điền sáu câu trả lời và cố gắng suy tư và hiểu chúng sẽ giúp quý vị sẽ giác ngộ dễ dàng.

4. Kết luận

Khi áp dụng tứ đế vào 11 duyên trong 12 duyên cho biết rằng diệt quả là diệt điểm đầu (nhân) còn điểm cuối (kết quả) sẽ mất.

Điểm bắt đầu khởi ra là Vô minh đã sinh ra Hành rồi Thức tái sanh đến quả hiện tại là Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ (Lạc hay Khổ), nếu điểm khởi đầu Vô minh không có thì bây giờ làm gì có hạnh phúc hay đau khổ. Nhưng hạnh phúc hay đau khổ đã trổ ra rồi, chúng ta không thể diệt được vì đó là quả báo.

Áp dụng Tứ đế vào năm Uẩn. Sự việc chấm dứt năm Uẩn rất dễ dàng chỉ cần diệt nguyên nhân sanh chúng thì năm Uẩn không còn tồn tại, rất đơn giản. Vì không biết Tứ đế nên dẫn đến những suy nghĩ sai lầm. Ngoài Tứ đế trí còn có thêm hai trí nữa: Sai biệt trí và Dị thục trí. Sáu trí được áp dụng vào sáu đối tượng: Dục, Thọ, Tưởng, Lậu hoặc, Nghiệp, Khổ sẽ tạo thành 36 Trí. Nhất là Dị thục trí là loại hiểu biết về sự chín muồi về Thọ hay về Tưởng v.v... rất hay và sai biệt trí là sự hiểu biết sai khác về Nghiệp, về Lậu hoặc để giúp người học Phật hiểu sự khác về Lậu hoặc và Nghiệp.

Làm sao hết quả khổ hay quả lạc, Đức Phật dạy Vô minh diệt thì Hành diệt, khổ sẽ diệt nhưng Hành chính là Ái. Tại duyên thọ (lạc hay khổ) mà có Minh sanh thì Ái diệt dẫn đến thủ diệt, hữu diệt, sanh diệt thì khổ diệt.

Thế nào là Minh? Rõ biết khổ, rõ biết nguyên nhân khổ, rõ biết diệt khổ, rõ biết con đường diệt khổ thì sanh tử hay khổ đau sẽ chấm dứt vĩnh viễn.

Tiểu kết

Trong phần này đã trình bày tại sao chúng ta có mặt ở đời và phải chịu những cảm thọ khổ do bị sanh, bị bệnh, bị già, bị chết và cũng cho biết tại sao chúng ta sẽ có mặt trong tương lai dưới những hình tướng xấu xí mà phải nhận lãnh những cảm thọ khổ khủng khiếp. Nếu sanh vào bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục hoặc do làm nghiệp thiện sanh vào thiên giới hưởng thụ những cảm thọ sung sướng ở các cảnh trời thuộc dục giới hoặc tu thiền sẽ hưởng được những hỷ lạc của cõi sắc giới tuổi thọ vô lượng. Cứ như vậy luân hồi giữa các cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc không biết đến bao giờ thoát khỏi ba cõi đó.

Lý Duyên khởi chia làm hai phần:

Nghiệp cũ là khổ Tập sanh ra quả khổ hiện tại. Tại sao gọi là khổ Tập vì tất cả sự vật vô thường (diệt). Dù thọ lạc đi nữa cuối cùng vẫn là thọ khổ. Nếu không nhận ra những quả khổ hay quả lạc đang có ở hiện tại do nghiệp cũ sanh khởi thì chúng sanh tiếp tục Vô minh trong đời sống hiện tại và tạo nghiệp mới.

Nghiệp mới là duyên Ái do duyên Thọ sanh khởi tức thì. Đây là lý do tại sao mà những người sống tại gia và xuất gia không thể nào thoát Ái (tham sân si). Khi có Ái sanh khởi thì tiếp tục sanh ra Thủ rồi sanh ra Hữu và sanh ra Sanh, Già chết.

Như vậy muốn thoát được vòng 12 Nhân duyên cần Minh sanh tức là biết rõ khổ, biết rõ nguyên nhân khổ, biết rõ diệt

khổ, biết rõ con đường dẫn đến diệt khổ. Nhưng đa số người học Phật không tin tuyệt đối và không chứng nghiệm Tứ Thánh Đế mà cứ lo chạy theo những pháp khác.

Hành giả Phật giáo nên biết áp dụng Tứ đế về Khổ, về Năm uẩn, 11 duyên trong 12 Nhân duyên. Điều này sẽ giúp người học Phật phá tan được Vô minh và Tham ái.

Lý duyên khởi là cực kỳ quan trọng, người học Phật hãy cố gắng tìm hiểu cho tận cùng kỳ lý để thấu đáo sẽ có quả Thánh dự lưu đời này.

Phần II
DIỆT KHỔ VÀ CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ

Diệt khổ là sự chấm dứt những nguyên nhân sanh khởi hoàn toàn. Còn con đường diệt khổ gồm những chi phần diệt từng nhân sanh khổ. Như vậy khi tu tập con đường diệt khổ sẽ đoạn tận từng nhân một và tiếp tục diệt những nhân khác cho đến khi không còn nhân nào nữa. Để chứng bốn bậc Thánh. Người học Phật cần biết khổ tập gồm có mười kiết sử: Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ, Tham, Sân, Ái sắc giới, Ái vô sắc giới, Mạn, Vô minh. Khi thực hành đạo đế sẽ trừ diệt từng kiết sử và tiếp tục trừ diệt các kiết sử kế tiếp cho đến khi không còn kiết sử nào gọi là Diệt khổ.

Sự khác nhau giữa diệt khổ và con đường diệt khổ: Diệt khổ là đã diệt xong tất cả nguyên nhân khổ và con đường diệt khổ đang diệt từng nhân khổ và tiếp tục diệt những nhân khác cho đến khi không còn nhân sanh khổ nào nữa nên những ai tu tập con đường diệt khổ là đang hướng đến một trong bốn bậc Thánh.

Kinh Tăng chi tám pháp nói về biển có nhiều châu báu, có nhiều loại chúng sanh lớn sống trong biển, nước biển chỉ có một vị mặn dù biển bao la. Có nhiều châu báu tương ứng với bảy con đường chấm dứt khổ, có nhiều chúng sanh lớn tương ứng với tám bậc thánh. Có một vị mặn tương ứng với vị giải thoát (Niết Bàn).

Trong Kinh Tăng Chi Tám Pháp - II. Phẩm Lớn - (IX) (19) A-Tu-La Pahàràda, viết:

Các con đường tu tập là tuần tự không có sự thể nhập Chánh trí thình lình.

11. Ví như, này Pahàràda, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thình lình như một vực thẳm. Cũng vậy, này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thục là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thình lình. Này Pahàràda, vì rằng trong pháp và luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thục là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thình lình, nên này Pahàràda, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhất mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Vị mặn nước biển tương ứng với vị giải thoát, Pháp và Luật cũng chỉ có một vị là vị giải thoát.

16. Ví như, này Pahàràda, biển lớn chỉ có một vị mặn. Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật cũng chỉ có một vị là vị giải thoát. Này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ sáu mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Bảy con đường tu tập tương ứng với Pháp và Luật này có nhiều châu báu.

17. Ví như, này Pahàràda, biển lớn có nhiều châu báu, có nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xà-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đấy có những

châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành. Này Pahàràda, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đấy có những châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành, nên này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Tám bậc Thánh: bậc Dự lưu, bậc đã hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả; bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Nhất lai quả; bậc Bất lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Bất lai quả; bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán.

18. Ví như, này Pahàràda, biển lớn là trú xứ các loại chúng sanh lớn, tại đấy, có những chúng sanh như các con Timi, Timingalà, Timiramingalà, những loại Asurà (A-tu-la), các loại Nàgà, các loại Gandhabbà. Trong biển có những loài hữu tình với tự ngã dài một trăm do tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do tuần. Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật là trú xứ của các loài chúng sanh lớn. Ở đấy có những loại chúng sanh này: bậc Dự lưu, bậc đã hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả, bậc Nhất Lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Nhất lai quả, bậc Bất lai, bậc đã hướng đến chứng ngộ Bất lai quả, bậc A-la-hán, bậc đã hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán. Này Pahàràda, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các loại chúng sanh lớn. Ở đấy có những chúng sanh này... quả A-la-hán. Này Pahàràda, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỳ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Bài kinh trên cho chúng ta biết rằng có bảy con đường tu tập để đoạn tận những nhân sanh khổ. Sau khi tu tập sẽ dẫn đến tám bậc Thánh và sự tu tập theo tuần tự chứ không có vấn đề đốn ngộ như nhiều người tưởng tượng ngủ một đêm sáng ra giác ngộ.

Thực hành bát Thánh đạo cũng theo tuần tự từ chánh tri kiến... cho đến chánh định đến một thời điểm chín muồi thì tâm hành giả sẽ có tâm giải thoát và tuệ giải thoát.

Trong phần này sẽ trình bày cách chấm dứt khổ và con đường chấm dứt khổ hoàn toàn. Thông thường thế gian chỉ biết khổ nhưng không biết cách chấm dứt khổ và không biết con đường dẫn đến diệt khổ. Chương 1 sẽ bàn về cách chấm dứt khổ và chương 2 bàn về con đường dẫn đến chấm dứt khổ.

Chương 1
DIỆT KHỔ

Diệt khổ đế là sự diệt khổ có thật. Hành giả cần chứng ngộ chứ không phải tưởng tượng. Niết Bàn chỉ đến với hành giả đã thực hành bát chánh đạo viên mãn. Nếu không thực hành bát chánh đạo thì sự chứng ngộ Niết Bàn không có.

Đa số người học Phật hiểu lầm từ "Diệt Khổ" và tự biên tự diễn về từ này nên không thể nào chấm dứt khổ được.

Trong Kinh Tiểu Bộ 1 - Kinh Phật Tự Thuyết - Chương Một Phẩm Bồ Đề - (I) (Ud 1), viết về Lý Duyên diệt như sau:

Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm canh giữa, khéo nghịch chiều tác ý lý Duyên khởi: "Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là, do vô minh diệt nên hành diệt; do hành diệt, nên thức diệt; do thức diệt, nên danh sắc diệt; do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt; do sáu xứ diệt nên xúc diệt, do xúc diệt nên thọ diệt, do thọ diệt, nên ái diệt; do ái diệt, nên thủ diệt; do thủ diệt, nên hữu diệt; do hữu diệt, nên sanh diệt; do sanh diệt, nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não diệt. Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này".

Lý duyên khởi luôn luôn bắt đầu "Do cái này sanh" gọi là nhân và "Cái kia sanh" gọi là quả, còn Lý duyên diệt luôn luôn cái khởi đầu (cái này) diệt thì cái cuối (cái kia) diệt. Như vậy

quả khổ (cái kia) do nhân (cái này) sanh khởi, từ đó có trí tuệ khởi lên là "muốn hết khổ là diệt cái nhân thì khổ sẽ không bao giờ có". Còn quả khổ do có nhân sanh nên chấp nhận.

Nếu ai thấy Lý Duyên khởi và Lý Duyên diệt sẽ có trí tuệ sanh khởi. Sau khi thấy biết được cách diệt khổ sẽ phải chứng nghiệm diệt khổ tức là chứng nghiệm không còn tham, không còn sân, không còn si. Để chứng đạt diệt tham, diệt sân, diệt si cần phải tu tập một trong bảy con đường để chấm dứt khổ.

Chứng ngộ Niết bàn đồng nghĩa là tham sân si (10 kiết sử) mất từ từ đến mất hoàn toàn không còn sanh lại, trong khi phàm phu tham sân si cứ sanh rồi diệt rồi sanh lại. Có bốn bậc Thánh mà mười kiết sử tiêu diệt từ từ cho đến khi không còn kiết sử nào.

Để hình dung Niết Bàn như thế nào? Đức Phật đã cho một ví dụ là một Khúc Gỗ trôi trên sông. Nếu Khúc Gỗ ra tới biển gọi là Niết Bàn.

Trong Kinh Tương Ưng 4 - Chương I Tương Ưng Sáu Xứ (g) - IV. Phẩm Rắn Độc - 200. IV. Khúc Gỗ (1) (S.iv,179), viết:

4) Khi được nghe nói vậy, một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, bờ bên này là gì? Bờ bên kia là gì? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là mắc cạn trên miếng đất nổi? Thế nào là bị loài Người nhặt lấy? Thế nào là bị phi nhân nhặt lấy? Thế nào là bị mắc vào xoáy nước? Thế nào là bị mục nát bên trong?

5) Bờ bên này, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với sáu nội xứ này.

6) Bờ bên kia, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ.

7) Bị chìm giữa dòng, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với hỷ tham.

8) Bị mắc cạn trên miếng đất nổi, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với ngã mạn.

9) Và này Tỳ-kheo, thế nào là bị người nhặt lấy? Ở đây, Tỳ-kheo sống quá liên hệ với cư sĩ, chung vui, chung buồn, an lạc khi họ an lạc, đau khổ khi họ bị đau khổ, tự trói buộc mình trong các công việc phải làm được khởi lên của họ. Đây gọi là Tỳ-kheo bị loài Người nhặt lấy.

10) Và thế nào, này Tỳ-kheo, là bị phi nhân nhặt lấy? Ở đây, Tỳ-kheo sống Phạm hạnh với ước nguyện được sanh cộng trú với một hạng chư Thiên: "Mong rằng với giới luật này, với cấm giới này, với khổ hạnh này, với Phạm hạnh này, ta sẽ trở thành Thiên nhân hay một loài chư Thiên!" Đây, này Tỳ-kheo, được gọi là bị phi nhân nhặt lấy.

11) Bị mắc vào xoáy nước, này Tỳ-kheo, là đồng nghĩa với năm dục công đức.

12) Và này Tỳ-kheo, thế nào là bị mục nát bên trong? Ở đây, này Tỳ-kheo, có người thọ tà giới, theo ác pháp, bất tịnh, có những hành vi đáng nghi ngờ, có những hành động che đậy, không phải Sa-môn nhưng hiện tướng Sa-môn, không phải Phạm hạnh nhưng hiện tướng Phạm hạnh, nội tâm bị hủ bại, đầy dục vọng, là một đống rác bẩn. Đây, này Tỳ-kheo, được gọi là bị mục nát bên trong.

Để hiểu Niết Bàn rất khó nên Đức Phật cho hình ảnh khúc gỗ trôi trên sông sẽ ra biển. Nếu khúc gỗ không bị dính mắc vào bờ bên này, vào bờ bên kia, không bị hư mục bên trong, không bị chìm đắm, không bị cuốn vào nước xoáy, không bị

mắc cạn vào vùng đất nổi, không bị loài người nhặt lấy, không bị loài phi nhân nhặt lấy.

Như vậy, khúc gỗ tiêu biểu cho hành giả tu tập để không dính mắc vào sáu nội xứ, không dính mắc vào sáu ngoại xứ, không dính mắc năm dục trưởng dưỡng, không tham hỷ lạc, không ngã mạn, không thân mật với cư sĩ quá khi họ vui cùng vui theo, khi họ buồn cùng buồn theo, không giữ giới hạnh mong cầu sanh làm chư thiên này hay chư thiên khác, nội tâm không hôi hám có Niết Bàn hiện tiền. Một ví dụ quá cụ thể mà Đức Phật đã nói quá rõ ràng như thế mà không nhận ra Niết Bàn như thế nào thì hành giả luân hồi mãi mãi. Tuy nhiên trong một bài kinh khác, Đức Phật đã giải thích Diệt khổ như sau: "Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

Trong Kinh Tăng Chi Ba Pháp - VI. Phẩm Các Bà-La-Môn - 55.- Niết-bàn, viết:

Rồi Bà-la-môn Jànussoni đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đảnh lễ, nói lên những lời chào đón thăm hỏi thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Jànussoni bạch Thế Tôn:

- Thiết thực hiện tại là Niết bàn, thưa Tôn giả Gotama, được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa Tôn giả Gotama, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu?

- Bị tham ái làm say đắm, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Tham ái được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không

nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Bị sân làm uế nhiễm, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Sân được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Bị si làm mê mờ, này Bà-la-môn, bị chinh phục, tâm bị xâm chiếm, nên suy nghĩ điều hại mình, suy nghĩ điều hại người, suy nghĩ điều hại cả hai, cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Si được đoạn trừ, thời không nghĩ đến tự hại, không nghĩ đến hại người, không nghĩ đến hại cả hai, không cảm thọ tâm khổ tâm ưu. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

Khi vị ấy, này Bà-la-môn, cảm thọ tham ái được đoạn tận, không có dư tàn, cảm thọ sân được đoạn tận, không có dư tàn, cảm thọ si được đoạn tận, không có dư tàn. Như vậy, này Bà-la-môn, Niết bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng những gì bị quăng ngã xuống, hay trình bày cái gì bị che kín, hay chỉ đường cho

người bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện thuyết giảng. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Dựa vào bài kinh trên cho biết Tham, Sân, Si chấm dứt hoàn toàn gọi là thiết thực hiện tại là Niết Bàn. Không có thời gian đến để mà thấy vì khi giác ngộ thì tâm tham, tâm sân, tâm si không còn khởi ra nữa làm gì có thời gian đến để mà thấy. Giác ngộ sanh khởi do quán nhiều về tiến trình sanh diệt tham, sân, si đến một lúc nào đó giác ngộ ra tham, sân, si sẽ không còn sanh khởi. Cho một ví dụ dễ hiểu như sau:

Có một người bạn rất tốt giúp hành giả mọi thứ đến một ngày khám phá ra rằng người bạn ngoại tình với vợ mình. Lúc đó hành giả giác ngộ rằng bản chất người bạn này xấu thì tính thân thiết về người bạn đó biến mất. Cũng vậy khi giác ngộ ra bản chất tham, sân, si gây cho đau khổ, nếu hành giả nào nhận ra như vậy thì tham, sân, si không còn sanh lại. Khi tham, sân, si không sanh lại là Niết Bàn.

1. Khổ Diệt Thánh đế cần phải chứng ngộ

Tại sao Khổ diệt cần phải chứng ngộ?

Nếu không chứng ngộ được thì sự học Phật Pháp thuần lý thuyết sẽ không thể nào thoát khổ được. Vì lý do này trong bài kinh Chuyển Pháp Luân đã tuyên thuyết "Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về

Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh".

Người học Phật cần trải nghiệm khi ly tham, khi sân không có, khi si không có và Tham, Sân, Si không bao giờ sanh khởi trở lại. Đây là Niết Bàn.

Khổ diệt Thánh đế cần phải chứng ngộ có nghĩa tâm hành giả đã đoạn tận mười kiết sử. Vị này chấm dứt mười kiết sử là quả vị cao nhất ở thế gian, là bậc đáng cúng dường, là ruộng phước vô thượng ở đời. Thời nay rất khó gặp bậc Thánh A la hán còn ba bậc Thánh kia con người thời đại chúng ta có thể chứng ngộ được. Những mục kế tiếp được bàn về những kiết sử nào cần chấm dứt trước và sau.

2. Bậc Thánh Dự lưu

Cần phải đoạn tận ba hạ phần kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Tâm hành giả đã không còn thân kiến, không còn nghi, không còn giới cấm thủ gọi là chứng ngộ bậc Thánh dự lưu còn tái sanh lại tối đa bảy lần rồi nhập Niết Bàn.

Thế nào là không thân kiến?

Trong Kinh Tương Ưng 3 - Chương I. Tương Ưng Uẩn (a) - I. Phẩm Nakulapità - I. Nakulapità (Tạp, 5.5 Trưởng Giả, Đại 2,33a) (Tăng 13.4, Đại 2,573a) (S.iii,1), viết:

19) Ở đây, này Gia chủ, vị đa văn Thánh đệ tử hiểu rõ các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, hiểu rõ các bậc Chân nhân, thuần thục pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân, không quán sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay sắc ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong sắc. Vị ấy không bị ám ảnh: "Sắc là

ta, sắc là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Sắc là ta, sắc là của ta" khi sắc biến hoại, đổi khác; nên không do sắc biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

20) Không quán thọ như là tự ngã, hay tự ngã như là có thọ, hay thọ ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thọ. Vị ấy không bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Thọ là ta, thọ là của ta" khi thọ biến hoại, đổi khác; nên không do thọ biến hoại, đổi khác, mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

21) Không quán tưởng như là tự ngã, hay tự ngã như là có tưởng, hay tưởng ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong tưởng. Vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Tưởng là ta, tưởng là của ta" khi tưởng biến hoại, đổi khác; nên không do tưởng biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

22) Không quán các hành như là tự ngã, hay tự ngã như là có hành, hay các hành ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong các hành. Vị ấy không bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Các hành là ta, các hành là của ta" khi các hành biến hoại, đổi khác; nên không do các hành biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

23) Không quán thức như là tự ngã, hay tự ngã như là có thức, hay thức ở trong tự ngã, hay tự ngã ở trong thức. Vị ấy không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta". Do vị ấy không bị ám ảnh: "Thức là ta, thức là của ta" khi thức biến hoại, đổi khác; nên không do thức biến hoại, đổi khác mà khởi lên sầu, bi, khổ, ưu, não!

24) Như vậy, này Gia chủ, là thân có bịnh, nhưng tâm không có bịnh.

25) Tôn giả Sàriputta thuyết như vậy, gia chủ Nakulapità hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sàriputta thuyết.

Thân kiến sẽ biến mất, nếu biết quán 12 Nhân duyên bắt đầu từ duyên Lục Nhập, Thức, Xúc, Thọ, Ái vì thân kiến thành hình từ các duyên đó. Có một bài kinh khác giải thích cũng dễ hiểu xin trích ra đây để tham khảo cho rõ ràng hơn.

Có một bài kinh khác trình bày khá rõ ràng về thân kiến và không thân kiến.

Trong Kinh Tương Ưng 3 - Tương Ưng Uẩn (d) - III. Phẩm Những Gì Được Ăn - IX. Pàrileyya (Tập 2, Đại 2,13c) (S.iii,94), viết:

2) Dầu cho, này các Tỳ-kheo, các pháp được Ta giải thích, thuyết giảng như vậy, nhưng ở đây có Tỳ-kheo khởi lên suy nghĩ sau đây: "Biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức?"

★ Quán sắc như là tự ngã, sự quán như vầy là hành.

13-16) Này các Tỳ-kheo, biết như thế nào, thấy như thế nào, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức: Ở đây, này các Tỳ-kheo, kẻ vô văn phàm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không thấy rõ các bậc Chân nhân, không thuần thục pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, quán sắc như là tự ngã, sự quán như vầy là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỳ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Từ khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy là vô thường,

hữu vi, do duyên sanh. Thọ ấy... xúc ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, do thấy vậy, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

★ Có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã như là có sắc.

17) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã như là có sắc. Sự quán ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỳ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

★ Nhưng có thể quán sắc ở trong tự ngã.

18) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, không quán tự ngã như là có sắc, nhưng có thể quán sắc ở trong tự ngã. Quán ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỳ-kheo, cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

★ Nhưng có thể quán tự ngã ở trong sắc.

19) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể

không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, nhưng có thể quán tự ngã ở trong sắc. Sự quán ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

20-21) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã, có thể không quán tự ngã như là có sắc, có thể không quán sắc ở trong tự ngã, có thể không quán tự ngã ở trong sắc. Nhưng có thể quán thọ như là tự ngã, và có thể quán tự ngã như là có thọ, có thể quán thọ ở trong tự ngã, và có thể quán tự ngã ở trong thọ.

22-23)... có thể quán tưởng... có thể quán các hành…

24)... có thể quán thức như là tự ngã, có thể quán tự ngã như là có thức; có thể quán thức ở trong tự ngã; và có thể quán tự ngã ở trong thức. Sự quán ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... xúc ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

★ Nhưng có thể có (tà) kiến (thường kiến) như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn…".

25) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; có thể không quán thọ như là tự ngã; có thể không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức như là tự ngã. Nhưng có thể có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại". Nhưng thường kiến ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Hành ấy lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi... Do biết như vậy, thấy như vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

★ Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến (đoạn kiến) như sau: "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta".

26) Vị ấy có thể không quán sắc như là tự ngã; không quán thọ... không quán tưởng... không quán các hành... không quán thức là tự ngã; có thể không có (tà) kiến như sau: "Đây là tự ngã, đây là thế giới; sau khi chết, tôi sẽ trở thành thường còn, thường hằng, thường trú, không chịu sự biến hoại". Nhưng vị ấy có thể có (tà) kiến như sau: "Nếu trước ta không có, thời nay không có của ta. Nếu ta sẽ không có, thời sẽ không có của ta".

27) Đoạn kiến ấy, này các Tỳ-kheo, là hành. Nhưng hành ấy, lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì sanh khởi, lấy gì làm hiện hữu? Đối với kẻ vô văn phàm phu, này các Tỳ-kheo, do cảm xúc bởi thọ sanh ra do xúc chạm với vô minh, khát ái sanh. Do khát ái ấy, hành ấy sanh. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hành ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Khát ái ấy... thọ ấy... vô minh ấy là vô thường, hữu vi, do duyên sanh. Do biết vậy, thấy vậy, này các Tỳ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận lập tức.

Bài kinh trên cho biết thân kiến bắt đầu từ duyên Xúc sanh ra duyên Thọ rồi sanh ra duyên Ái. Nếu nguyên nhân xa nữa từ duyên Lục nhập phát sanh ra thân kiến. Nếu biết vậy, thấy vậy thì các lậu hoặc đoạn tận lập tức đồng nghĩa thân kiến mất. Nếu không biết, không thấy Lý duyên khởi thì các lậu hoặc sanh khởi.

Thế nào là không nghi?

Có bài kinh sau đây trình bày rõ ràng về không nghi Phật, không nghi Pháp, không nghi Tăng.

Trong Kinh Tương Ưng 2 - Chương I. Tương Ưng Nhân Duyên (b) - V. Phẩm Gia Chủ - Thứ Năm - I. Năm Hận Thù Sợ Hãi (S.ii,68), viết:

Ở đây, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử đầy đủ lòng tin bất động, đối với đức Phật: "Đây là bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

Vị ấy đầy đủ lòng tin bất động đối với Pháp: "Đây là Pháp do Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, do người trí tự mình giác hiểu".

Vị ấy đầy đủ lòng tin bất động đối với chúng Tăng: "Chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Thiện hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Trực hạnh, chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Chánh hạnh; chúng Tăng đệ tử Thế Tôn là bậc Như pháp hạnh; tức là bốn đôi, tám chúng. Chúng Tăng đệ tử của Thế Tôn đáng được cúng dường, đáng được hiến dâng, đáng được bố thí, đáng được chắp tay, là phước điền vô thượng ở trên đời".

Tin Phật là tin mười Ân Đức đã nêu trên, chứ nghe nói tin Phật nhưng không biết tin gì. Ý nghĩa mười Ân Đức đã giải thích trong phần trước.

Tin Pháp là Pháp do Thế Tôn thuyết, thiết thực hiện tại, có quả tức thời. Ví dụ chưa học Pháp thì tham, sân, si nhiều sau khi học tham, sân, si giảm nhiều tức là có kết quả tức thì.

Tin Tăng là tin bốn đôi tức là tám bậc Thánh, khi cúng dường phước vô lượng. Có 14 hạng người để cúng dường nhưng tin Tăng là đệ tử Thế Tôn chỉ còn bốn đôi tám chúng tức là tám bậc Thánh. Để biết cúng dường Tăng chúng là phước vô lượng ở đời cần đọc qua đoạn kinh dưới đây.

Trong Kinh Trung Bộ số 142. Kinh Phân biệt cúng dường, viết:

Này Ānanda, có mười bốn loại cúng dường phân loại theo hạng người.

1. Bố thí các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, là cúng dường thứ nhất, phân loại theo hạng người.
2. Bố thí các vị Độc Giác Phật, là cúng dường thứ hai, phân loại theo hạng người.
3. Bố thí các bậc A-la-hán, đệ tử Như Lai, là cúng dường thứ ba, phân loại theo hạng người.
4. Bố thí các vị trên con đường chứng quả A-la-hán là cúng dường thứ tư, phân loại theo hạng người.
5. Bố thí các vị chứng quả Bất lai, là cúng dường thứ năm, phân loại theo hạng người.
6. Bố thí các vị trên con đường chứng quả Bất lai là cúng dường thứ sáu, phân loại theo hạng người.

7. Bố thí các vị chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ bảy, phân loại theo hạng người.
8. Bố thí các vị trên con đường chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ tám, phân loại theo hạng người.
9. Bố thí các vị chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ chín, phân loại theo hạng người.
10. Bố thí các vị trên con đường chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ mười, phân loại theo hạng người.
11. Bố thí những vị ngoại học (bahiraka) đã ly tham trong các dục vọng là cúng dường thứ mười một, phân loại theo hạng người.
12. Bố thí những phàm phu gìn giữ giới luật là cúng dường thứ mười hai, phân loại theo hạng người.
13. Bố thí những phàm phu theo ác giới là cúng dường thứ mười ba, phân loại theo hạng người.
14. Bố thí các loại bàng sanh là cúng dường thứ mười bốn, phân loại theo hạng người.

Cúng dường đệ tử Như Lai mà đã chứng tám bậc Thánh thì phước vô lượng.

Sau khi bố thí cho các vị trên con đường chứng quả Dự lưu, cúng dường này có hy vọng đem lại vô số vô lượng công đức. Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Dự lưu? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Nhất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Bất lai? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả A-la-hán? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả A-la-hán, đệ

tử Như Lai? Còn nói gì đến những vị Độc Giác Phật? Còn nói gì đến các Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác?

Thế nào là không giới cấm thủ?

Có bài kinh sau đây trình bày về Giới cấm thủ.

Trong Kinh Trung Bộ số 16. Kinh Tâm hoang vu, viết:

Và lại nữa, chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh, không mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, hay với phạm hạnh này, sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác". Chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nào sống phạm hạnh, không mong cầu được sanh thiên giới với ý nghĩ: "Ta với giới này, với hạnh này, với khổ hạnh này, hay với phạm hạnh này, sẽ được sanh làm chư Thiên này hay chư Thiên khác", tâm vị ấy hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn. Nếu tâm của ai hướng về nỗ lực, chuyên cần, kiên trì, tinh tấn, như vậy là tâm triền phược thứ năm đã được đoạn tận.

Có bài kinh sau đây nói về Thành tựu giới.

Trong Kinh Tương Ưng 2 - Chương I. Tương Ưng Nhân Duyên (b) - V. Phẩm Gia Chủ - Thứ Năm - I. Năm Hận Thù Sợ Hãi (S.ii,68), viết:

Vị ấy đầy đủ các giới đức, được bậc Thánh quý mến, không bị bể vụn, không bị hủy hoại, không có tỳ vết, không có vết nhơ, đưa đến tự do, được người trí tán thán, không bị nhiễm trước, đưa đến Thiền định, bốn Dự lưu chi này được đầy đủ.

4) Thế nào là năm sợ hãi, hận thù được nhiếp phục?

5) Này Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người sát sinh, vì duyên sát sinh đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong

tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt sát sanh, như vậy sợ hãi, hận thù được nhiếp phục.

6) Này Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người lấy của không cho, vì duyên lấy của không cho đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt lấy của không cho, như vậy sợ hãi, hận thù được nhiếp phục.

7) Này Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người sống tà hạnh trong các dục, vì duyên sống tà hạnh trong các dục đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt sống tà hạnh trong các dục vọng, như vậy sợ hãi, hận thù được nhiếp phục.

8) Này Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người nói láo, và duyên nói láo đưa đến trong hiện tại; sợ hãi, hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt nói láo, như vậy sợ hãi, hận thù được nhiếp phục.

9) Này Gia chủ, sợ hãi, hận thù do người đắm say rượu men, rượu nấu, và duyên đắm say rượu men, rượu nấu đưa đến trong hiện tại; sợ hãi hận thù đưa đến trong tương lai, kể cả tâm khổ, tâm ưu người ấy cảm thọ. Đối với vị đoạn tuyệt đắm say rượu men, rượu nấu, như vậy sợ hãi hận thù được nhiếp phục.

Như vậy, năm sợ hãi, oán thù này được nhiếp phục.

Có một phương pháp khác chứng bậc Thánh Dự lưu

Có một bài kinh khác nói về chứng bậc Thánh dự lưu.

Thông thường tin Phật, tin Pháp, tin Tăng bất động và thành tựu năm giới là bậc Thánh Dự lưu. Tuy nhiên, trong

kinh Trung Bộ và kinh Tương Ưng 5, cho biết rằng: biết rõ Tứ Thánh Đế cũng chứng Thánh Dự lưu.

Trong Kinh Trung Bộ số 02. Kinh Tất cả các lậu hoặc, viết:

Vị ấy như lý tác ý: "Đây là khổ", như lý tác ý: "Đây là khổ tập", như lý tác ý: "Đây là khổ diệt", như lý tác ý: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nhờ vị ấy tác ý như vậy, ba kiết sử được trừ diệt: thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ.

Có bài kinh khác cũng nói về sự chứng ngộ Bậc Thánh dự lưu.

Trong Kinh Tương Ưng 5 - Chương XII. Tương Ưng Sự Thật (b) - V. Phẩm Vực Thẳm - 49. IX. Núi Sineru (1) (Tu Di) (S.v,457), viết:

1) Một thời, Thế Tôn trú ở Vesàli, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

2) - Ví như, này các Tỳ-kheo, một người đặt trên núi Sineru, vua các loài núi, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu.

3) Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỳ-kheo, cái gì là nhiều hơn, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy hay núi chúa Sineru?

- Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua núi Sineru. Rất ít là các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy, chúng không có thể ước tính được, chúng không có thể so sánh được, chúng không có thể thành một phần nhỏ được, khi đem đặt các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu so sánh với núi chúa Sineru.

4) - Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn,

tức là sự khổ đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn này. Rất ít là khổ còn tồn tại, không có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn. Tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: "Đây là Khổ"... đã rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

5) Do vậy, này các Tỳ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

Qua hai bài kinh trên xác quyết rằng giác ngộ Tứ Thánh Đế là bậc Thánh Dự lưu.

Những hành giả đã tìm hiểu và biết rõ Lý Duyên khởi và Lý duyên diệt tức là đã biết Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế, đồng nghĩa quý vị đã rõ biết Tứ Thánh Đế là chứng quả dự lưu.

3. Bậc Thánh nhất lai

Cần phải đoạn tận ba hạ phần kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ và tham sân muội lược. Tâm hành giả không còn ba hạ phần kiết sử và tham, sân giảm thiểu nhiều gọi là chứng bậc Thánh nhất lai, chỉ còn tái sanh một lần nữa là nhập Niết Bàn.

★ Ba kiết sử xem ở trên.

★ Thế nào là tham, sân muội lược.

Có Chánh tri kiến sẽ đoạn tận thân kiến, nghi, giới cấm thủ nhưng không tham sân vào những cái gì có thể hại chúng sanh khác. Nhưng tham, sân giảm thiểu nhiều theo thời gian chưa thể đoạn tận tham sân hết, chỉ cần muội lược. Thông thường có chánh kiến thì tham sân sẽ không tăng nữa.

4. Bậc Thánh bất lai

Cần phải đoạn tận năm hạ phần kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân. Tâm hành giả không còn năm hạ phần kiết sử gọi là chứng ngộ bậc Thánh bất lai. Sau khi thân hoại mạng chung sanh vào cõi sắc giới Tịnh cư thiên hưởng tuổi thọ vô lượng và khi hết tuổi thọ rồi nhập Niết Bàn ở cõi đó.

Không thân kiến, không nghi, không giới cấm thủ

Xem ở trên.

Thế nào tham, sân đoạn tận hoàn toàn?

Tham sân đoạn tận hoàn toàn tức là hành giả không còn trói buộc vào sắc, vào thanh, vào hương, vào vị, vào xúc. Để thực hiện điều này cần tu tập Chánh niệm trong Bát Chánh đạo mới chấm dứt tham, sân vĩnh viễn.

5. Bậc Thánh A-la-hán

Cần phải đoạn tận năm hạ phần kiết sử: Thân kiến, nghi, giới cấm thủ, tham, sân và năm thượng phần kiết sử: Ái sắc giới, Ái vô sắc giới, mạn, trạo cử, vô minh. Tâm hành giả đã biết không còn mười kiết sử gọi là chứng ngộ A-la-hán. Sau khi thân hoại mạng chung thì nhập Niết bàn và không còn tái sanh lại bất cứ hình thức nào trong tam giới. Có nhiều quan điểm trong Phật giáo cho rằng vị Thánh A-la-hán phát nguyện ở lại thế gian và độ chúng sanh sau đó sẽ thành Phật A-la-hán Chánh đẳng giác. Đây là quan điểm sai lầm, quý vị cần phải tìm hiểu lý duyên khởi trong Kinh Tương Ưng 2, nếu không muốn tái sanh vào địa ngục do chấp quan điểm sai lầm.

Đoạn tận năm hạ phần kiết sử như bậc Bất Lai

Xem phần đoạn tận năm hạ phần kiết sử ở mục trên.

Đoạn tận năm thượng phần kiết sử

Năm thượng phần kiết sử ít quan trọng do sự trói buộc rất ít, theo Kinh Nikaya, những vị nào đã chứng bậc Thánh bất lai sanh vào cõi sắc giới hưởng hết tuổi thọ rồi nhập Niết Bàn.

Không dính mắc hay trói buộc vào sắc giới (bốn tầng thiền), biết những hỷ lạc các cõi trời như vậy không bám vào nó vì nó hữu vi rồi biến hoại nên giải thoát. Không dính mắc vào bốn tầng thiền vô sắc giới, biết chúng hữu vi, biến hoại nên không bám chặt nó nên tâm không chấp thủ. Mạn không còn so sánh hơn người hay bằng người hay thua người. Không còn Trạo cử là không còn lao chao, hoàn toàn định tĩnh. Vô minh chấm dứt vì đã biết rõ lậu hoặc, biết rõ nguyên nhân lậu hoặc, biết rõ diệt lậu hoặc, biết rõ con đường dẫn đến diệt lậu hoặc.

6. Kết luận

Chương này cho biết sự chứng ngộ diệt khổ là tâm hành giả biết rõ những kiết sử không còn khởi lên trong tâm hành giả gọi là chứng ngộ Diệt khổ. Ngày nào còn kiết sử trong tâm thì không có chứng ngộ sẽ phải luân hồi. Người tu tập Phật cần nhận diện mười kiết sử trên hay đơn giản là sáu ái (sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái) hay dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Để mười kiết sử (tham, sân, si) hay sáu ái biến mất không phải ngồi tụng kinh hay cầu nguyện hay cầu xin ai đó cho hết tham, sân, si. Chuyện đó không tưởng, không bao giờ xảy ra. Như vậy, cần thực hành bát Thánh đạo, chắc chắn mười kiết sử hay tham, sân, si sẽ biến mất. Chương 2 sẽ nói chi tiết về bát Thánh Đạo để thực hành và chấm dứt mười kiết sử hoàn toàn.

Chương 2
CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ

Đạo đế là một con đường có thật để chấm dứt nguyên nhân sanh khổ. Đạo đế là kết hợp nhiều điểm lại với nhau gọi là chánh đạo và có mục đích để trừ diệt tà đạo. Còn tà đạo là kết hợp những nguyên nhân sanh khổ.

Như vậy tu tập bát Thánh đạo sẽ diệt tận tà đạo tức là những nguyên nhân sanh khổ. Chánh đạo hay Đạo đế để diệt từng nhân khổ cho đến khi diệt tất cả nhân sanh khổ gọi là Diệt khổ hay Niết Bàn.

Đạo đế là sự thật thứ tư, người học Phật cần phải tu tập Đạo đế như Đức Phật đã dạy trong kinh Chuyển Pháp Luân. Đây là công việc của người tu cần phải làm hằng ngày nhưng trước khi thực hành chúng ta phải suy tư: Tại sao khổ diệt Đạo cần phải tu tập?

Nhiệm vụ của Đạo đế là đoạn tận Tập đế, nếu người tu thấy khổ tập mà không đoạn tận thì khổ sẽ sanh khởi nhưng công cụ để diệt khổ tập chính là Đạo đế. Vì lý do này mà người học Phật cần phải thực hành Đạo đế hằng ngày cho đến khi khổ tập bị đoạn diệt hoàn toàn. Lúc bấy giờ công việc của người tu mới hoàn thành.

Trong cuốn sách này chỉ trình bày về con đường Thánh Đạo Tám ngành còn những con đường khác, quý vị có thể tìm hiểu trong Kinh Tương Ưng 5 về Đạo Đế.

Dưới đây là bài kinh nói về tổng thuyết và biệt thuyết về Bát Chánh đạo như sau:

1. Tổng thuyết và biệt thuyết của Bát Chánh đạo

Trong Kinh Trung Bộ số 141. Kinh Phân biệt về Sự thật, viết:

Này chư Hiền, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế? Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tri kiến? Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy? Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.

Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ? Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp? Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.

Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng? Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng.

Này chư Hiền, và thế nào là chánh tinh tấn? Này chư Hiền, ở đây Tỳ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết

tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.

Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm? Này chư Hiền, ở đây, Tỳ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

Này chư Hiền, thế nào là chánh định? Này chư Hiền, ở đây, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Vị Tỳ-kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỳ-kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt đạo Thánh đế.

Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đọa, tại Ba-la-nại, Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay một ai ở đời có

thể chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ bốn Thánh đế.

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các Tỳ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy.

2. Chánh đạo và Tà đạo

Khi có Tập đế sanh khởi gọi là Tà đạo khi nào Tập đế diệt gọi là Chánh đạo như Kinh Tương Ưng 2 viết như sau:

Trong Kinh Tương Ưng 2 - Chương I Tương Ưng Nhân Duyên (a) - I. Phẩm Phật Đà - III. Con Đường... (S.ii,4), viết:

1) ... Trú ở Sàvatthi... (như trên).

2) - Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các Ông về tà đạo và chánh đạo. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

3) - Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tà đạo? Này các Tỳ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; thức duyên sanh sắc; danh sắc duyên sáu xứ; sáu xứ duyên xúc; xúc duyên thọ; thọ duyên ái; ái duyên thủ; thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là tà đạo.

4) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh đạo? Nhưng do sự ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn, nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu xứ diệt. Do sáu xứ diệt nên xúc diệt. Do

xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là chánh đạo.

Như vậy Tập đế nói đơn giản là Tham, Sân, Si hoặc Dục ái, Hữu ái, Phi hữu ái hoặc Sắc ái, Thanh ái, Hương ái, Vị ái, Xúc ái, Pháp ái hoặc nói rộng hơn là mười kiết sử hoặc chi tiết hơn là 12 Nhân duyên.

Tuy nhiên quy Tập đế về Bát Tà là Tà kiến, Tà tư duy, Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng, Tà tinh tấn, Tà niệm, Tà định gọi chung là Âm và đối nghịch là Bát Chánh là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định gọi chung là Dương.

3. Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập

Kinh Chuyển Pháp Luân đã viết: "Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh".

Đức Phật đã khuyến giáo cần phải tu tập con đường đưa đến khổ diệt. Quan trọng hơn nữa là những hành giả đã tu tập đồng nghĩa những kiết sử không còn nữa. Đức Phật đã khuyến giáo tu tập như vậy nhưng chúng ta chẳng thực hành

gì hết thì kiết sử vẫn còn. Con đường tà đạo sẽ dẫn đến luân hồi lâu dài.

Trong Kinh Tương Ưng 5 - Chương I. Tương Ưng Đạo (a) - I. Phẩm Vô Minh - 7.VII. Một Tỷ Kheo Khác (2) (S.iv,8), viết:

1) Nhân duyên ở Sàvatthi.

2) Rồi một Tỳ-kheo đi đến Thế Tôn; sau khi đến…

3) Ngồi một bên, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-"Nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Đồng nghĩa với gì, bạch Thế Tôn, là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si?

- Đồng nghĩa với Niết-bàn giới là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, cũng được gọi là đoạn tận các lậu hoặc.

4) Khi được nói vậy, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- "Bất tử, bất tử", bạch Thế Tôn, được gọi là như vậy. Thế nào là bất tử, bạch Thế Tôn? Thế nào là con đường đưa đến bất tử?

- Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, này Tỳ-kheo, được gọi là bất tử. Con đường Thánh đạo Tám ngành này là con đường đưa đến bất tử, tức là chánh tri kiến... chánh định.

Mục đích thực hành Thánh đạo tám ngành có mục đích duy nhất đoạn tận tham, sân, si.

Thông dụng nhất là Bát Thánh đạo được nói nhiều nhất trong năm bộ Kinh Nikaya. Tại sao?

Những nguyên nhân khổ có thể tóm lại là Tham, sân, si hoặc mười kiết sử hoặc 12 Nhân duyên. Có con đường nào sẽ đoạn tận tất cả nguyên nhân khổ có thể xảy ra. Con đường duy nhất là Bát chánh đạo sẽ đoạn tất cả Kiết sử có thể xảy ra. Đây là lý do chính mà Đức Phật đã giới thiệu Thánh đạo Tám

ngành trong bài kinh Chuyển Pháp Luân và cũng đã nhắc lại vào giờ cuối cuộc đời của Ngài trong bài kinh Đại Bát Niết Bàn. Như vậy, Bát Thánh đạo sẽ diệt được tất cả những kiết sử có thể. Còn những con đường khác chỉ trừ diệt một số nguyên nhân hoặc một số kiết sử chứ không thể trừ được tất cả kiết sử. Thế Tôn có tha tâm thông biết Tỳ Kheo nào có kiết sử gì và không có kiết sử gì. Ngài thuyết con đường khác đơn giản để trừ kiết sử mà vị Tỳ kheo đó có thôi. Có một ví dụ toán học sau đây để giải thích tại sao có sáu con đường khác.

Nếu ai học Toán biết phương trình bậc hai có phương trình tổng quát là $Y = ax^2 + bx + c$ nhưng có phương trình đặc biệt có thể xảy ra là $b = 0$ hay $c = 0$ hoặc cả $b = 0$ và $c = 0$.

Tương tự Bát Thánh đạo giống như là một phương trình có đầy đủ các hằng số a, b, c còn những con đường đặc biệt khác giống như phương trình đặc biệt khi $a \# 0$, $b = 0$ hay $c = 0$.

Tập sách này chỉ bàn thảo chi tiết về con đường bát Thánh đạo là chính và con đường đặc biệt là Tứ Niệm xứ. Năm con đường đặc biệt khác như Ngũ căn, Ngũ lực, Tứ Chánh cần, Tứ Như ý túc, Thất giác chi dành cho những vị Tỳ kheo đặc biệt mà có $b = 0$ hoặc $c = 0$ hoặc cả b và $c = 0$.

Người học Phật có thể chọn một trong bảy con đường vừa nêu trên để tu tập với mục đích duy nhất là diệt nhân sanh quả khổ trong tương lai. Trong tập sách này, chọn Thánh đạo tám nhánh là con đường thực hành hằng ngày nên người học Phật cần tìm hiểu cho tường tận Thánh đạo với Tám nhánh.

Những ai bước đi trên con đường Bát chánh chắc chắn sẽ đoạn tận mười kiết sử hoặc đoạn tận tham, sân, si hoặc diệt 12 Nhân duyên sẽ hết khổ đau.

4. Chánh tri kiến

Trong Kinh Trung Bộ số 117. Đại Kinh Bốn mươi, viết:

Ở đây, này các Tỳ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỳ-kheo, là chánh kiến đi hàng đầu? Tà kiến, này các Tỳ-kheo, do chánh kiến làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà kiến duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong vị có chánh kiến. Và những thiện pháp được chánh kiến duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà kiến là nguyên nhân sanh khởi khổ nên tu tập chánh kiến chính là chánh đạo sẽ trừ diệt được tà đạo (tà kiến). Nếu chánh kiến hiện hữu thì tà kiến mất. Nếu không tu tập chánh kiến thì tà kiến luôn luôn sanh khởi.

Một định nghĩa khác về Chánh kiến nữa trong Kinh Trung Bộ số 141 viết như sau:

Thế nào là Chánh tri kiến?

Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

Thế nào là minh?

Trong Kinh Tương Ưng 5 - Chương XII Tương Ưng Sự Thật (a) - II. Phẩm Chuyển Pháp Luân - 18. VIII. Minh (S.v,429), viết:

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Bàrànasi, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

Rồi một Tỳ-kheo... ngồi xuống một bên.

Ngồi một bên, Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- "Minh, minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là minh? Và cho đến như thế nào là đi đến minh?

Này Tỳ-kheo, chính là rõ biết Khổ, rõ biết Khổ tập, rõ biết Khổ diệt, rõ biết Con Đường đưa đến Khổ diệt. Này Tỳ-kheo, đấy gọi là minh. Cho đến như vậy là đi đến minh.

Do vậy, này Tỳ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ"... một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

Minh và Chánh tri kiến là đồng nghĩa, tuy nhiên từ dùng có khác nhau nhưng nội dung giống nhau. Trước khi đi sâu vào định nghĩa Chánh tri kiến, chúng ta cần tìm hiểu Thức là gì. Nếu người học Phật không tìm hiểu từ Thức trong Kinh Nikaya cho rốt ráo cho dù người học Phật có đọc hết năm bộ kinh đi nữa cũng không tu tập được.

Thức do duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ theo định nghĩa trong kinh Đoạn tận ái.

- Nhãn thức do duyên mắt và duyên sắc.
- Nhĩ thức do duyên tai và duyên thanh.
- Tỉ thức do duyên mũi và duyên hương.
- Thiệt thức do duyên lưỡi và duyên vị.
- Thân thức do duyên thân và duyên xúc.
- Ý thức do duyên ý và duyên pháp.
- Thức là dịch từ tiếng Hán, có nghĩa là biết.

Cái biết Thức sanh khởi theo thứ tự:

1 - Mắt chỉ là bộ phận là phương tiện để Tâm biểu lộ ra ngoài qua mắt và có nhiệm vụ thâu hình ảnh cảnh sắc đưa vào tâm gọi là ảnh sắc lưu trong tâm lần thứ nhất.

2 - Sau khi đã lưu giữ ảnh sắc lần thứ hai gặp cảnh sắc và so sánh giống nhau giữa ảnh sắc cũ và ảnh cảnh sắc vừa thấy sẽ phát sanh ra cái biết của mắt.

Từ ngữ rõ biết được giải thích như dưới đây:

Thức là biết một phần của cảnh sắc lúc ban đầu, còn rõ biết là biết đầy đủ từ lúc sanh đến lúc diệt. Biết rõ chỉ thuần quan sát và ghi nhận sự vật thông qua mắt hay qua tai... qua ý mà không suy diễn hay không tưởng tri, còn rõ biết là biết sự vật qua bốn giai đoạn sanh, trụ, hoại, diệt do sự quan sát và ghi nhận.

a) Rõ biết khổ

Rõ biết là một động từ cần có một danh từ theo sau là sự khổ nhưng khổ là quả là cái gì đã hình thành. Có tất cả tám cái khổ như đã nói trong chương hai nhưng cần phân biệt khổ do nghiệp quá khứ tạo thành và do nghiệp mới đã tạo trong kiếp sống hiện tại.

Rõ biết khổ tức là rõ biết duyên thọ có ba thọ: Thọ lạc, thọ bất khổ bất lạc, thọ khổ. Người học Phật cần trải nghiệm từ thọ lạc chuyển qua thọ khổ hay chuyển qua thọ bất khổ bất lạc hay chuyển qua lại giữa ba cảm thọ này. Nếu chỉ biết cảm thọ lạc hay cảm thọ khổ không gọi là rõ biết. Người học Phật cần rõ biết ba cảm thọ.

Khổ căn bản như sanh, già, bệnh, chết do nghiệp quá khứ tạo thành không có nghi ngờ còn những cái khổ như ái biệt ly, ghét mà gặp, cầu bất đắc có thể do nghiệp quá khứ hay do nghiệp hiện tại. Nếu xét rằng mình không tạo nghiệp trong kiếp này mà có những quả khổ như vậy suy ra biết được do quá khứ nên chấp nhận còn nếu biết đã tạo nghiệp hiện tại thì quả khổ trổ ra cũng nên chấp nhận. Khổ có thể chứng nghiệm gián

tiếp qua mắt như thấy những người chung quanh mình đau khổ hoặc tự bản thân trải nghiệm khổ. Nếu đã chứng nghiệm khổ rồi nên suy tư từ đâu có những quả khổ bất công hoặc có những may mắn bất ngờ thì Đức Phật chỉ cho con người chân lý thứ hai gọi là Khổ tập Thánh đế.

b) Rõ biết nguyên nhân khổ

Có hai nguyên nhân sanh khổ: Nghiệp quá khứ và nghiệp hiện tại.

● Nghiệp quá khứ đã được trình bày trong Phần I - Chương 1 nhưng trong phần này chỉ bàn sơ lược.

Có thể biểu thị bằng những mũi tên dễ hiểu như dưới đây.

Vô minh ➢ Hành ➢ Thức ➢ Danh Sắc ➢ Lục nhập ➢ Xúc ➢ Thọ.

Như vậy, những nhân sinh cảm Thọ khổ là Vô Minh, Hành, Thức.

Quả khổ hay quả lạc mà loài người đang hưởng không có đơn giản phụ thuộc nhiều duyên rất phức tạp nhưng có Đức Thế Tôn Gotama đã khám phá và đã chỉ lại nên người học Phật không vất vả đi tìm kiếm nữa.

● Nghiệp hiện tại cũng đã nói trong Phần I - Chương 2, người học Phật quay về đọc cho kỹ còn ở đây tóm tắt.

Có thể biểu thị bằng mũi tên dễ hiểu hơn.

Ái ➢ Thủ ➢ Hữu ➢ Sanh ➢ Già chết, sầu bi, khổ ưu não.

Như vậy nghiệp hiện tại có các duyên như Ái, Thủ, Hữu sẽ sanh quả khổ tương lai sanh, già, chết, sầu, bi, khổ ưu. Nghiệp hiện tại (nghiệp mới) rất khó thấy, khó nhận diện, do vậy người học Phật phải lo nhận diện nó sau đó mới diệt nó.

Nghiệp hiện tại trổ ra ba thời, hiện tại, sau khi chết, sau đó một lần nữa nhưng bất định khi chưa thoát khỏi vòng luân hồi. Trong Kinh Nikaya cho biết rằng đã tạo nghiệp khi đang sống kiếp hiện tại này sau khi chết có thể rơi vào địa ngục, khi trả quả địa ngục xong lên làm thân người lại trả một lần nữa.

Ví dụ: như ngài Mục Kiền Liên đã tạo nghiệp bất hiếu giết cha mẹ đã bị đọa vào địa ngục nhiều ngàn năm, trăm ngàn năm trong địa ngục cho đến khi chứng bậc Thánh A-la-hán mà còn phải trả dư tàn sót lại trước khi nhập Niết Bàn. Ngài đã bị ngoại đạo chém ngài và thân ngài bị xé ra nhiều mảnh nhưng chưa chết và đã giữ thân về gặp Phật xong mới nhập Niết Bàn. Ngài là đại Thánh thanh văn có đệ nhất thần thông nhưng quả trổ rồi không sao tránh khỏi.

Giác ngộ duyên Thọ thì duyên Ái sẽ diệt thì dẫn đến Thủ diệt rồi sẽ dẫn đến Hữu diệt rồi sẽ dẫn đến Sanh diệt, sẽ dẫn đến Già chết, sầu bi, khổ ưu não diệt. Tóm lại Ái diệt không sanh lại thì mới hết khổ còn sanh lại phải khổ. Người tu Phật cố gắng nhận diện Ái là tướng cướp xong diệt Ái (tướng cướp) sẽ hết khổ. Vì vậy đế thứ ba về diệt khổ chỉ cho con người biết diệt khổ là gì.

c) Rõ biết diệt khổ

Có nhiều người hiểu sai về từ **"Diệt Khổ"** do vì không phân biệt sự khác nhau giữa nhân (tập) và khổ (quả). Do đó tưởng rằng khi có quả khổ mà lo diệt như đi chùa cầu trời, cầu Phật, cầu bồ tát, đi kiếm những người khác cứu mình v.v...

Điều này sai hoàn toàn vì thiếu hiểu biết Lý nhân quả nên những hiện tượng cầu xin, van xin thường xảy ra. Nếu hiểu biết lý duyên khởi **"Cái này sanh, Cái kia sanh"** thì quả khổ sanh do con người đã tạo cái này (nghiệp) thì tự động có cái kia sanh tức là quả khổ. Người học Phật muốn diệt khổ hay hết khổ là diệt cái này (nhân) thì cái kia (khổ) sẽ hết. Nhưng do vô minh đã tạo nhân (nghiệp) khi đủ duyên trổ ra khổ rồi có cầu ai cũng vô ích. Như vậy biết cách hết khổ là tiêu diệt nhân tham, diệt nhân sân, diệt nhân si bằng phương pháp hay con đường Bát Chánh dẫn đến diệt khổ trong mục kế tiếp.

d) Rõ biết con đường diệt khổ

Đức Phật dạy những phương pháp hay những con đường có mục đích để đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si hay đoạn tận mười kiết sử. Có tất cả bảy phương pháp hay bảy con đường để diệt tham, diệt sân, diệt si. Trong tập sách nói hai con đường là Thánh Đạo tám ngành và Tứ niệm xứ còn năm con đường kia người học Phật vào đọc Kinh Tương Ưng năm chỉ dạy khá rõ ràng. Thật sự tu tập Thánh đạo Tám ngành sẽ diệt tất cả mười kiết sử. Vì tác giả có nhận xét từ ngày đầu Đức Phật chuyển Pháp Luân đã giới thiệu Thánh Đạo tám ngành và cho đến vài giờ trước khi nhập Niết Bàn vẫn nhắc đến Bát Thánh đạo có bốn bậc Thánh. Do đó chọn Thánh Đạo tám ngành tu tập là hợp lý nhất do phù hợp cho tất cả mọi người muốn tu giải thoát.

Kết luận về Chánh tri kiến

Chánh tri kiến đứng đầu trong Bát Thánh đạo rất quan trọng, người học Phật cố gắng tìm hiểu cho rốt ráo về Tứ Thánh Đế thì khổ đau chỉ còn bảy kiếp luân hồi thôi. Dù người học Phật tu cỡ nào mà không có Chánh tri kiến như đã được nói trong

Kinh Nikaya thì xem như công trình tu tập trở thành vô dụng. Vì vậy những người học Phật hữu duyên với cuốn sách này hãy cố gắng rõ biết Bốn Chân Lý mà Đức Phật đã thuyết trong kinh Chuyển Pháp Luân. Hơn nữa có thể đọc thêm về Chánh tri kiến trong phần 2 cuốn Tứ Thánh Đế.

5. Chánh Tư duy

Có Chánh Tư duy là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày thường suy nghĩ ly dục, suy nghĩ vô sân, suy nghĩ vô hại nếu không suy nghĩ theo con đường Bát Chánh thì chúng ta sẽ luân hồi khổ dài lâu.

Trong Kinh Trung Bộ số 117. Đại Kinh Bốn mươi, viết:

★ *Tà tư duy, này các Tỳ-kheo, do chánh tư duy làm cho tiêu diệt và những ác bất thiện pháp, được tà tư duy duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh tư duy. Và những thiện pháp được chánh tư duy duyên khởi, các pháp ấy được phát triển trở thành viên mãn.*

Thế nào là Chánh tư duy?

Chánh tư duy là chánh đạo ngược lại với tà đạo ví dụ ham muốn là tà đạo và ngược lại không ham muốn là chánh đạo

Trong Kinh Trung Bộ số 141. Kinh Phân biệt về Sự thật, viết:

Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.

Trong Kinh Tăng Chi Sáu Pháp - VI. Đại Phẩm - (IX) (63) Một Pháp Môn Quyết Trạch, viết:

Này các Tỳ-kheo, thế nào là các dục duyên khởi? Xúc, này các Tỳ-kheo, là các dục duyên khởi.

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng này: Các sắc do mắt nhận thức, khả lạc, khả ý, khả hỷ, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân nhận thức... khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, dầu chúng không phải dục, chúng được gọi là dục trưởng dưỡng trong giới luật của bậc Thánh.

Này các Tỳ-kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là nghiệp; sau khi suy tư, tạo nghiệp về thân, về lời, về ý.

Trong kinh Tương Ưng 3 - Chương I Tương Ưng Uẩn (c) - I. Phẩm Tham Luyến - IV. Thủ Chuyển (Tập 2, Đại 2,9b) (S.iii,58), viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hành? Có sáu tư thân này: sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hành. Do xúc tập khởi nên các hành tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên các hành đoạn diệt. Đây là con đường Thánh đạo Tám ngành đưa đến đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định.

Trong Kinh Trung Bộ số 115. Kinh Đa giới, viết:

Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có sáu giới này: dục giới, ly dục giới, sân giới, vô sân giới, hại giới, bất hại giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói: "Tỳ-kheo thiện xảo về giới" .

Dựa vào những trích dẫn trên từ trong kinh cho biết rằng nghiệp là sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Như vậy có hai hướng để tạo nghiệp là Chánh tư duy và Tà tư duy. Nếu hằng ngày tu tập Chánh tư duy sẽ dẫn đến nghiệp thiện

và ngược lại là Tà tư duy dẫn đến nghiệp ác. Người học Phật cần thực hành những suy nghĩ thiện sẽ dẫn đến những quả tốt đẹp tương lai nếu không sẽ rơi vào những suy nghĩ ác dẫn đến quả khổ về sau.

Có ba suy nghĩ thiện cần tu tập hằng giờ, hằng ngày là suy nghĩ từ bỏ sự ham muốn, suy nghĩ từ bỏ sân hận và suy nghĩ từ bỏ lòng hại chúng sanh. Nếu thực hành Chánh tư duy viên mãn thì Tà tư duy không sanh khởi tức là tu tập thành công. Hơn nữa tâm dục, tâm sân, tâm hại là những nhân sanh khổ nên hành giả cần thực hành bằng cách suy nghĩ nhiều về ly dục, nhiều về ly sân, nhiều về ly hại hằng giờ, hằng ngày.

Cho một ví dụ một người lính bảo vệ thành cần đề cao cảnh giác, có súng ống đầy đủ thì kẻ địch không thể nào xâm nhập vào thành hại người dân được. Tương tự hằng ngày không tu tập Chánh tư duy thì kẻ địch Tà tư duy sẽ xâm phạm vào tâm và sẽ tạo nghiệp ác khổ đau lâu dài.

a) Suy nghĩ từ bỏ sự ham muốn

Như đã trích dẫn ở trên nói về dục trưởng dưỡng nếu không suy nghĩ từ bỏ dục thì nó sẽ trở thành dục lậu sanh vào người, chư thiên, ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục. Dục do xúc sanh khởi nên bớt tiếp xúc vào sắc, thanh, hương, vị, xúc thì dục sẽ sanh khởi ít, nếu có xúc sanh khởi nên suy nghĩ đến đau khổ khi muốn đối tượng đó, hoặc suy nghĩ về ham muốn sẽ làm mình khổ và làm người khác khổ thì sự ham muốn sẽ được dập tắt. Hành giả tham khảo thêm bài Kinh Trung Bộ số 19, Kinh Song tầm trong phần **Phụ lục**.

b) Suy nghĩ từ bỏ sự sân hận

Khổ do duyên xúc sanh khởi nên tâm sân khởi lên. Vì vậy tâm thường suy tư để tống đối tượng đó và không muốn có đối tượng hiện hữu. Hành giả nên suy nghĩ ngược lại là không nên ghét bỏ đối tượng vì duyên thọ khổ cũng vô thường, cũng sẽ biến mất. Nếu không suy nghĩ ly sân thì sân khởi lên hậu quả sẽ hại mình và hại người. Hành giả tham khảo kinh Trung Bộ số 19. Kinh Song tầm trong phần Phụ lục cuốn sách này.

c) Suy nghĩ từ bỏ sự tàn hại

Có tâm ham muốn và sân hận thì nghĩ đến hại người hay hại chúng sanh khác. Điều này vừa hại mình vừa hại người sẽ dẫn đến sanh vào các cõi ác rất đau khổ. Hành giả có thể tham khảo thêm kinh Trung Bộ số 19. Kinh Song tầm trong Phụ lục cuốn sách này.

Kết luận

Chánh tư duy là một ngành rất quan trọng trong bát Thánh đạo vì Tư duy là nghiệp. Tà tư duy là nghiệp ác sẽ trổ thành những quả khổ trong hiện tại và kiếp sau. Chánh tư duy là nghiệp thiện sẽ trổ thành những quả hạnh phúc đời này và đời sau. Những người học Phật mà biết tu tập Chánh tư duy sẽ thoát đau khổ. Người học Phật có thể tham khảo kinh Song tầm trong phần Phụ lục sẽ giúp hành giả biết cách tư duy để không hại mình và không hại người.

6. Chánh ngữ

Có chánh ngữ là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày cần thực hành để không luân hồi, nếu không thì luân hồi dài lâu.

Trong Kinh Trung Bộ số 117. Đại Kinh Bốn mươi, viết:

Tà ngữ, này các Tỳ-kheo, do chánh ngữ làm cho tiêu diệt và những ác bất thiện pháp được tà ngữ duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh ngữ. Và những thiện pháp được chánh ngữ duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Thế nào là Chánh ngữ?

Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

Có Chánh ngữ là đang đi trên con đường chứng Thánh, vì vậy có khó cũng phải thực hành Chánh ngữ để trở thành Thánh, ngược lại là phàm phu sẽ đau khổ lâu dài. Hành giả cần tu tập Chánh ngữ cho thuần thục thì Tà ngữ sẽ biến mất. Nếu không tu tập Chánh ngữ thì tà ngữ sanh khởi liên tục. Học thuộc và suy tư tại sao cần tu tập Chánh ngữ hằng ngày.

a) Không nói láo

Này các Tỳ-kheo, có tám thánh ngôn này. Thế nào là tám?

Không thấy nói không thấy, không nghe nói không nghe, không nghĩ nói không nghĩ, không biết nói không biết, thấy nói thấy, nghe nói nghe, nghĩ nói nghĩ, biết nói biết.

Ở đây, này các Gia chủ, có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi được dẫn ra làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết", nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết"; nếu không biết, người ấy nói: "Tôi không biết"; hay nếu không thấy, người ấy nói: "Tôi không thấy"; nếu thấy, người ấy nói:

"Tôi thấy". Như vậy, lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì.

Sa-môn Gotama từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ nơi sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lừa gạt, không phản lại lời hứa đối với đời. Này các Tỳ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Những đoạn kinh vừa nêu ở trên gọi là không nói láo được trình bày rất rõ ràng giúp người học Phật nói đúng Chánh ngữ thì mới trở thành Thánh được, còn nếu không làm được gọi là phàm phu.

b) Không nói hai lời

Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

c) Không nói lời độc ác

Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, người ấy nói những lời như vậy.

Này các Tỳ-kheo, Sa-môn Gotama từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người, Sa-môn Gotama nói những lời như vậy.

Này các Tỳ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

d) Không nói lời phù phiếm

Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, người ấy nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc, hệ thống, có ích lợi.

Kết luận về Chánh ngữ

Có những người học Phật không biết định nghĩa về Chánh ngữ nên đã tự suy diễn, tự biên. Vì vậy sai lời Phật dạy sẽ trả quả báo đời sau. Ngày nay nhờ công lao thầy Thích Minh Châu đã dịch năm bộ Kinh Nikaya từ Pali sang Việt ngữ giúp người học Phật biết được định nghĩa về chánh ngữ thì sẽ thực hành được dễ dàng. Tác giả đã nghe trong năm bộ Kinh Nikaya chỉ có ba chỗ cho biết định nghĩa Bát Chánh đạo cho nên rất khó cho những ai không đọc hết thì làm sao biết định nghĩa chính xác được.

Tu tập Chánh ngữ sẽ trừ Tà ngữ vì Tà ngữ là nghiệp dẫn đến đau khổ đời này và đời sau. Nếu hằng ngày không tu tập Chánh ngữ thì tà ngữ chế ngự.

7. Chánh nghiệp

Có Chánh nghiệp là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày thường xuyên thực hành để không còn luân hồi nữa, nếu không sẽ phải tái sanh lâu dài.

Hành giả học thuộc và suy tư Chánh nghiệp cho đến khi hiểu tại sao cần phải tu tập Chánh nghiệp. Khi hiểu rồi và thực

hành Chánh nghiệp cho đến thuần thục thì tà nghiệp mất. Như vậy đã thành tựu Chánh nghiệp.

Trong Kinh Trung Bộ số 117. Đại Kinh Bốn mươi, viết:

Tà nghiệp, này các Tỳ-kheo, do Chánh nghiệp làm cho tiêu diệt, và những ác bất thiện pháp được tà nghiệp duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có Chánh nghiệp. Và những thiện pháp được Chánh nghiệp duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Thế nào là Chánh nghiệp?

Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh nghiệp.

a) Không sát sanh

Ở đây, này các Gia chủ, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

b) Không lấy của không cho

Từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy.

c) Không tà dâm

Từ bỏ sống theo tà hạnh đối với các dục, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có mẹ cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gậy gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa.

Sa-môn Gotama từ bỏ tà hạnh, tịnh tu phạm hạnh, sống giải thoát, từ bỏ dâm dục hèn hạ. Này các Tỳ-kheo, đó là những lời tán thán Như Lai của kẻ phàm phu.

Kết luận về Chánh nghiệp

Thực hành Chánh nghiệp hằng ngày, Tà nghiệp không sanh khởi thì giới mới thành tựu. Tuy nhiên không biết định nghĩa về Chánh nghiệp cũng khó tu tập. Hành giả cần tìm hiểu rõ ràng Chánh nghiệp thì sẽ hành đúng như Đức Phật đã dạy sẽ có quả tốt đời này và đời sau.

8. Chánh mạng

Có Chánh mạng là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày sống Chánh mạng nếu không như vậy sẽ là phàm phu luân hồi mãi mãi đau khổ.

Hành giả học thuộc và suy tư Chánh mạng cho đến khi hiểu tại sao cần phải tu tập chánh mạng. Khi hiểu rồi nên thực hành Chánh mạng thuần thục thì Tà mạng biến mất.

Trong Kinh Trung Bộ số 117, Đại Kinh Bốn mươi, viết:

Tà mạng, này các Tỳ-kheo, do Chánh mạng làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà mạng duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có Chánh mạng. Và những thiện pháp được Chánh mạng duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Thế nào là Chánh mạng?

Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng Chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh mạng.

Có năm nghề buôn bán này, này các Tỳ-kheo, một nam cư sĩ không nên làm. Thế nào là năm? Buôn bán đao kiếm, buôn bán người, buôn bán thịt, buôn bán rượu, buôn bán thuốc độc.

Kết luận về Chánh mạng

Chánh mạng là nuôi cái thân tứ đại này bằng những phương tiện đúng. Đức Phật đã cho ví dụ cái thân tứ đại như là bốn con rắn độc, đòi ăn, đòi uống suốt ngày nên sẽ tạo nghiệp rất nhiều. Người cư sĩ thực hành Chánh mạng rất khó. Người xuất gia cần ôm bình bát đi khất thực hằng ngày hoặc nếu được những gia chủ mời về nhà cúng dường thì mới có Chánh mạng.

Người cư sĩ sống tại gia thành tựu năm giới hoặc tám giới cũng khó vô cùng nên Đức Phật nói rằng khi thân hoại mạng chung được sanh lại làm người như đất dính trên đầu móng tay, còn được sanh vào ba đường ác nhiều như đất trên quả địa cầu. Người học Phật không thành tựu năm giới thì ba đường ác đang chờ đợi. Hãy cố gắng thực hành Chánh mạng để trừ Tà mạng.

9. Chánh tinh tấn

Có Chánh tinh tấn là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày thường xuyên thực hành để không khổ đau nữa.

Học thuộc và suy tư Chánh tinh tấn cho đến khi hiểu tại sao cần phải tu tập Chánh tinh tấn. Khi hiểu rồi nên thực hành Chánh tinh tấn thuần thục thì Tà tinh tấn biến mất.

Trong Kinh Trung Bộ số 117. Đại Kinh Bốn mươi, viết:

Tà tinh tấn, này các Tỳ-kheo, do Chánh tinh tấn làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được Tà tinh tấn duyên

khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có Chánh tinh tấn. Và những thiện pháp được khởi lên do duyên Chánh tinh tấn, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Thế nào là Chánh tinh tấn?

Này chư Hiền, ở đây Tỳ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là Chánh tinh tấn.

Căn bản Thiện và căn bản Bất Thiện

Trong Kinh Trung Bộ số 9 Kinh Chánh tri kiến, viết:

Chư Hiền, khi Thánh đệ tử tuệ tri được bất thiện và tuệ tri được căn bổn bất thiện, tuệ tri được thiện và tuệ tri được căn bổn thiện, chư Hiền, khi ấy Thánh đệ tử có Chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

Chư Hiền, thế nào là bất thiện, thế nào là căn bổn bất thiện, thế nào là thiện, thế nào là căn bổn thiện? Chư Hiền, sát sanh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, tà hạnh trong các dục là bất thiện, nói láo là bất thiện, nói hai lưỡi là bất thiện, ác khẩu là bất thiện, nói phù phiếm là bất thiện, tham dục là bất thiện, sân là bất thiện, tà kiến là bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là bất thiện.

Và chư Hiền, thế nào là căn bổn bất thiện? Tham là căn bổn bất thiện, sân là căn bổn bất thiện, si là căn bổn bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bổn bất thiện.

Và này chư Hiền, thế nào là thiện? Từ bỏ sát sanh là thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện, từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện, từ bỏ nói láo là thiện, từ bỏ nói hai lưỡi là thiện, từ bỏ ác khẩu là thiện, từ bỏ nói phù phiếm là thiện, không tham dục là thiện, không sân là thiện, chánh tri kiến là thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là thiện.

Chư Hiền, thế nào là căn bổn thiện? Không tham là căn bổn thiện, không sân là căn bổn thiện, không si là căn bổn thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bổn thiện.

Chư Hiền, khi nào Thánh đệ tử tuệ tri bất thiện như vậy, tuệ tri căn bổn bất thiện như vậy, tuệ tri thiện như vậy, tuệ tri căn bổn thiện như vậy, khi ấy, vị ấy đoạn trừ tất cả tham tùy miên, tẩy sạch sân tùy miên, nhổ tận gốc kiến mạn tùy miên "Tôi là", đoạn trừ vô minh, khiến minh khởi lên, diệt tận khổ đau ngay trong hiện tại. Chư Hiền, như vậy Thánh đệ tử có chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này.

- Bất thiện pháp chưa sanh, không cho sanh khởi.

Dựa vào định nghĩa trên, nếu nói láo, tham, sân v.v… chưa sanh thì không cho sanh khởi. Hành giả phải diệt bất thiện từ lúc chưa có chứ làm ác rồi rất khó bỏ.

- Bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt;

Tham, sân, si, nói láo, sát sanh v.v... là đã sanh nên khởi tâm trừ diệt nếu không sẽ luân hồi dài lâu.

- Thiện pháp chưa sanh làm cho sanh khởi.

Không tham, không sân, không si, không nói láo, không sát sanh v.v... chưa sanh nên làm cho sanh khởi sẽ dẫn đến chấm dứt khổ và sẽ làm con đường luân hồi rút ngắn chỉ còn bảy lần.

- Thiện pháp đã sanh khởi, làm cho tăng trưởng.

Không tham, không sân, không si, không nói láo, không sát sanh, v.v... đã sanh và tiếp tục tăng trưởng không rơi lại con đường cũ, chỉ còn luân hồi bảy lần.

Kết luận về Chánh tinh tấn

Chánh tinh tấn còn gọi là Tứ Chánh cần cũng là một trong bảy con đường để chấm dứt nguyên nhân khổ. Tùy vào tâm của những hành giả mà Đức Phật dạy Tứ Chánh cần để tu tập.

Định nghĩa thế nào là thiện? Thế nào là bất thiện? Thế nào là căn bổn thiện? Thế nào là căn bổn bất thiện? Được nói trong kinh Chánh tri kiến số 9 Trung Bộ.

Nếu chỉ thuần tu Chánh tinh tấn cũng được giải thoát với điều kiện những kiết sử của người tu ít. Chánh tinh tấn cũng có một nghĩa nữa là siêng năng thực hành thiện pháp cho viên mãn như tinh tấn bố thí, giúp người, ấn tống kinh sách v.v...

Chánh tinh tấn sẽ trừ Tà tinh tấn thì sự khổ đau không có đời này và đời sau.

10. Chánh niệm

Có Chánh niệm là đang đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày tu tập mới thành Thánh được ngược lại không tu tập phải luân hồi dài lâu.

Học thuộc và suy tư Chánh niệm cho đến khi hiểu tại sao cần phải tu tập Chánh niệm. Khi đã hiểu nên thực hành Chánh niệm cho viên mãn thì Tà niệm mất sẽ thành tựu một trong hai bậc Thánh: Bất Lai hay A La Hán.

Trong Kinh Trung Bộ số 117 Đại Kinh Bốn mươi, viết:

Tà niệm, này các Tỳ-kheo, do chánh niệm làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà niệm duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có Chánh niệm. Và những thiện pháp được Chánh niệm duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Thế nào là Chánh niệm?

Trong Kinh Trung Bộ số 10 Kinh Niệm xứ, viết:

Này chư Hiền, ở đây, Tỳ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

Chánh niệm là ghi nhớ đúng về Thân, Thọ, Tâm, Pháp.

Chánh niệm là ghi nhớ đúng con đường đang đi, trong Thánh đạo Tám ngành chỉ duy nhất ngành Chánh niệm phải ghi nhớ những gì sanh khởi và diệt nhưng Chánh niệm trong Thánh đạo chỉ là giới thiệu chung chung mà không có chi tiết hoặc phân tích rõ ràng nên khó tu tập quán. Vì vậy có một bài kinh Chánh niệm số mười Kinh Trung Bộ trình bày rõ ràng để theo đó mà tu tập để đoạn tận tham, đoạn tận sân. Quý vị tham khảo chi tiết Chánh niệm trong phần Phụ Lục cuốn sách này.

Kết luận về Chánh niệm

Tu tập chánh niệm rất khó, dành cho những vị xuất gia không làm việc gì liên hệ thế gian có thể thực hành như bài kinh thân hành niệm ở kinh Niệm xứ. Đa số Phật tử chưa biết rõ ý nghĩa "Thế nào là Đạo đế" nên không thể tu tập Tứ Niệm xứ, hoặc bát Thánh đạo được. Mặc dù đã có nhiều khóa tu dạy tu tập Tứ niệm xứ khó thành công vì Phật tử về nhà thì tâm tham, tâm sân vẫn không có gì thay đổi. Do không biết, không hiểu Khổ Tập tức là 12 Nhân duyên cho dù tu kiểu gì cũng không có kết quả.

Ví dụ: Nếu người học Phật không biết thủ phạm mà đòi bắt nó là chuyện không tưởng. Cũng vậy người tu cần thấy rõ, biết rõ tâm tham, tâm sân, tâm si, nếu chưa biết cho dù có tu muôn kiếp cũng không bắt được.

Người học Phật cần tìm hiểu rốt ráo từ duyên Lục nhập, duyên Thức, duyên Xúc, duyên Thọ, duyên Ái (tham, sân, si). Nguyên nhân xa sanh ra Tham là từ duyên Sáu nội xứ, duyên Thức, duyên Xúc còn duyên Thọ nhân sanh gần nhất. Phải nhận thấy duyên Lục Nhập, duyên Xúc, duyên Thọ trước, nếu không thấy thì không thể chống đỡ kịp khi có duyên Thọ sanh.

Ví dụ: đánh giặc là đánh từ xa chứ không phải đợi giặc đến cửa thì muộn quá rồi.

Trong bốn chỗ: Thân, Thọ, Tâm, Pháp, cần ghi nhớ tâm tham, tâm sân sanh khởi và đoạn diệt gọi là chánh niệm. Có chánh niệm sẽ trừ tà niệm vì tà niệm là nhân sanh khổ.

Đời sống con người lo nuôi dưỡng và thoả mãn cái thân tứ đại nên cần biết và ghi nhớ tại sao tham sanh khởi và đoạn diệt. Sau khi đã trải nghiệm như vậy sẽ có trí tuệ sanh khởi như

phần kết luận ở trên. Những cảm thọ luôn luôn có, Phật tử cần ghi nhớ nó xảy ra và nó diệt. Những cảm thọ phát sanh từ vật chất hay không liên hệ vật chất cần ghi nhớ và biết rõ.

Quán pháp chỉ quán về năm Triền Cái, năm Thủ Uẩn, Sáu nội xứ - Sáu ngoại xứ, Thất Giác Chi, Tứ Thánh Đế. Vì những Pháp này tiêu biểu những sự thật, Phật tử cần chứng nghiệm những kiết sử sanh khởi và đoạn diệt một thời gian sẽ có trí tuệ sanh khởi sau phần quán pháp. Kinh niệm xứ được giải thích trong phần **Phụ Lục** cuốn sách này.

11. Chánh định

Có Chánh định là đi trên con đường của bậc Thánh nên hằng ngày tu tập để thành Thánh ngược lại là phàm phu phải luân hồi, khổ dài dài.

Học thuộc và suy tư Chánh định cho đến khi hiểu tại sao hành giả cần phải tu tập Chánh định. Khi hiểu, nên thực hành Chánh định viên mãn thì Tà định biến mất.

Trong Kinh Trung Bộ số 117, Đại Kinh Bốn mươi, viết:

Tà định, này các Tỳ-kheo do Chánh định làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được Tà định duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có Chánh định. Và những thiện pháp được Chánh định duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tổng thuyết

Thế nào là Chánh định?

Trong Kinh Trung Bộ số 141, Kinh Phân biệt về Sự thật, viết:

Này chư Hiền, ở đây, Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục

sanh, với tầm, với tứ. Vị Tỳ-kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỳ-kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

Phần tổng thuyết trình bày rất khó hiểu, có hai bài kinh được trích dưới đây sẽ giúp cho người học Phật biết rõ chi tiết để có thể chứng được sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Hầu hết người học Phật không hiểu chánh định là gì mà cứ bắt chước làm theo vì không tham khảo các bài kinh khác. Do đó tu tập không có kết quả.

a) Năm dục trưởng dưỡng

Trong Kinh Trung Bộ số 26, Kinh Thánh cầu, viết:

Có năm dục trưởng dưỡng. Thế nào là năm?

Này các Tỳ-kheo, có năm dục trưởng dưỡng. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Các tiếng do tai nhận thức... (như trên)... các hương do mũi nhận thức... các vị do lưỡi nhận thức... các xúc do thân cảm xúc là khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, như vậy, là năm dục trưởng dưỡng.

Đoạn kinh trên giúp hành giả hiểu dục do những sắc, thanh, hương, vị, xúc khả ái khả lạc.

★ Không thấy sự nguy hại của chúng, không biết rõ sự xuất ly khỏi chúng.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc, bị tham đắm, bị mê say bởi năm dục trưởng dưỡng này, không thấy sự nguy hại của chúng, không biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, mà thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: "Các Người đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn". Này các Tỳ-kheo, như một con nai sống trong rừng bị sập bẫy nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó đã rơi vào bất hạnh, đã rơi vào tai họa, đã bị thợ săn sử dụng như ý muốn. Khi người thợ săn đến, con nai không thể bỏ đi như ý muốn. Này các Tỳ-kheo, cũng vậy, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào bị trói buộc... (như trên)... đã bị Ác ma sử dụng như ý muốn.

Đoạn kinh trên cho biết những hành giả nếu tu tập mà còn say mê năm dục thì bị ác ma chi phối không thể nào vào sơ thiền được đâu.

★ Thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng.

Này các Tỳ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc, không bị tham đắm, không bị mê say bởi năm dục trưởng dưỡng này, thấy sự nguy hại của chúng, biết rõ sự xuất ly khỏi chúng, và thọ dụng chúng, những vị ấy cần phải được hiểu là: "Các Người không rơi vào bất hạnh, không rơi vào tai họa, không bị Ác ma sử dụng như ý muốn". Này các Tỳ-kheo, như một con nai sống trong rừng, không bị sập bẫy phải nằm xuống, con nai ấy cần phải được hiểu là: "Nó không rơi vào bất hạnh, nó không rơi vào tai họa, nó không bị người thợ săn sử dụng như ý muốn". Khi người thợ săn đến, con nai có thể bỏ đi như ý muốn. Này các Tỳ-kheo, cũng vậy, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không bị trói buộc... không bị Ác ma sử dụng như ý muốn.

Đoạn kinh trên xác quyết nếu thấy vị ngọt dục, nguy hiểm dục, xuất ly sẽ không còn ác ma chi phối sẽ giúp hành giả tâm có định sẽ vào bốn tầng thiền dễ dàng như những gì được diễn tả dưới đây.

Chư Tỳ-kheo, ví như con nai sống trong rừng, đi qua đi lại trong rừng, an tâm nó đi, an tâm nó đứng, an tâm nó ngồi, an tâm nó nằm. Tại sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì nó vượt khỏi tầm tay của người thợ săn. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc, do ly dục sanh, có tầm có tứ. Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ấy được gọi là: một vị đã làm Ác Ma mù mắt, đã diệt trừ mọi vết tích, đã vượt khỏi tầm mắt Ác ma.

b) Năm triền cái phải đoạn tận

Hành giả hãy đọc kỹ phần quán năm triền cái này sẽ giúp cho hành giả tu tập để vào sơ thiền không có khó khăn.

Trong Kinh Trung Bộ số 38, Đại Kinh Đoạn tận ái, viết:

Vị ấy với sự thành tựu Thánh giới uẩn này, với sự thành tựu Thánh hộ trì căn này, và với Thánh Chánh niệm tỉnh giác này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng, tại chỗ nói trên, và an trú Chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa, tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo

cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Sau khi từ bỏ năm triền cái làm ô nhiễm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ, vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm giác sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng và trú Thiền thứ ba. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

1 - Sơ thiền

Tỳ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ.

Ly dục sanh hỷ lạc do suy tư như sau: Ly dục không tự hại mình, không hại người, không hại cả hai, đưa đến trí tuệ, diệt phiền não, đưa đến Niết Bàn, tiếp tục suy tư và quan sát tâm, nếu mệt thì điều chỉnh thân lại cho cho quân bình, đến khi hỷ lạc sanh khởi. Suy tư là tầm, còn tứ là điều chỉnh.

2 - Nhị thiền

Vị Tỳ-kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Bỏ tầm, bỏ tứ, một trạng thái hỷ lạc do định sanh. Nội tĩnh nhất tâm.

3 - Tam thiền

Tỳ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.

Hành giả không dính mắc vào hỷ gọi là xả

4 - Tứ thiền

Tỳ-kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

Hành giả vào tầng thiền có trạng thái không khổ không lạc được ghi nhớ thanh tịnh. Hành giả không dính mắc trạng thái này gọi là xả. Sau thiền thứ tư, hành giả hướng tâm, dẫn tâm đến túc mạng minh, hướng tâm dẫn tâm đến sanh tử minh. Hành giả có được hai minh đầu tiên trong ba minh.

Hành giả nào muốn thực hành Chánh định nên tìm hiểu kỹ thêm bài kinh Song Tầm trong phần Phụ Lục cuốn sách này.

Có một bài kinh khác nói về Hỷ lạc không liên hệ vật chất chính là chứng được Sơ thiền, quý vị tham khảo sau đây:

5- Bài Kinh Thanh Tịnh, Không Liên Hệ Đến Vật Chất

Trong Kinh Tương Ưng 4 - Chương II Tương Ưng Thọ - Phẩm Một Trăm Lẻ Tám Pháp Môn - 29. IX. Thanh Tịnh, Không Liên Hệ Đến Vật Chất (S.iv,235), viết:

1) ...

2) - Này các Tỳ-kheo, có ba thọ này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỳ-kheo, đây là ba thọ.

3) Này các Tỳ-kheo, có hỷ liên hệ đến vật chất, có hỷ không liên hệ đến vật chất, có hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia; có lạc liên hệ đến vật chất, có lạc không liên hệ đến vật chất, có lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia; có xả liên hệ đến vật chất, có xả không liên hệ đến vật chất, có xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia; có giải thoát liên hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến vật chất, có giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại giải thoát không liên hệ đến vật chất kia.

4) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hỷ liên hệ đến vật chất? Này các Tỳ-kheo, có năm dục công đức này. Thế nào là năm? Có các sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, đây là năm dục công đức này. Này các Tỳ-kheo, do duyên năm dục công đức này, hỷ khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hỷ liên hệ đến vật chất.

5) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hỷ không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Làm tịnh chỉ tầm và tứ, chứng đạt và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh, nhất tâm. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hỷ không liên hệ đến vật chất.

6) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia? Tỳ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khi quán sát tâm giải thoát khỏi tham, khi quán sát tâm giải thoát khỏi sân, khi quán sát

tâm giải thoát khỏi si, hỷ được khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là hỷ không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại hỷ không liên hệ đến vật chất kia.

7) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là lạc liên hệ đến vật chất? Này các Tỳ-kheo, có năm dục công đức. Thế nào là năm? Có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, đây là năm dục công đức. Này các Tỳ-kheo, do duyên năm dục công đức này, khởi lên lạc hỷ gì, này các Tỳ-kheo, đây gọi là lạc liên hệ đến vật chất.

8) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Tịnh chỉ các tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh, nhứt tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, vị ấy chứng đạt và trú Thiền thứ ba. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là lạc không liên hệ đến vật chất.

9) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, khi quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, lạc và hỷ khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là lạc không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại lạc không liên hệ đến vật chất kia.

10) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là xả liên hệ đến vật chất? Này các Tỳ-kheo, có năm dục công đức này. Thế nào là năm?

Có những sắc do mắt nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn... Có những xúc do thân nhận thức khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỳ-kheo, do duyên năm dục công đức này, xả khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là xả liên hệ đến vật chất.

11) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là xả không liên hệ đến vật chất? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đoạn lạc, đoạn khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là xả không liên hệ đến vật chất.

12) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, xả khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là xả không liên hệ đến vật chất còn hơn cả loại xả không liên hệ đến vật chất kia.

13-14) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là giải thoát liên hệ đến vật chất? Sự giải thoát liên hệ đến sắc là liên hệ đến vật chất... Sự giải thoát liên hệ đến vô sắc là không liên hệ đến vật chất.

16) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sự giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả sự giải thoát không liên hệ đến vật chất kia? Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đoạn tận các lậu hoặc, quán sát tâm giải thoát khỏi tham, quán sát tâm giải thoát khỏi sân, quán sát tâm giải thoát khỏi si, giải thoát khởi lên. Này các Tỳ-kheo, đây là sự giải thoát không liên hệ đến vật chất còn hơn cả sự giải thoát không liên hệ đến vật chất kia.

6- Kết luận về Chánh định

Tu tập chánh định vô cùng khó khăn vì đã ly dục rồi hoặc năm triền cái diệt thì mới vào Chánh định được. Có nhiều người ham tu thiền cứ nghĩ nhắm mắt lim dim rồi tưởng mình vào sơ thiền thật ra là Tà định. Tu tập Chánh định sẽ diệt Tà định vì Tà định là nhân sanh khổ. Điều kiện tu Chánh định cần ly dục sắc, ly dục thanh, ly dục hương, ly dục vị, ly dục xúc. Nếu chưa được thì sơ thiền không thể nhập được mà chỉ là Tà định. Có thể tìm hiểu bài kinh Thanh tịnh để biết thêm ý nghĩa hỷ lạc không liên hệ với vật chất và có những hỷ lạc liên hệ vật chất đã có trích dẫn ở trên.

Tu Chánh định sẽ đạt đến Tứ thiền sẽ có tam minh: Túc mạng minh, Sanh tử minh. Lậu tận minh. Đây không phải là việc dễ vào thế kỷ 21 này, không có mấy ai chứng được Túc mạng minh hoặc Thiên nhãn minh chứ nói chi Lậu tận minh.

12. Chánh trí

Trong Kinh Trung Bộ số 117 Đại Kinh Bốn mươi, viết:

Tà trí, này các Tỳ-kheo, do Chánh trí làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được Tà trí duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có Chánh trí. Và những thiện pháp được Chánh trí duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn.

Sau khi đã chứng tứ thiền, Ngài đã nói như sau: *"Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Lậu tận trí. Ta biết như thật: "Đây là Khổ", biết như thật: "Đây là Nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là sự Diệt khổ", biết như thật: "Đây là Con đường đưa đến diệt khổ", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như*

thật: "Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc".

Hành giả học thuộc và suy tư Chánh trí cho đến khi hiểu tại sao cần tu tập Chánh trí. Khi hiểu rồi thực hành viên mãn thì Tà trí biến mất.

13. Chánh giải thoát

Trong Kinh Trung Bộ số 117. Đại Kinh Bốn mươi, viết:

Tà giải thoát, này các Tỳ-kheo, do Chánh giải thoát làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được Tà giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có Chánh giải thoát. Và các thiện pháp được Chánh giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn.

Thông thường chỉ nói đến tám Chánh nhưng đức Phật đã nói thêm hai Chánh nữa trong Đại Kinh Bốn mươi số 117 Kinh Trung Bộ. Sau khi đã hướng Chánh trí nên có Chánh giải thoát khởi lên như sau:

Nhờ biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, Ta khởi lên sự hiểu biết: "Ta đã giải thoát" Ta đã biết: "Sanh đã diệt, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa".

Chứng được Lậu tận minh tức là bậc Thánh A-la-hán.

14. Kết luận

Chương này bàn về Đạo đế nhưng chỉ nói về Bát Thánh đạo là chính và phần biệt thuyết về Chánh niệm tức là Tứ niệm xứ, không nói những con đường khác. Bát Thánh đạo là con đường chấm dứt được tất cả những nguyên nhân sanh khổ, còn

những con đường khác chỉ trừ được một số nguyên nhân mà các thầy đang có và không có những nguyên nhân khác. Như vậy trước khi thực hành đạo đế, quý vị cần biết rõ khổ, nguyên nhân khổ, diệt khổ và con đường diệt khổ. Chương 1: Khổ Tập cũ và Chương 3: Khổ Tập mới và Chương 1 phần này cần biết rõ trước khi tu tập. Nếu không biết rõ những Chương vừa nêu thì không thể thực hành được.

Bát Chánh trừ bát Tà, nhưng bát Tà đồng nghĩa nguyên nhân sanh khổ. Đây là một cách trình bày cụ thể, có thể xem bát Tà: như ý hành, khẩu hành, thân hành, hoặc mười kiết sử, hoặc tham sân si, hoặc dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Chúng ta nên quy bát Tà ra những nguyên nhân khổ và khi tu bát Chánh sẽ biết được diệt kiết sử nào. Nếu không quy ra thì chúng ta không biết tu bát Chánh diệt được kiết sử nào.

Chánh kiến trừ Tà kiến, đoạn tận thân kiến, nghi, giới cấm thủ.

Chánh tư duy trừ Tà tư duy, đoạn tận những sự ham muốn, những sân hận, những tâm hại chúng sanh. Như vậy dục không có thì dục lậu không sanh khởi nên không còn sanh lại cõi dục.

Chánh ngữ trừ Tà ngữ, Phật tử viên mãn về giới có thể chứng bậc Thánh Dự Lưu hoặc sanh lại làm người hay Chư Thiên.

Chánh nghiệp trừ Tà nghiệp, Phật tử viên mãn về giới có thể chứng Thánh Dự Lưu hoặc sanh lại làm người hay Chư Thiên.

Chánh mạng trừ Tà mạng, Phật tử nuôi thân bằng những phương tiện chân chính, không phải tà. Thông thường con người vì cái thân tứ đại này đã làm nhiều nghề hại mình, hại người. Biết tri túc không cần nhiều tiền như một ngày ăn một

bữa vẫn sống được. Do lòng tham nên chúng sanh hại chúng sanh sẽ đọa lạc ba đường ác cũng chỉ vì tà mạng.

Chánh tinh tấn trừ Tà tinh tấn, có nhiều người siêng năng kiếm tiền nhiều hoặc để có địa vị, công danh trong xã hội gọi là Tà tinh tấn. Những người hằng ngày siêng tu tập để trừ tâm tham, tâm sân, tâm si gọi là Chánh tinh tấn.

Chánh niệm trừ Tà niệm, tâm con người luôn luôn ghi nhớ những chuyện làm sao để có nhiều tài sản, nhiều tiền bạc v.v... gọi là Tà niệm. Những người nào luôn luôn ghi nhớ vì sao tham, sân sanh khởi, vì sao tham, sân đoạn diệt, sẽ có trí tuệ dẫn đến chấm dứt sanh tử gọi là Chánh niệm.

Chánh định trừ Tà định, những người tập trung vào cái gì đó để phát minh ra cái này, cái nọ hoặc tu thiền để mong cầu có thần thông gọi là Tà định. Những người học Phật có những tầm, tứ như suy nghĩ ly dục tầm, suy nghĩ từ bỏ sân tầm, suy nghĩ từ bỏ hại tầm. Lúc đó tâm vị ấy ly dục, ly ác pháp sẽ chứng sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền dẫn đến Túc Mạng Minh, Sanh Tử Minh, Lậu Tận Minh gọi là Chánh định.

Tiểu kết

Chương 1 nói về Diệt khổ đế tức là Niết Bàn. Có bài Kinh Đại kinh, ví dụ lõi cây và bài Kinh Khúc Gỗ Trôi Trên Sông sẽ giúp hành giả Phật giáo hiểu về Niết Bàn. Lý Duyên diệt xác định rõ ràng nữa khi mà diệt Vô minh và Hành thì toàn bộ khổ uẩn chấm dứt là Niết Bàn. Như vậy biết Lõi cây trước khi vào rừng tìm lõi cây. Tương tự biết Niết Bàn trước khi thực hành đạo đế mà Bát Chánh là một con đường trong bảy con đường.

Chương 2 nói về phương pháp chấm dứt khổ. Trong tập sách giới thiệu khá kỹ càng về bát Thánh đạo. Có tám chi phần sẽ trừ hết những nguyên nhân khổ mà tiêu biểu là Bát Tà hay thân, khẩu, ý.

Như vậy hành giả tìm hiểu và tu tập Chánh kiến cho viên mãn thì Tà kiến biến mất. Tìm hiểu và tu tập Chánh tư duy cho viên mãn thì Tà tư duy biến mất. Tìm hiểu và tu tập Chánh ngữ cho viên mãn thì Tà ngữ biến mất. Tìm hiểu và tu Chánh nghiệp cho viên mãn... tìm hiểu và tu tập Chánh định cho viên mãn thì Tà định biến mất.

Có bảy con đường chứ không phải một con đường. Tuy nhiên con đường Bát chánh là thông dụng nhất vì sẽ trừ diệt được Bát Tà (những nguyên nhân khổ chi tiết hơn). Những con đường khác chỉ trừ được một số nguyên nhân thôi không bao hàm tất cả. Vì Đức Phật có tha tâm thông biết những thầy tu có dính mắc ít nên dạy con đường đơn giản trừ diệt nguyên

nhân đó. Những người học Phật Pháp ngày nay không biết Đạo đế có nhiệm vụ là gì nên không tìm hiểu Đạo đế cho kỹ nên hiểu sai về Bát Thánh Đạo.

Như vậy bát Thánh đạo là con đường trừ diệt tất cả nguyên nhân sanh khổ mà những con đường khác không diệt được hết.

Phần này giúp hành giả chứng được một trong bốn bậc Thánh trong đời này hay trong tương lai.

Phần III
KẾT LUẬN

Phần dẫn nhập

Trình bày những rào cản ngôn ngữ để học Kinh dịch từ tiếng Pali hay Sanskrit nhưng khi học Kinh cần phải đạt ý quên lời và chứng nghiệm chứ không phải tin vào văn tự vì văn tự chỉ biểu thị sự thật. Có văn tự rồi đi đến sự thật vô cùng khó khăn nên cần kiên nhẫn và thời gian.

Trình bày những bài kinh tối quan trọng nhất trong hệ thống kinh tạng Pali - Việt như:

Kinh Chuyển Pháp luân mà nội dung chính là Tứ Thánh Đế đã có một uy lực rất lớn và đã làm rung động mười ngàn thế giới. Ngoài bài kinh này không có một bài kinh nào khác nữa có một uy lực như vậy. Hơn nữa những Phật tử đi thăm viếng bốn chỗ động tâm ở Ấn Độ mà có một chỗ Đức Phật đã thuyết bài kinh này. Ngày nay nhiều Phật tử lơ là và chỉ học sơ qua Tứ Thánh Đế mà chạy theo những Pháp cao siêu hơn Tứ Thánh Đế. Đây là sai lầm lớn nhất của nhiều người học Phật Pháp hôm nay và đã mất cơ hội giải thoát ngay kiếp này.

Bài Kinh Lá rừng Simsapa xác quyết rằng: *"Và này các Tỳ-kheo, điều gì mà Ta nói? Đây là Khổ, này các Tỳ-kheo, là điều Ta nói. Đây là Khổ tập, là điều Ta nói. Đây là Khổ diệt, là điều Ta nói. Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt, là điều*

Ta nói. Nhưng tại sao, này các Tỳ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, những điều ấy liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy." Vậy mà những người học Phật hôm nay đi vào rừng để kiếm hàng ngàn chiếc lá khác mà bỏ đi bốn chiếc lá Tứ Thánh Đế.

Bài Kinh "Con đường xưa cũ" đã xác quyết rằng những vị Chánh Đẳng Giác quá khứ đã đi qua và nay Thế Tôn cũng đi qua. Chúng ta là ai mà không bắt chước Ngài theo con đường xưa cũ mà Ngài đã đi qua. Thế nào là con đường xưa cũ? 12 Nhân duyên là Khổ đế, Tập đế và Đạo đế là Bát Thánh đạo.

Những giờ sau cùng trước khi nhập Niết Bàn Thế Tôn đã nói như sau: *"Này Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh đạo, thời ở đây không có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng không có đệ nhị Sa-môn, cũng không có đệ tam Sa-môn, cũng không có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda trong pháp luật nào có Bát Thánh đạo, thời ở đây có đệ nhất Sa-môn, cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, ở đấy cũng có đệ tứ Sa-môn. Này Subhadda, chính trong pháp luật này có Bát Thánh Đạo, thời này Subhadda, ở đây có đệ nhất Sa-môn, ở đây cũng có đệ nhị Sa-môn, cũng có đệ tam Sa-môn, cũng có đệ tứ Sa-môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có những Sa-môn. Này Subhadda, nếu những vị Tỳ-kheo này sống chơn chánh, thời đời này không vắng những vị A-la-hán".*

Bài Kinh Phá hòa hợp Tăng cảnh cáo cho những vị nào đi rao giảng những điều Như Lai không nói mà nói rằng Như Lai thuyết hoặc những gì Như Lai có thuyết mà nói rằng Như Lai không thuyết. Nếu như vậy bị đọa địa ngục một kiếp.

Do duyên các bài kinh trên mà tác giả đã chọn tựa đề cuốn sách "Tứ Thánh Đế là tối thượng" vì không có một bài kinh nào khác cao hơn Kinh Chuyển Pháp Luân.

Bố thí, trì giới, các cõi trời dục giới

Phần này gồm ba chương:

Chương 1: Bố thí được trình bày để giúp Phật tử nên có tấm lòng rộng lượng giúp đỡ những người nghèo khó và cúng dường Tăng Ni để trang bị Tâm cho vị lai sẽ được giải thoát.

Chương 2: Trì giới cần được hành trì để khi chết sẽ sanh lên làm người hoặc được sanh vào một trong sáu cõi trời dục giới hưởng thiên lạc lâu dài. Nếu không thực hành giới sẽ rơi vào ba đường ác khổ đau.

Chương 3: Các cõi trời dục giới được giới thiệu để khích lệ Phật tử biết mà lo bố thí và thành tựu giới sẽ được sanh lên các Thiên giới. Thế Tôn với Thiên Nhãn đã thấy và nói lại chứ không phải tưởng tượng.

Những người học Phật chưa biết nhiều về Phật pháp nên cần thực hành bố thí cho viên mãn và cố gắng thành tựu năm giới, tám giới hay mười giới. Nhờ thành tựu giới mà sanh thiên giới hưởng phước lâu dài nhưng sau khi hưởng hết phước báu rồi luân hồi vào ba đường ác khổ đau. Tuy nhiên chúng sanh không thành tựu giới đời này, sau khi chết sẽ sanh vào ba đường ác khổ vô cùng. Như vậy giữa giữ giới và không giữ giới thì cái nào lợi hơn. Nếu là người trí sẽ chọn giữ giới để có một đời sống tốt đẹp sau khi chết.

Vị ngọt, nguy hiểm, xuất ly của dục

Phần này gồm 2 chương:

Chương 1 trình bày về vị ngọt của sáu nội xứ và của sáu ngoại xứ. Vị ngọt ai cũng ưa, cũng thích nên trói buộc mà phải khổ đau sau này. Sự nguy hiểm của sáu nội xứ và của sáu ngoại xứ là vô thường, biến hoại, khổ. thì chúng sanh mới biết sợ và xa lánh thì không trói buộc vào chúng nữa. Như chuyện vợ chồng trói buộc với nhau do vị ngọt khả ái khả lạc mà hút nhau nhưng do sự vô thường người vợ hay người chồng chết nên sanh ra khổ đau. Sau khi biết vị ngọt và nguy hiểm của sáu nội xứ và sáu ngoại xứ thì sự xuất ly sanh khởi. Tâm ly tham, từ bỏ không ham muốn vị ngọt vì biết rằng cuối cùng là khổ.

Chương 2 trình bày về kết quả tu tập ly dục sẽ sanh vào 15 cõi trời sắc giới sẽ hưởng tuổi thọ vô lượng nhưng hưởng hết tuổi thọ vẫn phải luân hồi vào ba đường ác. Còn có bốn cõi trời vô sắc giới nữa nhưng không bàn về cõi vô sắc vì không hành giả nào trong thế kỷ 21 có thể chứng được cả.

Những người sống tại gia khó thực hiện phần này vì đòi hỏi ly dục mà người đời thích dục. Người xuất gia cần phải sống nơi hoang vắng chứ sống ngay trong thành phố cũng không thực hành được vì dục sẽ sanh khởi. Thông thường phần này thời xưa bên Ấn Độ vào rừng tu thì sẽ ly dục dễ dàng còn thời đại này rất khó tu vô cùng.

Khổ Thánh đế và khổ Tập Thánh đế

Trình bày về Lý Duyên khởi tức Luật Nhân quả. Phần này gồm có năm chương:

Chương 1 nói về nghiệp cũ gồm có ba duyên: Vô minh, Hành, Thức là những hành động đã tạo trong những kiếp quá khứ. Người học Phật không cần quan tâm những gì đã làm trong

quá khứ nhưng cần biết rằng những gì xảy đến với chúng ta đều có nguyên nhân và biết như vậy thì tâm thản nhiên chấp nhận quả báo không tham đắm khi có lạc và không có sân khi có khổ.

Chương 2 nói về quả khổ/lạc hiện tại gồm có bốn duyên: Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ là những quả sướng khổ do nghiệp cũ sanh ra. Người học Phật biết rằng Danh sắc bước đầu nhập thai vào kiếp sống hiện tại rất vi tế mắt thường không thấy được và bào thai phát triển đầy đủ sáu giác quan sau hơn chín tháng lọt ra khỏi bụng mẹ. Từ đây thật sự nhập sáu cảnh vào tâm sanh ra sáu cái biết sanh ra sáu xúc rồi sanh sáu thọ (lạc, không khổ không lạc, khổ). Đây là tiến trình chúng ta không thể thay đổi. Nếu người học Phật giác ngộ duyên thọ lạc, thọ khổ vô thường, nhàm chán nên ly tham sẽ giải thoát.

Chương 3 nói về nghiệp mới gồm có ba duyên: Ái, Thủ, Hữu là những hành động được tạo ra từ khi sanh vào kiếp sống hiện tại.

Chương 4 nói về quả khổ tương lai gồm có hai duyên: Sanh, Già chết là quả do nghiệp mới sanh khởi sau khi chết.

Chương 5 nói về áp dụng Tứ đế vào 11 duyên trong 12 duyên và năm uẩn.

Lý Duyên khởi rất quan trọng nên người học Phật phải tìm hiểu cho sâu thì may ra mới thoát khổ được. Đức Phật đã khám phá định lý này và đã nói lại cho chúng ta biết ngoài ra không một ai trên thế gian này biết. Lý duyên khởi chia làm ba thời: quá khứ, hiện tại, tương lai.

Hành động khởi ra gọi là Khổ Tập và quả khổ/lạc gọi là quả. Nếu ai nhận ra điều này đúng thì trong tương lai có quả khổ/lạc do biết những hành động gì đã gây ra ngày hôm nay. Như vậy khổ tập chia làm hai phần: Nghiệp cũ đã sanh ra quả

khổ/lạc thì phải chấp nhận như một người đã đi vay tiền thì đúng thời phải trả nợ, không có việc nói thế này thế kia không hợp lý. Cái gì đang xảy ra hằng ngày gọi là quả khổ hay quả lạc hiện tại do nghiệp cũ sanh khởi. Tương lai có quả khổ tùy thuộc vào những hành động hôm nay gọi là nghiệp mới. Nếu đời sống hằng ngày có những hành động thiện chắc chắn có quả tốt sẽ đến chứ không phải ngẫu nhiên. Nếu đời sống hằng ngày tạo những hành động xấu thì tương lai sẽ có quả xấu đến chứ chẳng phải do ai gây ra cả.

Định lý khổ và khổ tập tức là Lý duyên khởi giúp con người hiểu biết vì sao chúng ta sướng hay khổ do ta cả mà không do Chúa hay Thượng đế hay Phật tạo ra.

Có một vòng khép kín xuyên suốt từ Duyên Vô minh, Hành... Thủ, Hữu, Sanh, Già chết khó mà thoát được nên Đức Phật dạy bốn mươi bốn căn bản trí giúp chúng sanh thoát khỏi cái vòng 12 Nhân duyên.

Diệt Khổ và Con đường dẫn đến diệt khổ

Phần này gồm có 2 chương:

Chương 1: Bàn về Diệt khổ, Diệt khổ là hết khổ (Niết Bàn). Đây là mục tiêu tối hậu mà những người học Phật hướng đến vì không còn sanh lại dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Để làm được việc này người học Phật phải biết nguồn gốc vì đâu con người sanh ra đời và khi chết đi về đâu. Nguồn gốc phát sanh ra tam giới trong đó có sáu loài chúng sanh chính là 12 Nhân duyên. Muốn diệt tận gốc sanh tử là diệt Vô minh và Hành thì có Niết Bàn.

Có bốn bậc Thánh tùy vào hành giả diệt được kiết sử nào.

Nếu diệt Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ thì đây là bậc Thánh Dự Lưu chỉ còn khổ tối đa bảy lần.

Nếu diệt Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ và muội lược Tham, Sân thì đây là bậc Thánh Nhất Lai, chỉ còn khổ đau một lần.

Nếu diệt Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ, Tham, Sân thì đây là bậc Thánh Bất Lai không còn khổ đau nữa, sanh vào cõi trời sắc giới, hưởng hết tuổi thọ và nhập Niết Bàn từ đấy.

Nếu diệt mười kiết sử: Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ, Tham, Sân, Ái sắc giới, Ái vô sắc giới, Mạn, Trạo cử, Vô minh thì đây là bậc Thánh A la hán không còn khổ đau và nhập Niết Bàn sau khi thân hoại mạng chung.

Tuy nhiên để đạt mục tiêu bốn bậc Thánh, Hành giả cần phải thực hành bát Thánh đạo cho viên mãn chứ không phải ngồi tụng kinh gõ mõ suốt ngày hay cầu nguyện hay tụng chú.

Chương 2: Bàn về con đường Bát chánh có tám chi phần sẽ diệt được Bát tà. Tại sao chọn con đường Bát chánh? Vì Bát Chánh sẽ diệt tất cả, những nguyên nhân có thể xảy ra đưa đến khổ đau còn những con đường khác chỉ diệt một số nguyên nhân chứ không diệt tất cả vì Đức Phật có khả năng biết những ai có kiết sử nào và không có kiết sử nào nên đã thuyết những con đường khác chỉ cho diệt kiết sử nào đang có. Có sáu con đường khác như Ngũ căn, Ngũ lực, Tứ Chánh cần, Thất Giác chi, Tứ Như ý túc không trình bày trong cuốn sách này. Những hành giả nào muốn tìm hiểu sáu con đường này thì vào kinh Tương Ưng năm - Tương Ưng đạo có thể biết rõ ràng. Riêng tập sách này chỉ bàn về Bát Thánh đạo là chính và phần biệt thuyết về Chánh niệm (Tứ Niệm xứ).

Tu tập Chánh kiến sẽ đoạn tận Tà kiến do có Tà kiến dẫn đến luân hồi và đau khổ.

Tu tập Chánh tư duy sẽ đoạn tận Tà tư duy vì do suy nghĩ về dục do suy nghĩ về sân hận, suy nghĩ về hại dẫn đến luân hồi và đau khổ.

Tu tập Chánh ngữ sẽ đoạn tận Tà ngữ vì do tà ngữ dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Tu tập Chánh nghiệp sẽ đoạn tận Tà nghiệp vì Tà nghiệp dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Tu tập Chánh tinh tấn sẽ đoạn tận Tà tinh tấn vì Tà tinh tấn dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Tu tập Chánh niệm sẽ đoạn tận Tà niệm vì Tà niệm dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Tu tập Chánh định sẽ đoạn tận Tà định vì Tà định dẫn đến luân hồi và khổ đau.

Như vậy tu tập bát Thánh đạo sẽ hết khổ đau và chấm dứt luân hồi.

Phần IV này rất khó tu cho cả người tại gia và người xuất gia. Lý do là người nào đã sanh ra đời này cũng đã bị dính mắc vào môi trường mình đang sống.

Thế Tôn đã nói trong Kinh Tăng chi tám pháp phẩm Gotami như sau: "Vì rằng, này Ananda, nữ nhân được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình trong Pháp và Luật này, này Ananda, Phạm hạnh sẽ không được an trú lâu dài, thời này Ananda, diệu pháp được tồn tại năm trăm năm."

Diệu Pháp này đã tồn tại hơn 500 năm rồi nên ngày nay có còn mấy ai học và thực hành những lời dạy Đức Phật trong năm bộ Kinh Nikaya nữa đây.

Trong tập sách này có bốn phần đã nói lên tất cả và gửi đến những hành giả muốn chấm dứt khổ đau nên cố gắng tìm hiểu, suy tư, chứng nghiệm mà không nên tin ai một cách mù quáng dù đó là bậc đạo sư của mình.

PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP CHI TIẾT TỨ THÁNH ĐẾ

Phần tổng thuyết và biệt thuyết về Lý Duyên khởi đã được trình bày ở trên. Lý Duyên Khởi có thể được biểu thị bằng mũi tên như sau:

Vô minh ➢ Hành ➢ Thức ➢ Danh Sắc ➢ Lục nhập ➢ Xúc ➢ Thọ ➢ Ái ➢ Thủ ➢ Hữu ➢ Sanh ➢ Già chết, sầu bi, khổ ưu não.

Trong Tứ Thánh Đế có hai đế: Khổ và Khổ Tập đế, dựa vào những bài kinh khác thuộc hệ Kinh Nikaya, tôi phân chia 12 Nhân Duyên theo 3 Phần như sau:

Phần 1:

Phần này diễn tả Nghiệp cũ (khổ Tập đế) sanh khởi Quả khổ/lạc hiện tại (Khổ đế). Có thể biểu thị bằng mũi tên như sau:

Vô minh ➢ Hành ➢ Thức ➢ Danh Sắc ➢ Lục nhập ➢ Xúc ➢ Thọ.

Có thể phân chia thành Nghiệp cũ gồm các duyên: **Vô minh ➢ Hành ➢ Thức** và Quả khổ/lạc hiện tại gồm các duyên: **Danh Sắc ➢ Lục nhập ➢ Xúc ➢ Thọ.**

Phần 2:

Phần này diễn tả Quả khổ/lạc hiện tại (Khổ đế) sanh khởi Nghiệp mới (khổ Tập đế). Có thể biểu thị bằng mũi tên như sau:

Danh Sắc ➢ Lục nhập ➢ Xúc ➢ Thọ ➢ Ái ➢ Thủ ➢ Hữu

Có thể phân chia thành Quả khổ/lạc hiện tại gồm các duyên: **Danh Sắc ➢ Lục nhập ➢ Xúc ➢ Thọ** và Nghiệp mới gồm các duyên: **Ái ➢ Thủ ➢ Hữu.**

Phần 3:

Phần này diễn tả Nghiệp mới (khổ Tập đế) sanh khởi Quả khổ/lạc tương lai (Khổ đế). Có thể biểu thị bằng mũi tên như sau:

Ái ➢ Thủ ➢ Hữu ➢ Sanh ➢ Già chết, sầu bi, khổ ưu não.

Có thể phân chia thành Nghiệp mới gồm các duyên: **Ái ➢ Thủ ➢ Hữu** và Quả khổ/lạc tương lai gồm các duyên: **Sanh ➢ Già** chết, sầu bi, khổ ưu não.

Trong ba phần mà Phần 2 này rất quan trọng vì Nghiệp mới sanh khởi hay không là tùy vào người học Phật khi sanh ra đời này có Chánh kiến hay không, nếu có thì luân hồi chấm dứt, nếu không có Chánh kiến thì tiếp tục có nghiệp mới. Chúng ta cần tìm hiểu rốt ráo phần này.

Tôi xin phân tích, giải thích Phần 1, Phần 2 và Phần 3 dựa vào năm bộ Kinh Nikaya mà tôi đã học, đã suy tư, đã chiêm nghiệm từ năm 2009 cho đến nay. Tôi hy vọng có thể giúp người học Phật sáng tỏ phần nào về 12 Nhân Duyên.

Phần I
KHỔ THÁNH ĐẾ VÀ KHỔ TẬP THÁNH ĐẾ

Có bảy duyên biểu thị bằng mũi tên như sau:

Vô minh ➢ Hành ➢ Thức ➢ Danh Sắc ➢ Lục nhập ➢ Xúc ➢ Thọ

Phần 1 gồm có 2 chương:

Chương 1: Nghiệp cũ gồm các duyên: **Vô minh ➢ Hành ➢ Thức**

Chương 2: Quả khổ/lạc hiện tại gồm các duyên: **Danh Sắc ➢ Lục nhập ➢ Xúc ➢ Thọ**

CHƯƠNG 1: NGHIỆP CŨ

Sự kiện là chúng ta đang có quả khổ/lạc hiện tại đang xảy ra. Người học Phật cần nhận biết rằng những quả khổ/lạc này sanh khởi do những hành động đã tạo trong quá khứ. Khi nghiệp cũ còn thì quả khổ/lạc cũng còn, khi nghiệp cũ hết thì quả khổ/lạc cũng chấm dứt. Nhưng thế gian không biết khi có quả khổ thì tìm kiếm cách này, cách nọ để chấm dứt khổ nhưng khổ không hết do nghiệp cũ vẫn còn. Khi nào nghiệp cũ hết thì cảm thọ khổ sẽ hết. Nghiệp cũ là những hành động thuộc về ý, thuộc về thân, thuộc về khẩu đã tạo rồi không thể thay đổi

được. Khi nó chín muồi thì quả khổ xảy đến dù cho Đức Phật nào, Bồ Tát nào cũng không cứu được. Có nhiều câu chuyện trong Kinh Tiểu bộ kể rằng dòng họ Thích Ca bị vua Lưu Ly giết khi quả đã trổ mà Ngài không cứu được. Còn ngài Mục Kiền Liên bị ngoại đạo giết mặc dù ngài có đại thần thông do quả chín muồi. Đức Phật chỉ giúp chúng sanh biết Tứ Thánh Đế sẽ thoát khổ chứ Ngài không ban phước cho ai, không cho tài sản. Những chuyện cầu xin Phật này Phật kia cứu giúp trái với Định Lý Duyên khởi.

Phần 1 này giúp người học Phật biết được những gì đang xảy ra trong hiện tại. Tất cả đều có nguyên nhân do trong kiếp trước đã tạo ra nhưng chúng ta không nhớ lại được. Ngay trong kiếp sống hiện tại có những hành động đã tạo ra mà chúng ta còn không nhớ huống chi kiếp trước.

Những quả khổ/lạc hôm nay chúng ta nhận lãnh do nghiệp cũ sanh khởi chứ không phải ngẫu nhiên. Nếu người học Phật nhận ra chân lý này sẽ không oán hận những quả khổ xảy đến và không say đắm những quả lạc mà chúng ta có được. Như vậy tâm sẽ giải thoát khỏi các kiết sử.

CHƯƠNG 2 VÀ CHƯƠNG 3: DIỄN TẢ QUẢ KHỔ/LẠC HIỆN TẠI SANH NGHIỆP MỚI

Có tất cả bảy duyên có thể biểu thị bằng mũi tên như sau:

Danh Sắc ➢ Lục nhập ➢ Xúc ➢ Thọ ➢ Ái ➢ Thủ ➢ Hữu

Chương 2: Quả khổ/lạc hiện tại gồm các duyên **Danh Sắc ➢ Lục nhập ➢ Xúc ➢ Thọ**

Chương 3: Nghiệp mới gồm các duyên **Ái ➢ Thủ ➢ Hữu**

Quả khổ/lạc hiện tại đã trình bày trong Chương 2 khá chi tiết. Dưới đây bốn duyên này sẽ được chứng minh rằng chúng thuộc về hiện tại:

1. Duyên Danh sắc

Duyên Danh Sắc đã trình bày khá chi tiết trong Chương 2 nhưng ở đây sẽ dẫn xuất nguồn gốc kinh nói về Danh sắc.

Trong Kinh Trung Bộ số 38 có đoạn viết như sau:

Này các Tỳ-kheo, có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình: ở đây, cha mẹ có giao hợp và người mẹ không trong thời có thể thụ thai, và hương ấm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Ở đây, cha và mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, nhưng hương ấm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Và này các Tỳ-kheo, khi nào cha mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương ấm có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy, thì bào thai mới thành hình.

Danh sắc gồm có Sắc và Tâm, dựa vào đoạn kinh trên cho biết rằng Sắc chính là tinh trùng của người cha và trứng của người mẹ, Tâm chính là thức gọi là hương ấm. Duyên Danh sắc rất vi tế mắt thường không thấy chỉ có Thiên nhãn minh sẽ thấy được Danh sắc. Phần này chúng ta được biết do Đức Phật nói trong kinh mà chúng ta biết thôi.

2. Duyên Lục nhập

Duyên Lục nhập đã trình bày khá rõ ràng nhưng ở đây sẽ dẫn xuất nguồn gốc sanh khởi sáu nội xứ và sáu ngoại xứ.

Trung Bộ kinh số 38 có viết như sau:

"Rồi này các Tỳ-kheo, người mẹ trong chín hay mười tháng mang bào thai ấy, với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Rồi này các Tỳ-kheo, sau chín hay mười tháng, người mẹ sinh đẻ với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Khi đã sinh, người mẹ nuôi hài nhi ấy với máu của mình. Này các Tỳ-kheo, trong luật của bậc Thánh, sữa của bà mẹ được xem là máu".

Trong thời gian, bào thai trong bụng mẹ phát triển sáu nội xứ và sau khi ra khỏi bụng mẹ có đầy đủ sáu nội và sáu ngoại xứ.

Có thêm duyên sáu thức hiện tại.

3. Duyên Thức hiện tại

Duyên Thức hiện đã trình bày trong chương 2, ở đây dẫn xuất nguồn gốc kinh để chứng minh rằng Thức sanh khởi là duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ.

Trong Kinh Trung Bộ số 38 có đoạn viết như sau:

Này các Tỳ-kheo, do duyên mà thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức. Này các Tỳ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi. Duyên vỏ gỗ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vỏ bào. Duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ. Duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò. Duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là

lửa trấu. Duyên đống rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đống rác. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, do duyên, thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên và tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

Dựa vào đoạn kinh trên cho biết rằng Thức do duyên mà sanh khởi. Tuy nhiên để hiểu Thức do duyên sanh vô cùng khó vì có nhiều học viên không hiểu "Thức do duyên sanh "nên tôi đã giải thích vài lần mới hiểu được. Tôi đã giải thích "Thức" khá rõ ràng phần đầu cuốn sách này. Tôi xin tóm tắt Thức như sau.

Duyên mắt và các sắc sanh khởi Nhãn thức có nghĩa là thức chỉ sanh khởi khi có 2 điều kiện: Mắt và các sắc, nếu thiếu 1 trong 2 điều thì thức không sanh khởi. Tất cả sáu cái biết lệ thuộc vào sáu ngoại xứ và sáu nội xứ. Thức không thể độc lập nên muốn có cái biết phải cần cả nội xứ và ngoại xứ. Như vậy có thể hiểu Thức có hai thành phần: Thành phần thứ nhất là mắt, chính mắt là cơ quan giúp tâm hiển lộ ra và thâu cảnh sắc đưa vào tâm. Nói đơn giản có thể mắt là nơi tâm biểu lộ ra, chỉ đại diện cho những ảnh của cảnh sắc không phải thật.

Thành phần thức hai là cảnh sắc bên ngoài là thật.

Khi nào có ảnh cảnh sắc tương ứng với cảnh sắc thật tức thì nhãn thức sanh khởi. Có thể nói ảnh cảnh sắc không sờ chạm được ví như là phần mềm (software) và cảnh sắc có thể sờ

chạm được ví như phần cứng (hardware). Tương tự như máy vi tính cần cả phần mềm và phần cứng. Máy vi tính mới hoạt động được.

Phần mềm có thể hiểu như tâm và cảnh bên ngoài như vật chất. Sự sống con người cần cả tâm và vật. Cái biết cần cả tâm và cảnh vật.

Khi mắt không có thì tâm không hiển lộ được nên cái biết cũng không sanh khởi hoặc có mắt tức là có tâm mà không có cảnh vật thật thì nhãn thức không sanh khởi.

Tương tự cho Nhĩ thức. Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức cũng giống như Nhãn thức.

Nếu người học Phật không tìm hiểu duyên Thức cho rốt ráo thì sẽ không thể nào hiểu được 12 Nhân duyên. Vì vậy chúng ta phải cố gắng.

Một đoạn kinh khác cho biết Thức sẽ phát triển theo thời gian.

Này các Tỳ-kheo, đứa trẻ ấy, sau khi lớn lên, sau khi các căn đã thuần thục, chơi với những trò chơi dành cho các đứa trẻ, như với cái cày nhỏ, chơi khăn, chơi nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ đong bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ.

Sau khi có sáu nội xứ và sáu ngoại xứ, cả hai duyên với nhau sanh khởi sáu cái biết. Từ khi đứa bé ra khỏi bụng mẹ, có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý duyên với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh khởi sự hiểu biết nên biết chơi nhảy, lộn nhào v.v...

Sáu thức hiện tại rất quan trọng, thức này lúc ban đầu biết đơn sơ từ từ thuần thục. Do đó càng lớn lên, sự hiểu biết sẽ chín chắn, rõ ràng còn gọi là kinh nghiệm sống. Do duyên sáu nội xứ với sáu ngoại xứ sanh khởi sáu cái biết, là điểm bắt đầu sẽ khởi sinh quả lạc hay quả khổ về sau. Người nào tiếp xúc với sáu cảnh nhiều sẽ sanh khởi biết nhiều đồng nghĩa về sau sẽ đau khổ nhiều hay hạnh phúc nhiều.

4. Duyên Xúc

Duyên Xúc đã trình bày rõ ràng nhưng ở đây sẽ dẫn xuất nguồn gốc kinh nói về Duyên Xúc.

Trong Kinh Trung Bộ số 148 có đoạn viết như sau:

"Khi được nói đến: "Sáu nội xứ cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Khi được nói đến: "Sáu nội xứ cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ nhất.

Khi được nói đến: "Sáu ngoại xứ cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ. Khi được nói đến: "Sáu ngoại xứ cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ hai.

Khi được nói đến: "Sáu thức thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Khi

được nói đến: "Sáu thức thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ ba.

Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ tư.

Dựa vào đoạn kinh trên, trước khi có duyên Xúc, duyên sáu nội xứ và sáu ngoại xứ sanh khởi sáu thức. Sau đó do sự gặp ba pháp: Sáu nội xứ, sáu ngoại xứ, sáu thức gọi là sáu xúc. Người học Phật cần tìm hiểu rốt ráo duyên Xúc sẽ biết khi nào duyên Thọ sanh khởi. Ngược lại nếu không biết rõ sẽ không nhận ra khi nào duyên thọ sanh khởi thì ái sẽ sanh khởi.

5. Duyên Thọ

Duyên thọ đã được nói khá rõ trong Chương 2, ở đây sẽ dẫn xuất nguồn gốc sanh khởi duyên Thọ.

Trong Kinh Trung Bộ 38 - Đoạn Tận Ái có viết như sau:

"Này các Tỳ-kheo, đứa trẻ sau khi lớn lên, sau khi các căn do mắt nhận thức, được thuần thục, thọ hưởng đầy đủ năm món dục lạc; các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả

hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân cảm xúc; các xúc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục".

Ví dụ này cho biết đứa trẻ trước hết có sáu thức sanh khởi sáu xúc, rồi sanh khởi sáu thọ.

Kinh Trung Bộ số 148 có viết như sau:

Khi được nói đến: "Sáu thọ thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Khi được nói đến: "Sáu thọ thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ năm."

Dựa vào đoạn kinh trên cho biết tiến trình sanh duyên Thọ như sau:

Lục nhập ➤ Sáu Thức hiện tại ➤ Sáu Xúc ➤ Sáu Thọ.

Như vậy duyên lục nhập, duyên sáu thức, duyên sáu xúc, duyên sáu thọ. Chúng tự động sanh khởi mà chúng ta không làm gì được nên gọi là quả khổ/lạc hiện tại. Duyên Thọ là điểm nổi bật nhất vì cho chúng ta biết cảm thọ khổ hay cảm thọ lạc còn các duyên kia chưa rõ ràng.

6. Phân tích kỹ từ duyên Lục nhập cho đến duyên Thọ

Duyên Lục nhập là đầu vào và duyên Thọ là đầu ra. Người học Phật cần nhận biết tại sao gọi duyên Lục nhập là đầu vào và duyên Thọ là đầu ra. Người học Phật cần quan sát và chiêm nghiệm tiến trình này một thời gian sẽ giác ngộ vì sao có ba cảm thọ: Thọ lạc, thọ khổ, thọ bất khổ bất lạc. Ba cảm thọ này dẫn đến thọ khổ cuối cùng.

Tiến trình đầu vào là Lục nhập và đầu ra là Thọ, Ái

Lục nhập ➢ Sáu Thức hiện tại ➢ Sáu Xúc ➢ Sáu Thọ ➢ Ái

Tìm hiểu ý nghĩa đầu vào là gì

Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý là sáu nơi để tiếp nhận hay thâu vào các thông tin về Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp đưa vào tâm để sanh khởi ra sáu cái biết: Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức. Thức là một trong bốn loại thức ăn dẫn đến luân hồi. Đây là lý do tại sao Đức Phật không dạy những pháp gì không thuộc về Tứ Thánh Đế vì những pháp ấy là những hiểu biết không giải thoát.

Nếu không nhập hay không thâu sáu cảnh đưa vào tâm sẽ không có thức sanh khởi, sẽ không có xúc sanh khởi, sẽ không có thọ sanh khởi, sẽ không có ái (Nghiệp mới) sanh khởi.

Nếu người học Phật mà Vô minh nhập nhiều kinh sách không liên hệ Tứ Thánh Đế sinh ra Thức hiện tại thì đầu ra là Thọ lạc dẫn đến Tham Ái dẫn đến Thủ nên phải tái sanh lại trong thế gian để hưởng quả khổ/lạc do Nghiệp mới sanh khởi.

Tuy nhiên người học Phật cần phân biệt sáu cảnh mới và sáu cảnh cũ.

Sáu cảnh mới

Lần đầu tiên Mắt nhập cảnh sắc gọi là cảnh sắc mới tức là tâm sẽ lưu lại ảnh sắc trong tâm và khi duyên với cảnh sắc lần thức hai sẽ sanh khởi Nhãn thức tiếp tục duyên với cảnh sắc lần thức ba sẽ sanh khởi xúc và sanh khởi Thọ tức thì. Người học Phật cần phòng hộ mắt không nên nhập thông tin về cảnh sắc mới nữa vì đây là đầu vào sẽ sanh khởi đầu ra duyên Thọ, duyên Ái.

Tương tự cho Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý cũng giống như Mắt vậy.

Ngày nay có nhiều thông tin cảnh sắc mới trên internet (mạng) như: kinh sách, phim ảnh trên youtube… không liên hệ Tứ Thánh Đế. Đây là lần đầu tiên nhập vào mắt, cần dừng lại, nếu tiếp tục đến lần hai, lần ba sẽ sanh khởi đầu ra là thọ, ái thì khó trừ khử.

Bước đầu học Phật cần nhập những thông tin cần thiết như Tứ Thánh Đế, Lý Duyên Khởi, Lý Duyên Diệt, Bát Thánh đạo và một số bài kinh trong hệ Kinh Nikaya, sẽ sanh khởi lạc và ái. Nhưng khi giác ngộ Tứ Thánh Đế thì sự chấp thủ về Kinh Nikaya không còn nữa. Có thể hiểu Tứ Thánh Đế ví như thuyền qua sông vậy. Nếu nhập những kinh sách không liên hệ Tứ Thánh Đế thì sanh khởi lạc, ái và kiến thủ nên phải luân hồi tiếp.

Tuyệt đối người học Phật cố gắng không nhập bất cứ kinh sách nào mới mà không liên hệ đến Tứ Thánh Đế mà Khổ Tập

là Lý Duyên khởi, khổ diệt là Lý duyên diệt, khổ diệt đạo là Bát Thánh đạo.

Sáu cảnh cũ

Khi mắt nhập cảnh sắc lần thức ba, lần thức ba trở lên không gọi là mới nữa mà gọi là cũ. Chúng ta đã thâu những cảnh bên ngoài từ lúc nhỏ cho đến trưởng thành nhiều lần nên đã có bốn thủ. Người học Phật đã chấp thủ và muốn xoá thủ cần có thời gian.

Làm thế nào để xóa tan những chấp thủ cũ cần quan sát tiến trình sau đây:

Lục nhập ➢ Sáu Thức hiện tại ➢ Sáu Xúc ➢ Sáu Thọ ➢ Ái ➢ Thủ

Lần một nhập chỉ mới thu vào cảnh bên ngoài, lần hai thu vào một lần nữa mới sanh khởi sáu Thức, đến khi thu lần ba mới sanh ra duyên Xúc rồi sanh khởi thọ lạc tiếp theo Ái, Thủ.

Chu kỳ của cảnh Sắc, cảnh Thanh, cảnh Hương, cảnh Vị, cảnh Xúc, cảnh Pháp sẽ khác nhau. Vì vậy lần một, lần hai, lần ba chỉ thu vào một phần cảnh Sắc, cảnh Thanh,… cảnh Pháp sanh khởi sáu cái biết của mặt phải, sáu cảnh thuộc về giai đoạn đầu sẽ sanh khởi sáu Thọ lạc, sáu Ái, bốn Thủ. Để Ái, Thủ diệt, người học Phật cần thu vào mặt trái của sáu cảnh sẽ sanh khởi sáu thức giai đoạn cuối, sanh khởi sáu Thọ khổ. Nếu người học Phật cần nhận ra giai đoạn đầu sanh khởi Ái, Thủ do Thọ lạc và giai đoạn cuối sanh khởi Thọ khổ. Tâm sẽ không còn dính mắc vào sáu cảnh nữa gọi là tâm giải thoát. Nhưng do Vô minh tâm khởi ra, đi tìm sáu cảnh mới (lạ) để nhập tiếp làm sanh khởi thức mới hoặc tiếp xúc những đối tượng khác có hỷ lạc rồi ái thủ nữa để luân hồi.

Từ lúc nhập sáu cảnh sanh khởi sáu thức thuộc về mặt phải cho đến khi thâu vào sáu cảnh của mặt trái sẽ sanh khởi sáu thức, sáu xúc, sáu thọ khổ có thể là năm năm, mười năm hay cả cuộc đời vì chu kỳ của sáu cảnh không cố định. Nhất là nhập kinh sách không liên hệ đến Tứ Thánh Đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo thì cần phải thấy mặt trái của kinh sách đó rất khó nên hầu hết không có mấy người buông bỏ kiến thủ được.

Người học Phật cẩn thận không nhập vào tâm những kinh sách không liên hệ Tứ Thánh Đế, nếu nhập thì sẽ sanh khởi kiến thủ phải đi luân hồi lâu dài. Vì vậy người chứng bậc Thánh Dự lưu diệt kiến thủ đầu tiên còn dục thủ (tham, sân) diệt sau.

Thời kỳ này Tà kiến phát triển rất mạnh nên đa số thích nghe Tà kiến chỉ có một số ít nghe được Chánh kiến (nghe Tứ Thánh Đế). Người học Phật cần quan sát và chiêm nghiệm từ lúc thâu sáu cảnh sanh khởi sáu thức, sanh khởi sáu xúc, sáu thọ, sáu ái, bốn thủ và tiếp tục quan sát, chiêm nghiệm khi tâm thâu vào mặt trái của sáu cảnh. Khi thức ban đầu thuộc về mặt phải gọi là (+) và thức mặt trái cuối cùng gọi là (-). Như vậy thức sẽ zero (= 0), khi xúc lại với cảnh cũ tâm sẽ không còn ái, thủ nữa. Tuy nhiên do Vô minh khởi nhập cái mới hay xúc những cái mới có hỷ lạc nên Tham ái đi luân hồi tiếp.

Tu là chỉ quan sát và chiêm nghiệm tiến trình đã trình bày ở trên và sau một thời gian trí tuệ sanh khởi là tất cả cảm thọ lạc nào cũng đưa đến thọ khổ. Thấy biết như vậy trong tương lai có những cảm thọ lạc không dính mắc, sẽ có Tuệ giải thoát (hãy đọc thêm Kinh Trung Bộ số 74,145, 148.)

Kết luận

Nhiều người học Phật ngày nay do không biết nên nhập nhiều thông tin về đạo Phật trên youtube, facebook sẽ sanh khởi sáu cái biết. Do vậy phải đi luân hồi lâu dài.

Thấy Lý Duyên khởi sẽ biết rằng Lục nhập, Thức hiện tại, Xúc, Thọ là quả. Như vậy dựa vào người học Phật nhập gì từ khi lọt khỏi bụng mẹ cho đến trưởng thành sẽ biết rằng Chánh kiến hay Tà kiến.

Định nghĩa Chánh kiến trong Kinh Nikaya như sau:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh tri kiến? Này các Tỳ-kheo, chính là trí về khổ, trí về khổ tập, trí về khổ diệt, trí về con đường đưa đến khổ diệt. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là chánh tri kiến. - Tương Ưng Bộ Kinh, Tập V. Thiên Đại Phẩm, Chương Tương Ưng Đạo.

Thế nào là Minh?

"Minh, minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là minh? Và cho đến như thế nào là đi đến minh?

Này Tỷ-kheo, chính là rõ biết Khổ, rõ biết Khổ tập, rõ biết Khổ diệt, rõ biết Con Đường đưa đến Khổ diệt. Này Tỷ-kheo, đấy gọi là minh. Cho đến như vậy là đi đến minh.

Thế nào là Vô minh?

"Vô minh, vô minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Và cho đến như thế nào là đi đến vô minh (avijjàgato)?

Này Tỷ-kheo, chính là không rõ biết Khổ, không rõ biết Khổ tập, không rõ biết Khổ diệt, không rõ biết Con Đường đưa đến

Khổ diệt. Này Tỷ-kheo, đấy gọi là vô minh. Cho đến như vậy là đi đến vô minh. - Tương Ưng Bộ V, Vô Minh - Minh (S.v,429)

Dựa vào những định nghĩa trên có thể thấy rằng chỉ khi người học Phật biết rõ Tứ Thánh Đế mới là Chánh Kiến. Ngày nay thông tin về Tà kiến quá nhiều, nhiều người học Phật đã nhập từ nhỏ cho đến khi khôn lớn nên không làm sao thay đổi hay giúp đỡ họ được do nghiệp cũ Tà kiến sâu dày. Dù rằng Tứ Thánh Đế vẫn còn lưu giữ trong năm bộ Kinh Nikaya nhưng biết vậy, thấy vậy nên không phiền muộn và thản nhiên trước những quả báo của họ.

7. Nghiệp mới sanh khởi hay không sanh khởi

Nghiệp mới được biểu thị bằng mũi tên như sau:

Lục nhập ➢ Sáu Thức hiện tại ➢ Sáu Xúc ➢ Sáu Thọ ➢ Ái

Lục nhập tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Những pháp này vô thường, biến đổi liên tục, cuối cùng là mất đi. Như vậy dẫn đến sáu thức hiện tại biến đổi, vô thường sẽ đưa đến sáu xúc vô thường, biến đổi. Cuối cùng là sáu thọ vô thường, biến đổi.

Có nhãn thọ, nhĩ thọ, tỷ thọ, thiệt thọ, thân thọ, ý thọ nhưng mỗi thọ có ba thọ: thọ lạc, thọ khổ, thọ bất khổ bất lạc. Thọ vô thường là sao?

Duyên nhãn xúc sanh khởi nhãn thọ lạc mà nhãn xúc vô thường thì nhãn thọ lạc sẽ vô thường, sẽ chuyển qua thọ khổ hay thọ bất khổ bất lạc. Như vậy nhãn thọ lạc mất đi biến qua thọ khổ. Đây là khe hở giúp người học Phật giác ngộ rằng Thọ lạc vô thường, không có thường hằng. Nếu vị nào thấy chỗ

này trong tương lai thọ lạc sanh khởi mà không ái thì sanh tử chấm dứt.

Người học Phật cần quan sát nhiều khi duyên lục nhập biến đổi dẫn đến thức biến đổi dẫn đến xúc biến đổi dẫn đến thọ biến đổi. Quan sát tiến trình này một thời gian, quý vị sẽ nhận ra rằng hạnh phúc nào cuối cùng cũng đưa đến đau khổ. Nhờ biết vậy, thấy vậy mà nhàm chán duyên thọ lạc

Từ Duyên Thọ có hai hướng đi sau đây:

❖ Hướng đi giải thoát, Niết bàn, đoạn tận ái.

❖ Hướng đi luân hồi do tạo nghiệp mới.

Chánh kiến

Chánh kiến do nhập cảnh sắc qua mắt đọc

Những lời Đức Phật được lưu trữ dưới dạng ký tự gọi là Sắc. Có năm bộ Kinh Nikaya được ký tự bằng ngôn ngữ Pali và được Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch ra tiếng Việt sát nghĩa ban đầu. Trong Kinh Nikaya có định nghĩa về Chánh kiến và Minh như sau:

"Minh, minh", bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là minh? Và cho đến như thế nào là đi đến minh?

Này Tỳ-kheo, chính là rõ biết Khổ, rõ biết Khổ tập, rõ biết Khổ diệt, rõ biết Con Đường đưa đến Khổ diệt. Này Tỳ-kheo, đấy gọi là minh. Cho đến như vậy là đi đến minh.

Thế nào là Chánh tri kiến?

Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy

gọi là chánh tri kiến. - Tương Ưng Bộ V, Vô Minh - Minh (S.v,429)

Chánh kiến do nhập cảnh thanh qua tai nghe

Do tai nhập những lời giảng thuộc Tứ Thánh Đế và suy tư, chứng nghiệm Tứ Thánh Đế

Nghiệp mới không sanh khởi dẫn đến giải thoát hoàn toàn

Phần 2: **Danh Sắc ➢ Lục nhập ➢ Xúc ➢ Thọ.**

Nếu người học Phật biết rõ Phần 2 đồng nghĩa đã có Chánh kiến tức là có Minh sanh nên Vô minh diệt. Nhất là duyên Thọ gồm có: Thọ lạc, thọ khổ, thọ bất khổ bất lạc là cạm bẫy để sanh khởi Nghiệp mới. Do có Minh sanh nên không rơi vào bẫy sập nữa đồng nghĩa sanh tử chấm dứt.

Hướng đi giải thoát cần có Chánh kiến mà người học Phật đã từng có Chánh kiến trong những kiếp sống trong quá khứ. Khi được sanh ra trong kiếp sống hiện tại này, tâm sẽ tương ứng cảnh sắc là những kinh sách thuộc về Chánh kiến. Nếu đọc kinh sách thuộc về Tà kiến, Tâm của vị ấy sẽ không tương ứng và từ chối Tà kiến.

Dẫn xuất nguồn gốc kinh có Thọ mà không Ái

Trong Kinh Trung Bộ số 38 có viết như sau:

Khi vị ấy thấy sắc bằng mắt, vị ấy không tham ái đối với sắc đẹp, không ghét bỏ đối với sắc xấu, vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy từ bỏ

(thuận nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt. Do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Ngay duyên Thọ mà Minh sanh thì Ái diệt hết khổ đau.

Tà kiến

Tà kiến do nhập cảnh sắc qua mắt đọc

Kinh sách ngày nay do hậu thế viết xuống giấy bằng ký tự nên kinh sách thuộc loại này, hầu hết thuộc loại Tà kiến vì những lý do sau đây:

- Vào thời Đức Phật những lời dạy chỉ là âm thanh do người nghe đã có tu nhiều kiếp, không có dục nhiều. Khi nghe Phật là họ thuộc liền. Sau một thời gian dài chưa viết xuống giấy, số người học Phật có dục nhiều, nhớ không đầy đủ nên hiểu sai lời Phật rồi sáng tạo những kinh sách diễn dịch sai.

- Năm bộ Kinh Nikaya được viết xuống lá bối, có lẽ không có nhiều người đọc hết mà chỉ đọc được một số bài kinh nên đã hiểu sai lời Phật dạy và viết sách giải thích sai.

- Thuộc nhớ năm bộ kinh đã khó, suy tư lại càng khó và thực hành chứng ngộ càng khó hơn cho nên đã sáng tạo nhiều kinh sách dán nhãn hiệu Đức Phật thuyết lưu lại hậu thế.

Kinh sách thuộc về cảnh sắc nên nhập cái gì thường sẽ tin cái đó. Người học Phật nhập kinh sách Tà kiến do kiếp trước Tà kiến nên rất khó nhập được Chánh kiến. Hơn nữa kinh sách quá nhiều, có bao nhiêu người học Phật nhận ra kinh sách nào là Tà kiến hay Chánh kiến. Hậu thế sáng tạo kinh sách luôn luôn dán nhãn hiệu Đức Phật thuyết nên ai cũng tin theo.

Do kiếp trước có Tà kiến nên khi sanh ra đời chỉ tương ứng với kinh sách Tà kiến. Vì vậy khi lọt lòng mẹ cho đến khi khôn lớn chỉ nhập kinh sách Tà kiến đưa vào tâm và tin là mình đang theo Chánh kiến. Hơn nữa thời kỳ này dục thịnh nên kinh sách Tà kiến đầy dẫy trên thế gian.

Tà kiến do nhập cảnh Thanh qua tai nghe

Ngày nay những bài giảng Phật Pháp trên youtube, facebook, zoom, meet rất nhiều. Rất nhiều bài giảng là Tà kiến, người học Phật sinh vào thời kỳ này không dễ nhận ra lời giảng nào là Chánh kiến hay Tà kiến, mà chỉ nghe những gì phù hợp với thông tin đã có từ kiếp trước .

Thanh là âm thanh hiện tại do nghiệp cũ sanh khởi. Quá khứ nghe Tà kiến nhiều nên sanh ra kiếp này chỉ tương ứng âm thanh nói về Tà kiến. Ngày nay người có Chánh kiến vô cùng hiếm.

Những người học Phật không biết rõ nghiệp cũ sanh khởi quả khổ/lạc hiện tại và không giác ngộ duyên Thọ tức là Vô minh. Từ duyên Thọ sanh khởi sáu Ái nên Thủ sanh khởi, Hữu sanh khởi.

Có nghiệp mới sẽ đi luân hồi khi thân hoại mạng chung.

Dẫn xuất nguồn gốc kinh cho biết khi hoan nghênh duyên Thọ thì luân hồi

Trong Kinh Trung Bộ số 38 có viết như sau:

Khi thấy sắc bằng mắt, người đó tham ái đối với sắc đẹp, người đó ghét bỏ đối với sắc xấu, người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch) có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước thọ ấy. Vì tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy, nên dục sanh hỷ, có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy nên dục hỷ sanh. Có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ. Do duyên thủ nên hữu sanh; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Khi người đó nghe tiếng với tai... khi người đó ngửi hương với mũi... khi người đó nếm vị với lưỡi... khi người đó cảm xúc với thân... khi người đó nhận thức pháp với ý, người đó tham ái đối với pháp tốt, ghét bỏ đối với pháp xấu. Người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không còn dư tàn. Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ. Người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy. Vì người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy nên dục hỷ sanh. Có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy,

tức là chấp thủ. Do duyên thủ nên hữu sanh; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Đoạn kinh trên cho biết do Vô minh trước duyên Thọ lạc hay thọ Khổ mà Ái sanh khởi tức là có dính mắc vào đối tượng.

Nghiệp mới chính là Ái dẫn đi luân hồi

Phần 2: **Danh Sắc ➢ Lục nhập ➢ Xúc ➢ Thọ ➢ Ái ➢Thủ ➢ Hữu**

Do không biết rõ Phần 2 nên người học Phật đã rơi vào bẫy sập duyên Thọ và phải đi luân hồi để đau khổ tiếp.

Đa số người học Phật sanh vào thời kỳ này, có nhiều dục lạc và có nhiều kiến thức đồng nghĩa quá khứ đã có Tà kiến nên tâm những vị ấy tương ứng kinh sách thuộc về Tà kiến.

8. Kết luận

Tôi đã nghe hay đọc nhiều Kinh Trung Bộ và Kinh Tương Ưng Bộ nên đã nhận ra chính quả khổ/lạc hiện tại có thể sanh khởi nghiệp mới. Nếu chúng ta sanh ra đời nhập kinh sách Tà kiến thì vô minh sanh khởi Ái sanh khởi nên phải tái sanh lại. Nếu chúng ta sanh ra đời nhập kinh sách Chánh kiến thì minh sanh khởi, Ái không sanh khởi nên không còn luân hồi. Người học Phật cần quan sát và chiêm nghiệm Phần 2 này nhiều ngày, nhiều năm sẽ có tuệ giải thoát. Tu là quan sát và chứng nghiệm những gì đang xảy ra hằng ngày và khi trí tuệ sanh khởi sẽ buông hết như trong Kinh Nikaya có vị cư sĩ hay vị tỳ kheo lắng nghe Đức Phật giảng và chứng nghiệm những ngôn từ Đức Phật mà ngộ ra và chứng Thánh. Từ ngữ "Tu" mà nhiều người học Phật ngày nay hiểu sai và cho rằng cần thực

hành theo một khuôn mẫu nào đó do người sau sáng tạo chứ không phải Đức Phật dạy.

Tiến trình duyên khởi như sau: *"Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt."*

Bước đầu quan sát và chiêm nghiệm định lý *"Do cái này sanh, cái kia sanh"* nhiều ngày nhiều tháng, nhiều năm sẽ có trí tuệ như sau: *"Do cái này diệt, cái kia diệt"* có nghĩa là diệt điểm đầu tiên tức là cái này diệt thì cái kia diệt. Giác ngộ được tiến trình này tâm không còn sanh khởi ra Tham, Sân, Si nên giải thoát khỏi các kiết sử.

Quan sát Lục nhập, thức, xúc, thọ nhiều năm sẽ nhận ra rằng thọ lạc nào cũng đưa đến thọ khổ nên giác ngộ không nhập sáu cảnh thì sẽ chấm dứt sanh tử còn những chấp thủ cũ do nhập lúc trước cần phải trải nghiệm cảm thọ khổ sẽ mất, nếu chưa có thọ khổ thì thủ chưa hết. Đây là lý do mà người học Phật không nên nhập những cảnh mới lần đầu nữa. Có nhiều người trẻ không biết nhập những cái mới sẽ sanh khởi ái, thủ rồi khó buông xả vô cùng phải tiếp tục tái sanh.

CHƯƠNG 3 VÀ CHƯƠNG 4: DIỄN TẢ NGHIỆP MỚI SANH QUẢ KHỔ TƯƠNG LAI

Có tất cả năm duyên được biểu thị bằng mũi tên như sau:

Ái ➢ Thủ ➢ Hữu ➢ Sanh ➢ Già chết, sầu bi, khổ ưu não

Vô minh tham đắm duyên thọ lạc nên ái sanh khởi dẫn đến thủ sanh khởi, hữu sanh khởi và sanh, già chết sanh khởi.

Nghiệp mới có **Ái ➤ Thủ ➤ Hữu**

Khi duyên Ái sanh khởi tự động sanh khởi bốn thủ: Dục thủ, Kiến thủ, Ngã luận thủ, Giới cấm thủ sẽ hình thành Dục hữu, Sắc hữu, Vô sắc hữu. Như vậy chúng ta đang sống hiện tại luôn luôn có Ái (tham, sân, si) tự động giữ chặt sự ham muốn, giữ chặt quan điểm, nắm giữ về cái tôi, nắm chặt về giới cấm. Sau khi nắm giữ chặt đang hình thành vào cõi dục giới, vào cõi sắc giới, vào cõi vô sắc giới. Khi hành quá khứ hết tức thì sanh vào các cõi khác liền.

Người học Phật nào biết rõ: **Vô minh ➤ Hành ➤ Thức ➤ Danh Sắc ➤ Lục nhập ➤ Xúc ➤ Thọ**

Có nghĩa là biết rõ rằng những hạnh phúc hay đau khổ trong đời sống hiện tại do những nghiệp cũ đã từng tạo ra. Nhờ biết vậy bây giờ không tạo nghiệp mới sẽ không còn khổ đau nữa. Nhưng có mấy ai trên đời thấy được chân lý này vì vậy tiếp tục vô minh, tham ái, phải luân hồi và đau khổ dài lâu.

Phần II
DIỆT KHỔ VÀ CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ

Phần này gồm có Diệt khổ và Con đường dẫn đến Diệt khổ. Có nhiều người học Phật hiểu lầm Diệt khổ và con đường dẫn đến Diệt khổ.

Thông thường người học Phật hiểu lầm có sự khác nhau giữa khổ Diệt và con đường khổ Diệt. Thật ra khổ Diệt là đối nghịch với khổ Tập nhưng khổ Tập là 12 Nhân duyên gọi là Tà đạo nên có Khổ Diệt Đạo đối nghịch lại gọi là Chánh đạo. Như vậy Khổ Diệt là ngược với Khổ Tập hoàn toàn gọi là Niết bàn. Để đối trị nhiều nguyên nhân khác nhau nên có con đường Diệt khổ để đoạn tận những nguyên nhân này.

Bát Thánh đạo là con đường Diệt khổ gồm có tám chi phần để diệt tất cả các nguyên nhân khổ có thể có và thực hành chi phần nào sẽ thành tựu và có kết quả chi phần đó.

Chương 1
CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN KHỔ DIỆT

1. Chánh Kiến ngược lại Tà kiến

Người học Phật cần biết Tà kiến là gì, sau đó thực hành ngược lại là thực hành Chánh kiến viên mãn thì Tà kiến biến mất.

Tà là lạc đường hay sai đường, còn kiến là chỉ cho mắt thấy. Kết hợp lại Tà và Kiến có nghĩa là thấy sai đường hay thấy sai.

Mắt thấy là gì? Thấy gì tức là thấy đối tượng (cái gì) như vậy thấy cái gì hay thấy đối tượng cái gì (đối tượng của mắt) có thể sai hay đúng.

Khi mắt thấy đối tượng có thể chia thành Chánh kiến và Tà kiến. Nếu nhiều kiếp quá khứ từng có Chánh kiến, khi sanh ra kiếp sống này sẽ tương ứng với Chánh kiến. Nếu kiếp quá khứ có Tà kiến thì đời này sẽ tương ứng với Tà kiến.

Tà kiến

Tà kiến tức là Vô minh, là không rõ biết khổ, không rõ biết nguyên nhân khổ, không rõ biết diệt khổ, không rõ biết con đường dẫn đến diệt khổ. Người học Phật không biết bốn chân lý này vẫn là vô minh cho dù có học Phật đến đâu. Khi nhận ra Tà kiến thì chánh kiến sẽ trừ được tà kiến, nếu không biết Tà kiến thì không thể diệt nó được.

Chánh kiến

Theo Kinh Trung Bộ số 141. Kinh Phân biệt về Sự Thật viết:

Thế nào là Chánh tri kiến?

Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

Theo Kinh Trung Ưng Bộ, Tương Ưng Sự Thật viết:

1.I. Định *(S.v,414)*

1) Ở Sàvatthi…

2) - Này các Tỳ-kheo, hãy tu tập định. Này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo có định, như thật rõ biết (pajànati). Và như thật rõ biết gì?

3) Như thật rõ biết: "Đây là Khổ". Như thật rõ biết: "Đây là Khổ tập". Như thật rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Như thật rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

4) Này các Tỳ-kheo, hãy tu tập định. Này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo có định, như thật rõ biết. Do vậy, này các Tỳ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ tập". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Khổ diệt". Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt".

At Savatthi. "Bhikkhus, develop concentration. A bhikkhu who is concentrated understands things as they really are. - Bhikkhu Bodhi.

Hãy tu tập định tiếng Anh là develop concentration dịch là phát triển sự tập trung và Tỳ kheo có sự tập trung sẽ rõ biết những điều như đang xảy ra.

Dựa vào hai đoạn kinh trên, người học Phật muốn rõ biết Tứ đế cần phải tu tập định trước khi rõ biết Tứ đế. Như vậy người tu cần phát triển sự tập trung trước khi rõ biết khổ. Nếu tâm không tập trung được thì tâm phân tán hay phóng dật thì không thể nào rõ biết khổ, không rõ biết nguyên khổ tập, không rõ biết diệt khổ, không rõ biết con đường diệt khổ.

Có thể hiểu rằng Định là sự tập trung nên người học Phật cần phát triển sự tập trung duyên Thọ trong 12 Nhân duyên, sẽ rõ biết thọ khổ cũng như rõ biết ba đế kia.

Để có Chánh kiến hay rõ biết tứ đế, người học Phật cần tu tập định nhưng định.

Chánh kiến là rõ biết khổ, rõ biết nguyên nhân khổ, rõ biết diệt khổ, rõ biết con đường diệt khổ. Trong Kinh Trung Bộ có bài kinh số 9 - Chánh tri kiến hay trong Kinh Tương Ưng Bộ cũng có nói Chánh kiến nhưng những định nghĩa đó vẫn nằm trong dấu chân voi của Tứ Thánh Đế. Khi biết rõ Tứ Thánh Đế là bao hàm những định nghĩa khác về Tứ Thánh Đế.

Cố gắng rõ biết Tứ Thánh Đế thì Tà kiến sẽ mất. Nhưng rõ biết Tứ Thánh Đế cần thời gian nhiều năm trải nghiệm chứ không phải học vài năm là biết được nên người học Phật kiên trì cho đến khi tự mình rõ biết bốn Chân lý này.

Đạo đế là Chánh kiến sẽ đối nghịch khổ Tập là Vô minh. Như vậy tu tập chánh kiến viên mãn sẽ đoạn tận Vô minh. Chánh kiến là rõ biết khổ, rõ biết nguyên nhân khổ, rõ biệt khổ diệt, rõ biết con đường diệt khổ. Ai thực hành Chánh kiến sẽ đoạn tận ba hạ phần kiết sử: Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ đồng nghĩa quý vị đã chứng bậc Thánh dự lưu.

Theo Kinh Trung Bộ số 2 - Tất cả Lậu hoặc có viết:

"Vị ấy như lý tác ý: "Đây là khổ", như lý tác ý: "Đây là khổ tập", như lý tác ý: "Đây là khổ diệt", như lý tác ý: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nhờ vị ấy tác ý như vậy, ba kiết sử được trừ diệt: thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ."

2. Chánh Tư duy ngược lại Tà tư duy

Kinh Trung Bộ số 117 viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tà tư duy? Dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy, này các Tỳ-kheo, như vậy là tà tư duy.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh tư duy? Chánh tư duy, này các Tỳ-kheo, Ta nói có hai loại: có loại chánh tư duy, này các Tỳ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh tư duy, này các Tỳ-kheo, thuộc bậc Thánh vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Tà tư duy là gì? Suy nghĩ về dục, suy nghĩ về sân hận, suy nghĩ về hại. Suy nghĩ thuộc về Tư mà tư là nghiệp. Như vậy ý hành là nghiệp thuộc về hành trong 12 Nhân duyên.

Tư là sự suy nghĩ là bước đầu trong tiến trình dẫn đến tham ái, sân hận, hại nên để tránh tiến trình này. Người tu tập Chánh tư duy là suy tư ngược lại với tà tư duy có nghĩa là hằng ngày suy tư về ly dục, suy tư về vô sân, suy tư về vô hại. Khi tâm thường suy tư như vậy thì dục tầm, sân tầm, hại tầm không sanh khởi tức là tu tập thành công. Đa số người học Phật không suy tư để từ bỏ dục nên khi dục khởi lên sẽ thúc đẩy chúng ta chạy theo sắc, thanh, hương, vị, xúc để thỏa mãn lòng dục.

Đạo đế là Chánh tư duy sẽ đối nghịch khổ Tập là dục tầm, sân tầm, hại tầm. Như vậy tu tập Chánh tư duy sẽ đoạn tận dục tầm, sân tầm, hại tầm. Tu tập chi phần này viên mãn sẽ đoạn diệt Tà tư duy (dục tầm, sân tầm, hại tầm) và sẽ chứng bậc Thánh nhất lai.

3. Chánh Ngữ ngược lại Tà ngữ

Kinh Trung Bộ số 117 viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Tà ngữ? Vọng ngữ, nói hai lưỡi, ác khẩu, nói lời phù phiếm; như vậy, này các Tỳ-kheo, là tà ngữ.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh ngữ? Chánh ngữ, này các Tỳ-kheo, Ta nói có hai loại: có loại chánh ngữ, này các Tỳ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh ngữ, này các Tỳ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Chánh ngữ là ngược lại với Tà ngữ là không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói lời độc ác, không nói lời phù phiếm. Hằng ngày thực hành Chánh ngữ thuần thục thì tà ngữ không khởi lên.

Đạo đế là Chánh ngữ đối nghịch Tà ngữ là khổ tập. Như vậy tu tập Chánh ngữ sẽ đoạn tận Tà ngữ.

4. Chánh Nghiệp ngược lại Tà Nghiệp

Kinh Trung Bộ số 117 viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tà nghiệp? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục; như vậy, này các Tỳ-kheo, là tà nghiệp.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh nghiệp? Chánh nghiệp, này các Tỳ-kheo, Ta nói có hai loại: Có loại chánh nghiệp, này các Tỳ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh nghiệp, này các Tỳ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Đạo đế là Chánh nghiệp đối nghịch Tà nghiệp là Khổ tập.

Chánh nghiệp là ngược với Tà nghiệp là không sát sanh, không lấy của không cho, không tà dâm. Chúng ta hằng ngày thực hành chánh nghiệp thuần thục thì Tà nghiệp không khởi lên.

5. Chánh Mạng ngược lại Tà mạng

Kinh Trung Bộ số 117 viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tà mạng? Lừa đảo, nói lời mê ly, hiện tướng, gian trá, lấy lợi cầu lợi; như vậy, này các Tỳ-kheo, là tà mạng.

Và thế nào, này các Tỳ-kheo, là chánh mạng? Chánh mạng, này các Tỳ-kheo, Ta nói có hai loại: có loại chánh mạng, này các Tỳ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh mạng, này các Tỳ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Đạo đế là Chánh mạng đối nghịch là Tà mạng là Khổ tập.

Tà mạng là gì? Nuôi sống thân bằng cách nói láo hay sát sanh hay nghề buôn bán thịt, buôn bán người, buôn bán vũ khí, buôn bán thuốc độc.

Kết hợp Đạo đế: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng sẽ đoạn tận Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng. Như vậy tu tập ba Đạo đế sẽ chấm dứt ba Khổ tập hoàn toàn. Quý vị sẽ thành

tựu giới được sanh lên cõi trời. Tuy nhiên tu tập Chánh kiến sẽ chứng bậc Thánh dự lưu và tự động sẽ thành tựu giới. Nhưng thành tựu giới chưa có Chánh kiến thì vẫn sanh vào cõi trời hưởng phước.

6. Chánh Tinh tấn ngược lại Tà tinh tấn

Kinh Trung Bộ số 117 viết:

Ai tinh tấn đoạn trừ Tà mạng, thành tựu Chánh mạng; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn trừ tà mạng, chánh niệm đạt được và an trú chánh mạng, như vậy là chánh niệm của vị ấy. Như vậy, ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh mạng, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

Đạo đế là Chánh tinh tấn ngược lại khổ Tập là Tà tinh tấn.

7. Chánh Niệm ngược lại Tà niệm

Kinh Trung Bộ số 117 viết:

Tà niệm, này các Tỳ-kheo, do chánh niệm làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà niệm duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh niệm. Và những thiện pháp được chánh niệm duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Đạo đế là Chánh niệm ngược lại Khổ tập là Tà niệm. Tu tập chánh niệm viên mãn sẽ chứng bậc Thánh A-la-hán hay bậc Thánh bất lai.

Tà niệm là gì?

Là không ghi nhớ do duyên gì tâm tham sanh khởi và do duyên gì tâm tham đoạn diệt cũng như không ghi nhớ duyên gì tâm sân sanh khởi và đoạn diệt. Do không có Chánh niệm

nên không biết vì sao tham sân sanh và diệt nên tham, sân tồn tại phải đi luân hồi.

Chánh niệm là gì?

Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nội tâm có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi có ái dục"; hay nội tâm không có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có ái dục". Và với ái dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Chánh niệm là ngược lại Tà niệm là ghi nhớ do duyên gì tâm tham sanh khởi và đoạn diệt, do duyên gì tâm sân sanh khởi và đoạn diệt, quan sát lâu ngày sẽ có trí tuệ như sau: tâm tham, tâm sân đã đoạn diệt không sanh trở lại do giác ngộ duyên thọ lạc nào cũng đưa đến thọ khổ.

Khi tham, sân đoạn tận và đã đoạn ba hạ phần kiết sử do có chánh kiến. Vị này chứng bậc Thánh bất lai.

8. Chánh Định ngược lại Tà định

Đạo đế là Chánh định ngược lại khổ Tập là Tà định. Tu tập Chánh định viên mãn sẽ chứng tam minh: Túc Mạng Minh, Sanh Tử Minh, Lậu Tận Minh.

Kinh Trung Bộ số 117 viết:

Tà định, này các Tỷ-kheo do chánh định làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà định duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh định. Và những thiện pháp được chánh định duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Định (samādhi) là tập trung, có hai sự tập trung là Tà định và Chánh định.

Tà định là gì? Sự tập trung sai hay lạc đường

Tập trung vào một đối tượng nào đó như một nhà khoa học, tập trung suy tư về khoa học, nhiều lĩnh vực trong cuộc sống của chúng ta như suy tư sáng chế ra vũ khí hoặc suy tư về kinh doanh để kiếm nhiều tiền v.v... Như vậy gọi là Tà định.

Đa số những người sanh ra thời kỳ này, có Tà định rất nhiều. Vì nghiệp quá khứ của họ, không ai thay đổi được trừ khi họ là người tự thay đổi.

Sự khác nhau giữa Định và Thiền Định

jhāna: absorption of concentration in meditation

Dịch Việt: Hấp thụ sự tập trung trong suy tư

Thiền định là sự tập trung sâu bằng cách suy tư

samādhi: điềm tĩnh, thu mình, tập trung tâm trí hướng đến sự hợp nhất và nhất tâm

Thiền định, tập trung có suy tư còn Định là Sự tập trung

Chánh định

Chánh định (sammāsamādhi) là gì? Sự tập trung đúng hay chánh.

Thế nào là chánh định? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. Vị Tỳ-kheo ấy diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo ấy xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.

Thiền thứ nhất: Khi tập trung suy nghĩ để ly dục gọi là chánh định, người học Phật suy nghĩ liên tục như sau: Ly dục sẽ không hại mình, hại người, hại cả hai, có trí tuệ, không có phiền não, đưa đến Niết Bàn. Và Tứ là điều chỉnh nếu quá mức.

Thiền thứ hai: Dừng suy nghĩ liên tục tức là diệt tầm, diệt tứ

Thiền thứ ba: Ly hỷ trú xả là không dính mắc với hỷ lạc

Thiền thứ tư: xả niệm thanh tịnh, có thanh tịnh nhưng tâm không khởi lên dính mắc.

Chương 2
SỰ DIỆT KHỔ (NIẾT BÀN)

Có vài bài kinh xin trích dẫn ra đây để nói lên ý nghĩa khổ diệt và Khổ diệt Đạo.

Định nghĩa Khổ tập và Khổ diệt trong Kinh Chuyển Pháp Luân viết:

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỳ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

Kinh Tiểu Bộ tập 1 viết:

"Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày, ra khỏi định ấy, trong đêm canh cuối cùng, khéo thuận chiều và nghịch chiều tác ý lý duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu. Do cái này diệt, cái kia diệt". Tức là duyên vô minh có các hành. Duyên các hành có thức... Duyên sanh, có già chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là tập khởi của khổ uẩn này. Do đoạn diệt, ly tham, vô minh không có dư tàn, nên các hành diệt. Do các hành diệt, nên thức diệt... Như vậy là đoạn diệt của khổ uẩn này".

Kinh Tương Ưng 2 viết:

"1). ... Trú ở Sàvatthi... (như trên).

2) - Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các Ông về tà đạo và chánh đạo. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

3) - Và này các Tỳ-kheo, thế nào là tà đạo? Này các Tỳ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức... (như trên)... như vậy là toàn bộ khổ uẩn này tập khởi. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là tà đạo.

4) Và này các Tỳ-kheo, thế nào là chánh đạo? Do ly tham, đoạn diệt vô minh một cách hoàn toàn nên hành diệt. Do hành diệt nên thức diệt... (như trên)... Như vậy là toàn bộ khổ uẩn này đoạn diệt. Này các Tỳ-kheo, đây gọi là chánh đạo."

Kinh Trung Bộ số 148 viết:

"Này các Tỳ-kheo, nhưng đây là con đường đưa đến sự tập khởi của thân kiến. Ai quán mắt là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Ai quán các sắc... Ai quán nhãn thức... Ai quán nhãn xúc... Ai quán thọ... Ai quán ái... Ai quán tai... Ai quán mũi... Ai quán lưỡi... Ai quán thân... Ai quán ý... Ai quán các pháp... Ai quán ý thức... Ai quán ý xúc... Ai quán ái: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

Nhưng này các Tỳ-kheo, đây là con đường đưa đến sự đoạn diệt của thân kiến. Ai quán mắt: "Cái này không phải là của

tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi". Ai quán sắc... Ai quán nhãn thức... Ai quán nhãn xúc... Ai quán thọ... Ai quán ái... Ai quán tai... Ai quán mũi... Ai quán lưỡi... Ai quán thân... Ai quán ý... Ai quán các pháp... Ai quán ý thức... Ai quán ý xúc... Ai quán thọ... Ai quán ái: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Dựa vào ba đoạn kinh trên có thể giải thích Diệt Khổ như sau:

1. *"Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu"*

Có nghĩa là diệt cái nhân hay điểm bắt đầu không có mặt thì cái quả không có.

Nhân sanh khổ là Ái nhưng theo 12 Nhân duyên cho biết duyên Thọ sanh khởi Ái nhưng Thọ là quả nên không thể diệt được duyên Thọ. Như vậy để Ái không có mặt, người học Phật cần trải nghiệm về duyên Thọ lạc sanh khởi khổ Tập tức là Ái dục và chứng nghiệm duyên Thọ khổ sanh khởi thì Ái dục diệt. Sau khi trải nghiệm và ghi nhớ thọ lạc sanh khởi Ái và thọ khổ sanh khởi thì Ái dục diệt. Sự trải nghiệm và ghi nhớ hai tiến trình này. Trí tuệ sẽ sanh khởi cho người có Chánh niệm như sau:

Ghi nhớ do Thọ lạc sanh khởi tham ái tức là có sự dính mắc vào đối tượng và ghi nhớ do Thọ khổ làm cho tham ái đoạn diệt tức là không còn dính mắc vào đối tượng. Như vậy do thọ lạc đã đưa đến thọ khổ nếu trong tương lai gặp duyên thọ lạc tâm không dính mắc thì không có khổ.

Sự giải thích trên để sáng tỏ câu *"Do cái này không có mặt, cái kia không hiện hữu"*.

Đạo đế là con đường tức là những điểm được nối lại với nhau. Tà đạo là con đường nối những điểm "Do cái này" thành một con đường. Chánh đạo cũng là con đường ngược lại tà đạo. Như vậy Tà đạo là Tập đế còn Chánh đạo làm cho Tập đế không có mặt.

Ví dụ:

Sáu nội xứ nhập sáu ngoại xứ sanh khởi sáu thức gọi là tập đế, ngược lại tập đế là không nhập sáu ngoại xứ tức là tập đế diệt.

Sáu xúc xứ là tập đế, ngược lại chánh đạo là không có sáu xúc xứ tức là tập đế diệt.

Sáu thọ là tập đế, ngược lại không dính mắc sáu thọ là đạo đế.

Tà đạo là 12 Nhân duyên ngược lại là Chánh đạo: Vô minh diệt, duyên Hành diệt, duyên Thức diệt, duyên Danh sắc diệt, duyên Lục nhập diệt, duyên Xúc diệt, duyên Thọ diệt, duyên Ái diệt, duyên Thủ diệt, duyên Hữu diệt, duyên Sanh diệt, duyên Già chết diệt.

MỘT SỐ BÀI KINH LIÊN HỆ TỨ THÁNH ĐẾ

Những bài kinh được bổ sung trong phần này để giúp cho độc giả có thể biết rõ về Tứ Thánh Đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo và tôi cũng có những giải thích về sự liên hệ những bài kinh dưới đây có liên hệ đến quả khổ lạc hiện tại, nghiệp mới trong 12 Nhân duyên và Bát Thánh đạo.

1. Kinh Chuyển Pháp Luân

Kinh Chuyển Pháp Luân là bài kinh tối quan trọng trong đạo Phật nhưng để hiểu bài kinh này vô cùng khó khăn. Nếu như người học Phật ngày nay không đọc và không suy tư về năm bộ Kinh Nikaya thì chuyện hiểu được nội dung Tứ Thánh Đế khó xảy ra. Đây là lý do giải thích tại sao những người học Phật về sau không thể nào chứng ngộ Tứ Thánh Đế được nên đã đi tìm kiếm những phương pháp khác để tu hoặc sáng tạo ra nhiều kinh sách khác.Vì vậy những gì Đức Phật dạy lúc ban đầu bị biến mất và diễn dịch sai lệch quá nhiều.

Nội dung

Tôi xin trích dẫn bài Kinh Chuyển Pháp Luân còn gọi là Tứ Thánh Đế trong - Tương Ưng V, Phẩm 56, Tương Ưng Sự Thật viết như sau:

"11. I. Như Lai Thuyết (1) (S.v,420)

1) Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Bàrànasi, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai.

2) Tại đấy, Thế Tôn bảo chúng năm Tỷ-kheo:

- Có hai cực đoan này, này các Tỳ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai?

3) Một là đắm say trong các dục (kàmesu), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỳ-kheo, là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

4) Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỳ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường trung đạo, này các Tỳ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

5) Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỳ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

6) Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỳ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

7) Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

8) Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

9) Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

10) Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

11) Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải

chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

12) Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

13) Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các Tỳ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác.

14) Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

15) Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỷ-kheo hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, Tôn giả Kondanna khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không

cấu uế như sau: "Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt".

16) Và khi Pháp luân này được Thế Tôn chuyển vận như vậy, chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời".

17) Sau khi được nghe tiếng chư Thiên ở cõi đất, Tứ đại Thiên vương thiên lên tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một Pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời".

18) Sau khi được nghe tiếng của chư Thiên ở Tứ đại Thiên vương thiên, thời chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba... chư Thiên Yàmà... chư Thiên Tusità... chư Hóa lạc thiên... chư Tha hóa tự tại thiên... chư Thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng Pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở đời".

19) Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư Thiên.

20) Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây: "Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna (Kiều-trần-như)! Chắc chắn đã giác hiểu là Kondanna!"

Như vậy Tôn giả Kondanna được tên là Annàta Kondanna (A-nhã Kiều-trần-như).”

Những lời dạy trong bài kinh Chuyển Pháp luân ngắn gọn như vậy. Làm sao những người học Phật về sau có thể hiểu được sau khi Đạo Phật đã hủy diệt ở xứ Ấn Độ.

Tôi xin tóm tắt nội dung Kinh Chuyển Pháp Luân như sau:

Phần mở đầu bài kinh Chuyển Pháp Luân, Đức Phật đã khám phá ra và xác quyết rằng Con đường đưa đến khổ diệt chính là Thánh Đạo Tám ngành, người học Phật cần phải tu tập hay thực hành sẽ chứng ngộ Niết Bàn và sẽ hết khổ đau. Sau đó Đức Phật đã nói ba chuyển về Tứ Thánh Đế giúp người học Phật biết mục tiêu gì cần hướng đến và cuối cùng là chứng ngộ Niết Bàn.

1. Chuyển thứ nhất về Tứ Thánh Đế

Đây là chuyển thứ nhất có mục đích khai mở bốn sự thật tối thượng cho chư Thiên và loài người biết để thoát khổ, chấm dứt sanh tử luân hồi.

Đây là Thánh đế về khổ

Lần đầu tiên, Đức Phật đã khai thị cho chúng sanh biết trên thế gian có tất cả tám cái khổ.

Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Người học Phật cần biết những cái khổ vừa nêu trên và cố gắng suy tư làm thế nào để thoát khổ chứ không thụ động. Khổ Thánh đế sẽ được giải thích chi tiết trong phần Lý Duyên khởi.

Đây là Thánh đế về Khổ tập

Đức Phật đã khai thị lần đầu tiên cho Trời và Người biết về Khổ Tập đều có nguyên nhân chứ không phải ngẫu nhiên.

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỳ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. - Tương Ưng, Phẩm 56, Tương Ưng Sự Thật.

Trong phần khai mở lần đầu tiên, Đức Phật chỉ nói ngắn gọn chính là ái hay dục ái, hữu ái, phi hữu ái là nguyên nhân sanh khởi ra khổ. Đây cũng là lý do mà những thế hệ về sau thêm vào khổ tập nhiều ý nghĩa khác nữa nên sai lời Phật dạy. Ý nghĩa khổ tập được định nghĩa chi tiết trong Kinh Tăng chi ba pháp chính là định lý Duyên Khởi tức là 12 Nhân Duyên.

Để hiểu khổ tập rốt ráo cần phải tìm hiểu Lý Duyên Khởi tức là cần phải biết rõ ràng từng duyên trong 12 Nhân duyên cũng như biết 44 căn bản trí.

Khổ Tập Thánh đế sẽ được giải thích rõ ràng trong Phần A.

Đây là Thánh đế về Khổ diệt

Đức Phật đã khai mở Khổ Diệt để cho Người và Trời có trí tuệ diệt được khổ sau khi đã khai mở Khổ và khổ Tập.

Này các Tỳ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước. - Tương Ưng, Phẩm 56, Tương Ưng Sự Thật.

Định nghĩa Khổ Diệt rất ngắn gọn nhưng định nghĩa chi tiết được Đức Phật nói trong kinh Tăng chi ba pháp chính là Lý Duyên Diệt tức là diệt 12 Nhân Duyên.

Khổ Diệt hay Lý Duyên Diệt sẽ được tìm hiểu rõ ràng trong những chương sau.

Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt

Lần đầu tiên Đức Phật đã khai mở con đường đưa đến Khổ diệt cho Người và Trời để thực hành chấm dứt khổ và chứng ngộ Niết Bàn.

"Này các Tỳ-kheo, chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định."
- Tương Ưng, Phẩm 56, Tương Ưng Sự Thật.

Trong phần giới thiệu con đường đưa đến diệt khổ, Đức Phật không định nghĩa chi tiết Thánh đạo Tám ngành nên những thế hệ về sau tự biên, tự diễn về tám ngành dẫn đến sai lời Phật dạy. Tuy nhiên định nghĩa chi tiết tám ngành được nói trong Kinh Tương Ưng đạo hoặc Kinh Trung Bộ số 141 hoặc Kinh Trường Bộ số 22 có thể giúp người học Phật hiểu rõ về Bát Chánh. Nhưng ngày xưa có mấy ai đọc được hết Kinh Tương Ưng, Kinh Trung Bộ, Kinh Trường Bộ nên đã tưởng sai về tám ngành dẫn đến không chứng ngộ được Niết Bàn.

Đạo đế sẽ được bàn chi tiết trong những chương kế tiếp phía dưới.

2. Chuyển thứ hai về Tứ Thánh Đế

Chuyển thứ nhất trình bày bốn sự thật đến với người và trời đã nói ở trên.

Sau khi Đức Phật đã giới thiệu Chuyển thứ nhất mà không nói về Chuyển thứ hai thì người học Phật khó mà nhận biết được những mục tiêu nào cần phải nhắm đến nên Đức Phật đã khuyến giáo người học Phật về chuyển thứ hai.

Đây là Thánh đế cần phải liễu tri Khổ

"Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh." - Tương Ưng, Phẩm 56, Tương Ưng Sự Thật.

Sau khi Đức Phật đã khai mở Thánh đế về Khổ và chuyển thứ hai khuyến giáo người học Phật cần phải liễu tri về Khổ chứ không phải chỉ biết từ ngữ khổ. Vì vậy người học Phật nên cố gắng tìm hiểu tại sao Đức Phật dạy chúng ta biết rốt ráo về Khổ. Nếu không liễu tri Khổ thì không thể nào biết được khổ Tập.

Đây là Thánh đế về khổ Tập cần phải đoạn tận

"Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh." - Tương Ưng, Phẩm 56, Tương Ưng Sự Thật.

Sau khi Đức Phật đã khai mở Khổ Tập, chuyển thứ hai hướng dẫn người học Phật cần phải đoạn tận Khổ Tập, nếu không thì khổ sẽ không chấm dứt. Người học Phật cần suy tư tại sao Đức Phật dạy chúng ta cần phải đoạn tận khổ tập mà không y cứ vào bất cứ ai.

Đây là Thánh đế về khổ Diệt cần phải chứng ngộ

"Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh." - Tương Ưng, Phẩm 56, Tương Ưng Sự Thật.

Đức Phật đã khuyến giáo khổ tập cần phải đoạn tận có nghĩa là khổ tập chấm dứt tức là khổ diệt cần phải chứng ngộ khi mà khổ tập không còn nữa. Người học Phật cần hiểu rằng trạng thái khổ tập hết chính là Niết Bàn cần phải trải nghiệm hay phải chứng ngộ và phải suy tư tại sao khổ diệt cần phải chứng ngộ để chúng ta không lưỡng lự một khi khổ tập chấm dứt.

Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập

"Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp... quang sanh." - Tương Ưng, Phẩm 56, Tương Ưng Sự Thật.

Sau khi Đức Phật đã khuyến giáo khổ cần phải liễu tri, khổ tập cần phải đoạn tận, khổ diệt cần phải chứng ngộ nhưng không khuyến giáo con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập thì sự khổ đau không thể nào hết được. Do vậy Đức Phật đã khuyến giáo người học Phật cần phải tu tập hay thực hành để diệt khổ hoàn toàn và suy tư tại sao Đức Phật dạy như thế.

3. Chuyển thứ ba về Tứ Thánh Đế

Đức Phật đã khai thị, đã khuyến giáo về Tứ Thánh Đế còn chuyển thứ ba là người học Phật đã liễu tri khổ, đã đoạn tận khổ tập, đã chứng ngộ diệt khổ và đã thực hành xong.

Dựa vào chuyển thứ nhất cho biết người học Phật lần đầu tiên biết đây là Khổ Thánh đế, đây là Khổ Tập Thánh đế, đây là Khổ Diệt Thánh đế, đây là con đường dẫn đến khổ diệt Thánh đế. Đây gọi là trí văn mà người học Phật nên học thuộc và ghi nhớ.

Dựa vào chuyển thứ hai khuyến khích người học Phật cần phải liễu tri khổ, khổ tập cần phải đoạn tận, khổ diệt cần phải chứng ngộ, con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập. Như vậy chuyển thứ hai được hiểu như trí tư. Do đó quý vị cần suy tư nhiều về chuyển thức hai để biết rõ bốn mục tiêu: khổ cần phải liễu tri, khổ tập cần phải đoạn tận, khổ diệt cần phải chứng ngộ, con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập.

Dựa vào chuyển thứ ba nói về khổ đã được liễu tri, khổ tập đã được đoạn tận, khổ diệt đã được chứng ngộ, con đường dẫn đến khổ diệt đã được tu tập. Chuyển thứ ba ví như trí tu đã viên mãn.

Người học Phật đã hiểu Tứ Thánh Đế và đã thực hành xong. Công việc thực hành chuyển thức ba được viên mãn vô cùng khó nên kiên nhẫn thực hành đến một lúc sẽ thành tựu.

Đoạn kết Tứ Thánh Đế viết như sau:

Cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các Tỳ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta không chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác.

14) Và cho đến khi nào, này các Tỳ-kheo, trong bốn Thánh đến này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta; cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động

là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".

Dựa đoạn văn trên có từ ngữ *"Tri kiến như thật đã khéo thanh tịnh ở nơi ta". Như vậy trong bốn Thánh đế này với ba chuyển và mười hai hành tướng ; cho đến khi ấy, này các Tỳ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta mới chứng tri đã chánh giác vô thượng Chánh Đẳng Giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa". - Tương Ưng, Phẩm 56, Tương Ưng Sự Thật.*

Tri kiến như thật đã khéo thanh tịnh có nghĩa là thấy biết như thật không còn nghi ngờ về bốn Thánh đế với ba chuyển cho đến khi đó tri kiến khởi lên nơi Đức Phật *"Bất động là tâm giải thoát của Đức Phật và đây là đời sống cuối cùng nay không còn tái sanh nữa"*. Ngày nay người học Phật cần phải có tri kiến bốn Thánh đế như thật, nếu không thì chấm dứt khổ không xảy ra.

4. Kết luận

Sau khi Đức Phật đã tuyên thuyết Tứ Thánh Đế có hai kết quả.

Có ngài Kiều Trần Như chứng quả Thánh Dự Lưu.

Có mười ngàn thế giới chuyển động, rung động mà mỗi thế giới gồm có bốn châu: Bắc Câu-Lư Châu, Tây Ngưu-Hóa Châu, Đông Thắng-Thần Châu và Nam Thiệm-Bộ Châu; Sáu cõi trời dục giới; mười lăm cõi trời sắc giới.

Như vậy các Chư Thiên thuộc cõi trời dục giới và các phạm thiên thuộc mười lăm cõi trời sắc giới biết có một vị Phật toàn giác xuất hiện ở thế gian. Như vậy bài Kinh Chuyển Pháp Luân tức là Tứ Thánh Đế cực kỳ quan trọng.

Để hiểu được Tứ Thánh Đế vô cùng khó khăn, tôi đã tìm hiểu và suy tư trong năm bộ Kinh Nikaya. Tôi đã xâu chuỗi những bài kinh có định nghĩa và rút ra những ý chính sau đây:

Lý duyên khởi sẽ giải thích rõ ràng Thánh đế về khổ và Thánh đế về khổ Tập.

Lý Duyên Diệt giải thích về Thánh đế về Khổ Diệt và để diệt Khổ Tập hoàn toàn chính là Thánh Đạo Tám ngành.

2. Đại kinh Đoạn tận Ái

Nguyên văn Trung Bộ Kinh số 38. Đại kinh Đoạn tận ái viết:

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc).

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo tên là Sati, con của người đánh cá, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này rong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác".

Một số đông Tỷ-kheo nghe như sau: "Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, khởi lên ác tà kiến như sau: 'Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này rong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác'". Rồi những Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá ở, khi đến xong liền nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá như sau:

- Này Hiền giả Sati, có đúng sự thật chăng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này rong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác".

- Thật sự là vậy, chư Hiền, theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này rong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác.

Rồi những Tỷ-kheo ấy muốn Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

- Hiền giả Sati, chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Sati, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi; không có duyên thì thức không hiện khởi.

Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, dù được các Tỷ-kheo ấy cật vấn, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy.

- Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này rong ruổi, luân chuyển, nhưng không đổi khác.

Vì các Tỷ-kheo ấy không thể làm cho Tỷ-kheo Sati, con người đánh cá từ bỏ ác tà kiến ấy, nên các vị ấy đến chỗ Thế Tôn ở, khi đến xong, đảnh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, những Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này rong ruổi, luân chuyển, nhưng không đổi khác". Bạch Thế Tôn, chúng con nghe: "Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này rong ruổi, luân chuyển, nhưng không đổi khác". Bạch Thế Tôn, rồi chúng con đi đến chỗ Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá ở, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá:

"- Này Hiền giả Sati, có đúng sự thật chăng? Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: 'Theo tôi hiểu, pháp Thế Tôn thuyết giảng thì thức này rong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác".

Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá nói với chúng con như sau:

"- Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu thì thức này rong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác".

Bạch Thế Tôn, chúng con muốn khiến Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, từ bỏ ác tà kiến ấy, liền cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận:

"- Hiền giả Sati chớ có nói như vậy. Chớ có xuyên tạc Thế Tôn. Xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy. Hiền giả Sati, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi, không có duyên thì thức không hiện khởi".

"Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá dầu cho được chúng con cật vấn, nạn vấn lý do, thảo luận, vẫn nói lên ác tà kiến ấy, cứng đầu, chấp chặt, nắm chặt tà kiến ấy".

"- Thật sự là vậy, theo tôi hiểu, Thế Tôn thuyết giảng thì thức này rong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác".

"Bạch Thế Tôn, vì chúng con không thể làm cho Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, từ bỏ ác tà kiến ấy, nên chúng con đến hỏi Thế Tôn ý nghĩa này."

Rồi Thế Tôn gọi một Tỷ-kheo khác:

- Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta, gọi Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá: "Hiền giả Sati, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn, đến chỗ Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, sau khi đến, liền nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá:

- Hiền giả Sati, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả.

- Thưa vâng, Hiền giả.

Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá đáp lời Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, đang ngồi xuống một bên:

- Này Sati, có thật chăng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này rong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác"?

- Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này rong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác.

- Này Sati, thế nào là thức ấy?

- Bạch Thế Tôn, chính thức ấy nói cảm thọ, thọ lãnh chỗ này, chỗ kia, kết quả các hành động thiện ác.

- Này kẻ mê mờ kia, vì ai mà Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Này kẻ mê mờ kia, có phải chăng, Ta đã dùng nhiều pháp môn nói là thức do duyên khởi, không có duyên, thì thức không hiện khởi? Và này kẻ mê mờ kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông còn tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ mê mờ kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Chư Tỳ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, có thể khởi lên tia lửa sáng gì trong Pháp, Luật này không?

- Bạch Thế Tôn, làm sao có thể có được, không thể được, bạch Thế Tôn.

Được nói vậy, Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, im lặng, hổ người, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng. Rồi Thế Tôn sau khi biết được Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, đang im lặng, hổ ngươi, thụt vai, cúi đầu, lo âu, câm miệng, bèn nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá:

- Này kẻ mê mờ kia, người ta sẽ biết Ông qua ác tà kiến của chính Ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Chư Tỳ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng giống như Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức?

- Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi, không có duyên, thức không hiện khởi.

- Lành thay, chư Tỳ-kheo, lành thay, chư Tỳ-kheo, các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy! Chư Tỳ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi. Không có duyên, thức không hiện khởi. Nhưng Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, còn tự pháp hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho kẻ mê mờ ấy.

(Duyên sanh Thức)

Này các Tỳ-kheo, do duyên mà thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Do duyên lưỡi

và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức. Này các Tỳ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi. Duyên vỏ gỗ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vỏ bào. Duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ. Duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò. Duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu. Duyên đống rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đống rác. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, do duyên, thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên và tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

(Các câu hỏi về sanh vật)

Này các Tỳ-kheo, các Ông có thấy sanh vật này không?

- Bạch Thế Tôn, có thấy.

- Này các Tỳ-kheo, các Ông có thấy sự tác thành sanh vật do món ăn ấy không?

- Bạch Thế Tôn, có thấy.

- Này các Tỳ-kheo, các Ông có thấy, do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy cũng bị đoạn diệt không?

- Bạch Thế Tôn, có thấy.

- Này các Tỳ-kheo, vì do dự nên nghi hoặc sanh. Sanh vật này có thể không có mặt?

- Bạch Thế Tôn, có vậy.

- Này các Tỳ-kheo, vì do dự nên nghi hoặc sanh. Sự tác thành của món ăn ấy có thể có hay không?

- Bạch Thế Tôn, có vậy.

- Này các Tỳ-kheo, vì do dự nên nghi hoặc sanh. Do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy có thể bị đoạn diệt hay không bị đoạn diệt?

- Bạch Thế Tôn, có vậy.

- Này các Tỳ-kheo, nếu thấy như thật với chánh trí tuệ, thì sự nghi ngờ này được trừ diệt. Sanh vật này có thể không có mặt?

- Bạch Thế Tôn, có vậy.

- Này các Tỳ-kheo, nếu thấy như thật với chánh trí tuệ, thì sự nghi ngờ này được trừ diệt. Sự tác thành của món ăn ấy có thể có hay không?

- Bạch Thế Tôn, có vậy.

- Này các Tỳ-kheo, nếu thấy như thật với chánh trí tuệ, thì sự nghi ngờ này được trừ diệt. Do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật có thể bị đoạn diệt hay không bị đoạn diệt?

- Bạch Thế Tôn, có vậy.

- Này các Tỳ-kheo, sanh vật này có mặt, (đối với vấn đề này), ở đây, các Ông có phải không có nghi hoặc không?

- Bạch Thế Tôn, có vậy.

- Này các Tỳ-kheo, sự tác thành của món ăn ấy, (đối với vấn đề này), ở đây, các Ông có phải không có nghi hoặc không?

- Bạch Thế Tôn, có vậy.

- Này các Tỳ-kheo, do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy có thể bị đoạn diệt, (đối với vấn đề này), ở đây, các Ông có phải không có nghi hoặc không?

- Bạch Thế Tôn, có vậy.

- Này các Tỳ-kheo, sanh vật này có mặt, (đối với vấn đề này) có phải các Ông khéo thấy nhờ như thật chánh trí tuệ không?

- Bạch Thế Tôn, có vậy.

- Này các Tỳ-kheo, sự hiện hữu của sanh vật ấy là do các món ăn ấy tác thành,... này, có phải các Ông khéo thấy nhờ như thật chánh trí tuệ không?

- Bạch Thế Tôn, có vậy.

- Này các Tỳ-kheo, do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy có thể bị đoạn diệt, (đối với vấn đề này), có phải các Ông khéo thấy nhờ như thật chánh trí tuệ không?

- Bạch Thế Tôn, có vậy.

- Này các Tỳ-kheo, đối với tri kiến này được thanh tịnh như vậy, được làm cho trong sáng như vậy, nếu các Ông chấp trước, lấy làm hãnh diện, truy cầu, xem là của mình, thì này các Tỳ-kheo, các Ông có thể hiểu ví dụ chiếc bè, nói Pháp được giảng dạy là để đưa vượt qua, không phải để nắm lấy?

- Bạch Thế Tôn, không.

- Nhưng này các Tỳ-kheo, đối với tri kiến này được thanh tịnh như vậy, được làm cho trong sáng như vậy, nếu các Ông không chấp trước, không lấy làm hãnh diện, không truy cầu, không xem là của mình, thì này các Tỳ-kheo, các Ông có thể hiểu ví dụ của mình, thì này các Tỳ-kheo, các Ông có thể hiểu

ví dụ là của mình, thì này các Tỳ-kheo, các Ông có thể ví dụ chiếc bè, nói Pháp được giảng dạy là để đưa vượt qua, không phải để nắm lấy?

- Bạch Thế Tôn, có.

(Thức ăn và Duyên khởi)

- Này các Tỳ-kheo, có bốn món ăn giúp cho an trú các loài hữu tình đã sanh hay phò trợ các loài hữu tình sẽ sanh. Thế nào là bốn? Đoàn thực hoặc thô hoặc tế, thứ hai là xúc thực, thứ ba là tư niệm thực, và thứ tư là thức thực.

Và này các Tỳ-kheo bốn món ăn này, lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Bốn món ăn này lấy ái làm nhân duyên, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm sanh chủng, lấy ái làm nguyên nhân. Này các Tỷ-kheo, ái này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Ái lấy thọ làm nhân duyên, lấy thọ làm tập khởi, lấy thọ làm sanh chủng, lấy thọ làm nguyên nhân. Này các Tỳ-kheo, thọ này lấy gì làm nguyên nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Thọ lấy xúc làm nhân duyên, lấy xúc làm tập khởi, lấy xúc làm sanh chủng, lấy xúc làm nguyên nhân. Này các Tỳ-kheo, xúc này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Xúc lấy sáu nhập làm nhân duyên, lấy sáu nhập làm tập khởi, lấy sáu nhập làm sanh chủng, lấy sáu nhập làm nguyên nhân. Này các Tỳ-kheo, sáu nhập này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Sáu nhập lấy danh sắc làm nhân duyên, lấy danh sắc làm tập khởi, lấy danh sắc làm sanh chủng, lấy danh sắc làm nguyên nhân. Này các Tỳ-kheo, danh sắc này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì

làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Danh sắc lấy thức làm nhân duyên, lấy thức là tập khởi, lấy thức làm sanh chủng, lấy thức làm nguyên nhân. Này các Tỳ-kheo, thức này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Thức lấy hành làm nhân duyên, lấy hành làm tập khởi, lấy hành làm sanh chủng, lấy hành làm nguyên nhân. Này các Tỳ-kheo, các hành này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Các hành lấy vô minh làm nhân duyên, lấy vô minh làm tập khởi, lấy vô minh làm sanh chủng, lấy vô minh làm nguyên nhân.

(Duyên theo chiều thuận)

Như vậy, này các Tỳ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được hiện hữu. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

(Duyên theo chiều nghịch)

Trước đã nói: Sanh duyên già, chết (Do duyên sanh nên già, chết hiện khởi). Này các Tỳ-kheo, sanh duyên già, chết có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, sanh duyên già, chết. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Sanh duyên già, chết.

- Trước đã nói: hữu duyên sanh. Này các Tỳ-kheo, hữu duyên sanh có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, hữu duyên sanh. Như vậy, đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Hữu duyên sanh.

- Trước đã nói: Thủ duyên hữu. Này các Tỳ-kheo, thủ duyên hữu có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, thủ duyên hữu. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Thủ duyên hữu.

- Trước đã nói: Ái duyên thủ. Này các Tỳ-kheo, ái duyên thủ có phải không? Hay ở đây, (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, ái duyên thủ. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Ái duyên thủ.

- Trước đã nói: Thọ duyên ái. Này các Tỳ-kheo, thọ duyên ái có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, thọ duyên ái. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Thọ duyên ái.

- Trước đã nói: Xúc duyên thọ. Này các Tỳ-kheo, xúc duyên thọ có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, xúc duyên thọ. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Xúc duyên thọ.

- Trước đã nói: Sáu nhập duyên xúc. Này các Tỳ-kheo, sáu nhập duyên xúc có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, sáu nhập duyên xúc. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Sáu nhập duyên xúc.

- Trước đã nói: Danh sắc duyên sáu nhập. Này các Tỳ-kheo, danh sắc duyên sáu nhập có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, danh sắc duyên sáu nhập. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Danh sắc duyên sáu nhập.

- Trước đã nói: Thức duyên danh sắc. Này các Tỳ-kheo, thức duyên danh sắc có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, thức duyên danh sắc. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Thức duyên danh sắc.

- Trước đã nói: Hành duyên thức. Này các Tỳ-kheo, hành duyên thức có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, hành duyên thức. Như vậy, đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Hành duyên thức.

- Trước đã nói: Vô minh duyên hành. Này các Tỳ-kheo, vô minh duyên hành có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, vô minh duyên hành. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Vô minh duyên hành.

(Tóm lược về Duyên)

- Lành thay, này các Tỳ-kheo! Các Ông nói như vậy và Ta cũng nói như vậy: "Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh", như vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não cùng sanh khởi. Như vậy, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

(Diệt theo chiều thuận)

Do vô minh đoạn diệt, xả ly một cách hoàn toàn nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt. Do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt

nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

(Diệt theo chiều nghịch)

Trước đã nói: Do sanh diệt nên già, chết diệt. Này các Tỳ-kheo, do sanh diệt nên già, chết diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, do sanh diệt nên già, chết diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do sanh diệt nên già, chết diệt.

- Trước đã nói: Do hữu diệt nên sanh diệt. Này các Tỳ-kheo, do hữu diệt nên sanh diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, do hữu diệt nên sanh diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do hữu diệt nên sanh diệt.

- Trước đã nói: Do thủ diệt nên hữu diệt. Này các Tỳ-kheo, do thủ diệt nên hữu diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, do thủ diệt nên hữu diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do thủ diệt nên hữu diệt.

- Trước đã nói: Do ái diệt nên thủ diệt. Này các Tỳ-kheo, do ái diệt nên thủ diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, do ái diệt nên thủ diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do ái diệt nên thủ diệt.

- Trước đã nói: Do thọ diệt nên ái diệt. Này các Tỳ-kheo, do thọ diệt nên ái diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, do thọ diệt nên ái diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do thọ diệt nên ái diệt.

- Trước đã nói: Do xúc diệt nên thọ diệt. Này các Tỳ-kheo, do xúc diệt nên thọ diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, do xúc diệt nên thọ diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do xúc diệt nên thọ diệt.

- Trước đã nói: Do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Này các Tỳ-kheo, do sáu nhập diệt nên xúc diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do sáu nhập diệt nên xúc diệt.

- Trước đã nói: Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt. Này các Tỳ-kheo, do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt.

- Trước đã nói: Do thức diệt nên danh sắc diệt. Này các Tỳ-kheo, do thức diệt nên danh sắc diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, do thức diệt nên danh sắc diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do thức diệt nên danh sắc diệt.

- Trước đã nói: Do hành diệt nên thức diệt. Này các Tỳ-kheo, do hành diệt nên thức diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, do hành diệt nên thức diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do hành diệt nên thức diệt.

- Trước đã nói: Do vô minh diệt nên hành diệt. Này các Tỳ-kheo, do vô minh diệt nên hành diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, do vô minh diệt nên hành diệt. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Do vô minh diệt nên hành diệt.

(Tóm lược về Diệt)

- Lành thay, này các Tỳ-kheo! Các Ông nói như vậy và Ta cũng nói như vậy: "Cái này không có nên cái kia không có, cái này diệt nên cái kia diệt", như vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên sáu nhập diệt, sáu nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

(Tri kiến về ngã)

Này các Tỳ-kheo, các Ông nên biết như vậy, thấy như vậy, có còn chạy theo thời quá khứ, và suy nghĩ: "Ta có mặt trong thời quá khứ hay không có mặt trong thời quá khứ? Ta có mặt trong thời quá khứ như thế nào? Ta có mặt trong thời quá khứ, hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta có mặt như thế nào trong thời quá khứ"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỳ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, có còn chạy theo thời vị lai, và suy nghĩ: "Ta sẽ có mặt trong thời vị lai hay ta sẽ không có mặt trong thời vị lai? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai, hình vóc như thế nào? Trước kia là gì và ta sẽ có mặt như thế nào trong thời vị lai"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỳ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có nghi ngờ gì về mình trong thời hiện tại: "Ta có mặt hay ta không có mặt. Ta có mặt như thế nào? Ta có mặt, hình vóc như thế nào? Hữu tình này từ đâu đến? Và rồi nó sẽ đi đâu"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỳ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có nói như sau: "Bậc Đạo Sư được chúng ta tôn trọng. Chúng ta nói vì chúng ta tôn trọng bậc Đạo Sư"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỳ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có nói như sau: "Một Sa-môn nói với chúng tôi như vậy, các Sa-môn khác cũng nói như vậy, và còn chúng tôi không có nói như vậy"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỳ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có tìm một vị Đạo Sư khác không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỳ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có trở lui lại các giới cấm, tế tự đàn tràng của các tục tử Sa-môn, Bà-la-môn và nghĩ rằng chúng là căn bản không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỳ-kheo, có phải các Ông chỉ nói những gì các Ông tự biết, tự thấy, tự ý thức được?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Lành thay, này các Tỳ-kheo! Này các Tỳ-kheo, các Ông đã được Ta giới thiệu Chánh Pháp, Pháp này thiết thực, hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự thân giác hiểu. Này các Tỳ-kheo, Pháp này thiết thực, hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự thân giác hiểu. Tất cả những gì đã nói là do duyên này mà nói.

(Vòng luân hồi: từ sanh đến trưởng thành)

Này các Tỳ-kheo, có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình: ở đây, cha mẹ có giao hợp và người mẹ không trong thời có thể thụ thai, và hương ấm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Ở đây, cha và mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, nhưng hương ấm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Và này các Tỳ-kheo, khi nào cha mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương ấm có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy, thì bào thai mới thành hình.

Rồi này các Tỳ-kheo, người mẹ trong chín hay mười tháng mang bào thai ấy, với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Rồi này các Tỳ-kheo, sau chín hay mười tháng, người mẹ sinh đẻ với sự lo âu lớn đối với gánh nặng ấy. Khi đã sinh, người mẹ nuôi hài nhi ấy với máu của mình. Này các Tỳ-kheo, trong luật của bậc Thánh, sữa của bà mẹ được xem là máu.

Này các Tỳ-kheo, đứa trẻ ấy, sau khi lớn lên, sau khi các căn đã thuần thục, chơi với những trò chơi dành cho các đứa trẻ, như với cái cày nhỏ, chơi khăn, chơi nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ đong bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ.

Này các Tỳ-kheo, đứa trẻ sau khi lớn lên, sau khi các căn do mắt nhận thức, được thuần thục, thọ hưởng đầy đủ năm món dục lạc; các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức... Các hương do mũi nhận thức... Các vị do lưỡi nhận thức... Các xúc do thân cảm xúc; các xúc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục.

(Tiếp tục luân hồi)

Khi thấy sắc bằng mắt, người đó tham ái đối với sắc đẹp, người đó ghét bỏ đối với sắc xấu, người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch) có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước thọ ấy. Vì tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy, nên dục sanh hỷ, có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy nên dục hỷ sanh. Có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ. Do duyên thủ nên hữu sanh; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Khi người đó nghe tiếng với tai... khi người đó ngửi hương với mũi... khi người đó nếm vị với lưỡi... khi người đó cảm xúc

với thân... khi người đó nhận thức pháp với ý, người đó tham ái đối với pháp tốt, ghét bỏ đối với pháp xấu. Người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri đến tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không còn dư tàn. Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ. Người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy. Vì người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy nên dục hỷ sanh. Có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ. Do duyên thủ nên hữu sanh; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

(Đoạn tận luân hồi: Sự tu tập)

Ở đời, này các Tỳ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhơn, lại tuyên thuyết điều Như Lai đã chứng ngộ. Như Lai thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Như Lai truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh.

Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe Pháp ấy. Sau khi nghe Pháp, người ấy sanh lòng kính ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng, vị ấy suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn

toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Sau một thời gian, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống thành tựu học pháp chánh hạnh, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tàm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, sống thanh tịnh, không có trộm cắp, từ bỏ tà hạnh, sống theo phạm hạnh, sống hạnh viễn ly, từ bỏ dâm dục hèn hạ.

Từ bỏ nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại đối với đời, từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, không đến nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, vị ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp, từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác, nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh Pháp, nói những lời về Luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.

Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hột giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ ăn phi thời, từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, trình diễn, từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thơm và các thời trang, từ bỏ dùng giường cao và giường lớn, từ bỏ nhận vàng bạc, từ bỏ nhận các hạt sống, từ bỏ nhận thịt sống, từ bỏ nhận đàn bà, con gái, từ bỏ nhận nô tỳ, gái và trai, từ bỏ nhận cừu và dê, từ bỏ nhận gia cầm và heo, từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái, từ bỏ nhận ruộng nương và đất đai, từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới, từ bỏ buôn bán, từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường, từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo, từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá.

Vị ấy biết đủ với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát). Ví như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Tỷ-kheo biết đủ với tấm y để che thân, với đồ ăn khất thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát). Vị ấy nhờ thành tựu Thánh giới uẩn này nên hưởng được lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm.

Khi mắt thấy sắc, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; vị ấy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp; vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu, bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; vị ấy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Vị ấy

nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không lỗi lầm.

Vị ấy khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác, khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác, khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác, khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác, khi ăn uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác, khi đi đại tiểu tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác, khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, im lặng đều tỉnh giác.

Vị ấy với sự thành tựu Thành giới uẩn này, với sự thành tựu Thánh hộ trì căn này, và với Thánh chánh niệm tỉnh giác này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đống rơm. Sau khi đi khất thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng, tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa, tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối tiếc. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Sau khi từ bỏ năm triền cái làm ô nhiễm tâm, làm cho yếu ớt trí tuệ, vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Lại nữa, này các Tỳ-kheo,

Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm giác sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng và trú Thiền thứ ba. Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

(Đoạn tận luân hồi: Giải thoát rốt ráo)

Khi vị ấy thấy sắc bằng mắt, vị ấy không tham ái đối với sắc đẹp, không ghét bỏ đối với sắc xấu, vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy từ bỏ (thuận nghịch), có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt. Do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Khi vị ấy nghe tiếng bằng tai... Khi vị ngửi hương bằng mũi... Khi vị ấy nếm vị bằng lưỡi... Khi vị ấy cảm xúc bằng thân... Khi vị ấy nhận thức pháp bằng ý, vị ấy không tham ái đối với pháp tốt, không ghét bỏ đối với pháp xấu. Vị ấy sống an trú niệm trên thân, với tâm vô lượng. Vị ấy như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Chính nhờ chúng mà các ác, bất thiện pháp của vị ấy được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, vị ấy đoạn trừ (thuận nghịch) có cảm thọ nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không tùy hỷ, không hoan nghênh, không tham trước thọ ấy. Vì vị ấy không tùy hỷ, không

hoan nghênh, không tham trước thọ ấy, nếu có dục hỷ nào đối với các cảm thọ, dục hỷ ấy được trừ diệt. Do dục hỷ của vị ấy diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

(Kết luận)

Này các Tỳ-kheo, các Ông hãy thọ trì ái tận giải thoát này, được Ta nói một cách tóm tắt, nhưng (phải nhớ là) Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, đã bị mắc trong cái lưới lớn của ái, trong sự rối loạn của ái.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Phân tích nội dung kinh

Có những điểm chính dưới đây mà người học Phật cần nhận ra khi tìm hiểu về bài kinh này.

Sáu thức do duyên sanh

Kinh Nikaya viết:

Này Sati, có thật chăng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này rong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác"?

"Lành thay, chư Tỳ-kheo, lành thay, chư Tỳ-kheo, các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy! Chư Tỳ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi. Không có duyên, thức không hiện khởi. Nhưng Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, còn tự pháp hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho kẻ mê mờ ấy."

Duyên khởi là Tỳ kheo Sati cho rằng Thức là thường hằng. Ngày nay trong Phật giáo cũng có quan điểm này. Nếu không từ bỏ sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài.

Thức không thường hằng do duyên sanh khởi, không có duyên, thức không hiện khởi.

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, do duyên mà thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức. Này các Tỳ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi. Duyên vỏ gỗ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vỏ bào. Duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ. Duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò. Duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu. Duyên đống rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đống rác. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, do duyên, thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên và tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

Đoạn kinh trên cho biết do duyên sáu nội xứ và duyên sáu ngoại xứ sanh khởi sáu thức. Nếu không có sáu nội xứ hoặc không có sáu ngoại xứ, thức không sanh khởi. Như vậy nói Thức là thường hằng là không hợp lý. Thức biến đổi theo duyên sáu nội xứ và duyên sáu ngoại xứ.

Sáu thức hiện tại phát sanh từ duyên lục nhập trong 12 Nhân duyên. Người học Phật cần biết sáu thức phát sanh từ duyên lục nhập.

Thấy sanh vật tức là thấy quả

Kinh Nikaya viết:

"Này các Tỳ-kheo, các Ông có thấy sanh vật này không?

- Bạch Thế Tôn, có thấy.

- Này các Tỳ-kheo, các Ông có thấy sự tác thành sanh vật do món ăn ấy không?

- Bạch Thế Tôn, có thấy.

- Này các Tỳ-kheo, các Ông có thấy, do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật ấy cũng bị đoạn diệt không?

- Bạch Thế Tôn, có thấy."

Đoạn kinh này, Đức Phật lấy một ví dụ cụ thể để dẫn dụ vào Lý Duyên khởi và Lý duyên diệt.

Ví dụ Thấy sanh vật nói về ba đế trong 4 đế.

Thấy sanh vật do mắt gọi là quả là Đế thứ nhất tức là Khổ

Thấy sự tác thành sanh vật do món ăn ấy là Đế thứ hai tức là Khổ tập.

Thấy do sự đoạn diệt các món ăn ấy là Đế thức ba tức Khổ diệt.

Con người là một sanh vật sống được do thức ăn uống còn gọi đoàn thực. Từ đoàn thực Đức Phật dẫn dụ đến ba thức ăn khác: Thức thực, Xúc thực, Tư niệm thực cũng là loại thức ăn nuôi chúng sanh đi luân hồi trong sanh tử.

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, vì do dự nên nghi hoặc sanh. Sanh vật này có thể không có mặt?

Đoạn kinh trên cho biết rằng vì do dự nên nghi hoặc sanh. Vì do không có quan sát và chiêm nghiệm thấy sanh vật tồn tại nên sanh khởi nghi ngờ. Điều này đúng đối với những ai thiếu chánh niệm quan sát các sanh vật chung quanh chúng ta.

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, nếu thấy như thật với chánh trí tuệ, thì sự nghi ngờ này được trừ diệt. Do sự đoạn diệt các món ăn ấy, sanh vật có thể bị đoạn diệt hay không bị đoạn diệt?

Đoạn kinh trên cho biết rằng nếu thấy như thật với trí tuệ. Sự nghi ngờ được đoạn trừ. Người học Phật quan sát và chiêm nghiệm lâu ngày sự thật hiển bày ra nên sự nghi ngờ được trừ diệt.

Thức ăn và Duyên khởi

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, có bốn món ăn giúp cho an trú các loài hữu tình đã sanh hay phò trợ các loài hữu tình sẽ sanh. Thế nào là bốn? Đoàn thực hoặc thô hoặc tế, thứ hai là xúc thực, thứ ba là tư niệm thực, và thứ tư là thức thực.

Từ ví dụ một sanh vật sống nhờ các món ăn, Đức Phật dẫn dụ các loại hữu tình do bốn thức ăn nên sẽ sanh lại thế gian này.

Kinh Nikaya viết:

Và này các Tỳ-kheo bốn món ăn này, lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Bốn món ăn này lấy ái làm nhân duyên, lấy ái làm tập khởi, lấy ái làm sanh chủng, lấy ái làm nguyên nhân.

Các món ăn cũng có nguyên nhân sanh khởi chính là ái. Như vậy duyên Ái là nghiệp mới trong 12 Nhân duyên.

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, ái này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân?

Ái lấy thọ làm nhân duyên, lấy thọ làm tập khởi, lấy thọ làm sanh chủng, lấy thọ làm nguyên nhân.

Này các Tỳ-kheo, thọ này lấy gì làm nguyên nhân, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân? Thọ lấy xúc làm nhân duyên, lấy xúc làm tập khởi, lấy xúc làm sanh chủng, lấy xúc làm nguyên nhân.

Này các Tỳ-kheo, xúc này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân?

Xúc lấy sáu nhập làm nhân duyên, lấy sáu nhập làm tập khởi, lấy sáu nhập làm sanh chủng, lấy sáu nhập làm nguyên nhân.

Này các Tỳ-kheo, sáu nhập này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân?

Sáu nhập lấy danh sắc làm nhân duyên, lấy danh sắc làm tập khởi, lấy danh sắc làm sanh chủng, lấy danh sắc làm nguyên nhân.

Này các Tỳ-kheo, danh sắc này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân?

Danh sắc lấy thức làm nhân duyên, lấy thức là tập khởi, lấy thức làm sanh chủng, lấy thức làm nguyên nhân.

Này các Tỳ-kheo, thức này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân?

Thức lấy hành làm nhân duyên, lấy hành làm tập khởi, lấy hành làm sanh chủng, lấy hành làm nguyên nhân.

Này các Tỳ-kheo, các hành này lấy gì làm nhân duyên, lấy gì làm tập khởi, lấy gì làm sanh chủng, lấy gì làm nguyên nhân?

Các hành lấy vô minh làm nhân duyên, lấy vô minh làm tập khởi, lấy vô minh làm sanh chủng, lấy vô minh làm nguyên nhân.

Dựa vào đoạn kinh trên cho biết rằng nguyên nhân sanh ra Ái là duyên Thọ, nguyên nhân sanh ra Thọ là duyên Xúc, nguyên nhân sanh ra duyên Xúc là duyên Lục nhập, nguyên nhân sanh ra duyên Lục nhập là duyên Danh sắc, nguyên nhân sanh ra duyên Danh sắc là duyên Thức, nguyên nhân sanh ra duyên Thức là duyên Hành, nguyên nhân sanh ra duyên Hành là duyên Vô minh.

Tiến trình đi ngược duyên Ái cho đến duyên Vô minh, có thể biểu thị bằng mũi tên như sau:

Vô minh ⇦ Hành ⇦ Thức ⇦ Danh sắc ⇦ Lục nhập ⇦ Xúc ⇦ Thọ ⇦ Ái

Nguồn gốc sâu xa sanh khởi duyên Ái, từ duyên Vô minh, Hành, Thức là nghiệp cũ hay quá khứ và từ duyên Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ gọi là quả khổ lạc hiện tại.

Duyên theo chiều thuận

Duyên theo thuận là bắt đầu suy từ nhân ra quả.

Kinh Nikaya viết:

Như vậy, này các Tỳ-kheo, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não được hiện hữu. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Duyên theo chiều thuận có thể biểu thị bằng mũi tên như sau:

Vô minh ⇨ Hành ⇨ Thức ⇨ Danh sắc ⇨ Lục nhập ⇨Xúc ⇨ Thọ ⇨ Ái ⇨ Thủ ⇨ Hữu ⇨ Sanh ⇨ Già chết

Ý nghĩa nguồn gốc sanh khởi nghiệp mới Ái phát xuất từ Vô minh trong quá khứ cho đến duyên Thọ hiện tại. Từ duyên Ái sanh ra quả khổ tương lai là duyên già chết. Như vậy quá khứ, hiện tại, tương lai liên tục và không tách rời.

Duyên theo chiều nghịch

Duyên theo chiều nghịch bắt đầu từ quả suy ra nguyên nhân

Kinh Nikaya viết:

Trước đã nói: Sanh duyên già, chết (Do duyên sanh nên già, chết hiện khởi). Này các Tỳ-kheo, sanh duyên già, chết có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, sanh duyên già, chết. Như vậy đối với chúng con, (nghĩa) ở đây là vậy: Sanh duyên già, chết.

Vô minh ⇦ Hành ⇦ Thức ⇦ Danh sắc ⇦ Lục nhập ⇦ Xúc ⇦ Thọ ⇦ Ái ⇦ Thủ ⇦ Hữu ⇦ Sanh ⇦ Già chết

Ý nghĩa có sanh sẽ có già chết, các ông có thấy như vậy không hay có ý nghĩa khác. Các thầy đã thấy như vậy không hay có ý nghĩa nào khác.

Tương tự cho những duyên Hữu, duyên Thủ, duyên Ái, duyên Xúc, duyên Lục nhập, duyên Danh sắc, duyên Thức, duyên Hành, duyên Vô minh, khi có Vô minh sẽ sanh ra Hành sẽ như vậy chứ không có ý nghĩa nào nữa.

Tóm lược về Duyên

Kinh Nikaya viết:

Lành thay, này các Tỳ-kheo! Các Ông nói như vậy và Ta cũng nói như vậy: "Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh", như vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não cùng sanh khởi. Như vậy, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Sau khi đã trình bày Lý duyên khởi theo chiều thuận xuất phát từ điểm ban đầu gọi là nhân sanh khởi ra quả. Điểm ban đầu là duyên Vô minh cho đến quả cuối cùng là duyên Sanh, Già chết. Thứ đến nói về Lý Duyên khởi theo nghịch xuất phát từ quả Già chết suy ngược lại do duyên Sanh, cứ tiếp tục cho đến duyên Hành do duyên Vô minh sanh khởi.

Các thầy đã nói Lý Duyên khởi như vậy và Đức Phật cũng nói như vậy: *"Cái này có nên cái kia có, cái này sanh nên cái kia sanh"*.

Diệt theo chiều thuận

Diệt theo chiều thuận là diệt điểm ban đầu tức là diệt Nhân sẽ đến diệt cái Quả tức là diệt cái kia sanh.

Kinh Nikaya viết:

Do vô minh đoạn diệt, xả ly một cách hoàn toàn nên các hành diệt. Do các hành diệt nên thức diệt. Do thức diệt nên danh sắc diệt. Do danh sắc diệt nên sáu nhập diệt. Do sáu nhập diệt nên xúc diệt. Do xúc diệt nên thọ diệt. Do thọ diệt nên ái diệt. Do ái diệt nên thủ diệt. Do thủ diệt nên hữu diệt. Do hữu diệt nên sanh diệt. Do sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não đều diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Diệt theo chiều nghịch

Diệt theo nghịch nghĩa là bắt đầu từ điểm cuối của Lý duyên khởi, nếu diệt duyên Sanh thì duyên Già chết sẽ diệt.

Kinh Nikaya viết:

Trước đã nói: Do sanh diệt nên già, chết diệt. Này các Tỳ-kheo, do sanh diệt nên già, chết diệt có phải không? Hay ở đây (nghĩa) như thế nào?

- Bạch Thế Tôn, do sanh diệt nên già, chết diệt. Như vậy đối với chúng con (nghĩa) ở đây là vậy: Do sanh diệt nên già, chết diệt.

Do sanh diệt nên già chết có phải vậy? Hay có ý nghĩa gì khác. Các thầy trả lời rằng Sanh diệt nên Già chết diệt. Đây là sự thật, đây là chân lý. Tương tự cho duyên Hữu, duyên Thủ, duyên Ái, duyên Thọ, duyên Xúc, duyên Lục Nhập, duyên Danh sắc, duyên Thức, duyên Hành, duyên Vô minh.

Khi nguyên nhân diệt thì quả diệt, nếu người học Phật không nhận thấy như vậy sẽ không thể nào chấm dứt sanh tử được.

Tóm lược về Diệt

Kinh Nikaya viết:

- Lành thay, này các Tỳ-kheo! Các Ông nói như vậy và Ta cũng nói như vậy: "Cái này không có nên cái kia không có, cái này diệt nên cái kia diệt", như vô minh diệt nên hành diệt, hành diệt nên thức diệt, thức diệt nên danh sắc diệt, danh sắc diệt nên sáu nhập diệt, sáu nhập diệt nên xúc diệt, xúc diệt nên thọ diệt, thọ diệt nên ái diệt, ái diệt nên thủ diệt, thủ diệt nên hữu diệt, hữu diệt nên sanh diệt, sanh diệt nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu não diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

Các thầy nói như vậy và Đức Phật cũng nói như vậy? *"Cái này không có nên cái kia không có, cái này diệt nên cái kia diệt".*

Người học Phật muốn diệt khổ nên tìm điểm gốc là Duyên Vô minh diệt thì Hành diệt dẫn đến duyên Sanh diệt .

Tri kiến về ngã

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, các Ông nên biết như vậy, thấy như vậy, có còn chạy theo thời quá khứ, và suy nghĩ: "Ta có mặt trong thời quá khứ hay không có mặt trong thời quá khứ? Ta có mặt trong thời quá khứ như thế nào? Ta có mặt trong thời quá khứ, hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta có mặt như thế nào trong thời quá khứ"?

- Này các Tỳ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có nói như sau: "Bậc Đạo Sư được chúng ta tôn trọng. Chúng ta nói vì chúng ta tôn trọng bậc Đạo Sư"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỳ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có nói như sau: "Một Sa-môn nói với chúng tôi như vậy, các Sa-môn khác cũng nói như vậy, và còn chúng tôi không có nói như vậy"?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỳ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có tìm một vị Đạo Sư khác không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỳ-kheo, các Ông biết như vậy, thấy như vậy, các Ông có trở lui lại các giới cấm, tế tự đàn tràng của các tục tử Sa-môn, Bà-la-môn và nghĩ rằng chúng là căn bản không?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Này các Tỳ-kheo, có phải các Ông chỉ nói những gì các Ông tự biết, tự thấy, tự ý thức được?

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

- Lành thay, này các Tỳ-kheo! Này các Tỳ-kheo, các Ông đã được Ta giới thiệu Chánh Pháp, Pháp này thiết thực, hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự thân giác hiểu. Này các Tỳ-kheo, Pháp này thiết thực, hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự thân giác hiểu. Tất cả những gì đã nói là do duyên này mà nói.

Đoạn kinh trên cho biết rằng những ai đã thấy Lý duyên khởi và Lý duyên diệt như thật không còn truy tìm quá khứ ta như thế nào, vô ích thôi, không còn đi tìm đạo sư khác, v.v...

Lý duyên khởi và Lý duyên diệt cho biết rằng các pháp sanh khởi và các pháp diệt nên người học Phật cần chiêm nghiệm, chứng nghiệm Lý Duyên khởi và Lý duyên diệt sẽ phát sanh trí tuệ sau khi đã chứng nghiệm Lý duyên khởi. Khi có trí tuệ sẽ nhận biết rằng những cái quả hạnh phúc, đau khổ của chúng sanh đều có nguyên nhân. Vì vậy người học Phật biết vậy nên không dính mắc sẽ hết khổ. Nhưng vô minh sẽ hành nên phải luân hồi.

Vòng luân hồi: từ sanh đến trưởng thành

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình: ở đây, cha mẹ có giao hợp và người mẹ không trong thời có thể thụ thai, và hương ấm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Ở đây, cha và mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, nhưng hương ấm (gandhabba) không hiện tiền, như vậy bào thai không thể thành hình. Và này các Tỳ-kheo, khi nào cha mẹ có giao hợp, và người mẹ trong thời có thể thụ thai, và hương ấm có hiện tiền; có ba sự hòa hợp như vậy, thì bào thai mới thành hình.

Khi thấy sắc bằng mắt, người đó tham ái đối với sắc đẹp, người đó ghét bỏ đối với sắc xấu, người đó sống niệm không an trú trên thân, với một tâm nhỏ mọn. Người đó không như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát, chính nhờ chúng mà các ác bất thiện pháp của người đó được trừ diệt, không có dư tàn. Như vậy, đối diện với thân, sơ (thuận, nghịch) có cảm thọ

nào khởi lên: lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, người đó tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước thọ ấy. Vì tùy hỷ, hoan nghênh, tham trước cảm thọ ấy, nên dục sanh hỷ, có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy nên dục hỷ sanh. Có tâm dục hỷ đối với những cảm thọ ấy, tức là chấp thủ. Do duyên thủ nên hữu sanh; do duyên hữu nên sanh sinh khởi; do duyên sanh nên già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, sanh. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

Đoạn kinh trên cho biết rằng "có ba sự hòa hợp mà một bào thai thành hình" tức là tinh trùng cha + trứng mẹ + hương ấm (thức quá khứ) đồng nghĩa là Danh sắc còn gọi thai nhi hình thành trong bụng mẹ. Sau 9 tháng 10 ngày thoát ra bụng mẹ gọi là lục nhập rõ ràng, rồi sinh khởi sáu thức, sáu thọ. Có thể biểu thị bằng mũi tên như sau:

Danh sắc ⇨ Lục nhập ⇨ Thức hiện tại ⇨ Xúc ⇨ Thọ

1. Thọ ⇨ Ái không sanh khởi thì sanh chấm dứt.

2. Thọ ⇨ Ái sanh khởi thì sanh trở lại và luân hồi

Nhìn vào biểu đồ trên năm duyên này chính là quả khổ lạc hiện tại. Nếu Minh sanh ở duyên Thọ thì duyên Ái (Hành) không sanh khởi thì sanh sẽ tận. Nếu Vô minh ở duyên Thọ thì Ái (Hành) sanh khởi thì sanh trở lại và luân hồi tiếp.

Đoạn tận luân hồi: Sự tu tập

Kinh Nikaya viết:

Ở đời, này các Tỳ-kheo, Như Lai xuất hiện ở đời là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân

Sư, Phật, Thế Tôn. Như Lai sau khi tự chứng ngộ với thượng trí, thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Nhơn, lại tuyên thuyết điều Như Lai đã chứng ngộ. Như Lai thuyết pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, đầy đủ văn nghĩa. Như Lai truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, thanh tịnh.

Người gia trưởng hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe Pháp ấy. Sau khi nghe Pháp, người ấy sanh lòng kính ngưỡng Như Lai. Khi có lòng tín ngưỡng, vị ấy suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình". Sau một thời gian, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay bỏ tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Đoạn kinh trên nói về Đạo đế tức là chỉ cách tu tập theo âm thanh mà không sử dụng công thức bát Thánh đạo để tu tập nên khó hiểu. Quý vị thực hành bát Thánh đạo trong Phần VI - Chương 2 nói về bát Thánh đạo sẽ đoạn tận ái hoàn toàn.

Kết luận

Thực hành theo bài kinh này có thể chứng quả vị cao nhất là bậc Thánh A-la-hán.

3. Kinh Sáu sáu

Nguyên văn Trung Bộ Kinh số 148. Kinh Sáu sáu viết:

Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm) tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc).

Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỳ-kheo".

- "Thưa vâng, Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Ta sẽ nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh, tức là sáu sáu. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

(Tóm lược)

Các vị Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Sáu nội xứ cần phải được biết. Sáu ngoại xứ cần phải được biết. Sáu thức thân cần phải được biết. Sáu xúc thân cần phải được biết. Sáu thọ thân cần phải được biết. Sáu ái thân cần phải được biết.

(Liệt kê)

Khi được nói đến: "Sáu nội xứ cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt

xứ, thân xứ, ý xứ. Khi được nói đến: "Sáu nội xứ cần phải được biết ", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ nhất.

Khi được nói đến: "Sáu ngoại xứ cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ. Khi được nói đến: "Sáu ngoại xứ cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ hai.

Khi được nói đến: "Sáu thức thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Khi được nói đến: "Sáu thức thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ ba.

Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ tư.

Khi được nói đến: "Sáu thọ thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Khi được nói đến: "Sáu thọ thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ năm.

Khi được nói đến: "Sáu ái thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Khi được nói đến: "Sáu ái thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ sáu.

(Giảng về vô ngã)

Nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của mắt đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt củ mắt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã.

Nếu ai nói rằng: "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã.

Nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Nhãn xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của nhãn xúc đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Nhãn xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ái đã được thấy. Vì rằng sự sanh và

sự diệt của ái đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Tai là tự ngã"...; nếu có ai nói rằng: "Mũi là tự ngã"...; nếu có ai nói rằng: "Lưỡi là tự ngã"...; nếu có ai nói rằng: "Thân là tự ngã"...; nếu có ai nói rằng: "Ý là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của ý đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Ý là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Các pháp là tự ngã", như vậy, là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các pháp đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của các pháp đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Các pháp là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã. Nếu có ai nói rằng: "Ý thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của ý thức đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Ý thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ý xúc là tự ngã ", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của ý xúc đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói

rằng: "Ý xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy, nên đưa phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ái đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của ái đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói rằng: "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

(Nguồn gốc và đoạn diệt thân kiến)

Này các Tỳ-kheo, nhưng đây là con đường đưa đến sự tập khởi của thân kiến. Ai quán mắt là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Ai quán các sắc... Ai quán nhãn thức... Ai quán nhãn xúc... Ai quán thọ... Ai quán ái... Ai quán tai... Ai quán mũi... Ai quán lưỡi... Ai quán thân... Ai quán ý... Ai quán các pháp... Ai quán ý thức... Ai quán ý xúc... Ai quán ái: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

Nhưng này các Tỳ-kheo, đây là con đường đưa đến sự đoạn diệt của thân kiến. Ai quán mắt: "Cái này không phải là của

tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi". Ai quán sắc... Ai quán nhãn thức... Ai quán nhãn xúc... Ai quán thọ... Ai quán ái... Ai quán tai... Ai quán mũi... Ai quán lưỡi... Ai quán thân... Ai quán ý... Ai quán các pháp... Ai quán ý thức... Ai quán ý xúc... Ai quán thọ... Ai quán ái: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

(Ba độc tùy miên)

Này các Tỳ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ, mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này các Tỳ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự

gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muốn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

(Đoạn tận ba độc)

Này các Tỳ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy cảm xúc lạc thọ, mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ, mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Này các Tỳ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Này các Tỳ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên cảm xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy cảm xúc lạc thọ mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

(Giải thoát)

Này các Tỳ-kheo, do thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly mắt, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức; yếm ly nhãn xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng...; yếm ly mũi, yếm ly các hương...; yếm ly lưỡi, yếm ly các vị...; yếm ly thân, yếm ly các xúc...; yếm ly ý, yếm ly các pháp; yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái.

Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết: "Ta đã được giải thoát". Và vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của sáu mươi Tỷ-kheo ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc.

Phân tích nội dung kinh

Giới thiệu

Kinh Nikaya viết:

Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn. Ta sẽ nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh, tức là sáu sáu. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

Sơ thiện là thấp, trung thiện là trung bình, hậu là cao, sau cùng. Có nghĩa, có văn tức là lời rõ ràng và có giải thích kỹ. Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh đồng nghĩa có thể chứng bậc Thánh A-la-hán.

Sáu Ái thân cần phải biết

Khi được nói đến: "Sáu ái thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Khi được nói đến: "Sáu ái thân cần phải

được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ sáu.

Sáu ái là nghiệp mới sẽ sanh ra quả khổ lạc trong tương lai. Trước khi sanh khởi sáu ái, người học Phật cần biết rõ sáu nội xứ, sáu ngoại xứ, sáu thức, sáu xúc, sáu thọ .Tiến trình từ sáu nội xứ, sáu ngoại xứ cho đến sáu thọ là quả khổ lạc hiện tại do nghiệp quá khứ tạo thành.

Người học Phật cần tham khảo trong chương 2 thuộc nghiệp mới của cuốn sách này.

Giảng về vô ngã

Kinh Nikaya viết:

Nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của mắt đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt củ mắt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Mắt là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã.

Nếu ai nói rằng: "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã.

Nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng: "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý.

Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã.

Vì người Ấn Độ xưa cũng như nay đều tin có một tự ngã tồn tại trong con người nên Đức Phật đã dạy rằng không có tự ngã. Tất cả 36 pháp đã kể trên sinh rồi diệt, không thường hằng nên không có một tự ngã độc lập và thường hằng

Thân kiến tập khởi và đoạn diệt

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, nhưng đây là con đường đưa đến sự tập khởi của thân kiến. Ai quán mắt là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Ai quán các sắc... Ai quán nhãn thức... Ai quán nhãn xúc... Ai quán thọ... Ai quán ái... Ai quán tai... Ai quán mũi... Ai quán lưỡi... Ai quán thân... Ai quán ý... Ai quán các pháp... Ai quán ý thức... Ai quán ý xúc... Ai quán ái: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi".

Nhưng này các Tỳ-kheo, đây là con đường đưa đến sự đoạn diệt của thân kiến. Ai quán mắt: "Cái này không phải là của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi". Ai quán sắc... Ai quán nhãn thức... Ai quán nhãn xúc... Ai quán thọ... Ai quán ái... Ai quán tai... Ai quán mũi... Ai quán lưỡi... Ai quán thân... Ai quán ý... Ai quán các pháp... Ai quán ý thức... Ai quán ý xúc... Ai quán thọ... Ai quán ái: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Trong khi quán sanh khởi lên *"Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"* gọi là thân kiến. Khi quán sát kỹ sẽ nhận ra *"Cái này không phải của tôi, cái này không phải là*

tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Vì các pháp do duyên sanh rồi duyên diệt nên không có gì là của tôi, là tôi, là tự ngã của tôi.Thân kiến sẽ đoạn diệt. Người học Phật quán từ duyên sáu nội xứ, sáu ngoại xứ cho đến sáu ái sẽ nhận ra không có gì là của tôi, không có gì là tôi, không có gì là tự ngã của tôi

Tham, Sân, Si tùy miên (ngủ ngầm)

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ, mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Do duyên xúc, nếu sanh khởi lạc thọ mà hoan hỉ, tán thán nên tham tùy miên sanh khởi. Nếu sanh khởi khổ thọ mà sầu muộn, than van nên sân tùy miên sanh khởi. Nếu sanh khởi bất khổ bất lạc thọ sanh khởi vô minh tùy miên.

Sở dĩ gọi tham tùy miên, sân tùy miên, si (vô minh) tùy miên vì tham, sân, si là những nghiệp mới nằm chờ sẵn để trổ ra quả khổ tương lai.

Tham, Sân, Si đoạn tận

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy cảm xúc lạc thọ, mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ, mà không sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Này các Tỳ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Do duyên xúc, nếu sanh khởi lạc thọ mà tâm không hoan hỉ, không tán thán thì tham không sanh khởi nên tham khảo quán năm triền cái trong kinh niệm xứ trong **Phụ lục.**

Tương tự do duyên xúc sanh khởi khổ thọ mà không than van, không rên rỉ thì sân đoạn tận.

Tương tự do duyên xúc sanh khởi bất khổ bất lạc thọ. Nếu thấy sự *sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng.*

Thật sự ly tham thì không có sân, không có si nhưng khi có tham sẽ kéo theo sau là sân, là si. Nên cần biết duyên thọ

chuyển sang bất khổ bất lạc sanh khởi tâm si khi đối tượng mất thì si diệt và trong tương lai không tham thì sân, si không có sanh khởi

Chứng ngộ Tâm giải thoát

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, do thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly mắt, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức; yếm ly nhãn xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng...; yếm ly mũi, yếm ly các hương...; yếm ly lưỡi, yếm ly các vị...; yếm ly thân, yếm ly các xúc...; yếm ly ý, yếm ly các pháp; yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái.

Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết: "Ta đã được giải thoát". Và vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Yểm ly là nhàm chán và từ bỏ có nghĩa nhàm chán 36 pháp. Từ duyên nhàm chán nên từ bỏ tâm tham nên tâm được Giải thoát.

Kết luận

Bài kinh này sẽ giúp người học Phật xác nhận quả khổ lạc hiện tại là sáu nội xứ, sáu ngoại xứ, sáu thức hiện tại, sáu xúc, sáu thọ. Nghiệp mới là sáu ái sẽ sanh ra quả khổ tương lai sau khi thân hoại mạng chung.

4. Kinh Tất cả Lậu hoặc

Nguyên văn Trung Bộ Kinh số 02. Kinh Tất cả các lậu hoặc viết:

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Khi ở tại chỗ ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỳ-kheo!" - "Bạch Thế Tôn", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói: "Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Người pháp môn phòng hộ tất cả lậu hoặc". Hãy nghe và khéo tác ý. Ta sẽ nói. - "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Thế Tôn nói như sau:

(Tóm lược)

- Này các Tỳ-kheo, Ta giảng sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy: có như lý tác ý và không như lý tác ý. Này các Tỳ-kheo, do không như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Này các Tỳ-kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt. Này các Tỳ-kheo, có những lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ.

(Các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ)

Này các Tỳ-kheo, và thế nào là các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ? Này các Tỳ-kheo, ở đây có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chơn nhơn, không thuần thục pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý; vị này vì không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, vì không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý nên tác ý các pháp không cần phải tác ý và không tác ý các pháp cần phải tác ý.

Này các Tỳ-kheo, và thế nào là các pháp không cần phải tác ý mà vị ấy tác ý? Này các Tỳ-kheo, nghĩa là các pháp do vị ấy tác ý mà dục lậu chưa sanh được sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được tăng trưởng; hay hữu lậu chưa sanh được sanh khởi, hay hữu lậu đã sanh được tăng trưởng, hay vô minh lậu chưa sanh được sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được tăng trưởng. Những pháp ấy là những pháp không cần phải tác ý mà vị ấy tác ý. Này các Tỳ-kheo, và thế nào là các pháp cần phải tác ý mà vị ấy không tác ý? Này các Tỳ-kheo, nghĩa là các pháp do vị ấy tác ý mà dục lậu chưa sanh không sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được trừ diệt, hay hữu lậu chưa sanh không sanh khởi, hay hữu lậu đã sanh được trừ diệt, hay vô minh lậu chưa sanh không sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được trừ diệt. Những pháp ấy là những pháp cần phải tác ý mà các vị ấy không tác ý. Do vị ấy tác ý các pháp không nên tác ý, do vị ấy không tác ý các pháp cần phải tác ý, nên các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng.

Vị ấy không như lý tác ý như sau: "Ta có mặt trong thời quá khứ, hay ta không có mặt trong thời quá khứ? Ta có mặt trong thời quá khứ như thế nào? Ta có mặt trong thời quá khứ hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta đã có mặt như thế nào trong thời quá khứ? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai hay ta sẽ không có mặt trong thời vị lai? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai, hình vóc như thế nào? Trước kia ta là gì và ta sẽ có mặt như thế nào trong thời vị lai?" Hay nay vị ấy có nghi ngờ về mình trong thời hiện tại: "Ta có mặt hay ta không có mặt? Ta có mặt như thế nào? Ta có mặt hình vóc như thế nào? Chúng sanh này từ đâu đến? Và rồi nó sẽ đi đâu?".

Với người không như lý tác ý như vậy, một trong sáu tà kiến này khởi lên: "Ta có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn; "Ta không có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật như chơn; "Do tự mình, ta tưởng tri ta có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn; "Do tự mình, ta tưởng tri ta không có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn. "Không do tự mình, ta tưởng tri ta có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn; hay tà kiến này khởi lên với người ấy: "Chính tự ngã của ta nói, cảm giác, hưởng thọ quả báo các nghiệp thiện ác đã làm chỗ này, chỗ kia, chính tự ngã ấy của ta là thường trú, thường hằng, hằng tồn, không chuyển biến, và sẽ vĩnh viễn tồn tại". Này các Tỳ-kheo, như vậy gọi là tà kiến, kiến trù lâm, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược. Này các Tỳ-kheo, trói buộc bởi kiến kiết sử, kẻ phàm phu ít nghe không được giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói kẻ ấy không thoát khỏi khổ đau.

Này các Tỳ-kheo, và vị Thánh đệ tử nghe nhiều, được thấy các bậc Thánh, thuần thục pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; được thấy các bậc Chơn nhơn, thuần thục pháp các bậc Chơn nhơn, tu tập pháp các bậc Chơn nhơn, tuệ tri các pháp cần phải tác ý, tuệ tri các pháp không cần phải tác ý. Vị này, nhờ tuệ tri các pháp cần phải tác ý, nhờ tuệ tri các pháp không cần phải tác ý, nên không tác ý các pháp không cần phải tác ý và tác ý các pháp cần phải tác ý.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các pháp không cần phải tác ý và vị này không tác ý? Này các Tỳ-kheo, những pháp nào do vị ấy tác ý mà dục lậu chưa sanh được sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được tăng trưởng; hay hữu lậu chưa sanh... (như trên)... hay vô minh lậu chưa sanh được khởi, hay vô minh lậu đã sanh được tăng trưởng. Đó là những pháp không nên tác ý và vị ấy không tác ý. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các pháp cần phải tác ý và vị ấy tác ý? Này các Tỳ-kheo, những pháp nào do vị ấy tác ý mà dục lậu chưa sanh không sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được trừ diệt, hay hữu lậu chưa sanh... (như trên)... hay vô minh lậu chưa sanh không sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được trừ diệt, đó là những pháp cần phải tác ý và vị ấy tác ý. Nhờ vị ấy không tác ý các pháp không cần phải tác ý, tác ý các pháp cần phải tác ý nên các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt.

Vị ấy như lý tác ý: "Đây là khổ", như lý tác ý: "Đây là khổ tập", như lý tác ý: "Đây là khổ diệt", như lý tác ý: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nhờ vị ấy tác ý như vậy, ba kiết sử được trừ diệt: thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ.

(Các lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ? Ở đây, có Tỷ-kheo như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ mắt. Này các Tỳ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ mắt, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu sống phòng hộ với sự phòng hộ mắt, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Vị ấy như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ lỗ tai... (như trên)... sống phòng hộ với sự phòng hộ lỗ mũi... (như trên)... sống phòng hộ với sự phòng hộ lưỡi... (như trên)... sống như lý giác sát phòng hộ với sự phòng hộ thân... (như trên)... sống như lý giác sát phòng hộ với sự phòng hộ ý. Này các Tỳ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ ý, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu sống phòng hộ ý, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ.

(Các lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát, thọ dụng y phục, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ với mục đích che đậy sự trần truồng.

Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng món ăn khất thực không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm

thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn".

Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng sàng tọa, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loại bò sát, chỉ để giải trừ nguy hiểm của thời tiết, chỉ với mục đích sống độc cư an tịnh.Vị ấy như lý giác sát thọ dụng dược phẩm trị bệnh, chỉ để ngăn chận các cảm giác khổ thống đã sanh, để được ly khổ hoàn toàn.

Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ.

(Các lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ? Này các Tỳ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo như lý giác sát, kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; kham nhẫn những cách nói mạ lị phỉ báng. Vị ấy có tánh kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người. Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ.

(Các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do tránh

né được đoạn trừ? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát tránh né voi dữ, tránh né ngựa dữ, tránh né bò dữ, tránh né chó dữ, rắn, khúc cây, gai góc, hố sâu, vực núi, ao nước nhớp, vũng nước. Có những chỗ ngồi không xứng đáng ngồi, những trú xứ không nên lai vãng, những bạn bè ác độc mà nếu giao du thì bị các vị đồng phạm hạnh có trí nghi ngờ, khinh thường; vị ấy như lý giác sát tránh né chỗ ngồi không xứng đáng ấy, trú xứ không nên lai vãng ấy và các bạn độc ác ấy. Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ.

(Các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát không có chấp nhận dục niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (dục niệm ấy); không có chấp nhận sân niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (sân niệm ấy); không có chấp nhận hại niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (hại niệm ấy); không chấp nhận các ác bất thiện pháp luôn luôn khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (các ác bất thiện pháp ấy). Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn diệt.

(Các lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ)

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát tu tập niệm giác chi, niệm giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; như lý giác sát tu tập trạch pháp giác chi... (như trên)... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi; xả giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ.

(Kết luận)

Này các Tỳ-kheo, đối với Tỷ-kheo những lậu hoặc nào phải do tri kiến được đoạn trừ đã được tri kiến đoạn trừ, những lậu hoặc nào phải do phòng hộ được đoạn trừ đã được phòng hộ đoạn trừ, những lậu hoặc nào phải do thọ dụng được đoạn trừ đã được thọ dụng đoạn trừ, những lậu hoặc nào phải do kham nhẫn được đoạn trừ đã được kham nhẫn đoạn trừ, những lậu hoặc nào phải do tránh né được đoạn trừ đã được tránh né đoạn trừ, những lậu hoặc nào phải do trừ diệt được đoạn trừ đã được trừ diệt đoạn trừ, những lậu hoặc nào phải do tu tập được đoạn trừ đã được tu tập đoạn trừ; này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là đã sống phòng hộ với sự phòng hộ tất cả lậu hoặc, đã đoạn diệt khát ái, đã thoát ly kiết sử, đã chánh quán kiêu mạn, đã diệt tận khổ đau.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

Phân tích nội dung kinh

Giới thiệu

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, Ta giảng sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy: có như lý tác ý và không như lý tác ý. Này các Tỳ-kheo, do không như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Này các Tỳ-kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt. Này các Tỳ-kheo, có những lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ, có những lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ.

Định nghĩa: Không như lý tác ý.

"Do không như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng"

Định nghĩa: Như lý tác ý.

"Do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt."

Đoạn kinh trên cho biết rằng có tất cả bảy phương pháp để trừ các lậu hoặc.

Lậu là rỉ ra, hoặc là mê mở. Có ba lậu hoặc: Dục lậu, Hữu lậu, Vô minh lậu.

Dục lậu rỉ ra sáu loài chúng sanh: Địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, người, a tu la, trời.

Hữu lậu rỉ ra chúng phạm thiên thuộc cõi trời sắc giới.

Vô minh lậu do không biết tứ đế nên rỉ ra chúng sanh cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc.

Các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, và thế nào là các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ? Này các Tỳ-kheo, ở đây có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chơn nhơn, không thuần thục pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn.

Không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý; vị này vì không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, vì không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý nên tác ý các pháp không cần phải tác ý và không tác ý các pháp cần phải tác ý.

Giải thích câu *"không tuệ tri các pháp cần phải tác ý, không tuệ tri các pháp không cần phải tác ý"* có nghĩa là không biết rõ các pháp cần phải hướng đến và không biết rõ các pháp nào không cần phải hướng đến. Từ đó tác ý đến những pháp không cần tác ý và không tác ý những pháp cần tác ý nên dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu chưa sanh được sanh khởi và đã sanh được tăng trưởng.

Người học Phật cần biết rõ các pháp nào cần tác ý và biết rõ các pháp không cần phải tác ý. Điều này rất quan trọng, nếu không sẽ sanh khởi các lậu hoặc.

Kinh Nikaya viết:

Tuệ tri các pháp cần phải tác ý, tuệ tri các pháp không cần phải tác ý. Vị này, nhờ tuệ tri các pháp cần phải tác ý, nhờ tuệ tri các pháp không cần phải tác ý, nên không tác ý các pháp không cần phải tác ý và tác ý các pháp cần phải tác ý.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các pháp cần phải tác ý và vị ấy tác ý? Này các Tỳ-kheo, những pháp nào do vị ấy tác ý mà dục lậu chưa sanh không sanh khởi, hay dục lậu đã sanh được trừ diệt, hay hữu lậu chưa sanh... (như trên)... hay vô minh lậu chưa sanh không sanh khởi, hay vô minh lậu đã sanh được trừ diệt, đó là những pháp cần phải tác ý và vị ấy tác ý. Nhờ vị ấy không tác ý các pháp không cần phải tác ý, tác ý các pháp cần phải tác ý nên các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt.

Vị ấy như lý tác ý: "Đây là khổ", như lý tác ý: "Đây là khổ tập", như lý tác ý: "Đây là khổ diệt", như lý tác ý: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt". Nhờ vị ấy tác ý như vậy, ba kiết sử được trừ diệt: thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tri kiến được đoạn trừ.

Nhờ gặp các pháp bậc Thánh, thuần thục pháp bậc Thánh, tu tập pháp bậc Thánh nên biết rõ các pháp cần phải tác ý và biết rõ các pháp không cần tác. Vị ấy chỉ tác ý những pháp cần tác ý và không tác ý những pháp không cần tác ý nên dẫn đến các lậu hoặc chưa sanh, không sanh khởi, các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt.

Tác ý đến những Pháp: Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt, đây là con đường đưa đến khổ diệt. Nhờ tác ý như

vậy mà ba kiết sử: Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ được trừ diệt.

Đây là ý nghĩa câu tác ý các pháp cần phải tác ý. Nếu không tác ý như vậy những lậu hoặc do tri kiến được trừ sẽ không xảy ra.

Các lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ

Kinh Nikaya viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do phòng hộ được đoạn trừ? Ở đây, có Tỷ-kheo như lý giác sát, sống phòng hộ với sự phòng hộ mắt. Này các Tỳ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy sống không phòng hộ với sự phòng hộ mắt, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu sống phòng hộ với sự phòng hộ mắt, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa.

Cần phòng hộ mắt, nếu không thì tên phá làng sắc xâm nhập vào mắt sẽ hại tâm. Cần phòng hộ tai, nếu không thì tên phá làng thanh sẽ hại tâm. Cần phòng hộ mũi, nếu không thì tên phá làng hương sẽ hại tâm. Cần phòng lưỡi, nếu không thì tên phá làng vị sẽ hại tâm. Cần phòng hộ thân, nếu không thì tên phá làng xúc sẽ hại tâm. Cần phòng hộ ý, nếu không thì tên phá làng pháp sẽ hại tâm.

Các lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ

Kinh Nikaya viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát, thọ dụng y phục, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng

mặt trời, các loài bò sát, chỉ với mục đích che đậy sự trần truồng.

Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng món ăn khất thực không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để thân này khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới, và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an ổn".

Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng sàng tọa, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loại bò sát, chỉ để giải trừ nguy hiểm của thời tiết, chỉ với mục đích sống độc cư an tịnh.

Vị ấy như lý giác sát thọ dụng dược phẩm trị bệnh, chỉ để ngăn chận các cảm giác khổ thống đã sanh, để được ly khổ hoàn toàn.

Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ.

Thọ dụng y phục, món ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh có mục đích duy trì sự sống thực hành Phạm hạnh để cầu giải thoát.

Các lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ

Kinh Nikaya viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ? Này các Tỳ-kheo, ở đây, có Tỷ-kheo như

lý giác sát, kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; kham nhẫn những cách nói mạ lị phỉ báng. Vị ấy có tánh kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhối, không sung sướng, không thích thú, chết điếng người. Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên. Nếu vị ấy kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ.

Cuộc sống con người có quả khổ về thân cần kham nhẫn để vượt qua. Nếu sanh khởi tâm sân là đi luân hồi tiếp.

Các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ

Kinh Nikaya viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát tránh né voi dữ, tránh né ngựa dữ, tránh né bò dữ, tránh né chó dữ, rắn, khúc cây, gai góc, hố sâu, vực núi, ao nước nhớp, vũng nước. Có những chỗ ngồi không xứng đáng ngồi, những trú xứ không nên lai vãng, những bạn bè ác độc mà nếu giao du thì bị các vị đồng phạm hạnh có trí nghi ngờ, khinh thường; vị ấy như lý giác sát tránh né chỗ ngồi không xứng đáng ấy, trú xứ không nên lai vãng ấy và các bạn độc ác ấy. Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ.

Đoạn kinh trên chỉ dạy người học Phật cần phải né tránh, nếu không các lậu hoặc sanh khởi.

Các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ

Kinh Nikaya viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn trừ? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát không có chấp nhận dục niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (dục niệm ấy); không có chấp nhận sân niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (sân niệm ấy); không có chấp nhận hại niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (hại niệm ấy); không chấp nhận các ác bất thiện pháp luôn luôn khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại (các ác bất thiện pháp ấy). Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn diệt.

Đoạn kinh trên cho biết rằng thực hành chánh tư duy trong bát Thánh đạo.

Các lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ

Kinh Nikaya viết:

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là các lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như lý giác sát tu tập niệm giác chi, niệm giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; như lý giác sát tu tập trạch pháp giác chi... (như trên)... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác

chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi; xả giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Này các Tỳ-kheo, nếu vị ấy không tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỳ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ.

Đoạn kinh này tương tự quán Thất Giác Chi, quý vị tham khảo trong quán pháp trên pháp - Thất Giác Chi trong phần Phụ lục Kinh Tứ Niệm Xứ.

Kết luận

Kinh Nikaya viết:

Này các Tỳ-kheo, đối với Tỷ-kheo những lậu hoặc nào phải do tri kiến được đoạn trừ đã được tri kiến đoạn trừ, những lậu hoặc nào phải do phòng hộ được đoạn trừ đã được phòng hộ đoạn trừ, những lậu hoặc nào phải do thọ dụng được đoạn trừ đã được thọ dụng đoạn trừ, những lậu hoặc nào phải do kham nhẫn được đoạn trừ đã được kham nhẫn đoạn trừ, những lậu hoặc nào phải do tránh né được đoạn trừ đã được tránh né đoạn trừ, những lậu hoặc nào phải do trừ diệt được đoạn trừ đã được trừ diệt đoạn trừ, những lậu hoặc nào phải do tu tập được đoạn trừ đã được tu tập đoạn trừ; này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo ấy được gọi là đã sống phòng hộ với sự phòng hộ tất cả lậu hoặc, đã đoạn diệt khát ái, đã thoát ly kiết sử, đã chánh quán kiêu mạn, đã diệt tận khổ đau. - Trung Bộ kinh số 02.

Tu tập theo bài kinh này có thể chứng được bậc Thánh A-la-hán.

5. Kinh Song tầm

Nguyên văn Trung Bộ Kinh số 19. Kinh Song tầm viết:

Tôi nghe như vầy:

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà Lâm), vườn ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Chư Tỳ-kheo". -"Thưa vâng", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn thuyết giảng như sau:

- Chư Tỳ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, khi chưa thành Chánh Giác và còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Ta sống suy tư và chia hai suy tầm". Chư Tỳ-kheo, phàm có dục tầm nào, sân tầm nào, hại tầm nào, Ta phân thành phần thứ nhất; phàm có ly dục tầm nào, vô sân tầm nào, vô hại tầm nào, Ta phân thành phần thứ hai.

Chư Tỳ-kheo, rồi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Khi dục tầm khởi lên, Ta tuệ tri: "Dục tầm này khởi lên nơi Ta, và dục tầm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn". Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm này đưa đến tự hại", dục tầm được biến mất, Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm đưa đến hại người", dục tầm được biến mất. Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm đưa đến hại cả hai", dục tầm được biến mất. Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn", dục tầm được biến mất. Chư Tỳ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận dục tầm.

Chư Tỳ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sân tầm khởi lên... (như trên)... hại tầm khởi

lên. Ta tuệ tri: "Hại tầm này khởi lên nơi Ta, và hại tầm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn". Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: "Hại tầm này đưa đến tự hại"... "Hại tầm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn", hại tầm biến mất. Chư Tỳ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận hại tầm.

Chư Tỳ-kheo, Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều vấn đề gì, thời tâm sanh khuynh hướng đối với vấn đề ấy. Chư Tỳ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về dục tầm, vị ấy từ bỏ ly dục tầm. Khi tâm đã nặng về dục tầm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về dục tầm. Chư Tỳ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư quán sát nhiều về sân tầm... (như trên)... về hại tầm, vị ấy từ bỏ vô hại tầm. Khi tâm đã đặt nặng về hại tầm thời tâm vị ấy có khuynh hướng về hại tầm.

Chư Tỳ-kheo, ví như vào cuối tháng mùa mưa, về mùa thu, khi lúa đã trổ hạt, một người mục đồng chăn giữ bò, cầm roi đánh các con bò bên này, đánh bên kia, chế ngự chúng, ngăn chận chúng. Vì sao vậy? Chư Tỳ-kheo, vì người mục đồng thấy do nhân duyên này, đưa đến sự chết, sự tù tội, sự đánh đập hay sự trách móc. Chư Tỳ-kheo, cũng vậy, Ta đã thấy sự nguy hại, sự hạ liệt, sự uế nhiễm của các pháp bất thiện, và thấy sự viễn ly, sự lợi ích, sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Chư Tỳ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi ly dục tầm khởi lên, Ta tuệ tri như vầy: "Ly dục tầm này khởi lên nơi Ta và ly dục tầm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn". Chư Tỳ-kheo, nếu ban đêm Ta suy tư, quán sát (về ly dục tầm) không phải từ nhân duyên ấy Ta thấy sợ hãi.

Chư Tỳ-kheo, nếu ban ngày Ta suy tư, quán sát (về ly dục tầm), không phải từ nhân duyên ấy Ta thấy sợ hãi. Chư Tỳ-kheo, nếu ban đêm, ban ngày, Ta suy tư, quán sát (về ly dục tầm), không phải từ nhân duyên ấy Ta thấy sợ hãi. Và Ta suy tư, quán sát quá lâu, thân Ta có thể mệt mỏi; khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động; khi tâm bị dao động thì tâm rất khó được định tĩnh. Chư Tỳ-kheo, rồi tự nội thân Ta trấn an tâm, trấn tịnh tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm Ta khỏi dao động.

Chư Tỳ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi vô sân tầm khởi lên... (như trên)... vô hại tầm khởi lên. Ta tuệ tri như vậy: "Vô hại tầm này khởi lên nơi Ta và vô hại tầm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn". Chư Tỳ-kheo, nếu ban đêm... không phải từ nhân duyên ấy, mà Ta thấy sợ hãi. Và nếu Ta suy tư, quán sát quá lâu, thân Ta có thể mệt mỏi; khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động, khi tâm bị dao động, tâm rất khó được định tĩnh. Chư Tỳ-kheo, rồi tự nội thân Ta trấn an tâm, trấn tịnh tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm Ta khỏi dao động.

Chư Tỳ-kheo, nếu vị Tỳ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vấn đề gì thời tâm sanh khuynh hướng đối với vấn đề ấy. Chư Tỳ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về ly dục tầm, vị ấy từ bỏ dục tầm. Khi tâm đã đặt nặng về ly dục tầm, tâm vị ấy có khuynh hướng về ly dục tầm. Chư Tỳ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về vô sân tầm... (như trên)... nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về bất hại tầm, vị ấy từ bỏ hại tầm. Khi tâm đã đặt nặng về bất hại tầm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về bất hại tầm.

Chư Tỳ-kheo, ví như vào cuối tháng hè, khi tất cả lúa gạo đã cất vào kho thóc, một người mục đồng chăn giữ các con bò. Khi người mục đồng ở dưới gốc cây hay ở ngoài trời, người ấy có thể nghĩ đến có việc cần phải làm, và người ấy nghĩ: "Đây là những con bò". Chư Tỳ-kheo, cũng vậy ở đây, có việc cần phải làm, và Ta nghĩ: "Đây là những pháp".

Chư Tỳ-kheo, Ta phát tâm dõng mãnh, tinh tấn, không có tiêu cực, niệm không tán loạn được an trú, thân được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh nhất tâm.

Chư Tỳ-kheo, Ta ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tầm và tứ, Ta chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng trí. Ta nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp. Ta nhớ rằng: "Tại chỗ kia, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ này. Tại chỗ này, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế

này, các món ăn như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ này, Ta được sanh ra ở đây''. Như vậy Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Chư Tỳ-kheo, trong đêm canh đầu Ta chứng được minh thứ nhất, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến sanh tử trí về chúng sanh. Ta với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ác hạnh về lời nói, ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Chư Tỳ-kheo, trong đêm canh giữa, Ta chứng được minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Ta thắng tri như thật: "Đây là khổ", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", thắng tri như thật: "Đây là khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", thắng tri như thật: "Đây là những lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là nguyên nhân các lậu hoặc", thắng tri như thật: "Đây là các lậu hoặc diệt", thắng tri như thật: "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc diệt".

Nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên trí hiểu biết: Ta đã giải thoát. Ta đã thắng tri: "Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Chư Tỳ-kheo, trong đêm canh ba, Ta chứng được minh thứ ba, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật nhiệt tâm tinh cần.

Chư Tỳ-kheo, giống như trong khu rừng rậm rạp có một hồ nước lớn thâm sâu, và một đoàn nai lớn sống gần một bên. Có một người đến, không muốn chúng được lợi ích, không muốn chúng được hạnh phúc, không muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn. Nếu có con đường nào được yên ổn, được an toàn, đưa đến hoan hỷ, người ấy sẽ chận đóng con đường này lại, sẽ mở con đường nguy hiểm, sẽ đặt con mồi đực, sẽ đặt con mồi cái. Chư Tỳ-kheo, như vậy, sau một thời gian đoàn nai lớn ấy gặp ách nạn và hao mòn dần. Chư Tỳ-kheo, có một người đến, muốn đoàn nai ấy được lợi ích, muốn chúng được hạnh phúc, muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn. Nếu có con đường nào được yên ổn, được an toàn, người ấy sẽ mở

con đường này, sẽ đóng con đường nguy hiểm lại, sẽ đem con mồi đực đi, sẽ hủy bỏ con mồi cái. Chư Tỳ-kheo, như vậy đoàn nai lớn ấy sau một thời gian sẽ được tăng trưởng, hưng thịnh, thành mãn.

Chư Tỳ-kheo, Ta nói ví dụ ấy để giải thích ý nghĩa như sau: Chư Tỳ-kheo, hồ nước lớn, thâm sâu chỉ cho các dục. Chư Tỳ-kheo, đoàn nai lớn chỉ cho các loài hữu tình. Chư Tỳ-kheo, con người không muốn chúng được lợi ích, không muốn chúng được hạnh phúc, không muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn chỉ cho ác ma. Chư Tỳ-kheo, con đường nguy hiểm chỉ cho con đường tà đạo có tám ngành, tức là tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Chư Tỳ-kheo, con mồi đực chỉ cho hỷ và tham. Chư Tỳ-kheo, con mồi cái chỉ cho vô minh. Chư Tỳ-kheo, còn người muốn chúng được lợi ích, muốn chúng được hạnh phúc, muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn chỉ cho Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Con đường yên ổn, an toàn, đưa đến hoan hỷ chỉ cho con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Chư Tỳ-kheo, như vậy Ta mở con đường yên ổn, an toàn, đưa đến hoan hỷ, Ta đóng con đường nguy hiểm, Ta mang đi con mồi đực, Ta hủy bỏ con mồi cái. Chư Tỳ-kheo, những gì vị Đạo Sư cần phải làm cho các đệ tử vì lòng thương tưởng họ, những điều ấy Ta đã làm, vì lòng thương tưởng các Người. Chư Tỳ-kheo, đây là các gốc cây, đây là các chỗ trống. Hãy Thiền định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Ta.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

Phân tích nội dung kinh

Giới thiệu

Kinh Nikaya viết:

Chư Tỳ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, khi chưa thành Chánh Giác và còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Ta sống suy tư và chia hai suy tầm". Chư Tỳ-kheo, phàm có dục tầm nào, sân tầm nào, hại tầm nào, Ta phân thành phần thứ nhất; phàm có ly dục tầm nào, vô sân tầm nào, vô hại tầm nào, Ta phân thành phần thứ hai.

Đức Phật nói về hai suy nghĩ: suy nghĩ về dục, suy nghĩ về sân, suy nghĩ về hại và suy nghĩ ly dục, suy nghĩ ly sân, suy nghĩ ly hại. Người tu nên suy nghĩ về ly dục, suy nghĩ về ly sân, suy nghĩ về ly hại.

Dục tầm, sân tầm, hại tầm khởi lên

Kinh Nikaya viết:

Chư Tỳ-kheo, rồi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Khi dục tầm khởi lên, Ta tuệ tri: "Dục tầm này khởi lên nơi Ta, và dục tầm này đưa đến tự hại, đưa đến hại người, đưa đến hại cả hai, diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn". Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm này đưa đến tự hại", dục tầm được biến mất, Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm đưa đến hại người", dục tầm được biến mất. Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm đưa đến hại cả hai", dục tầm được biến mất. Chư Tỳ-kheo, khi Ta suy tư: "Dục tầm diệt trí tuệ, dự phần vào phiền não, không đưa đến Niết-bàn", dục tầm được biến mất. Chư Tỳ-kheo, như vậy Ta tiếp tục trừ bỏ, xả ly và đoạn tận dục tầm.

Chư Tỳ-kheo, Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều vấn đề gì, thời tâm sanh khuynh hướng đối với vấn đề ấy. Chư Tỳ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư, quán sát nhiều về dục tầm, vị ấy từ bỏ ly dục tầm. Khi tâm đã nặng về dục tầm, thời tâm vị ấy có khuynh hướng về dục tầm. Chư Tỳ-kheo, nếu Tỷ-kheo suy tư quán sát nhiều về sân tầm... (như trên)... về hại tầm, vị ấy từ bỏ vô hại tầm. Khi tâm đã đặt nặng về hại tầm thời tâm vị ấy có khuynh hướng về hại tầm.

Đoạn kinh trên cho biết rằng suy nghĩ nhiều về dục tầm thì tâm sẽ nghiêng về dục tầm nhiều và suy nghĩ nhiều về ly dục thì tâm sẽ nghiêng về ly dục. Tương tự cho sân tầm, hại tầm cũng vậy.

Suy nghĩ nhiều về ly dục tầm thì sẽ từ bỏ dục tầm, tương tự cho suy nghĩ về ly sân tầm, ly hại tầm sẽ từ bỏ sân tầm, từ bỏ hại tầm. Hơn nữa suy nghĩ nhiều về dục sẽ dẫn đến hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, dẫn đến phiền não và không đưa đến Niết Bàn.

Ví dụ 1 về dục tầm

Kinh Nikaya viết:

Chư Tỳ-kheo, ví như vào cuối tháng mùa mưa, về mùa thu, khi lúa đã trổ hạt, một người mục đồng chăn giữ bò, cầm roi đánh các con bò bên này, đánh bên kia, chế ngự chúng, ngăn chận chúng. Vì sao vậy? Chư Tỳ-kheo, vì người mục đồng thấy do nhân duyên này, đưa đến sự chết, sự tù tội, sự đánh đập hay sự trách móc. Chư Tỳ-kheo, cũng vậy, Ta đã thấy sự nguy hại, sự hạ liệt, sự uế nhiễm của các pháp bất thiện, và thấy sự viễn ly, sự lợi ích, sự thanh tịnh của các thiện pháp.

Lúa trổ hạt sẽ làm đàn bò ăn và sẽ dẫn đến tù tội nên người

chăn bò phải canh giữ chúng lại và tương tự như người tu còn ham muốn nhiều, có sân hận tầm, có hại tầm sẽ dẫn đến đau khổ. Vì vậy người tu cần thực hành suy nghĩ ly dục, suy nghĩ ly sân, suy nghĩ ly hại thì dục tầm, sân tầm, hại tầm không sanh khởi.

Ly dục tầm, ly sân tầm, ly hại tầm khởi lên

Kinh Nikaya viết:

Chư Tỳ-kheo, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, khi ly dục tầm khởi lên, Ta tuệ tri như vầy: "Ly dục tầm này khởi lên nơi Ta và ly dục tầm này không đưa đến tự hại, không đưa đến hại người, không đưa đến hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào phiền não, đưa đến Niết-bàn". Chư Tỳ-kheo, nếu ban đêm Ta suy tư, quán sát (về ly dục tầm) không phải từ nhân duyên ấy Ta thấy sợ hãi. Chư Tỳ-kheo, nếu ban ngày Ta suy tư, quán sát (về ly dục tầm), không phải từ nhân duyên ấy Ta thấy sợ hãi. Chư Tỳ-kheo, nếu ban đêm, ban ngày, Ta suy tư, quán sát (về ly dục tầm), không phải từ nhân duyên ấy Ta thấy sợ hãi. Và Ta suy tư, quán sát quá lâu, thân Ta có thể mệt mỏi; khi thân mệt mỏi thì tâm bị dao động; khi tâm bị dao động thì tâm rất khó được định tĩnh. Chư Tỳ-kheo, rồi tự nội thân Ta trấn an tâm, trấn tịnh tâm, khiến được nhất tâm, khiến thành định tĩnh. Vì sao vậy? Vì để tâm Ta khỏi dao động.

Đoạn kinh trên cho biết rằng suy nghĩ về ly dục tầm. Tâm sẽ nghiêng về ly dục tầm, Tâm sẽ thành định tĩnh.

Tầm là suy nghĩ ly dục, suy nghĩ ly sân, suy nghĩ ly hại sẽ không hại mình, sẽ không hại người, sẽ không hại cả hai, tăng trưởng trí tuệ, không có phiền não, dẫn đến Niết Bàn.

Ví dụ thứ hai về Ly dục tầm

Kinh Nikaya viết:

Chư Tỳ-kheo, ví như vào cuối tháng hè, khi tất cả lúa gạo đã cất vào kho thóc, một người mục đồng chăn giữ các con bò. Khi người mục đồng ở dưới gốc cây hay ở ngoài trời, người ấy có thể nghĩ đến có việc cần phải làm, và người ấy nghĩ: "Đây là những con bò". Chư Tỳ-kheo, cũng vậy ở đây, có việc cần phải làm, và Ta nghĩ: "Đây là những pháp".

Người tu đã thực hành suy nghĩ ly dục, suy nghĩ ly sân, suy nghĩ ly hại dẫn đến tâm định tĩnh được ví dụ như lúa thóc đã cất vào kho, không còn lo sợ bị tù tội nữa còn người tu không còn sanh khởi dục tầm, sân tầm, hại tầm nữa.

Chứng Tứ Thiền

Kinh Nikaya viết:

Chư Tỳ-kheo, Ta phát tâm dõng mãnh, tinh tấn, không có tiêu cực, niệm không tán loạn được an trú, thân được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh nhất tâm.

Chư Tỳ-kheo, Ta ly dục, ly ác, bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tầm và tứ, Ta chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc nộ gọi là xả niệm lạc trú, Ta chứng và an trú Thiền thứ ba. Xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, Ta chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Ly dục, ly bất thiện pháp tức là ly sân, ly hại, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm,

có tứ. Có nghĩa là sự ly dục do sự suy nghĩ về ly dục sẽ không hại mình, không hại người, không hại cả hai, đưa đến trí tuệ, không có phiền não, đưa đến Niết bàn. Do suy nghĩ như vậy nên hỷ lạc sanh khởi. Tứ là điều chỉnh nếu trong khi suy nghĩ có mệt mỏi nên điều hòa cho quân bình.

Chứng Tam Minh

Kinh Nikaya viết:

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Ta dẫn tâm, hướng tâm đến sanh tử trí về chúng sanh. Ta với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh làm những ác hạnh về thân, ác hạnh về lời nói, ác hạnh về ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những chúng sanh nào thành tựu những thiện hạnh về thân, thành tựu những thiện hạnh về lời nói, thành tựu những thiện hạnh về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi Trời, trên đời này. Như vậy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, Ta thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta tuệ tri rằng, chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của họ.

Chư Tỳ-kheo, trong đêm canh giữa, Ta chứng được minh thứ hai, vô minh diệt, minh sanh; bóng tối diệt, ánh sáng sanh, trong khi Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Sau khi đã chứng Tứ thiền, dẫn tâm, hướng tâm đến Túc Mạng Minh, Sanh Tử Minh, Lậu tận Minh.

Ví dụ thứ ba về con đường an toàn an ổn và con đường không an ổn

Kinh Nikaya viết:

Chư Tỳ-kheo, giống như trong khu rừng rậm rạp có một hồ nước lớn thâm sâu, và một đoàn nai lớn sống gần một bên. Có một người đến, không muốn chúng được lợi ích, không muốn chúng được hạnh phúc, không muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn. Nếu có con đường nào được yên ổn, được an toàn, đưa đến hoan hỷ, người ấy sẽ chận đóng con đường này lại, sẽ mở con đường nguy hiểm, sẽ đặt con mồi đực, sẽ đặt con mồi cái. Chư Tỳ-kheo, như vậy, sau một thời gian đoàn nai lớn ấy gặp ách nạn và hao mòn dần. Chư Tỳ-kheo, có một người đến, muốn đoàn nai ấy được lợi ích, muốn chúng được hạnh phúc, muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn. Nếu có con đường nào được yên ổn, được an toàn, người ấy sẽ mở con đường này, sẽ đóng con đường nguy hiểm lại, sẽ đem con mồi đực đi, sẽ hủy bỏ con mồi cái. Chư Tỳ-kheo, như vậy đoàn nai lớn ấy sau một thời gian sẽ được tăng trưởng, hưng thịnh, thành mãn.

Chư Tỳ-kheo, Ta nói ví dụ ấy để giải thích ý nghĩa như sau: Chư Tỳ-kheo, hồ nước lớn, thâm sâu chỉ cho các dục. Chư Tỳ-kheo, đoàn nai lớn chỉ cho các loài hữu tình. Chư Tỳ-kheo, con người không muốn chúng được lợi ích, không muốn chúng được hạnh phúc, không muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn chỉ cho ác ma. Chư Tỳ-kheo, con đường nguy hiểm chỉ cho con đường tà đạo có tám ngành, tức là tà tri kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định. Chư Tỳ-kheo, con mồi đực chỉ cho hỷ và tham. Chư Tỳ-kheo,

con mồi cái chỉ cho vô minh. Chư Tỳ-kheo, còn người muốn chúng được lợi ích, muốn chúng được hạnh phúc, muốn chúng được an ổn khỏi các ách nạn chỉ cho Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Con đường yên ổn, an toàn, đưa đến hoan hỷ chỉ cho con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Chư Tỳ-kheo, như vậy Ta mở con đường yên ổn, an toàn, đưa đến hoan hỷ, Ta đóng con đường nguy hiểm, Ta mang đi con mồi đực, Ta hủy bỏ con mồi cái. Chư Tỳ-kheo, những gì vị Đạo Sư cần phải làm cho các đệ tử vì lòng thương tưởng họ, những điều ấy Ta đã làm, vì lòng thương tưởng các Người. Chư Tỳ-kheo, đây là các gốc cây, đây là các chỗ trống. Hãy Thiền định, chớ có phóng dật, chớ có hối tiếc về sau. Đó là lời giáo huấn của Ta.

Ví dụ trên cho biết rằng có hai con đường:

Một con đường Tà đạo: Tà kiến, Tà tư duy, Tà ngữ, Tà nghiệp. Tà mạng, Tà tinh tấn, Tà niệm, Tà định sẽ dẫn người tu vào con đường đau khổ do ác ma bày ra.

Một con đường Chánh đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định do Như Lai chỉ dạy để được an ổn và thoát khổ.

Kết luận

Mục đích của bài kinh này giúp người tu hiểu rõ hơn về Chánh Tư duy và Chánh Định. Vì vậy người tu suy nghĩ nhiều và hiểu ý bài kinh này sẽ giúp quý vị sáng tỏ về Chánh tư duy và Chánh niệm.

6. Kinh Niệm xứ

Nguyên văn Trung Bộ Kinh số 10. Kinh Niệm xứ viết:

Như vầy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở xứ Kuru (Câu-lâu), Kammassadhamma (kiềm-ma sắt đàm) là đô thị của xứ Kuru. Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo.

Các Tỳ-kheo vâng đáp Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn.

Thế Tôn thuyết như sau:

- Này các Tỳ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn Niệm xứ.

Thế nào là bốn? Này các Tỳ-kheo, ở đây Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

(Quán thân)

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân? Này các Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo đi đến khu rừng,

đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra. Thở vô dài, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra dài"; hay thở vô ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra ngắn". "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập; "An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Này các Tỷ-kheo, như người thợ quay hay học trò người thợ quay thiện xảo khi quay dài, tuệ tri: "Tôi quay dài" hay khi quay ngắn, tuệ tri: "Tôi quay ngắn". Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thở vô dài, tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, tuệ tri: "Tôi thở ra dài"; hay thở vô ngắn, tuệ tri: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, tuệ tri: "Tôi thở ra ngắn". "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập; "An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy không nương tựa, không chấp trước vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo đi, tuệ tri: "Tôi đi", hay đứng, tuệ tri: "Tôi đứng", hay ngồi, tuệ tri: "Tôi ngồi", hay nằm, tuệ tri: "Tôi nằm". Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy tuệ tri thân như thế ấy.

Vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay vị ấy sống quán thân trên ngoại thân; hay vị ấy sống quán thân trên nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo, khi bước tới bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo Sanghati (Tăng già lê), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm.

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên cả nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này: "Đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan,

hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, niêm dịch, nước ở khớp xương, nước tiểu". Này các Tỳ-kheo, cũng như một bao đồ, hai đầu trống đựng đầy các loại hột như gạo, lúa, đậu xanh, đậu lớn, mè, gạo đã xay rồi. Một người có mắt, đổ các hột ấy ra và quán sát: "Đây là hột gạo, đây là hột lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hột lúa đã xay rồi". Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, một Tỷ-kheo quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này: "Đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, niêm dịch, nước ở khớp xương, nước tiểu".

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân, hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này về các vị trí các giới và sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại". Này các Tỳ-kheo, như một người đồ tể thiện xảo, hay đệ tử của một người đổ tể giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư đường. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại".

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy".

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài giả can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy".

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại

thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Này các Tỳ-kheo, lại nữa, Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương không còn dính thịt, dính máu, còn được các đường gân cột lại, chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia. Ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương mông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy".

Như vậy, vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì ở trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Lại nữa này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu

vỏ ốc... chỉ còn một đống xương lâu hơn ba năm... chỉ còn là xương thối trở thành bột. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy".

Như vậy vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay sống quán thân trên ngoại thân; hay sống quán thân trên nội thân, ngoại thân. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay sống quán tánh diệt tận trên thân; hay sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

(Quán thọ)

Này các Tỳ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ? Này các Tỳ-kheo, ở đây Tỷ-kheo khi cảm giác lạc thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ"; khi cảm giác khổ thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ"; khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ". Hay khi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất"; hay khi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất". Hay khi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất"; hay khi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất". Hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất"; hay khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất".

Như vậy, vị ấy sống quán thọ trên các nội thọ; hay sống quán thọ trên các ngoại thọ; hay sống quán thọ trên các nội thọ, ngoại thọ. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các thọ, hay sống quán tánh diệt tận trên các thọ; hay sống quán tánh sanh diệt trên các thọ. "Có thọ đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ.

(Quán tâm)

Này các Tỳ-kheo, như thế nào là Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo, với tâm có tham, tuệ tri: "Tâm có tham"; hay với tâm không tham, tuệ tri: "Tâm không tham". Hay với tâm có sân, tuệ tri: "Tâm có sân"; hay với tâm không sân, tuệ tri: "Tâm không sân". Hay với tâm có si, tuệ tri: "Tâm có si"; hay với tâm không si, tuệ tri: "Tâm không si". Hay với tâm thâu nhiếp, tuệ tri: "Tâm được thâu nhiếp". Hay với tâm tán loạn, tuệ tri: "Tâm bị tán loạn". Hay với tâm quảng đại, tuệ tri: "Tâm được quảng đại"; hay với tâm không quảng đại, tuệ tri: "Tâm không được quảng đại". Hay với tâm hữu hạn, tuệ tri: "Tâm hữu hạn". Hay với tâm vô thượng, tuệ tri: "Tâm vô thượng". Hay với tâm có định, tuệ tri: "Tâm có định"; hay với tâm không định, tuệ tri: "Tâm không định". Hay với tâm giải thoát, tuệ tri: "Tâm có giải thoát"; hay với tâm không giải thoát, tuệ tri: "Tâm không giải thoát".

Như vậy vị ấy sống quán tâm trên nội tâm; hay sống quán tâm trên ngoại tâm; hay sống quán tâm trên nội tâm, ngoại tâm. Hay sống quán tánh sanh khởi trên tâm; hay sống quán tánh diệt tận trên tâm; hay sống quán tánh sanh diệt trên tâm.

"Có tâm đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm.

(Quán pháp)

Này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái. Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nội tâm có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi có ái dục"; hay nội tâm không có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có ái dục". Và với ái dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Hay nội tâm có sân hận, tuệ tri: "Nội tâm tôi có sân hận"; hay nội tâm không có sân hận, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có sân hận". Và với sân hận chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã sanh, nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: "Nội tâm tôi có hôn trầm thụy miên"; hay nội tâm không có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có hôn trầm thụy miên". Và với hôn trầm thụy miên chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có trạo

hối, tuệ tri: "Nội tâm tôi có trạo hối"; hay nội tâm không có trạo hối, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có trạo hối". Và với trạo hối chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy lo tuệ tri như vậy. Hay nội tâm có nghi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có nghi"; hay nội tâm không có nghi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có nghi". Và với nghi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn. Này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn? Này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo suy tư: "Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập; đây là tưởng diệt. Đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt. Đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt". Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán

tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ. Này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ? Này các Tỳ-kheo, ở đây Tỳ-kheo tuệ tri con mắt và tuệ tri các sắc, do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Tỷ-kheo tuệ tri tai và tuệ tri các tiếng... tuệ tri mũi và tuệ tri các hương... tuệ tri lưỡi... và tuệ tri các vị... tuệ tri thân và tuệ tri các xúc, tuệ tri ý và tuệ tri các pháp; do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp

ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi. Này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi? Này các Tỳ-kheo, ở đây Tỷ-kheo nội tâm có niệm giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có niệm giác chi"; hay nội tâm không có niệm giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có ý niệm giác chi". Và với niệm giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với niệm giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

Hay Tỷ-kheo nội tâm có trạch pháp giác chi... (như trên)... hay nội tâm có tinh tấn giác chi... (như trên)... hay nội tâm có hỷ giác chi... (như trên)... hay nội tâm có khinh an giác chi... (như trên)... hay nội tâm có định giác chi... (như trên)... hay nội tâm có xả giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có xả giác chi"; hay nội tâm không có xả giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có xả giác chi". Và với xả giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với xả giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

Như vậy vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến

chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, vị ấy sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế. Này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là Khổ"; như thật tuệ tri: "Đây là Khổ tập"; như thật tuệ tri: "Đây là Khổ diệt"; như thật tuệ tri: "Đây là Con đường đưa đến Khổ diệt".

Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế.

(Kết luận)

Này các Tỳ-kheo, vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này như vậy trong bảy năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

Này các Tỳ-kheo, không cần gì đến bảy năm, một vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này như vậy trong sáu năm, trong năm năm, trong bốn năm, trong ba năm, trong hai năm, trong một năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng

Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

Này các Tỳ-kheo, không cần gì đến một năm, một vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này trong bảy tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn. Này các Tỳ-kheo, không cần gì bảy tháng, một vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này trong sáu tháng, trong năm tháng, trong bốn tháng, trong ba tháng, trong hai tháng, trong một tháng, trong nửa tháng, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

Này các Tỳ-kheo, không cần gì nửa tháng, một vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này trong bảy ngày, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hai là nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn. Này các Tỳ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn Niệm xứ.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

Phân tích nội dung kinh

Trước khi thực hành Đạo đế là đế thứ tư trong Tứ Thánh Đế, chúng ta cần biết bốn đế như sau:

Đây là Thánh đế về Khổ cũng gọi là quả khổ, diễn tả cảm thọ khổ, cảm thọ lạc, cảm thọ bất khổ bất lạc xảy ra hằng ngày nhưng trong kinh tại sao chỉ nói về khổ? Vì vạn pháp sanh diệt nên cuối cùng chỉ còn cảm thọ khổ.

Đây là Thánh đế về Khổ Tập diễn tả về những nguyên nhân sanh ra khổ. Người học Phật cần biết rõ và đoạn tận chúng. Đức Phật dạy Khổ Tập là lý duyên khởi tức là 12 Nhân duyên, nói gọn là ý hành, thân hành, khẩu hành hay sáu ái hay mười kiết sử. Trước khi thực hành đạo đế, chúng ta cần nhận diện khổ tập để đoạn tận. Nếu người học Phật chưa thấy Khổ Tập mà thực hành gọi là tu mù.

Đây là Thánh đế về Khổ Diệt diễn tả trạng thái hết khổ (Niết Bàn), khi nói diệt khổ có nghĩa là diệt cái nhân chứ không phải diệt cái quả. Để diệt khổ tập người học Phật phải biết phương pháp, nếu không biết thì khổ tập vẫn còn và khổ không bao giờ chấm dứt.

Đây là Thánh đế con đường dẫn đến khổ diệt diễn tả những phương pháp để đoạn tận Khổ Tập. Nhờ Đức Phật biết và chỉ dạy lại trong kinh Tăng Chi tám pháp viết như sau:

17. Ví như, này Pahàràda, biển lớn có nhiều châu báu, có nhiều loại châu báu, ở đây có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xà-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Cũng vậy, này Pahàràda, Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đấy có những châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành. Này Pahàràda, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đấy có những châu báu này, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành, nên này Pahàràdan, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ bảy mà do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Đức Phật ví những phương pháp diệt khổ là châu báu vì nhờ chúng mà ta hết khổ.

Có những phương pháp diệt khổ, người học Phật cần thiện xảo một trong bảy con đường, vì mỗi con đường là một châu báu, không cần phải thiện xảo hết bảy con đường.

Như vậy người học Phật cần tìm hiểu rốt ráo một trong bảy con đường kể trên và thực hành không bao lâu có thể chứng một trong bốn bậc Thánh. Theo tôi thời kỳ này có thể chứng được dự lưu hay nhất lai còn hai bậc Thánh kia vô cùng khó vì do dục lạc quá nhiều trong thế kỷ 21 này.

Để thực hành đạo đế Tứ niệm xứ, người học Phật cần thấy nguyên nhân sanh ra khổ, nếu chưa thấy cho dù có thực hành đạo đế nào cũng không thành công.

I. Giới thiệu

Địa điểm

Một thời Thế Tôn ở xứ Kuru (Câu-lâu), Kammassadhamma là đô thị của xứ Kuru.

Duyên khởi

Ngài tự thuyết chứ không ai yêu cầu cả.

Đối tượng để thuyết pháp

Là các Tỳ kheo đã chứng Dự Lưu nên Đức Phật không thuyết về thân kiến, nghi, giới cấm thủ. Thông thường trong những bài khác khi Đức Phật thuyết pháp về thân kiến có nghĩa là những Tỳ kheo còn thân kiến. Trong nhiều bài kinh ít nói về nghi và giới cấm thủ vì các Tỳ kheo không nghi và không có giới cấm thủ.

Hơn nữa những vị Tỳ kheo nghe bài kinh này là những người từ bỏ gia đình sống không gia đình và đã chứng Thánh dự lưu mới tu tập được, còn những người sống với gia đình trong thế kỷ 21 này với vật chất phong phú, dù muốn thực hành khó thành công.

Giới thiệu tổng thuyết đề tài

Này các Tỳ-kheo, đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Đó là Bốn Niệm xứ.

Thế nào là bốn? Này các Tỳ-kheo, ở đây Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán thọ trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán tâm trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời; sống quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

Giải thích từ ngữ

Ý nghĩa câu "đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn." là gì?

Nhiều người học Phật đã giải thích sai về ý nghĩa con đường độc nhất do không tìm hiểu ý nghĩa từ "Đạo đế và Khổ Tập đế" trong Tứ Thánh Đế. Trước khi giải thích ý nghĩa câu trên.

Khổ tập gồm có Bát Tà: Tà kiến, Tà tư duy, Tà ngữ, Tà nghiệp, Tà mạng, Tà tinh tấn, Tà niệm, Tà định. Có thể nói rằng Khổ Tập là mười kiết sử: Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ, Tham, Sân, Ái sắc giới, Ái vô sắc giới, Mạn, Trạo cử,

Vô minh. Hoặc là Vô minh duyên Hành, duyên Thức, duyên Danh sắc, duyên Lục nhập, duyên Xúc, duyên Thọ, duyên Ái, duyên Thủ, duyên Hữu, duyên Sanh, duyên Già chết. Diệt khổ đế có bốn bậc Thánh, người học Phật để chứng Thánh dự lưu diệt kiết sử nào? Thánh nhất lai diệt kiết sử nào? Thánh bất lai diệt kiết sử nào? Thánh A-la-hán diệt kiết sử nào? Trong bài kinh Tứ Niệm xứ diệt tham, ưu, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết Bàn.

Trước Khi tu tập Chánh niệm chi thứ bảy trong Bát Chánh đạo tức là Tứ niệm xứ còn gọi là biệt thuyết Tứ niệm xứ, người học Phật cần tu tập Chánh kiến để trừ Tà kiến, tu tập Chánh tư duy trừ diệt Tà tư duy, tu tập Chánh ngữ trừ diệt Tà ngữ, tu tập Chánh nghiệp trừ diệt Tà nghiệp, tu tập Chánh mạng trừ diệt Tà mạng, tu tập Chánh tinh tấn diệt trừ Tà tinh tấn. Như vậy người học Phật đã thành tựu sáu chi phần của bát Chánh đạo trước khi tu tập Chánh niệm để trừ Tà niệm hay trừ Tham, ưu ở đời. Đây là lý do tại sao trong kinh gọi Chánh niệm là con đường duy nhất trừ diệt tham, ưu ở đời ngoài Chánh niệm ra không có một con đường nào khác diệt tận tham ưu hay diệt trừ khổ ưu được là vậy.

Hơn nữa phần kết luận của Tứ niệm xứ cho biết rằng khi thực hành sẽ dẫn đến chứng quả bất hoàn (bất lai) hay quả A la hán là vậy. Nhiều người học Phật không biết khổ tập chính là Tham, ưu và đạo đế nào để trừ diệt Tham, sân. Trong tám chi phần của bát Chánh đạo chỉ có Chánh niệm để diệt tận Tham còn những chi phần khác trừ diệt các khổ tập khác. Bậc Thánh dự lưu cần diệt Thân kiến, Nghi, Giới cấm thủ, bậc Thánh bất lai, A-la-hán cần diệt tận Tham, ưu. Như vậy Chánh niệm hay Tứ niệm xứ là con đường độc nhất để trừ diệt Tham ưu là vậy.

Tứ niệm xứ có nghĩa là ghi nhớ bốn nơi: Thân, Thọ, Tâm, Pháp.

Quán là quan sát và ghi nhận những gì đang xảy ra.

Thân (body) là cơ thể con người bao gồm ba mươi hai chất bất tịnh trong thân và những hình vóc thân thể thuộc về bên ngoài thân.

Thọ (feelings) là cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ bất khổ bất lạc.

Tâm (Mind) là vế thứ nhất của thức và cảnh là vế thứ hai của thức. Duyên tâm và cảnh sanh ra sáu cái biết: cái biết của mắt, cái biết của tai, cái biết của mũi, cái biết của lưỡi, cái biết của thân, cái biết của ý.

Pháp (Dhamma): một số khía cạnh của từ này có thể được phân biệt:

1) Theo nghĩa chung nhất, nó chỉ tất cả các hiện tượng của vũ trụ, bao gồm cả Niết-bàn. Trong ngữ cảnh này, nó có thể được dịch là "vật" hoặc "hiện tượng".

2) Hiện tượng tinh thần, trạng thái tinh thần, nội dung tinh thần.

3) Sự giảng dạy - dù là của Đức Phật hay của một số vị thầy khác.

4) Bản chất hoặc chất lượng hoặc thuộc tính hoặc đặc điểm của một hiện tượng. Trong các hợp chất, nó có thể có nghĩa là: "có bản chất của…" hoặc "bản chất là đối tượng của…", ví dụ: vipariṇāma dhamma.

5) Quy luật Tự nhiên, quy luật giải thoát do Đức Phật dạy.

Pháp có năm nghĩa như vậy. Chọn mục bốn cho ý nghĩa từ "Pháp".

Pháp (Mental Qualities) là những phẩm chất của tâm

Quán pháp trên pháp là quán sát những tính chất tâm sanh và diệt Pháp trên Pháp tạm hiểu quán Pháp là chính.

Quán thân trên thân là quan sát và ghi nhận những gì xảy trên thân.

Nhiệt tâm (dedicated) là hăng hái, chuyên tâm.

Tỉnh giác tiếng anh là completely aware nghĩa là tỉnh táo, hay biết.

Chánh niệm (mindful) là ghi nhớ đúng chỗ (như thân, thọ, tâm, pháp) những pháp sanh khởi và diệt trên bốn chỗ vừa nêu trên.

Chế ngự (destruction) tham ưu ở đời có nghĩa là tiêu diệt tâm tham và ưu khi sống trong thế gian này.

Đây là con đường độc nhất đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh. Đoạn văn này làm nhiều người hiểu lầm nhất vì nhiều người không biết Khổ Tập chính là nguyên nhân sanh khổ. Nhưng nguyên nhân khổ là sáu ái hay mười kiết sử. Như vậy Đạo đế Tứ niệm xứ để đoạn tận kiết sử tham, sân. Vì lý do này nên quán thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp để chế ngự tham ưu tức là đoạn tận tham, sân.

Khi nói đoạn tận tham, sân bắt buộc phải dùng chánh niệm hay Tứ niệm xứ, nên gọi là con đường độc nhất. Nếu không tu tập chánh niệm không thể diệt được hai kiết sử tham và sân.

Đại ý về phần giới thiệu

Trong phần giới thiệu về đề mục "Tứ Niệm xứ" là một con đường trong bảy con đường để tiêu diệt khổ tập nhưng Khổ Tập lại là 12 Nhân duyên. Như vậy người học Phật cần biết Khổ Tập chính là ý hành (tức là tham, sân, si) hay sáu ái: Sắc ái, Thanh ái, Hương ái, Vị ái, Xúc ái, Pháp ái. Trong phần này Đức Phật chỉ nói vắn tắt là Tham, ưu thôi nên người học Phật cần quay về tìm hiểu 12 Nhân duyên cho nhuần nhuyễn trước khi thực hành Chánh niệm hay Tứ Niệm xứ.

Có bốn chỗ: Thân, Thọ, Tâm, Pháp mà Tham ưu thường sanh khởi và đoạn diệt, cần chú ý và ghi nhớ vì sao Tham sanh? và vì sao Tham diệt? Khi trí tuệ sanh khởi thì tâm tham, ưu sẽ diệt và không bao giờ sanh khởi. Bài kinh Tứ Niệm xứ là Chánh niệm là con đường duy nhất đoạn tận sáu ái hay Tham, ưu vĩnh viễn và không có con đường nào diệt nó được. Kết luận cho biết rằng tu Chánh niệm hay Tứ niệm xứ sẽ chứng quả bất hoàn hay A la hán mà thôi, không nói chứng Thánh dự lưu hay Thánh nhất lai.

II. Nội dung

Có bốn nơi, người học Phật nên biết và ghi nhớ để trừ tham, ưu ở đời. Đó là: nơi Thân, nơi Thọ, nơi Tâm, nơi Pháp.

Duyên xúc rất quan trọng trích từ Kinh Trung Bộ số 148 viết như sau:

Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy?

Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Khi được nói đến: "Sáu xúc thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ tư.

Người học cần quán sát tiến trình trên sẽ có duyên thọ sanh khởi hay duyên tưởng sanh khởi hay duyên hành sanh khởi. Người học thuần quán sát tiến trình trên và ghi nhớ. Sau đó sẽ có trí tuệ phát sanh, tham và sân sẽ đoạn diệt hoàn toàn.

Sống quán thân trên thân

Có chín trường hợp để quán về thân. Trong thân có chín nơi nên biết và ghi nhớ để trừ tham, sân ở đời. Hành giả phải không bận rộn chuyện gì, chỉ quán sát những gì xảy ra, biết và ghi nhớ mà không suy tư hay không tưởng gì cả.

Quán thân về thở vô, thở ra

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

★ *Tỉnh giác, vị ấy thở vô; tỉnh giác, vị ấy thở ra.*

★ *Thở vô dài, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô dài"; hay thở ra dài, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra dài"*

★ *Thở vô ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở vô ngắn"; hay thở ra ngắn, vị ấy tuệ tri: "Tôi thở ra ngắn".*

★ *"Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "Cảm giác toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập;*

★ *An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập; "An tịnh toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.*

Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc.

Quán thở vô, thở ra thuộc về thân, nên ghi nhận những gì xảy từ duyên thân và duyên các xúc sanh khởi thân xúc, sanh khởi thân thọ, sanh khởi xúc ái.

Và này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân? Này các Tỳ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ngồi kiết già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt.

Ngày nay có nhiều người thực hành quán hơi thở không biết mục tiêu chính là biết và ghi nhận khi tham, sân sanh khởi hay diệt tận sẽ có trí tuệ phát sanh (xem trong phần kết luận chung cho đề mục quán về thân).

Quán thân về đi, đứng, ngồi, nằm

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo đi, tuệ tri: "Tôi đi", hay đứng, tuệ tri: "Tôi đứng", hay ngồi, tuệ tri: "Tôi ngồi", hay nằm, tuệ tri: "Tôi nằm". Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy tuệ tri thân như thế ấy.

Phần này quán duyên thân xúc, thân thọ, xúc ái để mà diệt xúc ái. Có mục đích diệt xúc ái.

Quán thân về khi bước tới bước lui

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

Tỷ-kheo, khi bước tới bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui, biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo Sanghati (Tăng già lê), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đại tiện, tiểu tiện, biết rõ việc mình đang làm; khi đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm.

Phần này cũng quán từ duyên thân và duyên các xúc sanh khởi thân thức, sanh khởi thân xúc, sanh khởi thân thọ, sanh khởi xúc ái. Có mục đích diệt xúc ái.

Phần nếm có thể quán thêm duyên lưỡi và các vị sanh khởi thiệt thức, sanh khởi thiệt xúc, sanh khởi thiệt thọ, sanh khởi vị ái. Có mục đích diệt xúc ái, diệt vị ái.

Quán thân về quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt.

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

Tỷ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này: "Đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, niêm dịch, nước ở khớp xương, nước tiểu". Này các Tỳ-kheo, cũng như một bao đồ, hai đầu trống đựng đầy các loại hột như gạo, lúa, đậu

xanh, đậu lớn, mè, gạo đã xay rồi. Một người có mắt, đổ các hột ấy ra và quán sát: "Đây là hột gạo, đây là hột lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hột lúa đã xay rồi". Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, một Tỷ-kheo quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên trên cho đến đảnh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt. Trong thân này: "Đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bụng, phân, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, niêm dịch, nước ở khớp xương, nước tiểu".

Phần này quán từ duyên mắt và các sắc khởi nhãn thức, sanh khởi nhãn xúc, sanh khởi nhãn thọ, sanh khởi sắc ái. Có mục đích diệt sắc ái.

Quán thân về quán sát thân này về các vị trí các giới và sự sắp đặt các giới

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

Tỷ-kheo quán sát thân này về các vị trí các giới và sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại". Này các Tỳ-kheo, như một người đồ tể thiện xảo, hay đệ tử của một người đổ tể giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư đường. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới: "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại".

Phần này quán từ duyên mắt và các sắc sanh khởi nhãn thức, sanh khởi nhãn xúc, sanh khởi nhãn thọ, sanh khởi sắc ái. Mục đích là để thấy thân xác không có gì đặc biệt, chỉ là đất, nước, gió, lửa. Có mục đích diệt sắc ái.

Quán thân về như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy".

Phần này quán từ duyên mắt và các sắc sanh khởi nhãn thức, sanh khởi nhãn xúc, sanh khởi nhãn thọ, sanh khởi sắc ái để thấy thân xác này cũng nát thối và sắc ái bị tiêu diệt.

Quán thân về Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, bị các loài quạ ăn, hay bị các loài diều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài giả can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy".

Phần này quán từ duyên mắt và các sắc sanh khởi nhãn thức, sanh khởi nhãn xúc, sanh khởi nhãn thọ, sanh khởi sắc ái. Có mục đích diệt sắc ái về thân xác.

Quán thân về Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương không còn dính thịt, dính máu, còn được các đường gân cột lại, chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia. Ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương mông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy".

Phần này quán từ duyên mắt và các sắc sanh khởi nhãn thức, sanh khởi nhãn xúc, sanh khởi nhãn thọ, sanh khởi sắc ái. Có mục đích diệt sắc ái về thân.

Quán thân về Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đống xương lâu hơn ba năm... chỉ còn là xương thối trở thành bột. Tỷ-kheo quán thân ấy như sau: "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi tánh chất ấy".

Phần này quán từ duyên mắt và các sắc sanh khởi nhãn thức, sanh khởi nhãn xúc, sanh khởi nhãn thọ, sanh khởi sắc ái. Có mục đích diệt sắc ái về thân xác.

Thân có hơi thở, có đi, có đứng, có ngồi, có nằm, có bước tới, có bước lui, bên trong lớp da có chứa 32 thứ bất tịnh, thân

này gồm có đất, nước, gió, lửa và khi thân này chết đi từ giai đoạn sình thối cho đến giai đoạn chỉ còn tro bột.

Quán sát, ghi nhận chúng mà không nghĩ tưởng hay suy tư gì cả.

Kết luận chung cho quán thân trên thân

Vị ấy sống quán thân trên nội thân; hay vị ấy sống quán thân trên ngoại thân; hay vị ấy sống quán thân trên nội thân, ngoại thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên thân; hay vị ấy sống quán tánh diệt tận trên thân; hay vị ấy sống quán tánh sanh diệt trên thân. "Có thân đây", vị ấy an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán thân trên thân.

Quán thân trên thân, theo tôi suy nghĩ có nghĩa là quán toàn thân, không phải quán một phần nào trên thân. Có nhiều người giải nghĩa khác nhau về từ quán thân trên thân. Tạm thời hiểu như vậy. Tuy nhiên nội dung chính quán Tứ niệm xứ là chế ngự tham và sân như phần giới thiệu đã chỉ ra rất rõ.

Trong chín mục trên đều có chung một đoạn kết luận giống nhau, xin phân tích như sau:

Quán là biết và ghi nhớ mà không suy tư hay không tưởng gì cả, thấy như thế nào thì ghi nhận như thế đó.

Quán tánh sanh khởi trên thân có nghĩa là có tham, sân, biết nó vì sao nó sanh khởi.

Quán tánh diệt tận trên thân có nghĩa ghi nhớ và biết nó vì sao nó diệt tận.

Quán tánh sanh diệt trên thân, ghi nhớ và biết nó vì sao nó sanh, vì sao nó diệt, sẽ có trí tuệ như sau:

Không nương tựa, không bám vào bất cứ cái gì trên đời, tức là tâm không tham, không sân nữa, nếu còn tham còn sân thì còn nương tựa chúng.

Quán Thọ trên Thọ

Quý vị quán thọ cần quán từ duyên lục nhập, duyên thức, duyên xúc, duyên thọ. Đoạn kinh này được trích từ kinh Trung Bộ số 148 như sau:

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

Khi được nói đến: "Sáu thọ thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức... Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức... Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức... Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức... Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc là thọ. Khi được nói đến: "Sáu thọ thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ năm.

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

1. Tỷ-kheo khi cảm giác lạc thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ".
2. Khi cảm giác khổ thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ".
3. Khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ".

4. Hay khi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ thuộc vật chất".
5. Khi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác lạc thọ không thuộc vật chất".
6. Khi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ thuộc vật chất".
7. Khi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác khổ thọ không thuộc vật chất".
8. Khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ thuộc vật chất".
9. Khi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất, tuệ tri: "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ không thuộc vật chất".

Ý nghĩa quán thọ trên thọ cũng như quán thân trên thân là quán xuyên suốt tất cả những cảm thọ có hay quán toàn cảm thọ, chứ không phải quán một phần cảm thọ.

Mục 1, 2, 3 người học Phật cần trải nghiệm cảm giác lạc thọ như thế nào? Cảm giác khổ thọ như thế nào? cảm giác bất khổ bất lạc như thế nào? Ba cảm thọ này cần được chứng nghiệm và phân biệt sự khác nhau.

Mục 4, 6, 8 người học Phật cần trải nghiệm khi có duyên sáu xúc sanh khởi sáu thọ: Thọ lạc, thọ khổ, thọ bất khổ bất lạc liên hệ đến vật chất tức là sáu ngoại xứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Mục 5, 7, 9 người học Phật cần trải nghiệm khi duyên xúc không có liên hệ với vật chất tức là không có liên hệ đến sáu ngoại xứ: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc Pháp.

Thông thường mục 5, 7, 9 liên hệ đến Tứ Thiền.

Kết luận quán Thọ trên Thọ

Như vậy, vị ấy sống quán thọ trên các nội thọ; hay sống quán thọ trên các ngoại thọ; hay sống quán thọ trên các nội thọ, ngoại thọ. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các thọ, hay sống quán tánh diệt tận trên các thọ; hay sống quán tánh sanh diệt trên các thọ. "Có thọ đây", vị ấy sống an trú Chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy Tỷ-kheo sống quán thọ trên các thọ.

Đây là thực hành bằng quán tâm đang xảy ra để biết và ghi nhận nó.

Sống quán tánh sanh khởi trên các thọ có nghĩa là quán để biết vì sao có tánh sanh khởi trên thọ.

Sống quán tánh diệt tận trên các thọ có nghĩa quán để biết vì sao có tánh sanh diệt tận trên thọ.

Sống quán tánh sanh diệt trên các thọ có nghĩa là quán biết vì sao nó sanh, vì sao nó diệt. Từ đó có trí tuệ như sau:

Vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời có nghĩa là vị ấy không tham sân sanh khởi nữa.

Quán Tâm trên Tâm

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

1. Tỷ-kheo, với tâm có tham, tuệ tri: "Tâm có tham"; hay với tâm không tham, tuệ tri: "Tâm không tham".
2. Hay với tâm có sân, tuệ tri: "Tâm có sân"; hay với tâm không sân, tuệ tri: "Tâm không sân".

3. Hay với tâm có si, tuệ tri: "Tâm có si"; hay với tâm không si, tuệ tri: "Tâm không si".
4. Hay với tâm thâu nhiếp, tuệ tri: "Tâm được thâu nhiếp". Hay với tâm tán loạn, tuệ tri: "Tâm bị tán loạn"
5. Hay với tâm quảng đại, tuệ tri: "Tâm được quảng đại"; hay với tâm không quảng đại, tuệ tri: "Tâm không được quảng đại".
6. Hay với tâm hữu hạn, tuệ tri: "Tâm hữu hạn". Hay với tâm vô thượng, tuệ tri: "Tâm vô thượng".
7. Hay với tâm có định, tuệ tri: "Tâm có định"; hay với tâm không định, tuệ tri: "Tâm không định".
8. Hay với tâm giải thoát, tuệ tri: "Tâm có giải thoát"; hay với tâm không giải thoát, tuệ tri: "Tâm không giải thoát".

Quán tâm trên tâm là quán toàn thể tâm chứ không quán sát một phần tâm. Phần này thực hành quán tâm khi có tánh sanh diệt sẽ biết chứ không lý luận, suy tư, tưởng tượng.

Có tất cả 16 tâm như đã nêu ra ở trên sẽ xuất hiện tất cả hay một số tâm tùy theo hành giả quán tâm lâu ngày sẽ biết 16 tâm.

Mục 1 nói về tâm có tham tức là tâm đã dính mắc vào đối tượng. Tâm không tham tức là tâm không dính mắc bất cứ đối tượng nào.

Mục 2 nói về tâm sân tức là tâm rời bỏ, chán ghét đối tượng. Tâm không sân tức là tâm không có dính mắc vào đối tượng.

Mục 3 nói về tâm si tức là tâm đã dính mắc vào đối tượng nhưng không nhận biết tâm đang dính mắc. Tâm không si tức là tâm không dính mắc đối tượng nào.

Mục 4 nói về tâm thâu nhiếp tức là tâm có hạn chế, tâm không chạy theo đối tượng. Tâm tán loạn tức là tâm chạy theo nhiều đối tượng.

Mục 5 nói về tâm quảng đại là tâm mở rộng, không có một đối tượng nào để dính mắc. Tâm không quảng đại tức là tâm bị đóng lại không tiếp thu cái gì mới.

Mục 6 nói về tâm hữu hạn tức là tâm có giới hạn, Tâm vô thượng là tâm không vượt qua được là tột cùng rồi.

Mục 7 nói về tâm có định tức là tâm có tập trung vào một đối tượng không liên hệ vật chất. Tâm không có tập trung vào một đối tượng không liên hệ đến vật chất.

Mục tám nói về tâm giải thoát nghĩa là tâm không còn tham, không còn sân, không còn si. Tâm không giải thoát tức là tâm còn ràng buộc.

Như vậy vị ấy sống quán tâm trên nội tâm; hay sống quán tâm trên ngoại tâm; hay sống quán tâm trên nội tâm, ngoại tâm. Hay sống quán tánh sanh khởi trên tâm; hay sống quán tánh diệt tận trên tâm; hay sống quán tánh sanh diệt trên tâm. "Có tâm đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời. Này các Tỳ-kheo, như vậy là Tỷ-kheo sống quán tâm trên tâm.

Sống quán tâm trên nội tâm có nghĩa là quán về tâm mình.

Sống quán tâm trên ngoại tâm có nghĩa là quán tâm bên ngoài thuộc tâm người khác, những vị tu có tha tâm thông, mới quán ngoại tâm được.

Sống quán tánh sanh khởi trên tâm có nghĩa là quán để biết vì sao có tánh sanh khởi trên tâm.

Sống quán tánh diệt tận trên tâm có nghĩa là quán để biết vì sao có tánh diệt tận trên tâm.

Sống quán tánh sanh diệt trên tâm có nghĩa là quán để biết vì sao có tánh sanh khởi và có tánh diệt tận trên tâm. Từ đó có trí tuệ như sau:

Vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời có nghĩa là vị ấy đoạn tận tham, đoạn tận sân rồi.

Quán Pháp trên Pháp

Tất cả có năm pháp: quán năm triền cái, năm thủ uẩn, quán sáu nội xứ, sáu ngoại xứ, Thất giác chi, Tứ Thánh Đế.

Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm triền cái.

a. *Tỷ-kheo, ở đây, Tỷ-kheo nội tâm có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi có ái dục"; hay nội tâm không có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có ái dục". Và với ái dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với ái dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.*

b. *Hay nội tâm có sân hận, tuệ tri: "Nội tâm tôi có sân hận"; hay nội tâm không có sân hận, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có sân hận". Và với sân hận chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã sanh, nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với sân hận đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.*

c. *Hay nội tâm có hôn trầm thụy miên, tuệ tri: "Nội tâm tôi có hôn trầm thụy miên"; hay nội tâm không có hôn*

trầm thụy miên, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có hôn trầm thụy miên". Và với hôn trầm thụy miên chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với hôn trầm thụy miên đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

d. *Hay nội tâm có trạo hối, tuệ tri: "Nội tâm tôi có trạo hối"; hay nội tâm không có trạo hối, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có trạo hối". Và với trạo hối chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với trạo hối đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.*

e. *Hay nội tâm có nghi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có nghi"; hay nội tâm không có nghi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có nghi". Và với nghi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với nghi đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy,*

Có năm năm pháp nhưng chỉ giải thích phần (a) nói về ái dục còn bốn pháp kia tương tự như quán ái dục.

Dựa vào đoạn trình trên có thể phân chia quán Ái dục có năm giai đoạn như sau:

Tỷ-kheo nội tâm có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi có ái dục".

Tâm có ái dục nghĩa là tâm đã dính mắc, đã trói buộc vào cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh hương, cảnh vị, cảnh xúc đồng nghĩa là sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái.

Nội tâm không có ái dục, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có ái dục".

Tâm không có đối tượng để dính mắc hay trói buộc vào sắc, vào thanh, vào hương, vào vị, vào xúc.

Và với ái dục chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy.

Ái dục chính là duyên Ái trong 12 Nhân duyên, áp dụng Tứ đế vào duyên Ái sẽ như sau:

Ái trí là sự hiểu về ái tức là sắc ái, thanh ái, hương ái, vị ái, xúc ái, pháp ái.

Ái tập trí là sự hiểu biết về nguyên nhân sanh ra ái là duyên thọ tức là nhãn thọ, nhĩ thọ, tỷ thọ, thiệt thọ, thân thọ, ý thọ nhưng mỗi thọ có ba thọ: Thọ lạc, thọ khổ, thọ bất khổ bất lạc.

Ái diệt trí là sự hiểu biết về diệt ái chính là diệt thọ.

Ái diệt đạo trí là sự hiểu biết con đường diệt khổ tức là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Ái dục chưa sanh khởi, nay sanh khởi do thọ lạc mà ái dục sanh khởi.

Và với ái dục đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy.

Ái dục đã sanh nay đoạn diệt do thọ khổ mà ái dục đoạn diệt.

Như vậy ái dục hay tham ái sanh do thọ lạc và khi thọ khổ thì ái dục đoạn diệt. Người học Phật cần ghi nhớ và chứng nghiệm khi có thọ lạc thì ái dục sanh khởi.

Khi sắc, thanh, hương, vị, xúc vô thường thì thọ lạc sẽ mất và chuyển sang thọ khổ. Người học Phật cần trải nghiệm thọ lạc qua thọ khổ do sự dính mắc vào thọ lạc.

Và với ái dục đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Sau khi đã trải nghiệm thọ lạc làm cho ái dục sanh khởi và thọ khổ làm cho ái dục đoạn diệt. Như vậy trong tương lai khi có thọ lạc mà không dính mắc thì ái dục đoạn diệt không bao giờ sanh lại. Vì tâm đã trải nghiệm thọ lạc qua thọ khổ nên tâm không sanh khởi khi có thọ lạc.

Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn

a. Này các Tỳ-kheo, Tỷ-kheo suy tư: "Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt.

Sắc là đất, nước, gió, lửa. Sắc tập là nguyên nhân sanh ra sắc là thức ăn và thức uống. Sắc diệt là sự đoạn diệt thức ăn, thức uống.

b. Đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt.

Thọ là nhãn thọ, nhĩ thọ, tỷ thọ, thiệt thọ, thân thọ, ý thọ. Thọ tập là nguyên nhân sanh ra thọ là duyên xúc. Thọ diệt là sự đoạn diệt duyên xúc.

c. Đây là tưởng, đây là tưởng tập; đây là tưởng diệt.

Tưởng là sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng. Tưởng tập là nguyên nhân sanh ra tưởng chính là duyên xúc, Tưởng diệt là sự đoạn diệt duyên xúc.

d. Đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt.

Đây là hành chính là sắc tư, thanh tư, hương tư, vị tư, xúc tư, pháp tư. Hành tập là nguyên nhân sanh ra hành chính là duyên xúc. Hành diệt là diệt duyên xúc.

e. Đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt.

Đây là thức nghĩa là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Thức tập là nguyên nhân sanh ra thức chính là duyên danh sắc. Thức diệt là diệt duyên danh sắc.

Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với sáu nội ngoại xứ

a. Này các Tỳ-kheo, ở đây Tỳ-kheo tuệ tri con mắt và tuệ tri các sắc, do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

b. Tỷ-kheo tuệ tri tai và tuệ tri các tiếng... tuệ tri mũi và tuệ tri các hương... tuệ tri lưỡi... và tuệ tri các vị... tuệ tri thân và tuệ tri các xúc, tuệ tri ý và tuệ tri các pháp; do duyên hai pháp này, kiết sử sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã sanh nay được đoạn diệt, vị ấy tuệ tri như vậy; và với kiết sử đã được đoạn diệt, tương lai không sanh khởi nữa, vị ấy tuệ tri như vậy.

Quán sát và ghi nhớ duyên mắt và duyên các sắc sanh khởi kiết sử tức là có sự trói buộc. Tương tự như quan ái dục ở trên, có ý nghĩa do thọ lạc khởi lên kiết sử và thọ lạc diệt thì thọ khổ sanh khởi cũng khởi lên kiết sử. Khi kiết sử đã đoạn diệt thì tương lai không sanh khởi do có giác ngộ giống như phần quán ái dục.

Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác chi.

Bảy giác chi là bảy yếu tố giác ngộ sẽ giúp hành giả giác ngộ.

1- Niệm giác chi là yếu tố thứ nhất để giúp người học Phật giác ngộ.

2. Trạch pháp giác chi là yếu tố thức hai để giúp người học Phật giác ngộ.

3. Tinh tấn giác chi là yếu tố thức ba để giúp người học Phật giác ngộ.

4. Khinh an giác chi là yếu tố thứ bốn để giúp người học Phật giác ngộ.

5. Hỷ giác chi là yếu tố thứ năm để giúp người học Phật giác ngộ.

6. Định giác chi là yếu thứ sáu để giúp người học Phật giác ngộ.

7. Xả giác chi là yếu tố thứ bảy để giúp người học Phật giác ngộ.

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

1. Này các Tỳ-kheo, ở đây Tỷ-kheo nội tâm có niệm giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có niệm giác chi"; hay nội tâm không có niệm giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có ý niệm giác chi". Và với niệm giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với niệm giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

Có thể tóm tắt có bốn tiến trình như sau:

❖ Nội tâm có niệm giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có niệm giác chi".

Giác là giác ngộ, chi là nhánh, là yếu tố. Kết hợp lại là yếu tố giác ngộ. Có niệm sẽ có yếu tố giác ngộ. Tâm nhận ra có niệm giác chi tức là tâm biết rõ nội tâm có niệm giác chi.

❖ Nội tâm không có niệm giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có ý niệm giác chi".

Nội tâm không có Niệm giác chi tức là niệm giác ngộ không có và biết rõ như vậy.

❖ Và với niệm giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy.

Chưa có niệm giác chi nay được sanh nên biết rõ như vậy.

❖ Và với niệm giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

Niệm giác chi đã sanh lo tu tập cho đến khi giác ngộ hoàn toàn.

2. Hay Tỷ-kheo nội tâm có trạch pháp giác chi... (như trên)... hay nội tâm có tinh tấn giác chi... (như trên)... hay nội tâm có hỷ giác chi... (như trên)... hay nội tâm có khinh an giác chi... (như trên)... hay nội tâm có định giác chi... (như trên)... hay nội tâm có xả giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi có xả giác chi"; hay nội tâm không có xả giác chi, tuệ tri: "Nội tâm tôi không có xả giác chi". Và với xả giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với xả giác chi đã sanh nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy.

Tương tự như Niệm giác chi, những yếu tố khác như có Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Hỷ giác chi, khinh an

giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Cũng có bốn tiến trình giống với Niệm giác chi như sau: có, không có, chưa có nay sanh khởi, đã sanh nên lo tu tập cho đến khi giác ngộ.

Niệm giác chi là một yếu tố giác ngộ tức là Chánh niệm trong Bát Thánh đạo.

Trạch pháp giác chi là yếu tố thức hai để giác ngộ.

Giải thích từ "Trạch pháp" là phân tích và suy xét để biết rõ các pháp cần phải tác ý và biết rõ các pháp không cần phải tác ý. Người học Phật cần tác ý pháp Tứ Thánh Đế.

Khi Trạch pháp giác chi đã sanh khởi nên tu tập thành mãn.

Tương tự cho Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi, Xả giác chi. Khi đã sanh khởi nên tu tập cho thành mãn.

Vị ấy sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế

"Này các Tỳ-kheo, vị ấy sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế. Này các Tỳ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bốn Thánh đế? Này các Tỳ-kheo ở đây, Tỷ-kheo như thật tuệ tri: "Đây là Khổ"; như thật tuệ tri: "Đây là Khổ tập"; như thật tuệ tri: "Đây là Khổ diệt"; như thật tuệ tri: "Đây là Con đường đưa đến Khổ diệt".

Như thật rõ biết Khổ tức là rõ biết thọ lạc, thọ bất khổ bất lạc, thọ khổ.

Như thật rõ biết Khổ Tập là rõ biết duyên thọ lạc sanh khởi khổ Tập chính là Ái trong 12 Nhân duyên.

Như thật rõ biết Khổ diệt là trải nghiệm thọ lạc qua thọ khổ hay thọ khổ qua thọ lạc. Biết như vậy trong tương lai có thọ lạc

hay thọ khổ. Tâm không khởi dính mắc vào Thọ lạc hay Thọ khổ gọi là Khổ diệt.

Như thật rõ biết con đường đưa đến Khổ diệt là con đường Chánh đạo ngược lại Tà đạo. Vì Khổ tập gồm những nguyên nhân khác nữa nên cần những phương pháp khác để diệt chúng nên gọi là Chánh đạo. Người học Phật cần rõ biết Bát Thánh đạo để diệt trừ Bát Tà chính là Khổ tập.

Kết luận chung cho quán pháp trên pháp

Nguyên văn Kinh Nikaya viết:

"Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời".

Giải thích đoạn kinh trên như sau:

"Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp".

Có nghĩa là đang sống và ghi nhớ những pháp như năm Triền Cái, Năm Uẩn, sáu Nội xứ và sáu Ngoại xứ, Thất Giác Chi, Tứ Thánh Đế thuộc về nội có thể là về thân mình, ngoại pháp chỉ cho bên ngoài không thuộc về thân mình. Quán cả nội và ngoại pháp chính quán cả trong lẫn ngoài.

"Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp".

Quán tánh sanh khởi trên các pháp, tức là thấy được duyên khởi từ các pháp thường là thấy duyên gì sanh khởi tâm tham hay tâm sân. Quán tánh diệt tận trên các pháp tức là thấy duyên gì có tánh diệt tận tức là duyên gì sanh khởi tâm tham hay tâm sân diệt tận.

Sống quán tánh sanh diệt trên các pháp có nghĩa đã trải nghiệm hai tiến trình trên nên phát sanh ra trí tuệ.

"Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời"

Có nghĩa là đã trải nghiệm tánh sanh diệt trên các pháp nên tâm không còn dính mắc vào bất cứ vật gì nên giác ngộ sanh khởi tức là có chánh trí không còn nương tựa, không còn chấp trước một vật gì ở đời.

III. Kết luận

Này các Tỳ-kheo, vị nào tu tập Bốn Niệm xứ này như vậy trong bảy năm, vị ấy có thể chứng một trong hai quả sau đây: Một là chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay nếu còn hữu dư y, thì chứng quả Bất hoàn.

Tu tập Tứ Niệm xứ có thể chứng Thánh Bất lai hoặc Thánh A la hán. Theo suy tư của tôi, những tỳ kheo nào khi tu tập bài kinh Chánh niệm sẽ đoạn tận năm hạ phần kiết sử có nghĩa là những vị này đã chứng quả Dự lưu, quả Nhất lai rồi và khi tu tập Chánh niệm có thể đoạn tận tham, sân để chứng Thánh quả Bất lai hoặc đoạn tận thêm năm thượng phần kiết sử nữa thì chứng Thánh quả A-la-hán.

Qúy vị để ý ở phần giới thiệu nói về quán Tứ niệm xứ để chế ngự tham ưu ở đời có nghĩa là đoạn tận tham, sân kiết sử đồng nghĩa những Tỳ kheo đang nghe bài pháp này đã là Thánh dự lưu rồi. Đức Phật có khả năng biết tâm các tỳ kheo nên thuyết những gì cần thiết để chấm dứt kiết sử nào chưa đoạn tận nên bài kinh này không nói về thân kiến đồng nghĩa những vị này đã chứng Thánh Dự lưu hay Thánh Nhất lai rồi.

Nhiều người hiểu lầm bài kinh Tứ Niệm xứ rồi đi giảng cho những phàm phu là không đúng đối tượng. Hơn nữa muốn đi sâu Tứ niệm xứ, hành giả cần thực hành Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn trước rồi mới thực hành Chánh niệm (Tứ Niệm xứ), Chánh định.

Bài kinh Tứ niệm xứ dành cho những vị đã chứng Thánh Dự lưu chứ không phải cho phàm phu, nếu ai chưa chứng Thánh Dự lưu mà thực hành bài kinh này thì không thành công.

Bài kinh này trình bày chi tiết về Chánh niệm trong Bát Thánh đạo. Trong Bát Thánh đạo chỉ nói tổng quát về tu Chánh niệm để đoạn tận tham và tâm sân nhưng không có chi tiết rõ ràng.

KẾT LUẬN

Hiểu Kinh Nikaya sai hoặc đúng và sẽ có hậu quả gì không?

Trong trường hợp này, có Tỳ kheo Sati và tỳ kheo Arittha nhập thông tin từ âm thanh của Đức Phật nhưng suy tư sai dẫn đến tu tập sai. Ngày nay có nhiều thông tin trên mạng (Internet), nếu người học Phật nhập thông tin đưa vào tâm qua mắt, qua tai mà sai. Hậu quả là luân hồi đau khổ lâu dài.

Người học Phật nào nhập được thông tin về Tứ Thánh Đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo và những bài kinh nào liên hệ về ba mục này trong hệ Kinh Nikaya là nhập đúng nhưng hiểu sai, thực hành sai cũng chết như hai tỳ kheo đã nêu trên. Khi nhập thông tin đúng, cần nhiều thời gian suy tư cho đến khi hiểu và cuối cùng là thực hành chứng nghiệm những gì kinh đã viết. Vì vậy người học Phật cần kiên trì học Tứ Thánh Đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo tối thiểu năm năm trở lên. Nếu chưa hiểu chúng mà vội buông bỏ sớm sẽ rất uổng một kiếp làm người.

1. Phân tích 1

Trích từ Kinh Trung Bộ số 22 có một số đoạn kinh viết như sau:

"Một số đông Tỷ-kheo nghe như sau: "Tỷ-kheo tên Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì". Rồi những Tỷ-kheo ấy đi đến chỗ Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng, khi đến xong, liền nói với Tỷ-kheo Arittha, xưa làm nghề huấn luyện chim ưng như sau:

- Này Hiền giả Arittha, có đúng sự thật rằng, Hiền giả khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu... thật sự không có chướng ngại gì"?

- Thật sự là vậy, chư Hiền. Theo như tôi hiểu... không có chướng ngại gì."

Chư Tỳ-kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Sau khi học các pháp này, họ không quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát, nên không trở thành rõ ràng. Họ học các pháp chỉ vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, chỉ vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ không đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy vì nắm giữ sai lạc nên đưa họ đến bất hạnh, đau khổ lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì nắm giữ sai lạc các pháp.

Chư Tỳ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước, đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn, và người đó bắt con rắn ấy ở lưng hay ở đuôi. Con rắn ấy có thể quay lại cắn người đó nơi tay, nơi cánh tay hay ở một phần nào khác của cơ thể, và người đó có thể do

nhân này mà bị chết hay bị đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỳ-kheo, vì nắm bắt con rắn một cách sai lạc. Cũng vậy này các Tỳ-kheo, ở đây, một số người ngu si học pháp... Chư Tỳ-kheo, vì sự chấp thủ các pháp sai lạc.

Ở đây, này các Tỳ-kheo, một số Thiện nam tử học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Sau khi học các pháp này, họ quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa được trí tuệ quán sát, nên trở thành rõ ràng. Họ học pháp không vì lợi ích, muốn chỉ trích người khác, không vì lợi ích, muốn khoái khẩu biện luận, và họ đạt được mục tiêu mà sự học pháp hướng đến. Những pháp ấy, vì khéo nắm giữ, nên đưa họ đến hạnh phúc, an lạc lâu dài. Vì sao vậy? Này các Tỳ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp.

Chư Tỳ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn. Người đó có thể khéo đè con rắn nước với cây gậy có nạng. Sau khi khéo đè với cây gậy có nạng, người đó có thể khéo nắm giữ cổ rắn. Chư Tỳ-kheo, dầu cho con rắn nước ấy có thể cuốn thân nó xung quanh tay, hay cánh tay, hay một thân phần nào khác, người đó cũng không vì nhân duyên ấy đi đến chỗ chết hay đến sự đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỳ-kheo, vì khéo nắm giữ con rắn nước vậy.

Cũng vậy, chư Tỳ-kheo, ở đây, một số Thiện nam tử học pháp... chư Tỳ-kheo, vì khéo nắm giữ các pháp vậy. Do vậy, này các Tỳ-kheo, hãy hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng và thọ trì như vậy. Nếu có ai không hiểu rõ ý nghĩa lời Ta thuyết giảng thì ở nơi đây, các Ông hãy hỏi Ta hay hỏi những bậc Tỳ-kheo trí thức.

Những đoạn kinh trên cho biết rằng những đệ tử của Đức Phật đã hiểu sai những lời dạy của Ngài nên Đức Phật đã cho ví dụ bắt rắn. Nếu bắt sai chỗ sẽ dẫn đến đau khổ và nếu bắt đúng chỗ sẽ dẫn đến có kết quả tốt. Cũng vậy có kinh Nikaya là một chuyện mà có hiểu đúng những lời trong kinh là vấn đề tối quan trọng. Ai cũng học kinh Nikaya nhưng không hiểu rốt ráo mà thực hành là tu mù. Nếu hiểu kinh mà không thực hành cũng không tốt. Vì vậy Đông Phương có câu "Tri hành hợp nhất" có nghĩa là biết và hành phải đi đôi. Ngày nay có nhiều người không tìm hiểu những lời dạy của Đức Phật cho rốt ráo mà cứ nói tu pháp này, tu pháp nọ, pháp học nhiều quá, bây giờ cần pháp hành. Thật sự tôi đã nghe và đọc hết năm bộ kinh Nikaya. Tôi chẳng thấy có một pháp học và một pháp hành riêng rẽ trong kinh. Tôi không biết vì đâu trong Phật giáo phát sanh hai từ Pháp học và Pháp hành. Hậu thế về sau không có cơ hội tìm hiểu về kinh Nikaya nên tin mù quáng. Những gì mà Đức Phật dạy, người học Phật cần học thuộc rồi suy tư và hiểu đúng ý nghĩa những lời dạy đó, sau đó thực hành và chứng nghiệm những gì đã hiểu chứ chẳng có pháp học hay pháp hành riêng nào hết.

Tôi xin kể kinh nghiệm của tôi về việc ứng dụng những câu như "Tri hành hợp nhất" của nhà nho Vương Dương Minh và câu "Có nơm là vì cá, có lời vì ý, được cá quên nơm, đạt ý quên lời" trong 47 năm qua.

Vào thời kỳ tôi lớn lên từ những năm 1973-1978 lúc ấy kinh sách Phật giáo rất hiếm, dường như không có, nhất là kinh Nikaya, tôi chưa bao giờ được nghe. Tôi chỉ gặp vài cuốn kinh sách thuộc hệ Bắc Tông nên ham đọc nhưng không biết tu là gì. Tôi còn đọc sách làm người do tác giả Nguyễn Duy

Cần, Nguyễn Hiến Lê và nhiều tác giả khác, hoặc đọc sách Krishnamurti, v.v... cho đến khi định cư ở Úc.

Từ năm 1979 đến năm 1984 tôi mới đọc nhiều về kinh sách Đại Thừa. Tôi không đọc kinh đại thừa từ năm 1985 cho đến năm 1997 và đã bắt đầu đọc kinh sách Đại Thừa trở lại từ năm 1998 đến 2008 rồi dừng hẳn và nghiên cứu kinh Nikaya từ 2009 cho đến nay.

Tôi đã nhờ áp dụng câu "Có lời là vì ý, đạt ý quên lời" của Trang Tử vào sự học hỏi ngành kỹ sư Công Chánh (Civil Engineers) và kinh sách tôn giáo nên tốn thời gian vô cùng nhưng để hiểu một đoạn kinh hay một bài kinh rất khó.

Rất nhiều người học kinh sách tôn giáo không phải dân khoa học thực nghiệm mà chỉ thuộc kinh và nói lại những gì đã thuộc, còn thời gian dành cho suy tư và chiêm nghiệm những lời dạy Đức Phật không có nhiều. Đây là lý do mà nhiều người học Phật ngày nay cho rằng họ hiểu kinh và đi rao giảng khắp mọi nơi. Họ vô tình đã lôi kéo rất nhiều Phật tử tin vào họ một cách mù quáng. Tôi không biết làm gì hơn chỉ khuyên quý vị rằng chúng ta xa Phật 2566 năm nên những từ ngữ trong kinh rất khó hiểu. Khi học đoạn kinh nào cần thuộc đoạn kinh ấy, rồi suy tư để hiểu đoạn kinh ấy, cuối cùng kiểm chứng đoạn kinh có đúng như sự hiểu của mình hay không? Tiến trình văn, tư, tu (kiểm chứng) rất lâu và mất từ 5 năm đến 10 năm không chừng.

Nhiều người học Phật bây giờ đọc hay nghe nhiều mà không tư duy, thông tin thu nạp được sẽ trở thành chướng ngại giống như một người ăn nhiều bị bội thực (trúng thực). Những người này muốn không đau khổ thì cần phải ói ra những thức

ăn đã đưa vào bụng. Có những người nhồi nhét kinh sách vào tâm qua mắt, qua tai quá nhiều cũng bị bội thực như một người ăn nhiều vậy.

Ngày xưa không ai nhập nhiều kinh sách như ngày nay nên không bị "bội thực" còn bây giờ có các phương tiện như internet, in ấn quá phổ biến nên để có một bộ Kinh Nikaya quá dễ và nhập vào rồi tưởng mình hiểu kinh. Đây là hậu quả việc kinh sách quá phổ biến dẫn đến nhập nhiều mà đau khổ.

Tôi khuyên quý vị học ít nhưng cần thời gian suy tư để hiểu và chứng nghiệm những gì đã học. Nếu tham nhồi nhét nhiều để có hiểu biết thuộc về trí văn sẽ hại quý vị vô cùng. Kinh sách cũng là một loại thức ăn nuôi tâm con người nhưng ăn vừa đủ và ăn những gì cần thiết cho sự chấm dứt khổ. Đây là lý do mà đức Phật dạy bài Kinh Lá rừng Simsapa, quý vị cần suy nghĩ cho sâu tại sao Đức Phật nói như vậy?

Người học Phật cần nghiên cứu Kinh Lá rừng Simsapa nhiều năm sẽ hiểu ý nghĩa bài kinh này. Nếu cái gì cũng đọc sơ qua mà không suy tư cho sâu sẽ hại quý vị.

Tiến trình học kinh như sau:

Lục nhập (sáu nội xứ nhập sáu ngoại xứ) ➢ Sáu thức hiện tại ➢ Xúc ➢ Thọ ➢ Ái ➢ Thủ (dục thủ, kiến thủ, ngã luận thủ, giới cấm thủ)

★ Tiến trình học qua mắt, qua tai

Duyên mắt và các sắc khởi lên nhãn thức có nghĩa là do mắt nhập cảnh sắc sanh khởi nhãn thức. Ngày xưa không ai học lời Đức Phật qua mắt vì thời đó chưa có chữ viết do đó không thể nhập kinh sách qua mắt nên tâm rất đơn sơ, ngày

nay nhập nhiều kinh sách nên bị bội thực phải luân hồi. Vì nhãn thức cũng là một loại thức ăn.

Duyên tai và các thanh khởi lên nhĩ thức có nghĩa là do tai nhập cảnh thanh khởi lên nhĩ thức. Ngày xưa học Phật qua âm thanh đưa vào tâm qua tai nên không thể nhập nhiều, người học Phật dễ tiêu hóa. Bây giờ nghe nhiều nên tâm bị trúng độc không giải cứu được. Nhĩ thức cũng là một loại thức ăn.

Trích từ Kinh Trung Bộ số 38 nói về thức là thức ăn như sau:

(Thức ăn và Duyên khởi)

- Này các Tỳ-kheo, có bốn món ăn giúp cho an trú các loài hữu tình đã sanh hay phò trợ các loài hữu tình sẽ sanh. Thế nào là bốn? Đoàn thực hoặc thô hoặc tế, thứ hai là xúc thực, thứ ba là tư niệm thực, và thứ tư là thức thực.

Chúng sanh đi luân hồi do bốn loại thức ăn trong đó có "Sự hiểu biết" nên nhập vừa đủ thức ăn nuôi thân, thức ăn nuôi tâm. Sự hiểu biết cần thiết để giúp chúng sanh thoát khỏi tam giới như nhập sự hiểu biết về Tứ Thánh Đế, 12 Nhân duyên, Bát Thánh đạo và những bài kinh liên hệ Tứ Thánh Đế, để giúp chúng ta thoát ra khỏi luân hồi. Do Vô minh nhập nhiều, sanh hiểu biết quá nhiều nên phải luân hồi

Ngày xưa người học Phật chỉ nhập những lời dạy của Đức Phật vào tâm qua tai nên không thể nhập nhiều kinh như ngày nay nên dễ tiêu hóa (suy tư) những gì đã học, chiêm nghiệm lời Phật dạy sau đó giác ngộ. Người học Phật nghe Phật giảng xong là thuộc vì được nghe trực tiếp Đức Phật hay những vị Thánh Tăng nên tiêu hóa ngay. Có muốn nghe nhiều cũng không được vì các ngài ở trong rừng rất khó gặp.

Hiểu sai kinh

Nguyên văn Trung Bộ Kinh số 22. Kinh Ví dụ con rắn viết:

"Chư Tỳ-kheo, ở đây có một số người ngu si học pháp, như Kinh, Ứng tụng, Giải thuyết, Kệ tụng, Cảm hứng ngữ, Như thị ngữ, Bổn sanh, Vị tằng hữu pháp, Phương quảng. Sau khi học các pháp này, họ không quán sát ý nghĩa những pháp ấy với trí tuệ. Những pháp ấy, vì ý nghĩa không được trí tuệ quán sát, nên không trở thành rõ ràng".

Dựa đoạn kinh trên chia làm ba phần:

Văn là học Pháp, gọi là giai đoạn thâu những lời dạy của Đức Phật đưa vào tâm qua tai do nghe, không có đọc kinh như ngày nay. Người học Phật thời đó nghe xong là thuộc còn bây giờ có nhiều người nghe chỉ nhớ chữ mất chữ còn.

Tư là quan sát ý nghĩa những pháp ấy tức là giai đoạn tìm ý nghĩa ngôn ngữ biểu thị cái gì trên cuộc đời này. Phần Tư này, có nhiều người học Phật ngày nay lười biếng động não chỉ chờ người khác giải thích rồi thuộc nhai lại người khác mà thôi. Tư ít quá thì những gì nhập vào tâm chưa được tiêu hóa trở thành chướng ngại.

Tu là có trí tuệ quan sát tức là có chiêm nghiệm những từ ngữ đã hiểu.

Do học pháp thiếu suy tư nên hiểu sai và không chứng nghiệm những lời dạy của Đức Phật nên tưởng nhiều dẫn đến hiểu sai Pháp. Hậu quả phải luân hồi đau khổ lâu dài .

Hình ảnh ví dụ bắt cái đuôi hay cái thân con rắn sẽ bị rắn cắn có thể dẫn đến chết hoặc đau khổ. Học kinh Phật cũng vậy nếu thiếu suy tư và trí tuệ quán sát sẽ dẫn đến đi luân hồi lâu

dài. Thời gian suy tư và trí tuệ quán sát khá lâu mà nhiều người không muốn mất thời gian. Cho nên người học Phật cần suy tư để tiêu hóa những gì đã thâu vào tai hay vào mắt và cuối cùng cần chứng nghiệm những từ ngữ đã học sẽ tránh sự hiểu sai lời Đức Phật dạy.

Ngày nay người học Phật hiểu kinh sai sẽ dẫn đến đau khổ lâu dài trong luân hồi được ví như một người muốn đi bắt rắn mà bắt cái đuôi hay cái thân rắn sẽ bị cái đầu quay lại cắn dẫn đến chết hay đau khổ gần như chết. Đây là bài học cho những người học Phật cần suy tư ý nghĩa những lời Phật dạy cho rõ ràng thì mới thực hành, nếu không hiểu rõ mà thực hành sẽ dẫn đến đau khổ lâu dài. Quý vị cố gắng tìm hiểu ý nghĩa đoạn kinh trên hay không là do quý vị suy tư và thấy hợp lý nên nghe lời Phật dạy mà tu theo.

Hiểu đúng kinh

"Chư Tỳ-kheo, ví như một người ưa muốn rắn nước, tìm cầu rắn nước đi khắp chỗ để tìm rắn nước. Người đó thấy một con rắn nước lớn. Người đó có thể khéo đè con rắn nước với cây gậy có nạng. Sau khi khéo đè với cây gậy có nạng, người đó có thể khéo nắm giữ cổ rắn. Chư Tỳ-kheo, dầu cho con rắn nước ấy có thể cuốn thân nó xung quanh tay, hay cánh tay, hay một thân phần nào khác, người đó cũng không vì nhân duyên ấy đi đến chỗ chết hay đến sự đau khổ gần như chết. Vì sao vậy? Chư Tỳ-kheo, vì khéo nắm giữ con rắn nước vậy."

Hiểu đúng lời Phật dạy rất khó nên đòi hỏi người học Phật cần kiên nhẫn tìm hiểu ý nghĩa những từ ngữ tiếng Việt cho rõ ràng như đi bắt rắn vậy. Nhất là từ ngữ Phật học dịch theo Hán Việt và viết theo mẫu tự La tinh rất khó hiểu. Vì lý do này nhiều người học hiểu sai lời Phật dạy do ngôn ngữ được dịch

nhiều lần, diễn đạt không chuẩn và tùy vào mỗi người học Phật hiểu theo cái tưởng của mình.

Ví dụ từ Định và Thiền định, phát xuất từ Pali là "samādhi" nghĩa tiếng anh là concentration nhưng khi dịch Việt làm sao hiểu hai từ khác nhau.

Chữ Thiền tiếng Pali là **jhāna**: absorption of concentration in meditation. Refers to specific mental states attained by the development of **samatha** and **samādhi** during the practice of meditation.

Dịch Việt

jhāna: hấp thụ sự tập trung trong thiền định. Liên quan đến các trạng thái tinh thần cụ thể đạt được bằng sự phát triển của định và định trong quá trình thực hành thiền định

Như vậy trong Bát Chánh đạo có Chánh định có sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền. Ngoài ra không chỗ nào khác trong Bát Chánh đạo có từ "Thiền". Nếu ngôn ngữ không rõ ràng làm sao hiểu Phật pháp được.

Từ Chánh niệm tiếng Pali là Sati

1) Awareness, attention, mindfulness, fact of being clearly conscious/ vigilant.

Tỉnh thức, chú ý, chánh niệm, thực tế là có ý thức rõ ràng / cảnh giác.

2) Memory, recollection. This aspect of sati is actually also covered by the definition given at…

Trí nhớ, hồi ức. Khía cạnh này thực sự cũng được đề cập trong định nghĩa trên.

Trong kinh Chánh niệm (Tứ niệm xứ) không có từ "Thiền quán" nhưng nhiều người khi quán hơi thở cho là tu Thiền. Như vậy hiểu sai từ Chánh niệm (Tứ Niệm xứ) là Thiền quán. Làm nhiều người hiểu sai về từ Thiền (jhāna)

Tứ Niệm xứ tiếng Pali là satipaṭṭhāna: [sati+upaṭṭhāna] attendance on/ presence of awareness. The word could alternatively be analysed as [sati+paṭṭhāna], satipaṭṭhāna: [sati + upaṭṭhāna] sự tham dự vào/sự hiện diện của nhận thức. Từ này có thể được phân tích theo cách khác là [sati + paṭṭhāna].

Do nhiều người học Phật hiểu và dịch ra tiếng Việt sai, làm cho nhiều người học và tin theo, không chịu suy tư tìm hiểu cho sâu, mặc dù có kinh Nikaya dịch ra tiếng Việt nhưng để hiểu cho đúng là vô cùng khó, nhiều người chỉ đọc sơ qua rồi tin rằng mình hiểu kinh.

Để học Kinh Nikaya cho đúng, người học Phật cần tìm hiểu ý nghĩa từ ngữ có trong kinh, đôi lúc cần tham khảo từ gốc tiếng Pali và tham khảo từ điển tiếng Pali-Anh dịch thế nào và sau cùng trải nghiệm từ ngữ đó có thật như vậy không?

Như vậy có thể thấy việc học kinh Nikaya cho đúng rất khó, cần có nhiều thời gian suy tư và trải nghiệm.

2. Phân tích 2

Kinh Trung Bộ số 38 có một đoạn viết:

"Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá đáp lời Tỷ-kheo ấy, đi đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, đang ngồi xuống một bên:

- Này Sati, có thật chăng, Ông khởi lên ác tà kiến như sau: "Theo như tôi hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này rong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác"?

- Thật sự là vậy, bạch Thế Tôn. Theo như con hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, thì thức này rong ruổi, luân chuyển nhưng không đổi khác.

- Này Sati, thế nào là thức ấy?

- Bạch Thế Tôn, chính thức ấy nói cảm thọ, thọ lãnh chỗ này, chỗ kia, kết quả các hành động thiện ác.

Này kẻ mê mờ kia, vì ai mà Ông lại hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy. Này kẻ mê mờ kia, có phải chăng, Ta đã dùng nhiều pháp môn nói là thức do duyên khởi, không có duyên, thì thức không hiện khởi? Và này kẻ mê mờ kia, không những Ông xuyên tạc Ta, vì Ông đã tự chấp thủ sai lạc, Ông còn tự phá hoại Ông và tạo nên nhiều tổn đức. Này kẻ mê mờ kia, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho Ông."

Này kẻ mê mờ kia, người ta sẽ biết Ông qua ác tà kiến của chính Ông. Ở đây, Ta sẽ hỏi các Tỷ-kheo.

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

- Chư Tỳ-kheo, các Ông có hiểu pháp Ta thuyết giảng giống như Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá này, không những đã xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, mà còn tự phá hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức?

- Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi, không có duyên, thức không hiện khởi.

- Lành thay, chư Tỳ-kheo, lành thay, chư Tỳ-kheo, các Ông hiểu pháp Ta thuyết giảng như vậy! Chư Tỳ-kheo, Ta đã dùng nhiều pháp môn nói thức do duyên khởi. Không có duyên, thức không hiện khởi. Nhưng Tỷ-kheo Sati, con của người đánh cá, không những xuyên tạc Ta vì đã tự chấp thủ sai lạc, còn tự pháp hoại mình và tạo nên nhiều tổn đức, và như vậy sẽ đưa đến bất hạnh và đau khổ lâu dài cho kẻ mê mờ ấy.

(Duyên sanh Thức)

Này các Tỳ-kheo, do duyên mà thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên là tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức. Này các Tỳ-kheo, do duyên nào lửa sanh và lửa ấy có tên tùy theo duyên ấy: duyên củi, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa củi. Duyên vỏ gỗ bào, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa vỏ bào. Duyên cỏ, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa cỏ. Duyên phân bò, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa phân bò. Duyên trấu, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa trấu. Duyên đống rác, lửa sanh, lửa ấy gọi là lửa đống rác. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, do duyên, thức sanh, và thức ấy có tên tùy theo duyên ấy. Do duyên mắt và các sắc, thức sanh, và thức ấy có tên là nhãn thức. Do duyên tai và các tiếng, thức sanh, và thức ấy có tên là nhĩ thức. Do duyên mũi và các hương, thức sanh, và thức ấy có tên và tỷ thức. Do duyên lưỡi và các vị, thức sanh, và thức ấy có tên là thiệt thức. Do duyên thân và các xúc, thức sanh, và thức ấy có tên là thân thức. Do duyên ý và các pháp, thức sanh, và thức ấy có tên là ý thức.

Tỳ kheo Sati đã hiểu sai về từ "Thức". Như vậy làm sao hiểu được Phật Pháp? Ngày nay có nhiều người học Phật hiểu sai từ Thức dẫn đến hiểu sai toàn bộ kinh Nikaya. Vì thức là bước đầu sẽ sanh khởi ra bốn thủ: Dục thủ, Kiến thủ, Ngã luận thủ, Giới cấm thủ.

Thức rất khó hiểu vì trong kinh chỉ viết đơn giản như sau "Duyên mắt và các sắc khởi lên Nhãn thức". Tôi cũng không hiểu được cho đến một thời gian khá lâu mới biết thức là gì và có một số người mới học trong nhóm, tôi đã giải thích nhiều lần mới hiểu.

Có nhiều người học Phật không thể nào tự đọc Kinh Nikaya mà hiểu được. Những từ: Thọ, Tưởng, Hành, Thức rất khó hiểu nên dẫn đến nhiều người hiểu sai Phật Pháp.

Trong thời Đức Phật có Tỳ kheo Sati cho rằng Thức là thường hằng, những Tỳ kheo khác khuyên can ông đã nói sai nhưng ông vẫn chấp giữ quan điểm Thức là không biến đổi. Nếu không có Đức Phật ai có khả năng nói được Tỳ-kheo Sati. Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn vẫn có những người học Phật còn chấp giữ "Thức không thay đổi". Ai làm gì được họ. Hậu quả có nhiều người học Phật đã thâu vào những lời giảng của các bậc Tiền bối và tin một cách mù quáng người đi trước mà không chịu suy tư và chứng nghiệm. Cứ như vậy mà không có mấy người chứng Thánh là vậy.

Bài kinh số 22 Kinh Trung Bộ cũng có Tỳ kheo Arittha cho rằng *"Theo như ta hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng, khi thọ dụng những pháp được Thế Tôn gọi là chướng ngại pháp, thật sự không có chướng ngại gì"*.

Thời Đức Phật tại thế còn như vậy huống chi ngày nay, có nhiều thầy tu không khác gì Tỳ kheo Arittha.

Trích ra những đoạn kinh trên cho biết rằng quá khứ có những thầy tu hiểu sai Phật Pháp, huống chi bây giờ đã xa Phật quá lâu nên có nhiều người hiểu sai như vậy.

3. Phân tích 3

Trích từ Kinh Tăng Chi tám pháp có viết:

Sàriputta gọi các Tỷ-kheo:

2. Ở đây, này các Hiền giả, Tỷ-kheo nhanh nhẹn nắm được ý nghĩa trong các thiện pháp; là người thọ trì những pháp đã được nghe; là người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi biết ý nghĩa các pháp đã được thọ trì; sau khi biết ý nghĩa, sau khi biết pháp, thực hành pháp và tùy pháp.

Tiếng Anh Trích từ Numbered Discourses 8.62_7. Earthquakes

Mendicants, a mendicant with six qualities, are good enough for themselves and others. What six? A mendicant is quick-witted when it comes to skillful teachings. They readily memorize the teachings they've heard. They examine the meaning of teachings they've memorized. Understanding the meaning and the teaching, they practice accordingly

Dịch Việt

Khất sĩ là người hành khất với sáu phẩm chất đủ tốt cho bản thân và người khác. Sáu cái gì? Một người hành khất rất nhanh nhạy khi nói đến những lời dạy khéo léo. Họ dễ dàng ghi nhớ những lời dạy mà họ đã nghe. Họ xem xét ý nghĩa của

những lời dạy mà họ đã ghi nhớ. Hiểu ý nghĩa lời dạy, họ thực hành theo.

Đoạn kinh trích dẫn trên Đức Phật dạy cách học để có trí tuệ

1. Người thọ trì các pháp được nghe (They readily memorize the teachings they've heard)

Thọ trì là ghi nhớ và gìn giữ những Pháp được nghe từ Đức Phật hay các Thánh Tăng thời đó. Có nghĩa là học thuộc lòng Chánh pháp nghe được chứ không phải học các kinh không do Đức Phật thuyết.

Người thời nay có dục nhiều đối với các sự vật nên giai đoạn này khó thuộc bài kinh nào cho trọn vẹn, chỉ thuộc một phần nên việc suy tư không đầy đủ và hậu quả là hiểu sai lời Phật dạy.

Thuộc một bài kinh rất cần nhiều thời gian và phải thường xuyên ôn đi ôn lại như vậy sẽ nhớ suốt đời.

2. Người suy tư ý nghĩa các pháp đã được thọ trì (Understanding the meaning and the teaching)

Giai đoạn 2 này, người học Phật cần nhiều thời gian suy tư ý nghĩa những Pháp đã gìn giữ và hiểu cho rõ ràng. Thông thường giai đoạn này cần suy tư khá lâu mới hiểu được kinh. Người xuất gia có nhiều thời gian suy tư hơn người cư sĩ nhưng không lo suy tư để hiểu kinh sẽ uổng phí thời gian.

Người cư sĩ lo kiếm tiền để mưu sinh nên việc tìm hiểu sâu Phật Pháp rất khó. Tuy nhiên học được gì thì cứ học. Tất cả do nghiệp quá khứ trổ ra nên cố gắng học và suy tư bao nhiêu cũng được. Nhưng đừng học nhiều kinh quá sẽ bội thực nên chỉ chọn một vài bài kinh cốt lõi và tìm hiểu cho rốt ráo.

Hiện nay có nhiều người cư sĩ ham học kinh quá nên tưởng mình hiểu Phật Pháp và tu đúng. Quý vị nên học một số bài kinh quan trọng và cố gắng tìm hiểu là đủ không nên ôm năm bộ Kinh Nikaya và đọc lướt qua thì rất nguy hiểm. Tu là càng đơn giản và nhập thông tin về kinh sách vừa đủ và học thuộc, suy tư.

3. Sau khi hiểu pháp, thực hành pháp và tùy pháp (they practice accordingly)

Giai đoạn 3 là thực hành pháp và tuỳ pháp

Từ "Thực hành pháp" có nghĩa là gì?

Thông thường người học Phật nghĩ rằng thực hành là phải thực hành một phương pháp nào đó nhưng ý nghĩa thực hành mà Đức Phật dạy khác với suy nghĩ của chúng ta.

Thực hành là làm theo những lời dạy của Đức Phật sau khi đã suy tư rồi.

Ví dụ thực hành Bát Chánh Đạo là làm theo những chi phần của Bát Chánh Đạo tức là những lời dạy, những hướng dẫn của đức Phật mà chúng ta cần làm theo.

Thực hành Chánh Kiến là thực hành rõ biết khổ, rõ biết khổ tập, rõ biết khổ diệt, rõ biết con đường đưa đến khổ diệt. Khi thực hành xong có nghĩa là quý vị đã rõ biết bốn đế.

Tùy pháp là theo pháp đó mà thực hành

Kết luận đoạn kinh trên là học thuộc, suy tư ý nghĩa và thực hành theo những gì đã thuộc, đã hiểu để chứng nghiệm câu kinh muốn diễn tả sự thật gì mà người học Phật cần chứng nghiệm. Nếu không chứng nghiệm được có thể chúng ta không hiểu một bài kinh hay một câu kinh bị dịch sai. Vì vậy phải

như một nhà khoa học biết lý thuyết rồi và cần kiểm chứng lý thuyết đó cho đến khi thấy được sự thật như Đức Phật muốn chỉ cho chúng ta biết. Người học Phật kiên nhẫn học nhiều năm mới chứng nghiệm lời Phật dạy là đúng, không phải học sơ sài là chứng nghiệm được.

Phương pháp học hiệu quả

Rất nhiều người lớn lên không biết cách học một môn nào, đề tài nào, ngành nào hoặc kinh nào cho có hiệu quả. Tôi đã bắt đầu tự học có hiệu quả tốt từ năm 1966 do tình cờ tôi đã thấy một cuốn sách nói về 600 bài toán đố. Tôi đã tự đọc cuốn sách đó, sau đó tôi đã đi học một ông thầy giáo làng và thầy cho phép tôi chỉ lại những bạn khác. Vì tôi đã học và hiểu được 600 bài tính đố nên có thể hướng dẫn người khác học được. Tuy nhiên để trình bày một phương pháp học có hiệu quả thì phải đợi cho đến khi tôi đã học và hiểu được năm bộ Kinh Nikaya thì mới thật sự trình bày phương pháp học thật dễ hiểu mà ai cũng có thể áp dụng được.

Có ba giai đoạn học có kết quả tốt.

1. Giai đoạn Văn

Giai đoạn này thâu vào những thông tin từ bên ngoài rất quan trọng. Cuộc đời con người phiền não nhiều hay ít, sướng hay khổ tùy vào những gì mà chúng ta đã đọc và đã nghe. Nếu cha mẹ có trình độ học vấn khá thường dạy những đứa con học (thâu vào qua mắt và qua tai) những gì hữu ích để lớn lên có một nghề vững chắc. Nếu cha mẹ dốt không biết thì để con cái

tự động thâu vào những cái tốt và những cái xấu. Cuộc đời con người có thể sướng hay khổ tùy vào môi trường. Vì vậy môi trường con trẻ lớn lên rất quan trọng. Nếu môi trường gia đình xấu và môi trường xã hội xấu nữa thì đứa trẻ lớn lên thường sẽ khổ do nhập những thông tin xấu hoặc dữ kiện xấu vào tâm. Chính những thông tin này sẽ gây cho những đứa trẻ khổ khi trưởng thành.

Còn những nhà tu hành thì sao?

Tương tự cũng vậy. Nếu một người xuất gia theo một truyền thống mà từ nhỏ đến khi trưởng thành. Họ đã đọc những sách truyền thống kiểu xưa bày nay theo mà không chứng nghiệm những gì được viết có đúng hay không? Nếu không chứng nghiệm được mà đi rao giảng sẽ hại vô số người. Tội sẽ lớn vô cùng sẽ trả quả báo khổ ở địa ngục. Đa số họ tin vào những gì thuộc truyền thống mà không chứng nghiệm. Họ học sách loại này lại rất nguy hiểm. Họ nghe những bài thuyết giảng sai lệch trên mạng và tin vào những lời thuyết đó cũng nguy hiểm. Thông tin đưa vào tâm qua mắt, qua tai cần chọn lọc nếu nhập vào những thông tin sai sẽ khổ nhiều đời về sau.

Có hai nguồn thông tin đưa vào tâm.

Thông tin, tiểu thuyết, kinh sách do đọc qua mắt

Những từ ngữ trong kinh sách biểu thị những gì có thực trong đời sống hằng ngày. Từ những từ ngữ trong kinh sách để kiểm chứng hay chứng nghiệm đúng hay không sẽ tốn nhiều thời gian. Vì vậy có nhiều người đọc và tin những lời trong kinh sách nhưng chẳng chứng nghiệm gì cả.

Trước khi thâu nhận kinh sách đưa vào tâm qua mắt, nên tham khảo những vị đã chứng nghiệm những từ ngữ trong

kinh đã viết còn những vị chưa chứng nghiệm mà nói hay cỡ nào không vội tin mà nhập vào. Những người viết tiểu thuyết hư cấu hay tưởng tượng. Không nên thâu vào vì nó sẽ làm cho bạn sống trong ảo tưởng nên tránh xa sách vở thế gian vì không lợi ích cho sự giải thoát.

Những kinh sách nào có những từ ngữ chỉ nói chung chung mà không có định nghĩa thì muôn đời cũng không kiểm chứng được. Nếu thâu vào tâm qua mắt sẽ hại quý vị rất nhiều.

Ví dụ muốn bắt tướng cướp mà không cho chi tiết rõ ràng thì không thể bắt cướp được. Trước khi bắt cướp cần có chi tiết rõ ràng và dựa vào chi tiết này sẽ tìm ra thủ phạm dễ dàng để bắt. Tương tự kinh sách cần có những danh từ mà định nghĩa rõ ràng để người học có thể kiểm tra, kiểm chứng những thông tin trong kinh sách.

Hiện nay ở Việt Nam có nhiều kinh sách, những từ ngữ không có định nghĩa rõ ràng thì làm sao kiểm chứng được mà chỉ thuần học thuộc rồi tin. Cứ như vậy mà tin từ đời này qua đời khác. Theo tôi hiện tại Việt Nam có năm bộ Kinh Nikaya, có những từ ngữ trong kinh có định nghĩa rõ ràng. Quý vị nên thâu vào rồi kiểm chứng nếu đúng thì theo. Nếu không đúng thì không theo. Bản thân tôi đã kiểm chứng những từ ngữ trong kinh rất đúng.

Thông tin Kinh Sách nhập vào tâm qua nghe bằng tai

Ngày nay có những phương tiện như Youtube, Facebook, nhiều người có thể nghe những thông tin từ những kênh này. Nhưng những thông tin đó khó kiểm chứng. Đây là vấn đề trong thời kỳ dục quá thịnh và không giúp ích nhiều cho những người học Phật, khó giải thoát và chứng Thánh.

Thuộc lòng những gì đã học và đã nghe

Đọc một câu kinh hay một bài kinh nào nên thuộc đoạn kinh đó. Nếu không thuộc thì chuyện học Phật chấm dứt. Thuộc kinh là bước đầu để tiến xa hơn nhưng học thuộc kinh cũng không dễ. Quý vị cần kiên nhẫn học thuộc và nên đọc phương pháp học thuộc kinh do tôi viết trong Phụ lục tập sách này.

2. Giai đoạn Suy Tư

Sau khi đã thuộc đoạn kinh đó rồi. Tiếp đến đặt câu hỏi thứ nhất là từ ngữ này có nghĩa là gì tiếng Anh là (What).

Ví dụ học từ "Kiết sử" tự người học đặt câu hỏi kiết sử là gì? Quý vị sẽ tự có câu trả lời. Câu hỏi thứ hai mà người học tự mình đặt câu hỏi là Tại sao nó hiện hữu? Tự mình tìm câu trả lời và không dựa vào câu trả lời của người khác.

Kết hợp từ đó nghĩa là gì (What) và tại sao nó có mặt (Why) sẽ hiểu đoạn kinh đó được rõ ràng. Còn thực hành bằng cách nào (How) và thời gian nào xảy ra là (When).

Hai từ How (cách nào) và When (khi nào) chưa quan trọng bằng từ What (cái gì) và why (tại sao). Cách nào hay phương pháp nào trong kinh thường gọi là Bát Chánh đạo.

Suy tư trong tất cả uy nghi khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, chứ không phải chỉ thế ngồi mới suy tư thì không đúng. Suy tư là nghiệp nếu suy tư về Tứ Thánh Đế sẽ có quả giải thoát. Nếu suy tư về tham, sân, si thì luân hồi đau khổ. Do đó hằng giờ, hàng ngày, hằng năm nên suy tư về Tứ Thánh Đế sẽ giúp quý vị giác ngộ. Bản thân tôi đã suy tư về Tứ Thánh Đế mà khổ Tập là 12 Nhân duyên và Khổ diệt Đạo là Bát chánh suốt hơn mười một năm.

3. Giai đoạn Tu hay thực hành

Sau khi đã hiểu xong và cố gắng chứng nghiệm những gì đã hiểu. Cứ Tư và Thực hành cho đến khi đã trải nghiệm những từ ngữ đã học. Thời gian không xác định được.

Ví dụ: tôi đã trải nghiệm một lệnh (command) trong phần mềm (software) của ngành công chánh mất vài ngày mới thành công.

Ví dụ: tôi chứng nghiệm Tứ Thánh Đế vừa Văn, Tư, Tu đã trải qua hơn mười một năm. Nhờ kiên trì chứ trên đời không có gì dễ dàng đâu.

Cách học thuộc kinh

Cách học bằng mắt

Mắt có nhiệm vụ đưa các ảnh của các sắc vào tâm chỉ lưu trữ tạm thời, nếu các ảnh của các sắc không lưu trữ vào ý thì không nhớ vì vậy khi chúng ta học kinh cần cố gắng nhớ lại cái gì vừa thu vào mắt khi câu kinh không có trước mắt, nếu không nhớ câu kinh hết thì mở mắt cho câu kinh lưu lại xong nhắm mắt lại cố gắng nhớ lại câu kinh, cứ mở mắt nhìn câu kinh rồi nhắm mắt cố gắng nhớ lại, cứ mở mắt thì lưu lại ảnh xong nhắm mắt còn nhớ không, lặp lại nhiều lần thì cả câu kinh sẽ ghi nhớ.

Ví dụ: Học thuộc câu kinh "Thế nào là vô minh? không rõ biết khổ, không rõ biết khổ tập, không rõ biết khổ diệt, không rõ biết con đường dẫn đến khổ diệt".

★ Mở mắt nhìn thấy câu kinh trên khoảng vài phút để hình ảnh câu kinh đưa vào tâm qua mắt, xong nhắm mắt lại nhớ lại phần nào câu kinh, không nhớ phần nào câu kinh.

★ Lần đầu nhớ một ít, không nhớ một ít xong rồi mở mắt nhìn xem phần câu kinh không nhớ vài phút rồi nhắm mắt lại cố gắng nhớ đoạn kinh vừa xem.

★ Cứ lặp lại phần 2 trên cho đến khi nhớ hết câu kinh.

★ Sau khi nhớ hết câu kinh rồi xong rồi ngồi một mình cố gắng nhớ lại câu kinh trên, nếu quên mở mắt xem lại, cứ lặp lại vài lần như vậy, sẽ nhớ lâu lắm.

Tóm lại, phương pháp học bằng mắt cần có kinh để xem, sau khi xem thì nhắm mắt lại thì nhớ phần nào và không nhớ phần nào, nếu phần nào chưa nhớ thì mở mắt nhìn xem lại, nếu phần nào chưa nhớ thì mở mắt nhìn lại, cứ lặp lại cho đến khi thuộc hết bài kinh hay câu kinh.

Nên nhớ rằng khi học kinh bằng con mắt, chỉ mới có trí nhớ tạm thời khi nhìn xem, nếu không có bài kinh thì quên. Vì vậy muốn nhớ lâu dài khi vừa nhìn xong rồi chuyển qua ý thì mới nhớ lâu.

Hầu hết chúng ta không biết mắt chỉ ghi ảnh sắc tạm thời cho nên khi không có cuốn kinh thì chúng ta không nhớ gì cả, chỉ là trí nhớ tạm thời khi nhìn thấy kinh. Sau khi xem kinh xong phải chuyển qua ý thì dù không có cuốn kinh chúng ta vẫn nhớ.

Muốn có trí tuệ rộng lớn khi xem kinh xong phải chuyển qua ý khi đi đâu chúng ta vẫn nhớ mà không cần mang cuốn kinh theo.

Cách học bằng tai

Tai có nhiệm vụ đưa ảnh thanh của âm thanh vào tâm. Khi Quý vị nghe câu kinh xong và cố gắng nhớ lại được gì không.

Nếu phần nào câu kinh chưa nhớ thì mở nghe lại, rồi cố gắng nhớ lại được những gì vừa nghe, không nhớ được những gì vừa nghe và tiếp tục nghe tiếp phần nào chưa nhớ cứ như vậy lặp lại cho đến khi nhớ toàn bộ bài kinh.

Cứ lặp lại nhiều lần thì câu kinh sẽ thuộc. Khi không còn nghe âm thanh nữa và cố gắng nhớ lại tức là đã chuyển ảnh Thanh đưa vào ý thì mới nhớ lâu.

Nếu chúng ta vừa nghe kinh, chỉ bắt đầu chứa ảnh Thanh tạm thời thôi vì vậy chúng ta cần đưa ảnh Thanh tạm thời vào ý tức thời thì nhớ. Nếu nghe xong bài kinh mà không tác ý ghi nhớ thì vài tiếng đồng sau quên hết gọi là trí tuệ bắp vế.

Nếu nghe bài kinh xong tác ý để nhớ thì chúng ta đang chuyển câu kinh từ tai qua ý thì nhớ lâu dài và suy tư sẽ có trí tuệ rộng lớn.

100 câu hỏi

1. Đọc bài kinh trung bộ số 38, đoạn kinh nào nói về 3 đế trong 4 đế?
2. Đọc bài kinh trung bộ số 38, số 148, số 74, số 145, đoạn kinh nào nói về quả khổ lạc hiện tại và đoạn kinh nào nói về nghiệp mới?
3. Giải thích ý nghĩa danh từ "thức do duyên mà sanh khởi, không có duyên thì thức không hiện hữu."?
4. Giải thích ý nghĩa tập đế và đạo đế khác nhau?
5. Tại sao Đức Phật dạy khổ Thánh đế cần phải biết rốt ráo?
6. Tại sao Đức Phật dạy khổ tập Thánh đế cần phải đoạn tận?
7. Tại sao Đức Phật dạy khổ diệt Thánh đế cần phải chứng ngộ?
8. Tại sao Đức Phật dạy khổ diệt Đạo cần phải tu tập?
9. Trong 12 Nhân duyên chia làm bốn nhóm và giải thích ý nghĩa từ nhóm?
10. Trong 12 Nhân duyên có khe hở nào để chúng sanh thoát khỏi luân hồi?
11. Trong bài kinh Trung Bộ số 33, đoạn kinh nào xác định duyên lục nhập, đoạn kinh nào xác định cái này sanh nên cái kia sanh, đoạn kinh nào nói về tà tư duy và chánh tư duy?
12. Nguyên nhân nào mà chúng ta có sáu xứ hay lục nhập hiện tại?

13. Điều kiện nào diệt thì lục nhập hiện tại sẽ diệt?
14. Nguyên nhân nào mà chúng ta phải đi luân hồi tiếp?
15. Khi nào quả khổ tương lai sẽ sanh khởi?
16. Trong bốn Thánh đế, Thánh đê nào nếu chúng ta không biết rõ ràng thì chấm dứt khổ được không?
17. Trong bốn Thánh đế, Thánh đế nào mà không diệt nó, khổ đau không hết?
18. Trong bốn đế, đế nào sẽ giúp chúng ta chấm dứt khổ hoàn toàn?
19. Trong bốn đế có hai đế rất quan trọng, nếu không biết thì chấm dứt khổ được không?
20. Phân tích từng Đế một trong bốn đế?
21. Tìm hiểu ý nghĩa từng từ ngữ: sắc ái là gì, thanh ái là gì, hương ái là gì, vị ái là gì, xúc ái là gì, pháp ái là gì và làm thế nào diệt được sáu ái này?
22. Nội dung chính bài kinh đoạn tận ái kinh trung bộ số 38 và kinh trung bộ số 148?
23. Tìm hiểu nhãn xúc là gì, nhĩ xúc là gì, tỷ xúc là gì, thiệt xúc là gì, thân xúc là gì, ý xúc là gì?
24. Tìm hiểu nhãn thức là gì, nhĩ thức là gì, tỷ thức là gì,thiệt thức là gì, thân thức là gì, ý thức là gì?
25. Điều kiện nào thì nhãn thức sanh khởi, điều kiện nào nhĩ thức không sanh khởi?
26. Điều kiện nào thì duyên nhãn xúc sanh khởi? Điều kiện nào thì duyên nhĩ xúc không sanh khởi?

27. Điều kiện nào để biết một người là vô minh?
28. Điều kiện nào thì tham sanh khởi? Điều kiện nào thì sân sanh khởi?
29. Giải thích rõ ràng về sáu nội xứ và sáu ngoại xứ,
30. Duyên gì diệt thì không sanh lại nữa?
31. Trong 12 Nhân duyên có chia thành hai nhóm mà ý nghĩa giống nhau nhưng danh từ có khác nhau, làm ơn chỉ ra hai phần đó?
32. Tại sao khi ngủ, nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức không sanh khởi, giải thích tạo sao?
33. Giải thích tại sao không biết rõ Tứ Thánh Đế thì không chấm dứt sanh tử luân hồi hay không thoát ra tam giới được?
34. Do duyên nào trong quả hiện tại sanh ra bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, ngã luận thủ, giới cấm thủ?
35. Duyên nào là điểm đầu tiên mà không biết sẽ sanh ra đau khổ về sau?
36. Giải thích tại sao duyên lục nhập và duyên xúc rất quan trọng?
37. Có những duyên nào cần chánh niệm để giác ngộ tham, sân được?
38. Giải thích ý nghĩa sâu xa "cái này sanh, cái kia sanh" và cho ví dụ cụ thể?
39. Giải thích ý nghĩa sâu xa "cái này không có, cái kia không có" cho ví dụ cụ thể?
40. Tại sao không Chánh niệm không thể diệt tham được?

41. Tại sao Đức Phật dạy như lý tư duy từ duyên già chết, sanh, hữu,… hành, vô minh?

42. Giải thích tại sao từ thọ lạc chuyển sang thọ bất khổ bất lạc rồi biến đổi qua thọ khổ?

43. Giải thích tại sao thọ khổ chuyển sang thọ bất khổ bất lạc rồi chuyển qua thọ lạc rồi cuối cùng chuyển sang thọ khổ?

44. Giải thích tại sao nhãn thọ có lúc thọ lạc, có lúc thọ bất khổ bất lạc, có lúc thọ khổ?

45. "Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy, trong đêm canh thứ nhứt, khéo thuận chiều tác ý lý Duyên khởi: "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh. Tức là duyên vô minh, có các hành; duyên các hành, có thức; duyên thức, có danh sắc; duyên danh sắc, có sáu xứ; duyên sáu xứ, có xúc; duyên xúc, có thọ; duyên thọ, có ái; duyên ái, có thủ; duyên thủ, có hữu; duyên hữu, có sanh; duyên sanh, có già, chết, sầu bi khổ ưu não. Như vậy là sự tập khởi của khổ uẩn này". Giải thích sự liên hệ "Do cái này có mặt, cái kia hiện hữu. Do cái này sanh, cái kia sanh" xong dẫn chứng 12 Nhân duyên?

46. Trong 12 Nhân duyên xuyên suốt từ duyên vô minh cho đến duyên sanh, duyên già chết. Duyên nào có thể giúp chúng sanh thoát ra khỏi vòng luân hồi sanh tử?

47. Trong sáu ngoại xứ: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Duyên nào cho biết tà kiến hay chánh kiến?

48. Giải thích ý nghĩa cầu "Thức do duyên mà sanh, không có duyên thì thức không hiện hữu"?

49. Giải thích tại sao gọi nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức mà không gọi sắc thức, thanh thức, hương thức, vị thức, xúc thức, pháp thức?
50. Giải thích tại sao gọi sắc tưởng, thanh tưởng, hương tưởng, vị tưởng, xúc tưởng, pháp tưởng mà không gọi mắt tưởng, tai tưởng... ý tưởng?
51. Trong 12 Nhân duyên là 12 mắc xích liên tục, có duyên nào mà cắt được 12 Nhân duyên và giải thích tại sao?
52. Nhân và quả là hai hay là một, giải thích tại sao là 2 và tại sao là 1, kết luận là 2 hay là 1?
53. Lý duyên khởi viết "do cái này sanh nên cái kia sanh" giải thích cái nào là nhân, cái nào là quả?
54. Giải thích sự khác nhau giữa nhân (khổ tập) và quả (khổ)?
55. Làm sao để nhận ra và chứng nghiệm khổ tập (nhân)?
56. Giải thích sự khác nhau giữa khổ tập và khổ diệt?
57. Giải thích sự khác nhau giữa khổ diệt và khổ diệt đạo?
58. Giải thích sự khác nhau giữa khổ tập và khổ diệt đạo?
59. Khi nào biết sẽ chứng nghiệm Niết Bàn (Diệt khổ)?
60. Giải thích sự khác nhau thức và tưởng, cho ví dụ cụ thể?
61. Giải thích sự khác nhau giữa dục, nghiệp, hành (tư)?
62. Trong bốn đế, đế nào diệt đế nào hoàn toàn thì hết khổ?
63. Tập đế sanh ra khổ, đạo đế trừ khử tập đế, giải thích cách trừ và cho ví dụ?
64. Diệt khổ sẽ có bốn bậc Thánh, diệt trừ gì sẽ chứng bậc Thánh thứ nhất, diệt trừ gì sẽ chứng bậc Thánh thứ hai,

diệt trừ gì sẽ chứng bậc Thánh thức ba, diệt trừ gì sẽ chứng bậc Thánh thứ 4?

65. Giải thích tại sao khi nói diệt vô minh, hành hay ái trong 12 Nhân duyên là hết khổ đau nhưng khi chứng Thánh nói diệt mười kiết sử?
66. Giải thích chánh kiến trừ diệt duyên gì trong 12 Nhân duyên?
67. Giải thích chánh tư duy trừ diệt duyên gì trong 12 Nhân duyên?
68. Giải thích chánh ngữ trừ diệt duyên gì trong 12 Nhân duyên?
69. Giải thích chánh niệm trừ duyên gì trong 12 Nhân duyên?
70. Tu tập chánh định trừ diệt gì, giải thích tại sao?
71. Thân kiến là gì? Không Thân kiến là gì?
72. Nghi là gì? Không nghi là gì?
73. Tham là gì? Sân là gì? Làm sao diệt Tham, Sân?
74. Tại sao đế thứ tư được gọi khổ diệt đạo (đường) mà không gọi tên khác?
75. Tại sao cần phải bố thí?
76. Nếu người tu không chứng thánh mà thành tựu giới mà thí chủ cúng dường có bao nhiêu công đức?
77. Nếu người tu mà chứng Thánh dự lưu mà thí chủ cúng dương có bao nhiêu công đức?
78. Cho bàng sanh ăn có bao nhiêu công đức?
79. Cho người theo ác giới có bao nhiêu công đức?

80. Tại sao phải thành tựu năm giới, tám giơí, mười giới?
81. Có bao nhiêu cõi trời dục giới và liệt kê ra?
82. Tu gì được sanh phạm thiên giới?
83. Giải thích tại sao không có biết Tứ Thánh Đế thì không thể chấm dứt sanh tử luân hồi được?
84. Nếu người học Phật mà tu những pháp khác mà không phải là Tứ Thánh Đế có chấm dứt sanh tử được?
85. Giải thích tại sao duyên Lục nhập sanh khởi bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, ngã luận thủ, giới cấm thủ?
86. Trong 12 Nhân duyên có thể chia làm 2 phần hay làm 3 phần hay làm 4 phần, giải thích ý nghĩa chi tiết từng phần?
87. Giải thích Tâm giải thoát và Tuệ giải thoát?
88. Giải thích ý nghĩa câu sau đây khi một vị chứng Thánh A La Hán tuyên bố? "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì cần làm đã làm xong, không còn trở lui trạng thái này nữa"?
89. Giải thích sự khác nhau nhau cõi trời dục giới và sắc giới?
90. Trong 12 Nhân duyên, duyên nào sẽ cắt đứt được vòng khép kín?
91. Giải thích tại sao duyên lục nhập rất nguy hiểm khi sáu nội xứ nhập sáu cảnh và bài kinh nào xác quyết như vậy"?
92. Dục nhiều thì đạo đế nào sẽ diệt được?
93. Tại sao vị chứng Thánh dự lưu phải đoạn tận ba kiết sử trước mà không đoạn tham, sân trước?
94. Tu tập chánh kiến đoạn tận tập đế gì?

95. Tu tập chánh niệm để làm gì?
96. Tu tập chánh tư duy trừ được nhân gì trong 12 Nhân duyên.
97. Có sự khác nhau giữa lục nhập và sanh, giải thích tại sao?
98. Có sự khác nhau giữa Hành và ái, giải thích tại sao khác hay giống?
99. Trong lý duyên khởi, khổ tập là cái này hay cái kia, khổ là cái này hay cái kia?
100. Tại sao gọi đạo đế là ngược chiều với khổ tập?

Lòng Biết Ơn

Tri ân cha mẹ đã sanh ra và nuôi dưỡng cái thân tứ đại này cho đến 24 tuổi.

Tôi tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu bỏ công sức dịch hoàn tất Kinh Trung Bộ và Kinh Trường Bộ từ 1964-1975 và đã dịch hoàn tất kinh Tương Ưng Bộ, kinh Tăng Chi Bộ và bốn cuốn kinh Tiểu Bộ từ 1975-1978. Những cuốn Kinh Tiểu bộ còn lại do Cư sĩ Trần Phương Lan dịch. Nếu không có những bản dịch từ tiếng Pali - sang tiếng Việt của Thầy Minh Châu, tôi không thể nào hiểu biết về Phật pháp một cách rõ ràng. Tri ân Thầy vô cùng.

Tôi cảm ơn Hòa Thượng Thích Bửu Chánh rất nhiều vì đã viết những lời giới thiệu rất quý giá về cuốn sách "Tứ Thánh Đế là Tối Thượng" để khuyến khích Chư Tăng Ni, Phật tử đọc cuốn sách này. Đây là niềm vui chung của những học viên và chúng con xin kính chúc Hòa Thượng nhiều sức khỏe và những phước lành đến với Hòa Thượng.

Tôi cảm ơn những học viên đã còn trong lớp hoặc đã từ bỏ lớp chưa giác ngộ Tứ Thánh Đế, cũng những học viên mới vào học năm 2022 vì quý vị là các cảnh sắc và các cảnh thanh để tôi tiếp xúc hằng ngày, hằng tuần đã phát sanh các ý tưởng để viết tập sách này.

Tôi cảm ơn những quý vị đã bỏ công sức và tiền bạc hỗ trợ xuất bản cuốn sách Tứ Thánh Đế Là Tối Thượng vào tháng 11/2022.

Đặc biệt cảm ơn những vị đã hỗ trợ cho chuyến đi của tôi về Việt Nam tháng 8/2022. Nhất là sư Bà Đàm Minh, chùa Lao - Bắc Giang, cư sĩ Thiện Thuận, cư sĩ Minh Thuần, cư sĩ Hương Thảo, cư sĩ Bảo Ngọc, cư sĩ Thiên Hương và những Thiện nam, Thiện nữ khác.

Cuối cùng, tập sách "Tứ Thánh Đế là Tối Thượng" đã hoàn thành do sự đóng góp của tất cả mọi người trong nhóm lớp học Tứ Thánh Đế và nhiều người khác nữa.

Tác giả

Lời Cảm Tạ

Vì không thể nào kể ra hết những vị đã đóng góp công sức và tiền bạc nên những lời tri ân đến quý vị được gói ghém trong lời cảm tạ và nếu có những thiếu sót cũng mong quý vị bỏ qua cho.

Quyển sách này sẽ không thể có dịp tới tay quý vị nếu không nhờ quý vị đã có lòng nhiệt tâm hộ trì Pháp Bảo của chư vị. Xin chia đều phần Pháp thí thanh cao này đến tất thảy chúng sanh trong mười phương.

Chúng tôi xin tri ân sự cổ vũ, động viên cả về mặt vật chất lẫn tinh thần của chư Tôn Đức, Tăng Ni: Sư Bà Đàm Minh (Bắc Giang); Sư Thiện Đức; Sư Nguyên Giáo; Sư Chúc Tâm; Sư Cô Chơn Phước; Sư Diệu Giác; Sư Cô Tâm Hương; Sư Cô Như Ánh; Sư Cô Chơn Thành; Sư Đức Quý; Sư Hỷ Tuệ.

Cùng chư vị Thiện hữu xa gần, nhất là gia đình đạo hữu Trương Thanh Thuý; Trương Thanh Tâm; Trương Hương Thảo; Trương Thị Trước, Bảo Ngọc; Thiên Hương; Lê Thị Đầy, Nguyên Thanh Ngọc Quang, Huỳnh Thiên Kim; Huỳnh Thiên An; Mai Thị Kim Hoàng, Trước, Hạnh, đạo hữu Nguyễn Minh Luân; đạo hữu Chi; đạo hữu Danh, Lý Chơn Nguyên; Đăng Thị Tuyết Nhung, đạo hữu Tô Thanh Sang; đạo hữu Tâm Mãn Viên; gia đình đạo hữu Lê Ngọc Anh (Cần Thơ), đạo hữu Diệu Thanh và con; đạo hữu Nguyễn Mạnh Hùng (cty Thái Hà); đạo hữu Diệu Minh; đạo hữu Diệu Trần; đạo hữu

Phật tử Australia; đạo hữu Vũ Thúy Bình; đạo hữu Thơ; đạo hữu Thiên Phú; đạo hữu Điền, đạo hữu Chiến; đạo hữu Dư Kỳ; đạo hữu Lê Thị Chính; đạo hữu Hạnh Hồ; đạo hữu Mỹ Hà; đạo hữu Liên Phúc; đạo hữu Thu Hương và con trai; đạo hữu Đoàn Thị Thuận; đạo Hữu Vũ Thị Hiều; đạo hữu Vũ Hải Hoàng, đạo hữu Thiện Thuận, đạo hữu Minh Thuần, đạo hữu Mặc Thị Thúy; đạo hữu Vũ Hoàng Anh; đạo hữu Phạm Đức Giáp; đạo hữu Vũ Thị Hoàng Yến; đạo hữu Bùi Thị Điểm; đạo hữu Lê Quang; đạo hữu Trần Hằng; đạo hữu Vũ Hồng Nguyên; đạo hữu Sở Ân và Sở Kỳ; đạo hữu Thiên Duyên (Cần Thơ); đạo hữu Hoàng Yến; đạo hữu Liên Nhã (Đà Nẵng); đạo hữu Diệu Tuệ; đạo hữu Nguyễn Xuân Hương; đạo hữu Lý Văn Tuấn; đạo hữu Lệ Hằng Nguyễn; đạo hữu Bảo; đạo hữu Tâm Như Hạnh; đạo hữu Hồng Sen; Cty Cổ phần Sài Gòn; đạo hữu Thiện Minh (Travis Nguyễn); đạo hữu Nguyễn Bá Thiện; đạo hữu Trần Thị Hương Em, đạo hữu Hạnh Pháp.

Nếu không có sự giúp sức của quý vị cùng toàn thể học viên lớp học Tứ Thánh Đế thì Phật sự này chẳng thể thành tựu.

Nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ cho quý vị luôn được hạnh phúc, an vui, gặp nhiều thuận lợi trong tu tập, trong cuộc sống hàng ngày.

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Tác giả

Tài liệu tham khảo

Sách Tham khảo: Kinh Trung Bộ, Kinh Trường Bộ, Kinh Tương Ưng, Kinh Tăng Chi, Kinh Tiểu Bộ do Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ tiếng Pali ra Việt ngữ.

Tất cả những bài kinh đã trích dẫn trong cuốn sách Tứ Thánh Đế từ năm bộ Kinh Nikaya do Thầy Thích Minh Châu dịch từ Pali ra Việt ngữ. Và được trích từ Website BUDSAS.

Nếu những vị muốn biết bài Kinh Trung Bộ và Kinh Trường bộ trong BUDSAS. Vào Google Search đánh như sau:

1. Quý vị bấm vào Trung Bộ mục lục có kết quả như sau:

Xong bấm vào kinh số 148 Tương tự đánh mục lục Kinh Trường Bộ cũng sẽ liệt kê tất cả bài Kinh Trường Bộ.

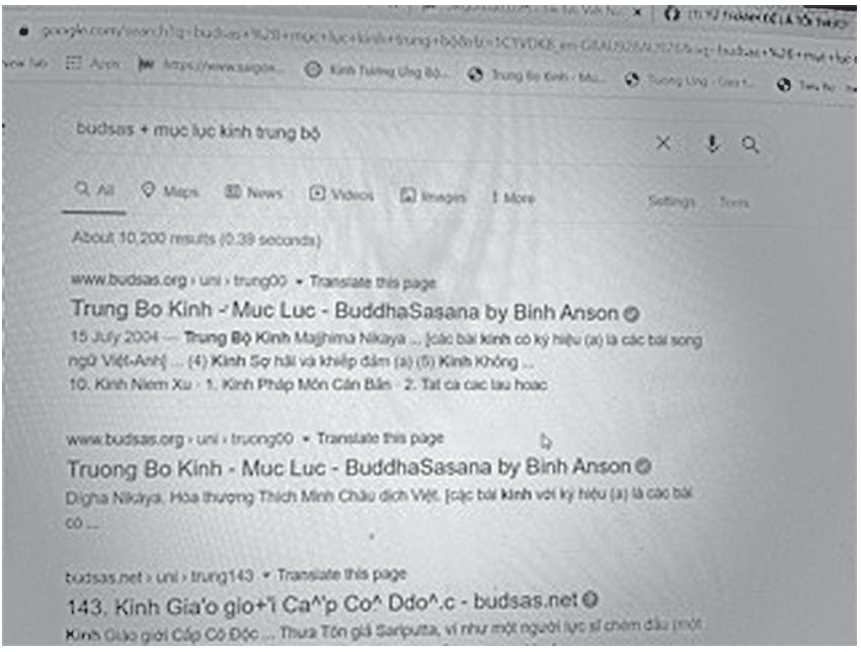
budsas + mục lục kinh trung bộ
All
Maps
News
Videos
Images
More
Settings
Tools
About 10,200 results (0.39 seconds)
www.budsas.org › uni › trung00 ▾ Translate this page
Trung Bo Kinh -/ Muc Luc - BuddhaSasana by Binh Anson
15 July 2004 — Trung Bộ Kinh Majjhima Nikaya ... [các bài kinh có ký hiệu (a) là các bài song ngữ Việt-Anh] ... (4) Kinh Sợ hãi và khiếp đảm (a) (5) Kinh Không ...
10. Kinh Niem Xu · 1. Kinh Pháp Môn Căn Bản · 2. Tat ca cac lau hoac
www.budsas.org › uni › trung00 ▾ Translate this page
Truong Bo Kinh - Muc Luc - BuddhaSasana by Binh Anson
Dighe Nikaya. Hòa thượng Thích Minh Châu dịch Việt. [các bài kinh với ký hiệu (a) là các bài có ...
budsas.net › uni › trung143 ▾ Translate this page
143. Kinh Gia'o gio+'i Ca^'p Co^ Ddo^.c - budsas.net

Nếu những bài kinh nào thuộc Kinh Tăng chi và Kinh Tương Ưng, quý vị đánh vào vài chữ như tìm đoạn kinh có từ "Thức là hột giống" đánh vào Google search như sau:

(103) Kinh Nghĩ như thế nào?
(104) Kinh Làng Sama
(105) Kinh Thiện tinh (a)
(106) Kinh Bất động lợi ích
(107) Kinh Ganaka Moggalana (a)
(108) Kinh Gopaka Moggalana (a)
(109) Đại kinh Mãn nguyệt
(110) Tiểu kinh Mãn nguyệt
(111) Kinh Bất đoạn
(112) Kinh Sáu thanh tịnh
(113) Kinh Chân nhân
(114) Kinh Nên hành trì, không nên hành trì
(115) Kinh Đa giới
(116) Kinh Thôn tiêu
(117) Đại kinh Bốn mươi (a)
(118) Kinh Nhập tức Xuất tức niệm (a)
(119) Kinh Thân hành niệm (a)
(120) Kinh Hành sanh
(121) Kinh Tiểu không (a)
(122) Kinh Đại không
(123) Kinh Hy hữu vị tằng hữu pháp
(124) Kinh Bạc-câu-la
(125) Kinh Điều ngự địa (a)
(126) Kinh Phù-di (a)
(129) Kinh Hiền ngu
(130) Kinh Thứu sự
(131) Kinh Nhất dạ hiền giả (a)
(132) Kinh A-nan nhất dạ hiền giả
(133) Kinh Đại Ca-chiên-diên nhất dạ hiền giả
(134) Kinh Lomasakangiya nhất dạ hiền giả
(135) Tiểu kinh Nghiệp phân biệt (a)
(136) Đại kinh Nghiệp phân biệt (a)
(137) Kinh Phân biệt sáu xứ
(138) Kinh Tổng thuyết và biệt thuyết
(139) Kinh Vô tránh phân biệt
(140) Kinh Giới phân biệt (a)
(141) Kinh Phân biệt về sự thật
(142) Kinh Phân biệt cúng dường
(143) Kinh Giáo giới Cấp Cô Độc
(144) Kinh Giáo giới Channa
(145) Kinh Giáo giới Phú-lâu-na
(146) Kinh Giáo giới Nandaka
(147) Tiểu kinh giáo giới La-hầu-la
(148) Kinh Sáu sáu (a)
(149) Đại kinh Sáu xứ (a)
(150) Kinh Nói cho dân chúng Nagaravinda
(151) Kinh Khất thực thanh tịnh
(152) Kinh Căn tu tập (a)

Quý vị bấm vào sẽ thấy bài kinh nói về tức là hột giống.

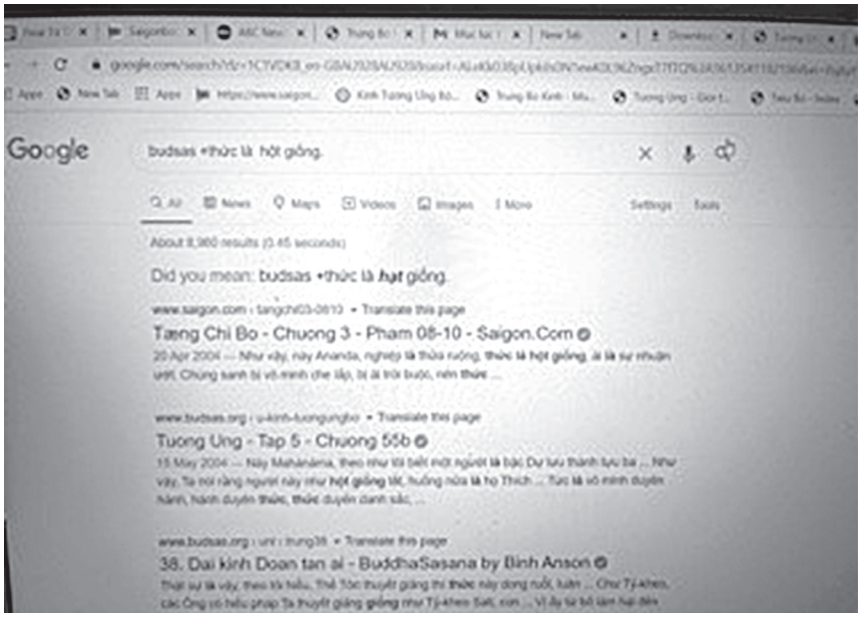
Google
budsas +thức là hột giống
About 8,980 results (0.45 seconds)
Did you mean: budsas +thức là hạt giống
Tạng Chi Bộ - Chương 3 - Phẩm 08-10 - Saigon.Com
Tương Ưng - Tập 5 - Chương 55b
38. Đại kinh Đoạn tận ái - BuddhaSasana by Đinh Anson

MỤC LỤC

Kinh Lá rừng Simsapa 3
LỜI GIỚI THIỆU 5
DẪN NHẬP 7
LỜI MỞ ĐẦU 11
NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG VIỆC HỌC PHẬT PHÁP 17
MỘT SỐ BÀI KINH LIÊN HỆ TỨ THÁNH ĐẾ 21
PHÁ HÒA HỢP TĂNG 42
QUẢ CỦA PHÁ HÒA HỢP TĂNG 43
PHẦN I: BỐ THÍ, TRÌ GIỚI, CÁC CÕI TRỜI DỤC GIỚI 47
Chương 1: BỐ THÍ 49
1. Căn bản bố thí 51
2. Người được nhận cúng dường như thửa ruộng 51
3. Bố thí Pháp 58
4. Kết thúc chương 1 64
Chương 2: TRÌ GIỚI 65
1. Năm giới 65
2. Quy y Phật, quy y Pháp, quy y chúng Tăng (Thánh dự lưu) 67
3. Cư sĩ chứng Thánh dự lưu 69

4. Bát quan trai (tám giới) 71
5. Thập thiện (mười giới) 76
6. Kết thúc chương 2 79
Chương 3: CÁC CÕI TRỜI DỤC GIỚI 80
1. Cõi trời Tứ Thiên Vương 81
2. Cõi trời Ba mươi ba 82
3. Cõi trời Dạ ma 82
4. Cõi trời Đâu-Suất 83
5. Cõi trời Hóa lạc 83
6. Cõi trời Tha hóa Tự tại 83
7. Kết thúc chương 3 86
Kết luận cho phần I 87
PHẦN II: VỊ NGỌT, NGUY HIỂM, XUẤT LY DỤC 89
Chương 1: VỊ NGỌT, SỰ NGUY HIỂM, SỰ XUẤT LY KHỎI CÁC DỤC 90
Chương 2: CÁC CÕI TRỜI SẮC GIỚI 106
Tiểu kết 112
PHÂN TÍCH CHUYÊN SÂU TỨ THÁNH ĐẾ 113
PHẦN I: KHỔ THÁNH ĐẾ VÀ KHỔ TẬP THÁNH ĐẾ 113
TỔNG THUYẾT VỀ LÝ DUYÊN KHỞI 115
BIỆT THUYẾT VỀ LÝ DUYÊN KHỞI 116
Chương 1: NGHIỆP CŨ 119
1. Vô minh 123
2. Duyên Hành 128
3. Thức quá khứ 134
4. Kết luận về chương 1 136

Chương 2: QUẢ KHỔ LẠC HIỆN TẠI 139
1. Khổ Thánh đế cần phải liễu tri 140
2. Danh sắc 147
3. Lục nhập 150
4. Thức hiện tại 159
5. Duyên Xúc 169
6. Thọ do duyên Xúc sanh 175
7. Hành, Tưởng, Dục do duyên Xúc sanh 189
8. Kết luận 195
Chương 3: NGHIỆP MỚI 197
1. Khổ Tập Thánh đế cần phải đoạn tận 199
2. Sáu Ái 200
3. Mười kiết sử 208
4. Thủ 214
5. Hữu 216
6. Phân biệt sự khác nhau giữa ái, nghiệp, khổ, lậu hoặc, thức, tưởng 217
7. Kết luận 221
Chương 4: QUẢ KHỔ TƯƠNG LAI 223
1. Duyên Sanh 223
2. Duyên Già chết 235
3. Kết luận 235
Chương 5: 44 CĂN BẢN TRÍ VÀ NĂM UẨN 237
1. Bốn mươi bốn căn bản trí 237
2. Tứ Đế về Năm Uẩn 245
3. Áp dụng Tứ đế và Sai biệt trí, Dị thục trí 251
4. Kết luận 260
Tiểu kết 262

PHẦN II: DIỆT KHỔ VÀ CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ 265
Chương 1: DIỆT KHỔ 269
1. Khổ Diệt Thánh đế cần phải chứng ngộ 274
2. Bậc Thánh Dự lưu 275
3. Bậc Thánh nhất lai 287
4. Bậc Thánh bất lai 288
5. Bậc Thánh A la hán 288
6. Kết luận 289
Chương 2: CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ 290
1. Tổng thuyết và biệt thuyết của Bát Chánh đạo 291
2. Chánh đạo và tà đạo 293
3. Thánh đế về Con Đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập 294
4. Chánh tri kiến 297
5. Chánh Tư duy 303
6. Chánh ngữ 306
7. Chánh nghiệp 309
8. Chánh mạng 311
9. Chánh tinh tấn 312
10. Chánh niệm 315
11. Chánh định 318
12. Chánh trí 327
13. Chánh giải thoát 328
14. Kết luận 328
Tiểu kết 331
PHẦN III: KẾT LUẬN 333

PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP CHI TIẾT TỨ THÁNH ĐẾ 341
PHẦN I: KHỔ THÁNH ĐẾ VÀ KHỔ TẬP THÁNH ĐẾ 343
CHƯƠNG 1: NGHIỆP CŨ 343
CHƯƠNG 2 VÀ CHƯƠNG 3: DIỄN TẢ QUẢ KHỔ/ LẠC HIỆN TẠI SANH NGHIỆP MỚI 344
1. Duyên Danh sắc 345
2. Duyên Lục nhập 345
3. Duyên Thức hiện tại 346
4. Duyên Xúc 349
5. Duyên Thọ 350
6. Phân tích kỹ từ duyên Lục nhập cho đến duyên Thọ 352
7. Nghiệp mới sanh khởi hay không sanh khởi 357
8. Kết luận 363
CHƯƠNG 3 VÀ CHƯƠNG 4: DIỄN TẢ NGHIỆP MỚI SANH QUẢ KHỔ TƯƠNG LAI 364
PHẦN II: DIỆT KHỔ VÀ CON ĐƯỜNG DIỆT KHỔ 367
Chương 1: CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN KHỔ DIỆT 368
1. Chánh Kiến ngược lại Tà kiến 368
2. Chánh Tư duy ngược lại Tà tư duy 371
3. Chánh Ngữ ngược lại Tà ngữ 372
4. Chánh Nghiệp ngược lại Tà Nghiệp 372
5. Chánh Mạng ngược lại Tà mạng 373
6. Chánh Tinh tấn ngược lại Tà tinh tấn 374
7. Chánh Niệm ngược lại Tà niệm 374
8. Chánh Định ngược lại Tà định 375
Chương 2: SỰ DIỆT KHỔ (NIẾT BÀN) 378

MỘT SỐ BÀI KINH LIÊN HỆ TỨ THÁNH ĐẾ **383**
1. Kinh Chuyển Pháp Luân 383
2. Đại kinh Đoạn tận Ái 396
3. Kinh Sáu sáu 433
4. Kinh Tất cả Lậu hoặc 448
5. Kinh Song tầm 464
6. Kinh Niệm xứ 478
Kết luận 520
KẾT LUẬN **522**
Hiểu Kinh Nikaya sai hoặc đúng và sẽ có hậu quả gì không? 522
1. Phân tích 1 522
2. Phân tích 2 532
3. Phân tích 3 536
Phương pháp học hiệu quả 539
1. Giai đoạn Văn 539
2. Giai đoạn Suy Tư 542
3. Giai đoạn Tu hay thực hành 543
100 câu hỏi **546**
Lòng Biết Ơn **555**
Lời Cảm Tạ **557**
Tài liệu tham khảo **559**
Một số hình minh họa

TỨ THÁNH ĐẾ LÀ TỐI THƯỢNG

Tác giả: VÕ THẾ HÒA

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (024) 37822845
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc
ThS. NGUYỄN HỮU CÓ

Chịu trách nhiệm nội dung:
Q. Tổng Biên tập
LÊ HỒNG SƠN

Biên tập:
NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Trình bày:
VÕ THẾ HÒA

Sửa bản in:
NGUYỄN BÁ CHIẾN

***Đơn vị liên kết:* Ông Nguyễn Bá Chiến**
Đội 14, xã Liên Sơn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

In 2.000 bản, khổ 16 x 24 cm. Tại Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng, 420 Lê Duẩn - TP. Đà Nẵng. Số ĐKXB: 3884-2022/CXBIPH/02-147/TG. Mã ISBN: 978-604-61-9861-9. Số QĐXB: 632/QĐ-NXBTG ngày 02 tháng 11 năm 2022. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2022.

MỘT SỐ HÌNH MINH HỌA

Hình 1: Minh họa về Kiết Sử giữa sáu nội xứ và sáu ngoại xứ.

Hình 2: Minh họa về nắm lá trong tay của Như Lai.

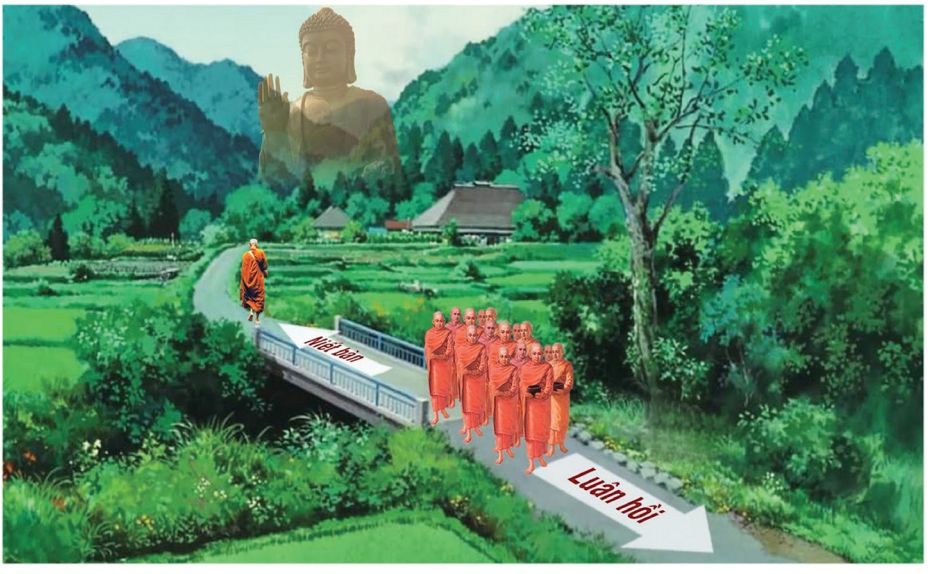

Hình 3: Minh họa về Niết Bàn (Chánh đạo) và Luân hồi (Tà đạo)

Hình 4: Khúc gỗ trôi trên sông đang ra Biển = Niết Bàn.

"Này Subhadda, trong pháp luật nào không có Bát Thánh Đạo, thời ở đấy không có đệ nhất Sa Môn, ở đấy không có đệ nhị Sa Môn, cũng không có đệ tam Sa Môn, cũng không có đệ tứ Sa Môn.

Này Subhadda, trong pháp luật nào có Bát Thánh Đạo, thời ở đấy có đệ nhất Sa Môn, ở đấy có đệ nhị Sa Môn, cũng có đệ tam Sa Môn, cũng có đệ tứ Sa Môn. Những hệ thống ngoại đạo khác đều không có Sa Môn.

Này Subhadda, nếu những vị Tỷ kheo này sống chân chánh, thời đại này không vắng những vị A La Hán."

Kinh Đại Bát Niết Bàn
trích trong **KINH TRƯỜNG BỘ**

ISBN: 978-604-61-8961-9

SÁCH ẤN TỐNG

LÝ DUYÊN KHỞI
(KHỔ TẬP)

THÁNH ĐẠO TÁM NGÀNH
ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT KHỔ